



XUAN GIAP THIN

BACH

KHOA

Thanh thoát

Fine

Dis d'ang

Racée
Tonique

NƯỚC HOA
NGÔI SAO
EAU
DE
COLOGNE
L'ÉTOILE



DÉSORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA S^{te} F^{me} DES DISTILLERIES DE L'É. C. D. I. C.

L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE

Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place



NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO

Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên để đặt kiểm
soát lại nắp chì giữa gian
bọc ở miệng chai chính gốc
nằm phía trong nắp vặn
đỉnh ốc còn nguyên vẹn.

DiC

AIP

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hàng chính (Siège Social)

ĐÀI-BẮC — TRUNG-QUỐC

Phân-hàng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghĩ (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

CHI NHÁNH CHOLON (Agence de Cholon)

258, Đại-lộ Không-Tôn (Bd Gaudot)

Điện thoại : 56.368 và 56.369

KHO HÀNG : HƯ-KHỔ và KHO THƯỜNG

(Entrepôt Frictif et Ordinaire)

300, Đại-lộ Trịnh-Minh-Thổ, Khánh-hội, Saigon

Điện thoại : 24.859

Danh sách điện báo : COMMUBANK



CÁC HÃNG ĐẠI-LÝ THIẾT LẬP TRÊN CÁC THÀNH THỊ LỚN KHẮP THẾ GIỚI, CHUYÊN DOANH TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG : VÀ KIÊM DOANH CÁC NGHIỆP VỤ HƯ-KHỔ VÀ KHO-THƯỜNG (ĐỂ CHO THÂN CHỦ ĐƯỢC TIỆN LỢI GỞI TRỮ HÀNG HÓA) ; VÀ CÓ TỬ BAO HIỂM CHO THUÊ, MỖI TỬ TIỀN THUÊ MỖI NĂM TỪ 300 \$ TRỞ LÊN.



Đường bay

HOA - SEN VIỆT - NAM

SAIGON — HONG-KONG

Hai chuyến mỗi tuần: **THỨ BA** và **THỨ BẢY**

bằng PHI-CƠ GẮN MÁY RA-ĐA

D C 6 B

(All weather radar equipped)



Mỗi thứ Ba: Khởi hành tại **SAIGON**: 08 g 30

Mỗi thứ Bảy: Khởi hành tại **SAIGON**: 15 g 00

XIN HỎI CHI TIẾT VÀ LẤY VÉ NƠI CÁC HẸNG DU-LỊCH HAY,

**VIỆT-NAM
HÀNG-KHÔNG**

116 NGUYỄN HUỆ SAIGON.ĐT 21.624 21.625 21.626



BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẠC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M.

Số thương mại Saigon số : 157 B

Q. G. D. B. : 55.826.21.001

C. C. P. SAIGON No 27.04



TRỤ SỞ : 89, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại 23.434/35/36 & 21.018 — Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh : Hàng lang Eden, Saigon

Điện thoại : 23.207



ĐAM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG

MỞ CÁC KHOẢN TÍN DỤNG VỀ

XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG



ĐẠI-DIỆN CÁC NGÂN-HÀNG TRÊN THẾ-GIỚI

BANK OF CHINA

Siège Social TAIPEI - TAIWAN

Capital : 60.000.000 Silver Dollars

Responsabilité des Membres Limitée

Adresse Télégraphique : CHUNGKUO

Code : Petersen Internationale 4th Edition

TRAITE TOUTES LES AFFAIRES DE BANQUE

AGENCES ET CORRESPONDANTS DANS TOUTES
LES GRANDES VILLES DU MONDE



SUCCURSALE DE SAIGON :

11, Bn Chuong Duan

Téléphone : 21.632-21633



AGENCE DE CHOLON :

118, 44-10 Dong-Khanh

Téléphone : 36.266



AGENCE DE LA

CHINA INSURANCE COMPANY, LTD.

Maritime — Incendie — Automobile — Accidents

Pour vos voyages par
voie aérienne ou voie maritime.



DENIS FRERES agréés I.A.T.A.
à votre service

REPRESENTANT AU VIET-NAM DE :

- Pan American Airways
- Cathay Pacific Airways Ltd
- Thai Airways Company
- American Express
- United States Line

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIÉTÉ ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5.300.000 FRANCS

SIEGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

VIET NAM	SAIGON	AGENCE :	32, Dai - Lô Hàm - Nghi — Tél : 20.065, 20.066, 20.067.	
		BUREAUX :	178 - 180 - 182, Duong Lê- Thanh - Tôn (Marché cen- tral) — Tél. : 22.142.	
		— :	415 - 417, Duong Hai Ba Trung (Tân-Dinh) — Tél. : 25.172.	
		CHOLON :	AGENCE :	386, Dai - lô Đông - Khanh (Cholon) — Tél. : 36.105.
		KHANH-HUNG :	AGENCE :	23, Duong Hoang-Dien.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER

**CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG,
KOMPONG-CHAM**

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SAIGON
TOUTES OPERATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BÁCH

KHOA trong số này

Số 170 ngày 1-2-64

NGUYỄN HỮU DUNG vì đâu có chủ trương trung lập hóa Việt-Nam	3
ĐOÀN VĂN AN giáo nghĩa căn bản của triết lý Zen	11
PHẠM TRỌNG NHÂN cuốn sổ tay của một nhân viên ngoại giao nhân vụ tấn công chùa Xá Lợi	21
NGUYỄN PHƯƠNG án khảo chứng tích	33
NGUYỄN HIỂN LÊ danh nhân : Thomas Edward Lawrence	43
ĐỖ TRỌNG HUỆ trà, lược sử và ý nghĩa	55
THÀNH TÔN mùa xuân trước mặt (thơ)	63
PHÁT THẠCH thư xuân (thơ)	64
UIÊN HÀ bài ca quê hương (thơ)	66
TÚY HỒNG ngày xuân đêm xuân (truyện ngắn)	67
ĐOÀN-THÊM lại xuân (thơ)	82
VÕ-PHIẾN đàn ông (truyện ngắn)	83
ĐÔNG-HỒ mạn bút liên châu (thơ)	106
HOÀNG ĐÔNG PHƯƠNG vòng tay học trò (truyện dài)	107
ĐỖNH HOÀNG SA — HOÀNG THỊ BÍCH NI ngăn cách — lối gió (thơ)	117
NGUYỄN-NGU-Í ôi ! xuân lạc hồng (thơ)	118
HỒ HỮU TƯỜNG ba người trên một chiếc bè (truyện)	119
ĐÔNG HỒ — XUÂN HIỂN thơ không đề	
TRẦN ĐẠI mùa xuân trên tay (thơ)	142
TRÙNG DƯƠNG sao rụng (truyện dài)	134
Bìa của họa-sĩ NGHIỆU ĐỀ	

Nhân dịp Tết Giáp Thìn

Tạp chí Bách Khoa :

Kính chúc quý-vị độc-giả
một năm mới may mắn,
thịnh vượng,
và hạnh phúc

VÌ ĐÂU CÓ CHỦ TRƯỞNG TRUNG-LẬP HÓA VIỆT-NAM ?

Ít lâu nay có những tin đồn loại đặc biệt, được nhắc đi nhắc lại, không muốn tin cũng phải bận lòng, thấp thoáng trên không trung như những lưỡi gươm Damoclès, vững tâm lắm cũng phải nghĩ rằng đó có thể là những quả bóng thăm dò dư luận :

a) Tin về ý định từ chức của Chính-Phủ Chuyên-Viên Lâm-Thời để thành lập một « Chính - Phủ Chính-Trị », một « Chính-Phủ Cách-Mạng » đang tiến tới một giải pháp chính trị cho các vấn đề Việt-Nam ; tin về một sự thay đổi trong Hội-Đồng Quân-Nhân Cách-Mạng, nhiều tướng tá sẽ xuất ngoại làm đại-sứ : các tướng tá biết tình hình mặt trận hơn ai hết, nếu thực họ muốn rời khỏi nước, tất nhiên dư luận phải hoang mang

b) Tin về một giải pháp trung lập cho vấn đề Việt-Nam, coi như trung

lập là giải pháp chính trị nếu chẳng duy nhất thì cũng có nhiều yếu tố để thành hình nhất.

Trước khi trình bày nhận xét và lập trường trong phần kết luận, chúng tôi hãy xin cố gắng phân tách các yếu tố cấu tạo ra ý niệm « chính trị hóa cuộc tranh chấp tại Việt-Nam », ý niệm « trung-lập hóa Việt-Nam ». Chúng tôi cố gắng hết sức khách quan, chúng tôi bó buộc phải khách quan mặc dầu là một vấn đề liên quan trực tiếp tới ý muốn của mọi công dân Việt-Nam, do đó có nhiều phần chủ quan. Nếu trình bày những ý kiến và tài liệu quá chủ quan, có nhiều sáo ngữ, người đọc sẽ nhận thấy ngay và có thể nghĩ rằng đây lại chỉ là một bài báo hời hợt nhai lại một luận điệu có sẵn, hùa theo những hành động ồ-ạt trong một trào lưu nhất thời. Chính-trị xưa nay vẫn chủ quan.

Nếu tính từ tháng 12 năm 1946, chiến tranh Việt-Nam đã kéo dài hơn 17 năm rồi. Nội chiến đã tiếp diễn ác nghiệt gần như liên tục với hai năm hưu chiến, và đè nặng lên tương lai của dân tộc vì trì hoãn mọi kế hoạch kiến quốc đúng vào những năm đầu trong một kỷ nguyên lịch sử mới : Việt-Nam thoát khỏi vòng đô hộ của Pháp-Quốc.

Sau 17 năm chinh chiến, kết quả bây giờ ra sao ? Hai bên, Quốc-Gia và Cộng-sản đều bị kiệt quệ. Hai bên đều thiệt nhiều sinh mạng, không phải chỉ là những thanh niên tử trận hay mang tật tại chiến trường, mà còn là cả nhân dân Việt-Nam, đặc biệt tại những vùng có chiến cuộc. Hai bên đều không an cư được để xây dựng xã hội, chấn hưng kinh tế, mưu toan những kế hoạch tăng gia an lạc cho người dân đã kham khổ quá nhiều rồi. Hai bên đều đổ tiền bạc đổ mồ hôi vào một cuộc chiến tranh nổi da nẫu thịt, kéo dài đằng đẳng không trông thấy ngày kết liễu.

Thực thế, hai bên đều được giúp đỡ để đánh nhau mãi, Liên-Xô và Trung - Cộng tăng cường hỏa lực cho Việt-Cộng thì Hoa Kỳ lại viện trợ thêm cho Nam-Việt để võ trang mạnh mẽ hơn. Nếu Hoa-Kỳ đi bước trước và tăng gia viện trợ quân sự cho Nam-Việt thì Liên-Xô và Trung-Cộng cũng sẽ gửi thêm khí giới cho Bắc-Việt. Cứ như thế, cuộc chạy đua tiếp sức có thể kéo dài kỳ cùng bất phân thắng bại vì chiến trường Việt-Nam tương đối nhỏ bé, Hoa-Kỳ cũng như Trung-Cộng và Liên-

Xô đều thừa sức để giữ thăng bằng lẫn nhau. Chỉ có hai điều ái ngại, một là xương máu vẫn là xương máu Việt-Nam, hai là thế quân bình đặt trên đất Nam-Việt và chúng ta thiệt hại hơn Cộng sản.

Hai bên đều cố gắng và đủ sức duy trì thế quân bình. Thành thử chỉ có hai giải pháp để đưa Việt-Nam ra khỏi vòng luẩn-quẩn :

I. — Một là quốc tế hóa chiến tranh Việt-Nam, liền nó ra thành một đại chiến thế giới, có thể một chiến tranh nguyên tử. Sau Thế-Chiến III, có lẽ một trong hai Khối sẽ phải thất bại. Nếu Hoa-Kỳ thắng thì Việt-Nam Cộng-Hòa sẽ thắng và có hy vọng nhỏ rẽ Cộng sản ;

II. — Hai là tiến tới một cuộc hòa giải giữa Nam và Bắc-Việt. Muốn có hòa giải phải trước hết điều đình. Có nhiều cách điều đình, hai cách chính là : hoặc điều đình trực tiếp hay qua một trung gian, hoặc triệu tập một Hội-Nghị Quốc-Tế hai bên — Nam và Bắc-Việt — sẽ trình bày lập trường của mình dưới sự chủ tọa của một vài cường quốc và các quốc gia phó hội sẽ tham gia thảo luận và dùng áp lực của họ để ép hai bên chấp thuận một giải pháp trung-dung dung-hòa quan điểm trái ngược của đôi bên.

Mấy năm trước, giải pháp thứ nhất (đại chiến thế giới) là một biên cò có thể xảy ra lắm, từ Âu sang Á đâu đâu cũng có những tranh chấp gây hấn, những vụ động binh rợp trời... Thế rồi từ năm 1961 các hình thức gây hấn dần dần đi

nhường chỗ cho một loại chiến tranh mới : Chiến-Tranh Thông-Điệp. Chỉ có tại Việt-Nam, Ai-Lao và Congo còn có tiếng súng, chiến tranh Việt-Nam khốc hại nhất.

Một chiến tranh thế giới chỉ có thể xảy ra nếu Hoa-Kỳ và Liên-Xô muốn cho nó bùng nổ ; ngoài ra không còn có cường quốc nào làm nổi việc ấy. Trung-Cộng rất mong một chiến tranh thế giới, họ không úp mở gì về điểm này cả. Họ đã rầm rộ bành trướng chiến tranh Triều-Tiên, họ đã thúc đẩy chiến tranh Việt-Nam và Ai-Lao, họ đã công khai xâm lăng Bắc-Ấn. Chiến tranh Thế-giới vẫn không xảy ra được vì Hoa-Kỳ và Liên-Xô không muốn đại chiến với nhau. Đầu năm 1963, Thủ-Tướng Nhật - Bản đã phân tách điểm này và nói toạc ra rằng Trung-Cộng không đủ sức gây ra một thế chiến.

Từ tháng 6 năm 1961, Hoa-Kỳ và Liên-Xô càng ngày càng hòa hoãn thêm với nhau. Hai bên đã một mặt tuyên bố rằng không muốn có chiến tranh nguyên tử vì lẽ được cũng chết thua cũng chết, một mặt đạt được nhiều kết quả thực tế để cụ thể hóa lập trường hòa hoãn. Đầu năm 1964, Tổng Thống Hoa-Kỳ Johnson và Thủ-Tướng Liên-Xô Khrushchev đã chúc nhau năm mới bằng những lời lẽ tương tự biểu lộ sự ước mong mỗi bang giao giữa hai bên sẽ cải thiện trong năm 1964 và hai bên sẽ đạt được kết quả khả quan trong việc giải quyết các vấn đề quốc tế.

Trong tình trạng ấy, giải pháp thứ nhất cho vấn đề Việt-Nam (đại chiến thế giới) khó lòng thực hiện được. Nói như vậy không có nghĩa là ước mong một thế-chiến, kinh nghiệm Triều-Tiên còn đó và chiến tranh nào cũng là một cuộc phiêu lưu ; chỉ là trình bày một sự kiện có thực).

Vậy chỉ còn có giải pháp thứ hai. Do đó có những ý kiến đã bộc lộ trong dư luận quốc tế từ mấy năm nay về sự cần thiết tìm một giải pháp chính trị cho vấn đề Việt-Nam. Chính Phủ cũ đã bịt hết cả tin tức, vì vậy bây giờ dư luận và chính quyền Việt-Nam mới lưu tâm tới, đúng lúc có những sự tiếp xúc không chính thức sau lời tuyên bố của Tổng Thống De Gaulle liên quan tới sự thống nhất hai miền Việt-Nam.

Bây giờ mới lưu-tâm, và có ba yếu tố khiến phải đặc biệt lưu tâm nên phải nhắc tới luôn. Một là những tin đồn về một sự tiếp xúc bí mật giữa Chính-Phủ Ngô-Đình-Diệm và Chính-Phủ Hồ-Chí-Minh. Hai là thái độ của Quốc-Hội Hoa-Kỳ tỏ vẻ sốt ruột trước những món tiền to lớn phải chi tiêu tại Việt-Nam, trước số quân nhân Hoa-Kỳ phải thiệt mạng hoặc bị thương tại Việt-Nam ; trường hợp Hoa-Kỳ khiến ta liên tưởng tới thái độ của Pháp-Quốc trong những năm từ 1951 đến 1954, binh sĩ Pháp chết nhiều tại Việt-Nam, tài chính Pháp kiệt quệ vì Việt-Nam. Ba là thái độ ngập-

ngừng của Chính-Phủ De Gaulle đối với Chính-Phủ Lâm-Thời Việt Nam thành lập sau ngày đảo chính 1 tháng 11 năm 1963.

Ý-niệm « giải pháp chính-trị » mỗi ngày thêm rõ rệt vì lẽ chiến tranh Việt-Nam đã kéo dài quá lâu, và vì quân sự không có vẻ ổn-định được tình thế. Trong các giải pháp chính-trị có « giải pháp trung-lập » đã đưa Ao-Quốc tới hòa bình thực sự và đang được thử thách tại Ai-Lao với nhiều thất vọng, nhiều nhận xét dị đồng khiến dư luận càng thêm chia rẽ.

TRUNG LẬP là một danh từ không thể định nghĩa rõ ràng một lần cho xong, không có hai quốc-gia trung lập giống nhau. Hiểu theo nghĩa rộng, nếu trong một quốc-gia có nhiều khuynh hướng chính trị trái ngược nhau và có một chính phủ gồm đại diện của các khuynh hướng chính, thì chính phủ ấy là một chính phủ trung-lập, và « trung lập » có nghĩa là « liên hiệp các đảng phái chính-trị ». Quan niệm như vậy, nhiều chính-phủ tại các quốc-gia dân chủ đại nghị là những chính phủ trung lập.

Nhưng từ ngày sự chông chéo giữa Khối Cộng-Sản và các quốc-gia không Cộng-sản trở thành một sự thực quốc-tế đe dọa Hòa-Bình Thế-Giới, danh từ trung-lập có ý-nghĩa quốc-tế hơn và đại cương có nghĩa là « không xếp hàng theo Hoa-Kỳ hay Liên-Xô » Tito đã dùng các chữ « không xếp hàng » chính là vì danh từ « trung-lập » hàm hồ quá. Nếu

« trung lập » chỉ là « không xếp hàng theo một đại cường quốc » thì không có lý do gì để nghi kỵ cả : hiểu theo nghĩa ấy, một chính sách trung lập là một chính sách « quốc gia thuần túy » không theo một chính sách hay một lý thuyết ngoại lai nào.

Sự thực không giản dị như thế và như trên đã nhắc lại, trên thế giới không có hai quốc gia trung lập giống nhau. Nói về Cộng-Sản, họ đã có một chiến lược nghiên cứu tỉ mỉ, áp dụng qui củ, trong đó « trung lập hóa » là một chiến thuật. Chiến thuật ấy gồm ba giai đoạn, thứ nhất là gây rối lung đoạn, kế tiếp là mở những cuộc « cách mạng vô trang » (xin hiểu là những chiến tranh địa phương), sau rốt là đưa vào tình trạng chiến tranh để đòi điều đình với mục đích giai đoạn : thành lập một « chính phủ liên hiệp và trung lập ».

Một « chính phủ liên hiệp và trung lập » phải gồm đại diện của mọi tổ chức ảnh hưởng tới tình trạng bất ổn, mới kết liễu được chiến tranh. Trên thực tế hiện tại ở Việt-Nam những tổ chức ấy là tổ chức nào ? Tất nhiên phải có « lực lượng giải phóng » mà Cộng sản đã tung ra để gây tình trạng bất ổn. Như vậy, nếu thành lập một chính phủ trung lập và liên hiệp, chính phủ này sẽ phải có đại diện của lực lượng giải phóng, nghĩa là của Cộng sản.

Theo chiến lược Cộng sản, chế độ trung lập (*Neutralisme*) là giai đoạn cuối của chiến thuật « Vô Hiệu Hóa Địch » (*Neutralisation*), và là điểm xuất phát của một chiến

thuật khác gọi là chiến thuật Rakosi có mục đích loại trừ (Liquidation) các khuynh hướng không Cộng sản để Cộng sản nắm chính quyền một mình.

Cộng sản đã áp dụng thắng lợi hai chiến thuật trên tại Hung-Gia-Lợi, đang áp dụng chiến thuật Rakosi tại Ai-Lao, và đã ở giai đoạn 2 trong chiến thuật « trung lập hóa » tại Việt-Nam. Hiện giờ tại Nam-Việt, đã có một tổ chức võ trang mệnh danh là Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam. Nếu ta ưng thuận thành lập một chính phủ liên hiệp và trung lập thì Cộng sản sẽ đòi sự tham gia của các đại diện M. T. G. P. M. N. Nhưng... có người nghĩ rằng M. T. G. P. M. N. không phải là một tổ chức Cộng sản, chỉ là một tổ chức liên hiệp nhiều khuynh hướng chính trị tôn giáo xã hội. Chính vì vậy nên cần có những tài liệu khách quan để nhận định giá trị của một giải pháp trung lập đặt nền tảng trên sự liên hiệp với Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam.

Mới đây, qua lời tuyên bố đầy ác ý của Tổng Thống Vĩnh Viễn Nam Dương Quán Đảo, ông Soekarno, ta đã biết rằng Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam muốn nuốt trôi cả Nam-Việt. Nuốt trôi để làm gì? Nếu mặt trận ấy đã do chính phủ Hồ-Chí-Minh thành lập thì là để dâng cả miền Nam cho Việt Cộng. Nhưng có báo ngoại quốc cho rằng Mặt trận ấy không phải là một tổ chức hoàn toàn Cộng sản, Cộng sản có thể đã dự vào việc thành lập, nhưng bây giờ không phải chỉ có Cộng sản nuôi dưỡng và lãnh đạo.

Vậy mặt trận ấy là cái gì? Tại sao một số chính khách, kể cả chính khách Việt Nam tại Pháp quốc lại có cảm tình với chính sách trung lập do mặt trận ấy chủ trương? Những tài liệu trình bày trong bài này có mục đích trả lời hai câu hỏi ấy và là hoàn toàn khách quan.

NGUỒN GỐC CỦA MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG MIỀN NAM

Cuộc « đấu tranh » của Việt-Cộng tại Miền Nam đã tiếp diễn trong 9 năm cả về hai phương diện chính trị và quân sự. Sau hiệp định Genève 1954, Việt Cộng đã chôn giấu vũ khí, để lại cán bộ nằm vùng với mệnh lệnh rút vào bí mật. Trước năm 1960, Cộng-sản Bắc-Việt trực tiếp chỉ huy và tiếp tế các lực lượng của họ tại miền Nam. Họ đã thành lập một ủy ban gọi là « Ủy-Ban-Đặc Trách Miền Nam »; ủy ban này đặt trụ sở tại Hà-Nội và chỉ huy mọi công tác chính trị, quân sự và khủng bố.

Theo tài liệu của Hội Nghiên Cứu Chính Trị Quốc tế tại Paris, ủy ban này trực thuộc Trung Ương Đảng Bộ Đảng Lao Động Bắc Việt và gồm 3 nhân viên, 2 người là ủy viên chính trị tức Lê-Đức-Thọ và Phạm Hùng thuộc phòng chính trị trong Trung Ương Đảng Bộ Đảng Lao-Động, người thứ 3 là tướng Nguyễn Văn Vinh, tướng này cũng là ủy viên trong Trung Ương Đảng Bộ Đảng Lao Động và là Chủ Tịch của « Phong Trào Thông Nhất Quốc Gia » của Việt Cộng.

Những tài liệu mà Hoa-Kỳ và

Cộng Hòa Việt-Nam thu lượm được đều rõ ràng đến nỗi trong một tờ trình hồi tháng 6 năm 1962, Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến đã phải công nhận trách nhiệm của Chính Phủ Hồ Chí Minh trong các vụ khủng bố và tập kích tại Nam-Việt :

«..... Những tài liệu ấy chứng tỏ rằng miền Bắc đã gửi vào Miền Nam cán bộ võ trang và không võ trang, đạn dược và vật dụng để tổ chức, tăng cường và tung ra những hành động thù nghịch, kể cả các tàn cộng quân sự vào quân đội và chính phủ Miền Nam. (những tài liệu ấy) chứng tỏ rằng Bộ Đội Nhân Dân của Việt-Nam Cộng Sản (dịch đứng chữ trong tờ trình của Ủy-Hội Quốc Tế) đã cho phép dùng Bắc-Việt để thúc đẩy và tăng cường các hoạt động thù nghịch tại Miền Nam. Việc dùng miền Bắc vào những mục đích như thế là một vi phạm các điều 19, 24 và 27 trong hiệp ước về đình chiến tại Việt-Nam ».

Tờ trình ấy chứng minh, không chối cãi được, rằng chính phủ Hồ-Chí-Minh và đảng Lao Động Bắc-Việt là những tổ chức đã thực sự gây ra các vụ đồ máu và bắt an tại Nam-Việt, gây ra tình trạng bất ổn định và đáng lo ngại trong năm 1962 tại Nam-Việt. « Nếu không có sự can thiệp của Chính phủ và Đảng Lao động Bắc Việt thì chiến tranh du kích tại miền Nam không thể bành trướng được. »

Sự thực Việt-Cộng vẫn che đậy cẩn thận mọi mưu toan và hành động của họ với mục đích che mắt

Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến. Năm 1960, đồng thời với việc sửa soạn bành trướng lực lượng tại miền Nam, Việt Cộng đã mở một chiến dịch tuyên truyền nhằm huyễn hoặc dư luận quốc tế, nhằm khiến cho các chính khách ngoại quốc hiểu nhầm rằng các trận đánh du kích tại miền Nam chỉ là những sự vùng dậy của nông dân chống « Chính Phủ Saigon và Đế Quốc Hoa Kỳ ». Chiến dịch tuyên truyền đã thực sự phát động từ năm 1959, nhân vụ Phú-Lợi. Việt Cộng đã lợi dụng sự chậm chạp của Phủ Tổng-Thống và sự vô trách nhiệm của Bộ Nội-Vụ hồi ấy để phao lên nhiều tin rất lợi cho các lực lượng du kích tại Nam-Việt. Khi đó người viết bài này có dịp qua Paris, các sinh viên gặp tôi đều hỏi về vụ Phú-Lợi và chiến tranh du kích tại miền Nam. Họ thắc mắc muốn biết « tin thực ở nước nhà », mà Tòa Đại-Sứ Việt-Nam tại Paris thì ấp úng quá, có lẽ vì Phủ Tổng-Thống chậm chạp và Bộ Ngoại-Giao không có tài liệu. Sự thực, tới bây giờ, Tòa Đại-Sứ Việt-Nam ở Pháp vẫn không được sinh viên tin nhiệm; một số khá đông muốn gặp tôi, tôi hẹn tới Tòa Đại-Sứ cơ phòng rộng, họ không chịu và yêu cầu gặp tôi ở khách-sạn !

Trong một cuộc họp báo tại Hà-Nội ngày 8 tháng 7 năm 1960, tướng Nguyễn - Văn - Vinh, với danh nghĩa Chủ-Tịch Phong-Trào Thông-Nhất Quốc-Gia (xin xem trên, tướng này còn là ủy viên quân-sự trong Trung-Ương Đảng

Bộ Đảng Lao-Động và trong Ủy-Ban Đặc-Trách Miền Nam), đã tuyên bố :

« Bắc-Việt không cần phải tổ-chức để lật đổ bọn Mỹ-Diệm ở miền Nam, bởi vì việc ấy phải do nhân dân miền Nam chủ động, và họ hoàn toàn đủ khả năng để tự làm nổi ». (Mục đích che đậy sự thực rất rõ rệt : một mặt chính mình chỉ huy các lực lượng quân sự tại Nam-Việt, một mặt nói rằng không cần tổ-chức).

Từ ngày ấy, báo chí và các tài liệu Việt-Cộng đều giới thiệu chiến tranh du kích tại miền Nam như là một sự « nổi dậy chính đáng » của nhân dân miền Nam. Để che đậy sự xen lẫn của họ vào Nam-Việt, các nhà chức trách miền Bắc đã thành lập một tổ-chức chính-trị mà họ gọi là « đối lập với bọn Mỹ-Diệm ». *Tổ-chức này vừa có trách-nhiệm trực tiếp chỉ huy tại Nam-Việt mọi lực lượng của Cộng-Sản, vừa có tác dụng đánh lừa dư luận quốc-tế Việt-Cộng đặt tên tổ chức ấy là MẶT TRẬN GIẢI PHÓNG MIỀN-NAM.*

Danh từ « giải phóng » đã do Cộng-Sản Quốc-Tề dùng nhiều lần rồi, trên khắp năm châu, và hiện giờ vẫn còn dùng nhiều tại Á-Châu và Phi-Châu. Danh từ ấy đã do chính Staline sinh ra, ông

ta đã chủ - trương « cách - mạng thường trực » bằng cách gây những chiến tranh lẻ tẻ tại nhiều nơi trên thế giới và ông ta gọi là « chiến tranh giải phóng, chiến tranh chính đáng ». Tại Việt-Nam, trong thời Nhật-Thuộc, đã có những « ủy-ban nhân dân giải-phóng » dùng làm bình phong cho các tổ chức cộng-sản nồng cốt.

Ấy thế mà danh từ « giải phóng » vẫn có năng lực làm huyền hoặc được nhiều quan sát viên Âu-châu. Họ muốn coi Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam như một tổ-chức dân-chủ, họ vẫn muốn nghĩ rằng những chiến cuộc do Mặt Trận ấy lãnh đạo là do nhân dân Nam-Việt chủ trương để chống lại độc tài Ngô-Đình-Diệm có Hoa-Kỳ giúp đỡ. Tất nhiên, ngoài những người nhận xét nhầm vì Việt-Cộng chịu khó tuyên truyền, cũng có những người vì cay cú với Hoa-Kỳ nên thích hiểu nhầm. Chính vì vậy nên cần chứng minh nguồn gốc của Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam.

NGUYỄN-HỮU-DUNG

Ký tới : Những mệnh lệnh của Chính-Phủ Bắc Việt và cương lĩnh tổ chức của Mặt Trận Giải-Phóng Miền Nam.

● Những nhà tư tưởng chuẩn bị những người hành động. Nhưng họ không thể thay thế những người này.

G. Le Bon

B. N. C. I.



BANQUE NATIONALE pour le Commerce et l'Industrie

S. A. au capital de : 120.000.000 F.F.
siège social : 16 Bd des Italiens Paris 9^e

SAIGON

36 Rue TÔN-THẮT-ĐẠM
135. **Đại-lộ NGUYỄN-HUỆ**
(ex Charner)
Téléphones : 24.902 — (3 Lignes)
12.797 — B.P.E. 5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Doudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 548
B.P. 423

Succursale de Hongkong

Central Building Queen's Road Central

Tel. 35.601

P.O. Box n° 763

La B. N. C. I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A. O. F. A. E. F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Syrie et Liban (B.N.C.I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba (Bureau de Représentation) BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kane, Ebute Matta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico Banco del Atlantico ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

V — GIÁO-NGHĨA CĂN-BẢN của TRIẾT LÝ ZEN

● DOÀN-VĂN-AN

1. — Phương pháp truyền thọ trực tiếp (xin xem B.K. số 169)

2. — Phương pháp truyền thọ gián tiếp (*Indirect method of presentation*): Phương pháp trực tiếp truyền thọ là phương pháp « tùy cơ dũ được ». (1), những người ở ngoại cuộc và những người không có trực giác mãnh tiếp, không có kinh nghiệm tu

chứng thì không thể nào hiểu được. Phương pháp này rất quan trọng trong phái Zen, nhất là phái Zen « đồn ngộ diệu tu » của Ngài Lục tổ Huệ Năng (Nam tôn). Thứ đến là phương pháp truyền thọ gián tiếp. Phương pháp này lại có thể chia làm 2 : tượng trưng và khái niệm.

(1) « Tùy bệnh dũ được » là tùy theo chứng bệnh mà cho thuốc. Bệnh của loài người có rất nhiều thứ, nên thuốc cũng cần phải có nhiều loại. Một ông Thầy thuốc hay là một ông Thầy thuốc sau khi thăm mạch, hiểu chứng bệnh rồi mới cho thuốc. Nếu cho thuốc không đúng bệnh, hoặc đem thuốc của bệnh nhân này điều trị bệnh nhân khác thì rất nguy hại cho tính mạng của họ.

Phật giáo cũng như thế. Đức Phật thường tùy theo căn cơ chứng tánh của

từng người và tùy thời, tùy chỗ mà nói những giáo pháp khác nhau. Vì thế nếu đặt không đúng chỗ, dẫn chứng sai lầm, ứng dụng trái phép, hoặc đem giáo pháp đức Phật dạy cho hạng người này, giảng dạy cho hạng người khác (tức là không tùy cơ) thì kết quả rất tai hại, đó là chưa kể đến vấn đề sẽ làm cho người nghe sinh lòng chế bai phỉ báng Phật giáo. Dựa vào lẽ ấy đức Phật được tôn xưng là « Dược sư » hoặc « Dược vương », thường tùy theo tâm bệnh của chúng sanh mà cho thuốc.

a) *Phương pháp tượng trưng* (*Symbolical method*) : Phương pháp tượng trưng này cũng có thể gọi là phương pháp nghệ thuật (*Artistic method*). Phương pháp này thường dùng những biện pháp nghệ thuật, những cách thức khéo léo để diễn tả những đạo lý siêu việt và những tư tưởng giác ngộ của các vị Thuyền sư bằng những thí dụ cụ thể, hoặc bằng những điển hình tượng trưng.

Như chúng ta đã biết : Tượng trưng và thí dụ là những cái gì siêu thực tại ; nó không giống với những hình ảnh thực tại mà mình muốn diễn đạt. Ví dụ như muốn diễn tả con trâu rừng như thế nào thì chúng ta cứ mượn hình ảnh con trâu nhà mà thí dụ, nhưng kỳ thật trâu nhà không phải là trâu rừng, chỉ mượn tượng tượng tợ mà thôi. Cũng bởi lẽ đó nên dù tượng trưng và thí dụ có miêu tả được sự thật chẳng nữa thì đó cũng chỉ là sự thật điển hình, nếu không phải là những khái niệm, những bộ phận lẻ tẻ, như cây cột đối với cái nhà, bộ xương đối với thân người mà thôi ; nó thiếu hẳn những cái « sống » bao gồm trong thực tại. Tuy vậy, nhưng chúng ta cũng không thể chối cãi rằng : Tượng trưng và thí dụ là những cái điển-hình có thể diễn tả được một phần nào những tính chất bên trong của thực tại, dù nó mang những hình thức không giống với thực tại. Vì thế nên chúng ta có thể nói : nếu muốn chỉ ngay vào những tính chất bên trong của thực tại, hay muốn rút ra những đặc tính sâu

kin của thực tại, chúng ta không có cách nào hơn là diễn tả nó bằng những thí dụ và tượng trưng.

Đó là lý do vì sao mà trong phái Zen, người ta thường dùng thi ca và hội họa để diễn tả cách sống bên trong của tâm linh, hoặc miêu tả những lý nghĩa nhiệm mầu uẩn áo của triết học Zen. Sau đây, chúng tôi xin đơn cử ra một vài bằng chứng để làm thí dụ.

Để tả những gì thâm sâu u tịch, những huyền bí nhiệm mầu của Zen, một vị Thuyền sư, cũng là một thi nhân người Trung-Hoa ở đời Đường (618-907), tên là Hàn-Sơn có làm một bài thơ như sau :

Hán-âm :

*Trùng nham ngã bồng cư,
Điền đạo tuyệt nhơn tích,
Đình tề hà sở tại,
Bạch vân bao u-thạch.*

Anh-dịch :

I have fixed my abode where massive rocks lie in piles.
Birds may find there way here but
it is completely cut off human traces.

What do I see in my garden ?
Only white clouds enveloping a
solitary rock.

Việt-dịch :

*Núi cao một mình sống,
Đường chim tuyệt bóng người,
Vườn hoang đâu phương-hướng,
Mây trắng choàng đá rêu.*

Đại ý của bài thơ trên đây là diễn tả một cảnh buồn tanh vắng vẻ, một cuộc đời quạnh hiu của một vị Thuyền sư trong chồn núi cao rừng rậm, nhưng nếu đi sâu vào phần siêu thực của bài thơ thì chúng ta lại thấy : nó miêu tả cả một trạng thái tâm linh cao vời huyền diệu mà ngài Hàn-Sơn đã thấu đạt được. Chúng ta có thể nói thêm rằng : Ngài Hàn-Sơn đang sống cuộc đời bên trong với những tâm tình cao độ, những tư tưởng siêu thực, xa lìa hẳn với trần gian náo động và bất an. Vì lẽ ấy người đời thường nói : « thơ tức là người », xem thơ để hiểu rõ người vậy.

Ở Nhật-Bản cũng có một vị Thuyền sư khác, Ngài Đại-Đăng Quốc sư, vị Tổ khai sơn Chùa Đại-Đức ở tỉnh Kyoto cũng đã diễn tả trạng thái tâm hồn và cảnh giới giải thoát mà Ngài đã chứng ngộ được bằng một bài thơ như sau :

Hán âm :

*Nhật hội thấu quá vân quan liễu,
Nam Bắc Đông Tây hoạt lộ thông,
Tịch xứ triêu du một tảo chủ,
Khước đầu khước vĩ khi thanh phong.*

Anh dịch :

Having penetrated through the
cloud-barrier once and for all,
The way is open in all directions.
Day in, day out, I am free from
the distinction of host or guest,
With a fresh breeze rising at each
of my steps.

Việt dịch :

*Một khi đã thông màn mây ám,
Nam Bắc Đông Tây cửa rộng thênh,
Sớm chiều khách chủ không còn vướng,
Bước tới bước lui gió nhẹ lan.*

Hàng ngày sống với cuộc đời sáng suốt, đã thông màn vô minh hắc ám, thoát ly ngoài vòng phân biệt khách chủ, đi muôn phương nhưng không còn vướng bận Đông Tây Nam Bắc, đón gió bốn mùa từ ngàn phương bay đến, cao rộng thênh thang, muôn ngàn chiều hiện ; phải chăng đây là trạng thái của tâm hồn đạt ngộ, cảnh giới thoát tục của một vị Thuyền sư đắc đạo ? Vị Thuyền sư có một tâm hồn giải thoát một sự ràng buộc ấy là Ngài Đại-Đăng Quốc sư đó vậy.

Riêng về các loại thi ca thuần túy của Nhật-Bản, gồm cả Hải-Cú, Hòa-Ca, Đoàn-Ca và Trường-Ca, cũng có nhiều bài thơ diễn tả về Zen rất th m thúy. Trong các thi nhân về các loại thơ này, có nhà thơ Hải-Cú (Haiku) là Ông Ba-Tiêu (Basho, 1643-1694) được liệt vào hạng danh tiếng nhất và cũng có ảnh hưởng với triết lý Zen nhiều nhất. Chúng ta hãy xem bài thơ sau đây của tu sĩ Ba-Tiêu thì sẽ rõ :

Nhật văn :

*Furu ike ya !
Kawazu tobikomu,
Mizu no oto.*

Anh dịch :

The old pond, ah !

A frog jumps in :

The water sound.

Việt dịch :

Trong đáy hồ xa xưa,

Loài ếch nhái đua nhau nhào lộn,

Tiếng nước khua tung tóe.

Thoạt đọc qua bài thơ Hải cú ngắn ngủi này chúng ta chẳng thấy gì là Zen cả, ngoài « cái hồ xưa », « loài ếch nhái nhảy » « tiếng nước khua » ! Nhưng kỳ thật trong ấy nó hàm chứa một ý nghĩa sâu xa, chung hòa với một sự sống, đó là « sự thật ». Cũng vì thế nên Bác sĩ R. H. Blyth đã viết về thơ Hải cú như sau :

« A haiku is the expression of a temporary enlightenment, in which we see into the life of things. Whether «temporary» or not, Basho gives in his seventeen syllables a significant intuition into Reality » (1). Nghĩa là : « Một bài thơ Hải cú là diễn tả một sự giác ngộ nhất thời, dựa vào đó chúng ta có thể thấy được sự sống bên trong của vạn vật. Dù có « nhất thời giác ngộ » hay không, nhưng thi sĩ Ba-Tiêu đã dùng bài thơ 17 chữ (Hải cú), gọi lên những ý nghĩa trực giác về « Sự thật ». Chính đó là triết lý Zen và cũng chính đó là những cái thâm sâu vi diệu của Thi ca Nhật-Bản, nhất là thơ Hải cú vậy.

Trên đây là lược thuật về những tượng trưng và thí dụ của Triết học Zen qua các loại thi ca của một

vài vị Thuyền sư hoặc Thi sĩ danh tiếng. Riêng về hội họa thì chúng ta thấy : Các vị Thuyền sư Nhật-Bản ngoài tài nghệ thi ca ra, phần nhiều đều kiêm cả hội họa nữa, và đôi khi họ có một trình độ nghệ-thuật rất cao.

Các vị Thuyền sư này thường vẽ những bức họa hình tròn, bằng một nét bút thủy mặc tự nhiên, không tô vẽ uốn nắn, không rườm rà màu sắc gì cả, nhưng rất linh động ý-nghĩa. Vòng tròn trông không trong những bức họa ấy là tượng trưng cho thể-giới tinh-thần. Tinh-thần này là tinh-thần trong sạch, không vẩn đục cầu-uề, không có các nghiệp chướng phiền não xen vào. Đó là tinh thần mà trong triết-lý Zen thường gọi là tự-tánh thanh-tịnh-tâm.

Các vị Thuyền-sư Nhật-Bản, vì muốn tượng trưng cho thể giới tinh thần ấy nên đã vẽ ra những bức họa hình tròn trông không, bằng một nét bút hết sức đơn sơ giản dị, nhưng cũng có nhiều vị Thuyền-sư khác đã tỏ ra không vừa ý về những bức họa hình tròn này. Theo ý của các vị Thuyền-sư này thì dù chỉ dùng một nét bút đơn sơn, vẽ ra một hình tròn trông không đi nữa, nhưng cũng chưa diễn-đạt được

(1) Trích trong bộ « Zen and Japanese Culture » của bác sĩ D. T. Suzuki, một học giả người Nhật đã viết nhiều tác-phẩm bằng Anh-văn rất danh tiếng để giới thiệu về triết học Zen.

hoàn toàn ý nghĩa thâm thúy của triết lý Zen.

Có một vị Thuyền-sur đã nói : « Phải làm sao cho không còn có tướng trạng gì trên hình tròn này mới được » (Never a ring on a circle). Nói như thế phải chăng vị Thuyền-sur ấy đã trình bày cho chúng ta thấy về chân lý lý tướng, chân-tướng tiêu việt của sự vật ? Và phải chăng Ngài đã đi đến kết-luận : « Nhất tức nhất thể, nhất thể tức nhất » (One is equal to All, All are equal to One) của triết lý Zen. Nếu thế thì Ngài đã thành công trong công việc ấy.

Ngoài những bức họa vòng tròn bằng một nét bút đơn-sơ giản-dị, trong các họa phẩm của Phật-giáo Nhật-Bản, người ta còn thấy rất nhiều những bức tranh « thủy-mặc họa » (tiếng Nhật gọi là Suiboku-ga = paintings in India ink) bằng những nét bút tự do hoạt họa, cũng đồng một mục-đích như trên. Những bức họa thủy mặc này phần nhiều đều không chú trọng đến màu sắc, hình luật, ở một vài trường hợp lại bị xem như là những bức họa bất hợp pháp và trái với qui tắc hội họa nữa. Tuy vậy, nó vẫn có những tánh chất đặc biệt, miêu tả những cái gì siêu nhiên, vượt ra ngoài những màu sắc hình luật phổ thông của những họa sĩ thông thường khác. Các loại hội họa thủy mặc này dần dần tổ hợp thành một khu vực hội họa đặc biệt, mà ở Nhật Bản người ta thường gọi là « Zen-ga » (Zen-painting).

Không những là hội họa, đến cả cách thức chạm tro điều khắc, cách thức kiến trúc bài trí các tu viện thiền viện trong các ngôi chùa của phái Zen ở Nhật, cũng có một sắc thái đặc biệt khác thường. Trong số các di vật quý báu của Phật giáo của Nhật Bản, đáng kể ra đây là ngôi tượng « Đại Phật » (1) ở tỉnh Kamakura và chiếc vườn cỏ kính ở ngôi Chùa Long An (Ryōanji) ở tỉnh Kyoto.

Riêng về chiếc vườn ở chùa Long An cũng không phải có gì lạ ngoài những tảng đá mọc rêu xanh, ngoài những cây cỏ thấp đứng đìu hiu cô quạnh, nhưng đặc biệt nhất là cách

(1) Ngôi tượng « Đại Phật » này tiếng Nhật gọi là Daibutsu, tiếng Anh gọi là Great Buddha, tức là ngôi tượng to lớn vĩ đại. Tượng này là tượng đức Phật Tỳ-Lô-Giá-Na, thờ lộ thiên ở trên một cánh đồi lớn của thành phố Kamakura. Lúc sơ khởi (1238) chỉ là một ngôi tượng bằng gỗ, nhưng vì bị trận bão ở năm 1248 làm hư hại, vì thế thập phương Phật tử phát tâm chung góp tiền của chú tạo bằng đồng và đã hoàn thành vào khoảng năm 1252.

Ngôi tượng « Đại Phật » lộ thiên này lớn thứ 3 trong các ngôi tượng lớn ở Nhật (sau 2 ngôi tượng « Đại Phật » ở tỉnh Nara và Kyoto). Toàn tượng cân nặng 274.428 cân (pound), cao 44 thước (feet), ngồi rộng 30 thước, mặt rộng 7,7 thước, tai dài 66 thước, mắt 3,3 thước và miệng rộng 2,8 thước v.v.. Xem thế thì cũng đủ rõ ngôi tượng « Đại Phật » này vĩ đại như thế nào rồi.

thức bài trí và sự yên tĩnh nhiệm mầu của nó. Chiếc vườn này đã trở thành một danh lam thắng cảnh của tỉnh Kyoto, và cũng là một quốc bảo của toàn xứ Nhật Bản nữa. Tính chất độc đáo của chiếc vườn này là diễn tả những gì thâm sâu vi diệu của châu tâm Phật tánh, miêu tả sự điều hòa diệu vợi của vũ trụ nhân gian, nhưng không dùng một lời nào cả. Chúng ta không thể dùng lời nói hay văn tự để diễn tả cho hết những ý nghĩ « Zen » trong ấy, mà mỗi người phải đến đó để tự cảm thông lấy, cũng như hay tự mình uống nước để tự biết nước nóng hay lạnh, mặn hay ngọt vậy.

b) *Phương-pháp khái-niệm (Conceptual method)* : Tiếp theo phương pháp tượng trưng là phương pháp khái-niệm. Cả hai đều thuộc về phương pháp truyền thọ gián tiếp của phái Zen. Phương pháp khái niệm này là dùng những sự cắt nghĩa, giải thích, thuyết minh rất phổ thông để gợi lên cho người cầu đạo những khái niệm trừu tượng, rồi dần dần thế hội vào chân lý. Đây là một phương-pháp dựa trên căn bản hiểu biết và trí thức của con người để phân-tích biện-minh những vấn đề siêu nhiên. Phương pháp này thường đặt ra những câu hỏi, hầu mong gợi lên cho người cầu đạo những sự tìm hiểu suy luận về vấn đề chân lý siêu nhiên, thí-dụ như hỏi « Zen là gì » chẳng hạn.

Phương pháp này rất thuận tiện và hữu ích trong mục đích làm

cho người cầu đạo hiểu rõ nội-dung của Zen ; đồng thời cũng có tính cách tạo lập cho người tu tập một nhận thức đúng đắn về triết lý Zen. Tuy vậy, nhưng phương pháp này cũng chưa phải Zen, vì nó mới chỉ là những khái niệm phổ thông, chỉ làm cho chúng ta hiểu được biểu diện bên ngoài của Zen mà thôi. Cũng bởi lẽ đó nên chúng ta có thể nói rằng : phương pháp khái niệm này, kể cả sự hiểu biết và trí thức phổ-thông của con người đang còn xa với Sự thật và Zen nhiều lắm.

Nói thế cũng không có nghĩa Zen hoàn toàn phủ nhận giá trị của sự hiểu biết và trí thức vì dù sao trong phạm vi con người, hiểu biết và trí thức vẫn là phương tiện đầu tiên, cửa ngõ để đưa vào đạo. Người ta không thể tu hành mà không hiểu biết gì cả. Ví dụ như người không biết phương hướng, không biết đường đi mà vẫn đi thì sự đi ấy không bao giờ đến, nếu không gặp phải những kết quả nguy hại. Zen cũng thế. Hiểu biết và trí thức rất cần cho người tu hành, nhất là ở giai đoạn đầu.

Nhưng có điều chúng ta cũng nên nhớ rằng : Hiểu biết và trí thức chỉ cần cho chúng ta khi nào chúng ta cần đến nó mà thôi. Cũng như ánh đèn là cần cho người bộ hành trong lúc ban đêm, nhưng đèn sáng thì ánh đèn ấy không cần đèn nữa. Ngôn ngữ văn tự để gợi lên cho người tu hành những sự hiểu biết, những khái niệm về chân

lý cũng thế. Tu hành đến một giai đoạn nào đó thì ngôn ngữ và văn tự không cần thiết nữa. Thuật ngữ « bất lập văn tự, giáo ngoại biệt-truyền » trong phái Zen là để chỉ cho ý nghĩa này.

Như trên chúng ta đã hiểu qua về hai phương pháp truyền thọ của phái Zen là phương pháp truyền thọ trực tiếp và phương pháp truyền thọ gián tiếp rồi. Vậy từ đây chúng ta sẽ bước qua một lãnh vực khác, nghĩa là sẽ lần lượt nghiên cứu đến vấn đề nội tại của triết lý Zen.

Trước khi đi sâu vào vấn đề điều cần nhắc lại ở đây rằng : con người và loài vật đều là những động vật chung sống trong cuộc đời thực tại, nhưng hai sự sống ấy vẫn khác biệt nhau. Để diễn tả sự khác biệt này người ta thường mệnh danh con người là cao đẳng động vật và loài vật là hạ đẳng động vật. Tại sao lại có thể nói con người là một cao đẳng động vật ? — Một trong các sự khác biệt ấy giữa con người và loài vật là : con người có tinh thần phát triển, có tư tưởng sáng suốt hơn các loài vật, dù rằng con người chỉ là một sinh vật nhỏ yếu. Vì thế có một nhà học giả Âu-Tây đã ví dụ cho con người là « một cây sậy có tư tưởng » (Human beings are weak living things — so weak that they are sometimes compared to reeds, and are called « thinking reeds »).

Sức mạnh tinh thần và tư tưởng ấy đã đưa con người đến một sự sống cao độ, một sự sống có suy tư thâm lự, biết phân biệt phán đoán mọi sự thị phi thiện ác của cuộc đời.

Những sự suy tư và phán đoán này đã tạo cho con người những sự phê phán, phủ định, băn khoăn, đòi chọi nhau, rồi dần dần đưa đến sự khổ đau trầm trọng trong tinh thần. Vì thế tâm lý chung của con người là đi tìm một mảnh đất, một nơi an nghỉ cho tinh thần để tránh những sự thắc mắc dầy vò trong tâm khảm. Và những mảnh đất, những nơi an nghỉ tinh thần ấy cũng không ở đâu xa lạ, mà sẵn có ở trong mỗi con người của chúng ta. Và chính đó là điều hy vọng duy nhất của chúng ta.

Thật thế, sau khi đã kéo lê thế cuộc đời trong những băn khoăn thắc mắc trong những cố gắng đi tìm chân lý, nếu con người may mắn tìm ra được mảnh đất, một nơi an nghỉ tinh thần thì cũng chẳng khác gì người đang đi trên bãi sa mạc mênh mông gặp nước uống, kẻ tù đầy lâu ngày được giải thoát. Sự giải thoát tinh thần cũng như thế, nhất là sự giải thoát ấy lại được xây dựng trên quan điểm tôn giáo và trên bình diện con người. Nhưng sự giải thoát ấy không thực hiện được một cách dễ dàng lạnh chóng ; trái lại, cần phải trải qua nhiều thời gian tu-tập, phải nếm nhiều thử thách khó khăn của cuộc đời và của vũ trụ.

Để đạt đến mục đích giải thoát ấy, nhất là để thể hiện những đức tánh nội tại của con người, trong phái Zen thường đưa ra những phương tiện và những tiêu chuẩn như « Vô tâm », « Vô tướng », « Vô niệm », « Vô nhất vật », « Vô »,

« Không », « Chơn như » v.v . . . Cảnh giới « Niết bàn » (Nirvana) theo danh từ của chữ Sanskrit cũng gồm có một ý nghĩa tương-tợ như thế. Và khi ngộ nhập vào những đức tánh nội tại thì khi ấy đạt được mục đích của Zen.

Nhưng theo triết học Zen thì những đức tánh nội tại này không phải là những tư tưởng thuần lý những triết lý siêu nhiên, mà là những thể hiện của những kinh-nghiệm cá nhân trong cuộc đời thực tại. Đức Phật Thích - Ca với cuộc đời tu hành khổ hạnh ở dưới gốc cây Bồ đề, Ngài Đạt Ma Tổ sư với 9 năm thực hành hạnh « diện bích Thuyền quán », Ngài Lục tổ Huệ-Năng với công hạnh cần lao tu tập và các vị Thuyền sư của Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản qua những thi ca và hội họa ở các đoạn trước, có thể xem là những gương sáng, những lời dạy linh động đối với vấn đề kinh nghiệm cá nhân này.

Trong triết học Zen thường nhấn mạnh ở điểm : « Tâm tức Phật, phiền não tức Bồ đề », vì thế không phải xa lìa những tình dục mê vọng (108 phiền não) mà chính ngay nơi các tình dục mê vọng ấy để tìm đạo Bồ đề, thế nhập vào tự tánh thanh tịnh tâm. Những thử thách khó khăn cuộc đời trên bước đường tu đạo sẽ là những kinh nghiệm thực tế để đào tạo bản lãnh giải thoát của cá nhân. Vì lẽ ấy người tu Thuyền dù cũng sống trong cuộc đời, nhưng không bị cuộc đời chi phối, trái lại, họ luôn luôn sống với

một cuộc đời chủ động, thoát ly ra ngoài những ràng buộc của tự thân, gia đình và của vũ trụ vạn vật.

Các vị Thuyền sư là những người tự đào luyện cho mình một bản lãnh chủ động thoát ly ấy, nên ở trong tất cả các thời, nơi tất cả các chỗ, họ thường sống với những tâm niệm thanh thản, bình tĩnh, giải thoát. Vì thế có một vị Thuyền sư ở Nhật đã nói : « Hành trú tọa ngọa, thị thanh phong thị đào tràng. » Nghĩa là : « Đi đứng nằm ngồi, tất cả đều là gió mát, đều là đạo tràng. » (In walking, stopping, sitting and lying — I have always a fresh breeze. This is my training place). Ngài Lâm Tế, người sáng lập lên phái Zen Lâm Tế cũng đã nói : « không có một cái gì trong thế gian này là xấu xa đáng ghét cả » (Nothing in the world is to be disliked). Những nhận thức này có lẽ là phát xuất từ tư tưởng « Phật pháp bất ly thế gian pháp » trong kinh Pháp hoa vậy.

Căn cứ vào đó chúng ta thấy : dù triết lý Zen phủ nhận giá trị của thực tại, nhưng cũng thường dựa vào các pháp trong thực tại để đạt đến những kinh nghiệm cá nhân và những kết quả nội tại. Cũng vì lẽ ấy nên Phật - giáo thường được xem là một tôn-giáo bất khả phân (Buddhism is the indivisible teaching). Tôn-giáo ấy khuyến khích mọi người đi sâu vào nguyên để của tâm linh nội tại, hòa mình trong cuộc sống muôn màu sắc của vũ trụ vạn vật để

kiến tạo một - thế giới an - lành giải thoát.

Trong các sách vở của phái Zen thường có chép một câu chuyện đối thoại giữa một vị Thuyền-sư và đệ tử như sau: Một hôm, có một người cầu đạo đến yết kiến Ngài Tĩnh Thuyền sư ở Diệp huyện (Trung-Hoa). Ngài Tĩnh Thuyền-sư là một vị tu hành rất danh-tiếng ở thời đó, nên người cầu đạo này mới tìm đến đánh-lễ để thọ học Thuyền-pháp. Người cầu đạo thưa rằng: « Thưa Ngài, con là một kẻ sơ cơ nhập đạo, từ xa con mới đến đây lần đầu. Xin Ngài từ-bi hoan hỷ dạy cho con phải từ đâu để đi vào con đường Thuyền? » Vị Thuyền-sư này không trả lời thẳng câu hỏi của đệ tử, Ngài hỏi lại rằng: Người có nghe tiếng suối rừng đang chảy đó không? » Người cầu đạo thưa rằng: « Thưa Ngài, con có nghe tiếng suối rừng đang chảy ». Vị Thuyền-sư liền dạy: « Vậy người hãy từ nơi đó mà vào Thuyền ».

Lời dạy trên đây của Ngài Tĩnh Thuyền-sư chứng tỏ rằng: Ngài đã chứng ngộ được đạo lý « Phật pháp bất ly thế-gian-pháp » trong kinh Pháp-hoa, và đã thấu đạt được chủ trương « Bình thường tâm thị đạo » của triết học Zen. Do đó, Ngài đã dùng một câu trả lời rất thông thường để diễn tả một đạo lý rất sâu xa vi diệu mà Ngài đã tự mình đạt được bằng những kinh nghiệm bản thân và những chứng minh thực tại.

Tóm lại, dựa vào những giáo-

nghĩa và những luận chứng trên chúng ta thấy: Hình như Zen là một tôn phái quá thiên trọng về lý trí, mà ít chú trọng ở sự phát triển tình cảm trong con người. Nhận-thức này cũng có phần đúng với ngoại diện của Zen, nhưng nếu đi sâu vào tình chất của nó thì không phải thế. Theo phái Zen, một người đạt được mục đích giác ngộ phải là người thoát ly ra ngoài các sự phân biệt thiên chấp, và phải có đủ hai đức tánh cần thiết là Đại trí (Supreme wisdom) và Đại bi (Great Mercy).

Ở trong Phật-giáo, người tượng trưng cho phần Đại trí là Ngài Văn-Thù Bồ-tát, người đại diện cho hạnh Đại-bi là Ngài Phổ-Hiến Bồ-tát; tuy cả hai Ngài đều kiêm đủ cả trí huệ vô song và từ bi quảng đại. Vì Phật-giáo là một tôn giáo chú trọng cả Bi và Trí như thế, nên một bậc giác ngộ hoàn toàn như Phật phải là người có đủ cả Trí và Bi, tự giác giác tha và giác hạnh viên mãn. Cũng bởi lẽ này nên chúng ta thấy: trong các ngôi Chùa thường tôn trí thờ phụng ba ngôi tượng là Đức Phật Thích-Ca (thờ chính giữa và lớn hơn), đức Văn-Thù Bồ-tát (thờ hai bên và nhỏ thua): trong các bức tượng hình vẽ cũng thường trang bày như thế.

Đức Phật Thích-Ca là vị sáng-lập ra đạo Phật, mà cũng là người phát minh ra triết lý Zen, Ngài đã thể hiện hoàn toàn cả Bi và Trí, hai bên Ngài đã thường có hai vị Bồ-tát tượng trưng cho

Bi và Trí đứng hầu ; điều này chứng tỏ sự cân bằng đồng đẳng giữa Bi và Trí trong mỗi đức Phật (đức Phật A-Di-Đà cũng thế, Ngài thường có hai vị Bồ-Tát là đức Quan-Thê-Âm và đức Đại-Thê-Chí đứng hầu hai bên). Người muốn nghiên cứu triết lý Zen, cũng như người muốn thực hành tu tập theo

nó cần phải hiểu rõ ý nghĩa « Bi Trí song tu » này trong giáo nghĩa căn bản của Zen. Vì có như thế sự nghiên cứu mới thông đạt và sự tu tập mới đạt đến mục đích vậy.

ĐOÀN-VĂN-AN

kỳ tiếp : *Lịch sử và triết lý Zen ở Việt-Nam.*

● Việc cai trị một dân tộc, ở vài lúc trong lịch sử, nằm trong tay bọn nửa khùng nửa điên.

Th. Ribot

● Không bao giờ có chiến tranh hay cũng như không bao giờ có hòa bình dờ.

Franklin

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BAO-HIỂM

27 - 29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại 23.739

ACCIDENTS — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tơ-Nạn

Hỏa-Hoạn

Hàng-Hải

Linh-Tính

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRALE FRANCAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANEE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi nhánh : PARIS — TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO
VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

Cuốn sổ tay của một nhân viên ngoại giao nhân vụ tấn công Chùa Xá-Lợi

● PHẠM-TRỌNG-NHÂN

(tiếp theo kỳ trước)

N GOÀI những nước Phật-giáo, các nước theo những tôn giáo khác cũng đều phản-ứng quyết-liệt.

..

Tại Mỹ, báo Washington Post ra ngày 22-8, bình-phẩm :

— Những biện pháp đã được áp dụng tại Sài Gòn chứng-tỏ rằng Chánh phủ bất lực. Tấn công chùa chiền, bắt bớ giam cầm sư sãi, chẳng phải là một lời giải cho bài toán. Chánh quyền đã khùng bớ, trong khi đáng lẽ phải thuyết phục. Đối với Hoa-Kỳ, sự-kiện nêu lên một câu hỏi quan hệ và trầm trọng : cần duyệt lại chánh sách viện trợ. Viện-trợ nhằm mục đích *chống Cộng* chứ không phải *giúp Cộng-sản thành công*...

Ngày 23-8, báo New York Herald Tribune viết : « Điều khiển một chánh phủ không thể là công-việc đơn giản của một gia đình. Miền Nam nước

Việt là yếu-điểm của cả vùng Đông Nam Á, và yếu điểm đó đang bị đe dọa. Không một cá nhân, một gia đình, một chánh đảng, một đoàn thể nào có quyền phá hoại cơ sở của địa điểm sống còn này... ». Về phần New York Times, cùng ngày, nhà bình bút cũng viết như sau : « Sự kiện đáng tiếc càng trầm trọng đã gia tăng và xiết chặt hàng ngũ những phần tử chống đối chánh phủ. »

Tại Hoa-Thịnh-Đồn cũng ngày 23-8, Thượng Nghị sĩ Wayne Morse xứ Oregon đọc diễn văn trước các bạn đồng viện, tuyên bố :

— Mỹ ủng hộ chánh phủ Ngô-Đình-Diệm chỉ là làm lợi cho Cộng-sản...

Tại Canberra (Úc), ngày 22-8, Sir Garfield Barwick Tổng Trưởng Ngoại giao tuyên bố trước Quốc hội : chánh phủ ông « rất lo ngại về chánh sách kỳ thị và cố chấp của các nhà đương cuộc Việt-Nam ».

Cùng ngày 22-8 tại Anh, nhật-báo Times xuất bản ở Londre, viết : « hậu quả nhân tiện của lệnh giới nghiêm và vụ đàn-áp Phật-giáo, là tăng số thù và giảm số bạn của chánh quyền ». Hai ngày sau, các báo Guardian (cấp tiến), Daily Telegraph (bảo thủ) cũng cùng luận điệu, đại ý cho rằng : « chánh thể đã tự hạ phẩm đến mức thuộc quyền sở hữu của một gia đình, khiến những thiện chí quý hóa nhất cũng bị xuyên tạc. Bởi vậy, chánh thể không đáng được ủng hộ vô hạn định, và những phần tử đối lập cũng không thể bị tiếp tục ngăn cản. »

Tại Pháp, ngày 28-8. Ô. Denis de Rougemont, chủ tịch ủy ban chấp hành « Hội nghị tranh đấu cho tự-do văn-hóa », gồm các văn sĩ, bác học, nghệ sĩ thế giới, tuyên bố : « Hội nghị phản đối kịch liệt chánh phủ Việt Nam đã trả đáp những quyền căn bản của người Phật giáo, đàn áp các sinh-viên và giáo-sư tranh đấu cho quyền tự-do tín ngưỡng. »

Tại Phi-Luật-Tân, một nước công-giáo và bạn thân của Việt-Nam, dư-luận cũng không kém phần gay-gắt. Báo Manila Chronicle phát-hành ngày 25/8 viết : « « Nếu công-cuộc đàn-áp Phật-giáo không chấm dứt, lệnh giới-nghiêm không bãi bỏ, Phi có thể sẽ là một trong những nước đầu tiên đoạn-giao với Việt-Nam. Như vậy để dọn đường cho những trưng-phạt ngoại-giao quốc-tế, khả-dĩ binh-vực Phật-giáo-đồ. » Tại Bộ Ngoại-giao Phi, ông Salvador P. Lopez, Thứ-trưởng, cũng cho biết tán-thành thái độ đó, nhưng sẽ không sử-dụng những danh-

từ quá « gây cản » đối với chánh-quyền Saigon.

Về phần Vatican, vừa được tin Chùa Xá-Lợi, tờ Observatore Romano do Tòa Thánh bảo-trợ, đã viết : « Thiên - Chúa Giáo-Hội tán-thành nguyên-tắc tự-do tín-ngưỡng đối với mọi người. » Trong khi báo l'Eglise phát-hành ngày 22-8, cũng bình-phẩm như sau : « Giáo-hội lấy làm đau-dớn và kết tội những hành-động quá khích, bạo-động, mà không quan-tâm rằng lầm-lỗi đó từ đâu tới và do ai phạm... Cuộc khủng-hoảng hiện tại giữa Chánh-phủ và Phật-giáo có tánh cách chánh-trị hơn là tôn-giáo. » Rồi nhà bình-bút tự hỏi trước khi kết-luận : « Không hiểu trước đây, có bao giờ Chánh-phủ đã biết chứng-tỏ thiện-chí, và áp-dụng những biện-pháp ôn-hòa thích đáng ? Mong rằng những ai có trách-nhiệm về số-phận quốc-gia Việt-Nam, sẽ sáng-suốt hơn... »

Nhưng đáng chú ý là bức thông-diệp ngày 30/8 của đức Giáo-Hoàng Paul đệ VI : « Chúng tôi có bổn-phận nói lên nỗi ưu-tư đau-dớn của chúng tôi, đứng trước những diễn-biến đáng buồn đang đè-nén dân-tộc Việt-Nam thân-mến. Mỗi lo-ngại của chúng tôi mỗi ngày thêm thâm-trầm bi-đát. Tuy nhiên, với niềm tin luôn luôn mạnh-mẽ, chúng tôi trông-cậy vào tính-tình nhu hòa đoàn-kết của toàn dân-tộc Việt-Nam, đã chứng-tỏ hùng-hồn lòng luyện-ái tổ-quốc và ý-chí bảo-vệ những giá trị tinh-thần và luân-lý, cùng là tất cả những gì có ích-lợi cho toàn-thể. Chúng tôi thiết-tha mong-mỏi ai nấy sẽ cộng-tác chặt-chẽ, để cùng tôn-trọng những tự-do hợp-pháp,

đồng-tâm nhất chí vãn-hồi bầu không-khí hòa-hợp tương-thân và huynh đệ. Chúng tôi cầu-nguyện Đấng Tối-Cao phù-hộ toàn dân-tộc Việt-Nam bảo-vệ những thể-chế tự-do đáng quý ấy. »

* *

Một mặt, những phản-ứng quốc-tế mỗi ngày thêm sâu rộng ; mặt khác cuộc tranh đấu của giới Phật-tử được toàn dân ủng hộ, mỗi ngày thêm quyết liệt. Hai sự kiện ảnh hưởng lẫn nhau ; phản ứng càng mạnh mẽ, tranh đấu càng hăng hái, và ngược lại. Trong thực-tế, kế hoạch của chánh phủ nhằm làm lạc hướng và thu hẹp tầm quan trọng của việc đáng tiếc đã xảy ra ; kế hoạch của những người chủ trương tranh đấu, là đặt vấn đề trên một vị trí thích đáng, với những kích thước thích đáng.

Ngày 29-8, nhóm Á-Phi trong Liên Hiệp-Quốc quyết định đề cử một phái đoàn bày tỏ cùng ông Tổng Thư ký, U Thant, « nỗi lo ngại trước những biến cố xảy ra tại Việt-Nam ». Phái đoàn gồm có Đại diện các nước Afghanistan, Ceylan, Birmanie, Liberia, Nigeria, Sénégal đồng thanh yêu cầu Liên Hiệp Quốc phải mau can thiệp...

Ngày 31-8, nghĩa là 10 ngày sau vụ tấn công Chùa Xá Lợi, ông Tổng Thư ký Liên-Hiệp-Quốc gửi thư tới vị Nguyên thủ Việt-Nam. Bức thư đại ý như sau :

« Tôi hân hạnh kính trình Ngài rõ : phái đoàn Đại diện các quốc gia thuộc khối Á-Phi trong Hội đồng Liên Hiệp Quốc, có tới gặp tôi, bày tỏ nỗi lo âu trầm trọng vì những diễn biến tại

Việt-Nam. Các vị đó yêu cầu tôi can thiệp với chánh phủ do Ngài lãnh đạo sớm áp dụng những biện pháp thích nghi, hầu bình thường hóa tình trạng bằng cách bảo đảm cho mọi tầng lớp dân chúng được hưởng dụng những nhân quyền căn bản... »

« Thúc dục bởi những ý niệm nhân đạo mà toàn thể chúng tôi đều tôn trọng, nhân danh là thành phần của đại gia đình nhân loại, tôi cảm thấy có bổn phận gửi thư này tới Ngài, cùng với lời kêu gọi tha thiết của cá nhân tôi.... »

Sau khi gửi thư, ông Tổng Thư ký U Thant (quốc tịch Miến-Điện, theo Phật-giáo) còn gián tiếp ủng hộ cuộc tranh đấu trong một buổi hội báo tại trụ sở Liên Hiệp Quốc, ngày 12-9. Ông nói :

— Tình hình tại Việt - Nam mỗi ngày thêm trầm trọng. Những đức tính cần thiết của nền dân chủ, ví dụ trách nhiệm thay đổi chánh phủ theo thủ tục hiến pháp không cần bạo động, và điều động công quyền với phương pháp thuyết phục không cần vũ lực, đối với Việt Nam hiện nay đều hoàn toàn xa lạ...

Khắp các nước trên thế giới phản ứng. Lòng công-phản chánh-quyền, sức ủng-hộ Phật-giáo, bắt nguồn từ hết thảy các giới chánh-trị và tôn giáo. Khi Đức Giáo-Hoàng, ông Tổng Thư Ký Liên-Hiệp-Quốc, các vị Quốc-trưởng, Nguyên-thủ và Ngạcai-trưởng, các báo-chí, tự-nhân có uy-tín, đều lên án, lẽ dĩ nhiên chánh-quyền đã mất hết hậu-thuần đối nội cũng như đối ngoại.

Bác-sĩ Erich Wulff quốc-tịch Đức, nguyên giáo-sư Y-học tại Huế, sau khi từ-chức và bị trục-xuất, đã dùng tiền riêng đi khắp thế-giới hầu nói lên lòng công-phần, nhân danh là y-sĩ và nhân-chứng. Khi qua Londres, Bác-sĩ có chắt-vấn ông Đại-sứ Việt-Nam, là bào-đệ Tổng-thống Ngô-Đình-Diệm. Bác-sĩ phát-biểu nhận-xét là tại Việt-Nam, có một vị Giám-mục (Ngô-Đình-Thục) không những không làm phận-sự của một vị Giám-mục, mà còn có những hoạt-động không thuộc phận-sự của một vị Giám-mục.

Để đương đầu với tất cả những chống đối ấy, Chánh phủ Việt Nam Cộng Hòa khi đó đã áp dụng những kế hoạch đặc biệt.

Trước hết, ngày 7/9, nhằm mục đích « hoãn binh » và làm lạc dư luận, Tổng thống Việt-Nam trả lời ông Tổng Thư-Ký Liên-Hiệp-Quốc ; trong thư có đoạn trích như sau :

« Vì tiến quá mau, Phật-giáo tại Việt-Nam không tránh khỏi định luật chung liên quan tới mọi hoạt động công cũng như tư : thiếu cán bộ về phẩm cũng như lượng, khiến cả hai khối Đông-Tây đều có thể lợi dụng, gửi cán bộ của mình nhập hàng ngũ tranh đấu hầu dành quyền điều khiển... Hậu quả là tư tưởng bị sai lạc khiến trên bình diện thực tế, các cán bộ xâm nhập đó gây mầm rối loạn, truyền chánh trị, tổ chức bạo động và đạo chánh, có lợi cho ngoại-quốc... Đó là tấn bi kịch Phật-giáo tại Việt-Nam ; đó chắc chắn cũng sẽ là tấn bi kịch Phật-giáo tại các nước khác ở Á-châu...

« Những cố gắng của chánh phủ Cộng-Hòa Việt-Nam không nhằm mục đích gì khác và hơn là giải phóng hàng ngũ Phật-giáo-đồ khỏi những áp bức ngoại lai, tránh cho công cuộc tiến triển của Phật-giáo khỏi những ảnh hưởng bên ngoài phản bội quyền lợi Phật-giáo cũng như Tổ-quốc... »

« ... Tôi rất sung sướng báo tin Ngài rõ là cuộc khủng hoảng Phật-giáo tại Việt-Nam đã được giải quyết hợp lý... »

Mặt khác, chánh-phủ khai thác địa vị và uy tín của Giáo-sư Bửu-Hội trong phạm vi gia đình và trên lãnh vực quốc tế.

Theo gương Hòa thượng Thích-Quảng-Đức, Sư bà Diệu-Huệ mà giới Phật-tử rất kính mến, đã nguyện tự hỏa thiêu để tranh đấu cho Phật-giáo. Sư bà là thân mẫu Giáo-sư Bửu-Hội, người Việt-Nam khám khá ra thuốc chữa hệnh cùi và được giới khoa học quốc tế biết tiếng.

Giáo-sư Bửu-Hội được ủy nhiệm : ngăn mẹ đừng tự thiêu, rồi thuyết phục dư luận thế giới là tại Việt-Nam không hề có kỳ thị tôn giáo.

Bà Ngô-Đình-Nhu (từ biệt Việt-Nam ngày 10-9 tham dự Hội nghị Liên hiệp Nghị sĩ Quốc tế ngày 16-9 tại Belgrade, và sau đó đi chu du giải độc dư luận thế giới) đã không ngần ngại tuyên bố :

— Nếu có thể được, tôi sẽ đánh họ 10 lần hơn ; tôi sẽ vỗ tay mỗi khi được tin một nhà sư tự « nường » trước

công chúng. (1)

Về phần đức Giám mục Ngô-Đình-Thục, cũng tuyên bố khi tới phi trường New-York, ngày 13-9 :

— Tại Huế, những vụ tự thiêu được thực hiện như sau : Ba nhà sư đã đứng tuổi được chỉ định, và người ta rút thăm để được biết ai sẽ làm phận sự trước. Người ta cho vị sư này dùng thuốc mê, rồi tưới dầu săng, rồi đốt cháy. Tại chùa Từ Đàm, Trụ sở của Trung tâm Phật học, một nhà sư không muốn chết, đã bị các nhà sư khác đánh bằng búa nên la hét khủng khiếp. Cũng tại Huế, một nhà sư chết bệnh, đã được hỏa thiêu để khai thác. Các phần tử Việt-Cộng lẫn tránh tại các chùa chiền được hưởng quyền bất khả xâm phạm nên rất có thể cộng sản đã thâm nhập hàng ngũ các nhà sư... (2)

Nói tóm lại, hết thảy những biện pháp tình cảm, chánh trị và khoa học đều đã được vận dụng, trong phạm vi công cũng như tư, quốc gia cũng như quốc tế.

..

Như đã biết, giáo sư Bửu-Hội có sứ mệnh ngăn mẹ đừng tự thiêu, và thuyết phục dư luận thế giới là tại Việt-Nam không hề có kỳ thị tôn giáo.

Công tác có thể tóm tắt như sau :

— ngăn mẹ đừng tự thiêu,

— thành công càng hay ; còn nếu thất bại, có thể căn cứ vào những bản « điều tra có thẩm quyền » và lời tuyên bố của đức Giám mục Ngô-Đình-Thục để kết luận : những phần tử thân Cộng đã khủng bố ; Sư bà Diệu-Huệ bị đầu độc và cưỡng bách tự thiêu !

Giáo sư Bửu Hội có đủ điều kiện để thành công, hay ít ra cũng gỡ được một phần nào « sứt mẻ » !

Cuối tháng 9-1963, các quốc gia Á Phi (trong Hội đồng Liên-Hiệp-Quốc) phản-đối Việt Nam, lên tới con số 17. Sau ba buổi họp bàn, nhóm cương quyết cử phái đoàn gặp ông Thant Tổng Thư Ký, nhất định yêu cầu đưa vấn đề ra trước Đại Hội đồng. Được tin, Chánh phủ Việt Nam khi đó bèn chỉ thị cho Giáo sư Bửu Hội phải cấp tốc phản ứng : tiếp xúc với đại diện các quốc gia Á Phi, thi hành một chiến lược liều lĩnh, đi một nước bài mãn canh, sinh tử... Bao nhiêu vốn liếng và trí dũng chánh trị đều được dốc vào nước bài cuối cùng này...

Một mặt, sau nhiều cuộc tiếp xúc, Giáo sư Bửu Hội nhân danh Chánh phủ Việt Nam gửi tới Liên-Hiệp-Quốc hai bức thư cùng đề ngày 3-10-63. Một bức yêu cầu được trình bày mọi chi tiết về vấn đề được (hay bị) đưa ra trước Hội đồng : đó là quyền sơ-đăng dành cho bị cáo, quan niệm theo lương tri và công lý. Bức thứ hai yêu cầu Liên-Hiệp-Quốc cử một phái đoàn sang viếng Việt Nam sớm chừng nào hay chừng ấy, để nhận chân tại chỗ những biến cố đã xảy ra mà dư luận quốc tế đã vì ngộ nhận nên phóng đại !

(1) — tạm dịch « se faire voir au public ». Lời nói này được các nhân-viên Ngoại giao tại Liên-Hiệp-Quốc nhắc lại, phá buổi họp khoảng đầu ngày 7-10-1963.

(2) — Lời tuyên bố này được in sẵn đề phát cho các ký giả. Khi qua Rome, Hoa thánh đã phản đối, không cho tài liệu được phép phân phát và phổ biến.

Mặt khác, tiếp xúc với đại diện một số các nước khác, yêu cầu ai nấy sẽ kín đáo phát biểu ý kiến đại cương như sau:

— Mặc dù không phải là hội viên Liên-Hiệp Quốc, nhưng với thiện chí mời một phái đoàn tới viếng thăm để nhận xét tại chỗ, Chính phủ Việt Nam đã hùng hồn chứng tỏ lòng vô tư và ngay thẳng của mình. *Thiện nghĩ cuộc viếng thăm này không cần thiết...*

Nhưng.... chiều 7-10, tại Hội đồng Liên Hiệp Quốc, dưới quyền chủ tọa của ông Sosa Rodriguez (đại diện Venezuela), ông Senerat Gunewardene (đại diện Ceylan), trong ba giờ đồng hồ, đã trình bày về vấn đề Phật giáo tại Việt Nam ! Một đôi khi, bài phúc trình bị ngưng trong giây phút, vì những vị đại diện khác phát biểu ý kiến hay hỏi thêm chi tiết. Nhưng ngoài đôi chút « tiểu dị », còn « đại đồng » thì *toàn thể đều công nhận và lên án « miền Nam Việt Nam trả đáp nhân quyền »* (1)

Một phái đoàn được chỉ định gồm đại diện các nước : Afghanistan (Trưởng Phái đoàn), Maroc, Brésil, Ceylan, Costa-Rica, Dahomey và Népal. Đoàn tháp tùng gồm 8 nhân viên thuộc các quốc tịch : Canada, Turquie, France, Grande Bretagne và Laos.

Một số nhân vật (Đại diện chánh thức cũng như nhân viên tháp tùng), có cảm tình chánh trị đối với quốc dân Việt-Nam hoặc cảm tình cá nhân đối với một số nhân vật Việt-Nam, nhưng về vấn đề Phật-giáo, tối đại đa số đều phản đối...

Phái đoàn tới Việt-Nam đêm thứ

Từ 23-10, được tiếp đón long trọng một cách miễn cưỡng, rồi dẫn về trú tại Khách sạn Majestic. Hai điểm hình thức sau đây đủ dẫn chứng tình trạng hồ tương bất bình và bất đồng đó :

— Chánh phủ tha thiết muốn dùng danh từ « thiện chí » (bonne volonté) và hết sức tránh những chữ « điều tra » hay « thông tin » (enquête, information). Trong khi phái đoàn cực lực phản đối. Về sau, nhằm mục đích dung hòa, đành phải dùng danh từ ngán ngùi, mơ hồ và nước đôi, là « Phái đoàn Liên Hiệp Quốc ».

— Chánh phủ có thảo một chương trình đầy đủ cho 7 ngày. Phái đoàn nhất định chỉ theo phần nghi lễ cần thiết. Còn ngoài ra, nỡ ý muốn được tự do hoạt động và tiếp xúc : cần điều gì, phái đoàn sẽ báo trước 4 hay 5 tiếng đồng hồ...

Và các nhân viên phái đoàn đã phản công và phân công, làm việc...

..

Từ ngày 20-10, nghĩa là 3 ngày trước khi phái đoàn Liên Hiệp Quốc tới Saigon, Sư bà Diệu Huệ được tin đã vội thảo tâm thư. Bức thư được chụp hình, sao bản, để dễ phổ biến trong giới Phật tử. Và bản chánh bức thư đó đã tới tay Phái đoàn Liên Hiệp Quốc, nguyên văn như sau :

(1) .— « Violation des droits de l'Homme au Việt Nam du Sud », (điều 77 của chương trình nghị sự buổi hội thứ 1.232 tại L.H.Q. chiều thứ hai 7-10-63.

« *Kính đê Phái-đoàn Liên Hiệp Quốc,*
Thưa Ông,

Tôi tên là *HÀ-THỊ-QUYỀN* tức
 ni cô *Diệu-Huệ*, thân mẫu *Giáo-sư*
Bửu-Hội, có mấy lời tâm huyết sau đây.

1.—*Đối với Phật giáo tôi rất đau đớn*
trong khi Phật giáo lâm nguy, Tăng ni
và tín đồ bị tù đày, tôi không thực hiện
được chí nguyện của tôi là tự thiêu thân
để cầu nguyện cho Phật giáo vì trước kia
Ủy ban Liên phái không cho phép. Bây
giờ thì tôi đã mất hết tự do.

2.—*Đối với gia đình tôi, tôi rất tủi*
nhục vì bác sĩ Bửu-Hội đã phản tôi, phản
Phật giáo và nhất là đã phản lại sự thật
đã xảy ra tại Việt-Nam.

Vậy tôi xin tuyên bố trước Liên Hiệp
Quốc và thế giới biết rằng : ông Bửu Hội
ngày nay không còn là con tôi nữa. Xin
Quốc-nội và Quốc ngoại thông cảm nỗi khổ
tâm đau đớn của tôi.

Và yén cầu chính phủ Ngô-Đình-Diệm
hãy giúp tôi, cho tôi xả bỏ tất thân đau
khổ này bằng cách giết tôi đi đường vì bác
sĩ Bửu Hội mà dung dưỡng tôi.

Nay kính,

Ni-cô Diệu-Huệ

Chánh phủ đã muốn khai thác lá bài
 Giáo sư Bửu Hội là con sư bà Diệu-
 Huệ : đó là một thượng sách chánh trị,
 hùng hồn và tế nhị. Nhưng khi chính
 Sư bà Diệu Huệ có khả năng lên tiếng,
 thì đây lại là một tối thượng sách mà hậu
 quả sẽ vô cùng tai hại cho chánh quyền
 thời đó. Lá thư của Sư bà sẽ là một
 thùng dầu đổ vào ngọn lửa đang nồng
 cháy.

Ông Senerat Gunewardene đại diện

thường trực Tích Lan tại Liên-Hiệp-
 Quốc, đã châm ngòi cho công cuộc vận
 động này, và mặc dầu chỉ là một nhân
 viên phái đoàn, nhưng không một ai
 không biết vai trò của ông quan trọng
 tới mức nào. Là linh hồn cuộc tranh
 đấu, ông đã khéo léo vận dụng mọi
 biện pháp, chủ trương mọi kế hoạch
 thật tinh vi khoa học... Chúng ta hãy
 ôn lại một vài đoạn trong bản thuyết
 trình của ông nhân buổi hội ngày 7-10
 tại trụ sở Liên Hiệp Quốc, ông đã hùng
 hồn tranh đấu nhân danh là triết nhân,
 là chánh khách, là Phật giáo đồ...

« Bốn phần đầu tiên của tôi là phải
 được sự ủng hộ tinh thần và tích cực
 của các quốc gia Á Phi, vì vấn đề liên
 quan tới vùng này nhiều hơn hết. Tôi
 không dám nói rằng vấn đề nhân quyền
 chỉ liên quan tới một phần trong Hội
 đồng chúng ta, hay một nhóm quốc
 gia trên thế giới. Nhưng tấn thảm
 kịch đã diễn ra trong vùng Á Phi, thì lẽ
 dĩ nhiên các quốc gia Á Phi chú trọng
 tới vấn đề này hơn hết. Chúng tôi
 lúc nào cũng tin tưởng rằng : trả đáp
 nhân quyền dù xảy ra bất cứ nơi đâu,
 vẫn là một hành động khiêu khích đối
 với toàn thể nhân loại...

«... Mặc dầu không thể nói rằng đạo
 Gia-tô là quốc giáo tại Việt-Nam,
 nhưng trong thực tế, tại Việt-Nam,
 chỉ có đạo Gia-tô được coi là tôn giáo !
 Đoàn thể các tín đồ Phật-giáo có đông
 đảo, nhưng chỉ được đồng hóa với
 một hội đoàn, một câu lạc bộ !

«... Tôi dám tin chắc rằng một người
 nhân danh là một người, có quyền tự
 nhận là Phật-giáo đồ, có quyền tham
 dự các hoạt động Phật giáo cùng là
 tuân theo những lễ nghi Phật giáo,

miễn sao không thương tổn đến luân thường đạo lý. Và tôi chưa thấy ai dám nghĩ rằng Phật-giáo truyền dạy những điều ngược với cương thường...

«... Hết thấy các công chức muốn bảo đảm sinh mạng và sinh kế, — dù là không có lệnh trên, — vẫn có bốn phân dự lễ tại Nhà Thờ nhân dịp sinh nhật Tổng Thống hay anh Tổng Thống là đức Giám mục quyền thế Ngô Đình Thục...

«... Ngày 11-6, một biến cố đã xảy ra, làm chấn động dư luận toàn thế giới. Thượng Tọa Thích Quảng Đức tự vẫn. Người đã tự hy sinh vì lòng từ bi đối với số đông. Tôi có ở đây bản di chúc do chính Người thảo và ký tên, nhờ đó chúng ta được biết Người đã hành động như vậy là gì lòng yêu thương nhân loại và tranh đấu cho các Phật-giáo đồ được quyền tự do tín ngưỡng...

«... Thật là một hành động trang nghiêm, thực hiện với một lễ nghi long trọng. Bốn vị tăng và một vị ni cũng đã theo gương khiến thế giới xúc động... Các Ngài có biết bà Nhu đã bình phẩm như sao không? Bà Nhu nói: Nếu có thể được, tôi sẽ đánh họ mười lần hơn, tôi sẽ vỗ tay mỗi khi được tin một nhà sư tự «nướng» trước công chúng...

«... Các Ngài có thể tưởng tượng một lời tuyên bố nào độc ác và vô nhân đạo hơn như thế? Một người đã tự ý hy sinh tánh mạng là bảo vật quý giá nhất, nhằm tranh đấu cho đại nghĩa và nhân loại: một hành động như vậy đã khiến cả thế giới lưu tâm cảm phục. Và sự kiện cho chúng ta biết rõ tâm trạng

các nhà cầm quyền tại Việt Nam! Người ta có thể nói rằng; bà Nhu chỉ là một cá nhân có quyền phát biểu ý kiến riêng! Không thể được! Vì bà Nhu là nhân viên Quốc Hội, lưu trú trong dinh, lãnh đạo phong trào phụ nữ và tổ chức phụ nữ bán quân sự. Bà Nhu không phải hoàn toàn là một cá nhân; bà là vợ một nhân vật quyền thế nhất trong chánh phủ, một « uy quyền » sau ngai vàng, nếu ta chưa muốn nói là uy quyền độc nhất của chánh thể...

«... Chính thân phụ bà Nhu — là một người bạn thân của tôi mà tôi rất mến trọng, một nhân vật ưu tú, có cá tính, — cũng không chịu nổi! Ông đã nhiều lần phản đối và phủ nhận những lời tuyên bố của con gái... Nhưng bà Nhu lại thần thế hơn thân phụ (1). Và ông Trần-văn-Chương từ chức. Bà Trần-văn-Chương quan sát viên tại Liên Hiệp Quốc — là một người khá kính mà một số trong chúng ta chắc đã có vinh dự quen biết —, cũng từ chức theo chồng...

«... Ông Bộ trưởng Ngoại giao Việt-Nam từ chức, nhưng không được chánh quyền chấp thuận. Ông bèn cắt tóc, mặc áo vàng, đi hành hương Ấn-độ, cầu nguyện để nỗi thống khổ của các đồng bào và đạo hữu được thuyên giảm phần nào...

«... Người ta có thể nào coi những

(1). — Các báo khi tường thuật không biết dùng chữ như sao cho phải. O. Trần-văn-Chương bị coi như «nghech tặc», nhưng lại là thân phụ bà Nhu là «độc nhất phu nhân»! Có bạn ký giả đã viết: Trần-văn-Chương đã không đồng ý với lệnh ái của y... (Tình trạng thật éo le phức tạp!...)

hành động tự thiêu kia như vô tri giác ? Những nhân vật ưu tú thuộc đủ các giới văn nghệ, tôn giáo, những nhân vật cá tính mạnh mẽ, can đảm có thừa, đã đứng trong hàng ngũ tự thiêu. Người ta có thể nào nói rằng các nhân viên ngoại giao, các vị Bộ trưởng đã từ chức, đều là những kẻ cuồng tín hay thác loạn ? Không, đây là những người đã đi đến bước đường cùng, vì nhân danh là con người, đã không thể chịu đựng hơn được, và không thể để mặc cho chánh phủ đàn áp Phật-giáo nữa !

« Chúng tôi không nhằm reo cảm-xúc hay gây khát vọng. Chúng tôi không hoạt-động vì danh tiếng cá-nhân. Chúng tôi chỉ tha-thiết có một điều : tại Việt-Nam, chánh quyền làm sau sớm văn hồi quyền tự-do tín-ngưỡng cho giới Phật tử. Những người này chỉ mong được hưởng quyền bình đẳng. Họ không hề dám yêu sách những đặc quyền mặc dù đoàn thể có số đông hơn... »

Và chúng ta hiểu trong tình trạng như vậy, bức tâm thư của Sư bà Diệu-Huệ (là thân-mẫu Giáo sư BỬU HỘI, người đã từng lên tiếng tại Việt-Nam không hề có khuôn khổ Phật Giáo), một khi đến tay Phái-đoàn Liên-Hiệp-Quốc, thì phản ứng có thể quan trọng và quyết liệt tới mức nào ?...

* *

Ngày 26-10 ; Quốc-Khánh. Một số nhân viên phái đoàn dự lễ, trong khi một số khác đi thăm các nơi, len lỏi giữa hàng ngũ thừa thớt những người đi xem hội... Như đã ghi ở trên,

phái đoàn không thuận theo chương-trình do chánh-phủ đã soạn thảo, nhằm mục-đích theo dõi hoạt động của các nhân viên, cùng là « giúp » họ tiêu thì giờ một cách « hữu lý » hơn là đi quan sát về vấn đề Phật-Giáo... Bởi vậy, nhiều cuộc viếng thăm không được thực hiện, hoặc có thực hiện thì cũng không đông người tham dự...

Chương trình định là : tối thứ bảy 2-11, ông Bộ-Trưởng ngoại-giao thiết tiệc, rồi sau đó, phái đoàn đi coi hát, thưởng-thức các vũ-diệu, dân-ca, tại quán Anh-vũ. Nhưng chiều 1-11 : đảo chánh. Vừa đi thăm Trung-tâm thẩm-vấn của Nha Tổng Giám-đốc Cảnh-sát Công-an Quốc-gia trở về, thì một nhân-viên thẩm-quyền khuyên phái-đoàn không nên ra ngoài khách sạn, vì có cuộc bắn phá tại nhiều nơi. Sáng 2-11, nhân danh Hội-đồng Quân-nhân Cách-mạng, một nhân-viên mời phái-đoàn có thể tùy ý ở lại Việt-Nam tới chừng nào cũng được. Và cũng buổi sáng 2-11, có tin hai vai chủ động trong tấn bi kịch Phật giáo (hai ông Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Nhu) đã ra người thiên cổ...

Chiều 4-11-1963. Phái đoàn từ biệt Saigon, vì tự xét đã hết nhiệm vụ tại Việt Nam. Bản cáo trạng chấm hết, vì các bị cáo không còn nữa...

Ngày 11-12-1963. Văn-phòng Liên-Hiệp-Quốc công-bố bản-phức trình của Phái đoàn, dày 254 trang. Trái với lệ thường, bản phức trình lần này không có ý kiến đa số và ý kiến thiểu số, với những nhận xét và kết luận. Có lẽ vì những sự kiện kể lại cũng đủ hùng hồn dẫn chứng, không cần bình phẩm...

Bản phúc trình ghi lại những hoạt động, những tiếp xúc của phái đoàn, theo thứ tự thời gian.

Tổng thống Ngô-Đình-Diệm tuyên bố với phái đoàn là « ngày 19-8, các vị chỉ huy quân đội đã yêu cầu Tổng thống ban hành giới nghiêm hầu đường đầu với thời cuộc, trước khi tình thế trở nên quá nghiêm trọng vì những cuộc biểu tình do các Phật tử tổ chức ». Tổng thống còn cho biết là « cuộc tấn công Chùa Xá Lợi không hề gây thiệt hại sinh mạng », và « trước vụ tấn công, các giới tăng ni đã từ chối không chịu kiểm điểm xem có vị nào còn bị giam giữ ! Sự thực thì không có vị tăng ni nào bị giam giữ ! » (1)

Ông Ngô-Đình-Nhu nhắc lại với phái đoàn những ý kiến mà ông đã ghi trong khi thảo bức thư do Tổng thống Ngô-Đình-Diệm ký, gửi ông Tổng Thư ký Liên-Hiệp-Quốc ngày 7-9-1963. Rồi ông bình luận :

— Chính phủ Việt Nam không hề áp dụng chánh sách đàn áp Phật-giáo, nhưng Phật-giáo gặp nhiều khó khăn nội bộ và bị các lực lượng Đông cũng như Tây thâm nhập. Hành chánh và quân đội chúng tôi cũng bị đầu độc bởi những lý thuyết ngoại lai : đó là điều không thể tránh được vì tình thế địa dư và chánh trị tại Việt-Nam. Hoa-Kỳ chủ trương tự-do như một biện pháp cho bài toán các quốc gia kém mở mang. Nhưng tự do không phải là giải phóng, và công cuộc giải phóng do Cộng sản chủ trương không phải là tự do. Một nhân vật giải phóng không đương nhiên là một nhân vật có óc khoáng đạt, và một nhân vật có óc

khoáng đạt không bắt buộc phải là một nhà giải phóng (2). Ở đây, chúng ta đứng vào một tình trạng tiến thoái lưỡng nan... Các bạn Phật tử và chúng tôi cùng đi một chuyến dò...

Bản phúc trình cũng có ghi những lời khai của 47 nhân chứng, Công giáo, Phật giáo, và các tôn giáo khác, ở Saigon, ở Huế v.v...

Và tấn kịch Phật giáo, khơi mào từ Huế ngày 8-5, trải qua giai đoạn trầm trọng nhất với Chùa Xá Lợi bị tấn công ngày 20-8, đã chấm dứt với cuộc cách mạng ngày 1-11-1963. Trên trường quốc tế, bản phúc trình của phái đoàn Liên Hiệp Quốc được công bố ngày 11-12 đã kết thúc tập hồ sơ này nặng nề và thảm khốc... Dám mong rằng bài học ở Việt Nam sẽ là một kinh nghiệm sống, không những cho riêng chúng ta mà còn cho bất cứ ai, tư nhân hay chánh phủ, Âu hay Á, hiện tại hay tương lai...

(1). — Tất cả những điều này tất nhiên đều không đúng sự thực.

(2). — Mais la liberté n'est pas la libération et la libération que prône le Communisme n'est pas la liberté. Un libérateur n'est pas automatiquement un libéral, et un libéral n'est pas nécessairement un libérateur...

Phụ chú. — *Cuốn Sổ Tay đáng lẽ tôi đây chấm hết. Nhưng phần I ra mắt không được bao ngày, đã có chút tiếng vang. Nhờ đó, chúng tôi được biết thêm chi tiết : và do đó, có hân hạnh viết thêm mấy trang sau đây bổ sung cần thiết.*

(1). — Đoạn nói về ông Trần Văn

Chương từ chức. Đối chiếu các tài liệu và sự kiện, tiếp xúc với một số anh em trong và ngoài nghề nhưng đều đã từng lưu trú tại Mỹ quốc, chúng tôi được biết trước đây ông đã 3 lần tỏ thái độ như vậy : 1959, 1961 và 1962. Nhưng các lần trước, lời lẽ dịu dàng, nội dung kín đáo, viện lý do sức khỏe... Lần này, lời lẽ cứng rắn, nội dung rõ rệt...

II. — Ngày 29-8. Giáo-sư Vũ Văn-Mẫu và Giáo-sư Bửu-Hội cùng đáp một chuyến phi cơ.

Trên phi cơ, hai nhân vật không ngồi gần nhau. Dọc đường, phi cơ dùng cánh tại một phi trường vì lý do kỹ thuật. Hai nhân vật không tránh được nhau, nên

có cùng nhau đàm thoại.

Giáo-sư Bửu-Hội tâm sự với Giáo-sư Vũ-Văn-Mẫu :

— Tại Saigon, tôi không làm gì được... Sang tới Paris, tôi cũng sẽ nộp đơn xin từ chức... (!)

III. — Bức mật điện ngày 16-8, ông Trần-Văn-Chương gửi thẳng về Phủ Tổng-Thống. Vì không có mặt mã, Phủ Tổng-thống chuyển sang Bộ ngoại giao để dịch ra văn thường.

Tổng-thống đưa mật điện cho Hội đồng Liên bộ. Sau đó, Tổng-thống nhận xét « bức điện bất khả dung thứ về nội dung cũng như hình thức... »

PHẠM TRỌNG NHÂN

● Trong một cuộc nội chiến, cả sự thắng trận cũng là một sự bại trận.

Lucien

● Thương để tạo đồ ăn, quý sự đồ gia vị

James Joyce

ĐÍNH CHÁNH

Trong bài « **Cuốn sổ tay của một nhân viên ngoại giao nhân vụ tấn công Chùa Xá Lợi...** » của Ô. Phạm-Trọng-Nhân, đoạn in trong sổ trước — Bách Khoa 169 — có một đoạn sắp chữ lăm, trân trọng xin bạn đọc sửa giúp lại cho đúng.

Trang 35, cột 1, từ hàng 6 trở đi, xin đọc như sau :

« Nhờ một nhân-viên cao cấp, nhà ở gần Chùa Xá-Lợi, điện thoại cho biết, nên ông Bộ-trưởng Ngoại-giao được thưởng thức một bữa khầu-trình bất ngờ, bi đát... ».

Trang 39 cột 1, hàng 35, đã in là : « hai trăm thước » xin sửa lại cho đúng là : « năm mươi thước ».

Trân trọng cáo lỗi cùng tác-giả và độc giả Bách Khoa.

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

S A I G O N



HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES:

LONDON

Barrington House 59-67 Gresham Street, London, E C. 2

TOKYO

No. 1, 2-Chome Muromachi, Nihonbashi, Chuo-ku, Tokyo

HONGKONG

60, Bonham Strand West.

CENTRAL DISTRICT

Shell House, Queen's Road.

KOWLOON

580 A. Nathan Road Kowloon.

SINGAPORE

64 South Bridge Road.

KUALA LUMPUR

14 Ampang Street.

Án khảo chứng tích

✱ NGUYỄN-PHƯƠNG

3 — *Tình cách đáng tin của người chứng (xin xem BK từ số 167)*

4 — **Đánh giá chứng tích**

Đánh giá chứng tích tức là tìm chính sự kiện lịch sử được lưu lại qua chứng tích. Tất cả những gì đã bàn tới, như đã trình bày trước đây đều là con đường đem đến việc đánh giá chứng tích, vì đó là đợt cuối cùng của công việc theo đuổi sự kiện lịch sử. Ở đây chúng tôi sẽ chỉ nói đến những gì còn lại phải nói về công việc khảo chứng của sử gia, nó có thể chia làm hai phần, phần đầu đem ra một số nhận xét chung của việc đánh giá chứng tích, và phần sau sẽ đánh giá cách riêng một số chứng tích.

a) Một số nhận xét chung về chứng tích.

Nói chung. Người ta thường nghĩ rằng một việc không thể trong cùng một lúc, và dưới cùng một hoàn cảnh mà

vừa có lại vừa không có. Ấy thế mà khi khảo sát chứng tích, sử gia lại gặp thấy rất nhiều những trường hợp như thế. Cũng một việc mà nhiều khi sử liệu này quả quyết rằng có, đang lúc đó sử liệu khác lại đồng dục nói rằng không. Vậy sử gia phải làm thế nào? Đứng trước những trường hợp như vậy, thái độ đầu tiên của sử gia là phải suy xét. Sử gia phải phân biệt xem sự trái ngược giữa hai sử liệu là nằm ngay trong bản tính của sự kiện hay là chỉ ở những nét phụ thuộc. Nếu là ở những nét phụ thuộc thì sự kiện có thể chấp nhận, miễn là cả hai sử liệu đều hoàn toàn đáng tin như nhau. Đàng khác, nếu sử gia phân tích kỹ lưỡng, theo những nguyên tắc đã nói đến ở nhiều chỗ trước đây, thì biết đâu những điểm trái ngược phụ thuộc đó sẽ không còn nữa. Người xưa đã có nói: *Distingue tempora, conciliabunt jura*, xét cho kỹ để phân biệt

thời đại này với thời đại khác, người ta sẽ thấy pháp luật không còn tương phản nữa.

Có những sự việc được thuật lại, thấy trái ngược với những nguyên tắc vật lý. Bấy giờ sử gia phải đề đặt điều tra cho thấu đáo xem thử thực sự có sự trái ngược đó không, hay là chỉ trái ngược ở mặt ngoài mà thôi. Sở dĩ người đời thường phi bác những sự việc trái ngược với luật thiên nhiên như vậy, phần nhiều là vì người chứng thiếu tư cách để minh chứng về sự việc xảy ra. Nhưng sau khi đã làm tất cả những gì cần phải làm để được chắc chắn về tính cách đáng tin của chứng nhân, thì sử gia chỉ còn có một việc nữa là ghi lại hiện tượng đó để tìm hiểu dần dần, bởi vì thế giới vẫn còn chán vạn sự lạ mà người đời chưa tìm ra qui luật hoặc nguyên do.

Trường hợp chứng tích đồng qui. Sau khi khảo chứng, sử gia có thể gặp một số những sử liệu nói về cùng một việc, và có tính cách chắc chắn như nhau, phát xuất từ những nhân chứng đáng tin như nhau. Nếu vậy thì cổ nhiên sự kiện có một trình độ đúng đắn cao, và trình độ này càng cao khi những sử liệu như vậy càng nhiều. Giả sử, tất cả những sử liệu đồng qui đó chỉ ở trong tình trạng có thể tin được thì thường sự kiện cũng chỉ ở trong trình độ có thể tin được mà thôi. Dầu vậy, cũng có trường hợp nhiều chứng tích hơi đáng tin có thể thành một chứng tích chắc chắn, vì nó tỏ ra đó là một sự thật khách quan.

Nhiều khi hoàn cảnh có thể làm cho một sự kiện trước kia chỉ được

phỏng đoán trở thành chắc chắn hay làm cho một sự kiện mơ hồ trở thành có căn cứ. Thực ra, hoàn cảnh chỉ có giá trị tương đối khi xét riêng rẽ từng cái một, nhưng đồ đồng lại, nó có thể giúp rất nhiều trong việc tìm tòi chân lý. Đôi khi người ta còn tin hoàn cảnh hơn chính người chứng, vì họ nói rằng chứng nhân có thể nói láo, nhưng hoàn cảnh thì không. Nói cho đúng, hoàn cảnh cũng có thể nói láo, bởi vì tự mình nó hoàn cảnh nào có ý nghĩa gì, và nếu nó có ý nghĩa nào đó là do chúng ta gán cho, mà chúng ta vẫn có thể nói láo. Vì vậy, hoàn cảnh cũng như chứng nhân, vẫn có phần lợi và phần bất lợi. Nếu sử gia biết khôn khéo lợi dụng hoàn cảnh để tìm chân lý lịch sử, thì nó sẽ hữu ích cho sử gia, không khác gì nó vẫn hữu ích cho các quan tòa.

Về phần di tích, những khi gặp nhiều di tích làm chứng về cùng một sự kiện, sự kiện này có thể coi là chắc chắn. Nhưng muốn thế, sự làm chứng phải được bảo đảm, nghĩa là các di tích đồng qui đó phải hoàn toàn biệt lập, và kết luận do di tích mà ra cần phải được rõ ràng, chứ không phải chỉ là những ước thuyết. Trong trường hợp đồng qui có bảo đảm, nếu càng gặp được nhiều di tích hơn, càng chắc chắn hơn. Một ví dụ: Ở một địa điểm nào đó, người ta gặp được một đồng tiền vương mãng, chẳng hạn, đó chưa phải là có thể nói được rằng ngày xưa người Trung quốc đã định cư tại đó, nhưng nếu gặp được nhiều đồng tiền Vương mãng, đồng thời với nhiều dụng cụ và nhiều đồ trang trí đời Hán, bấy giờ mới có đủ lý để tin chắc về sự cư trú của họ.

Cũng như về di tích, muốn cho sự đồng qui có giá trị, lưu ký phải hoàn toàn biệt lập, bởi vì nếu có nhiều sử liệu mà lập lại cùng một nguồn, thì nhiều cũng không thêm giá trị gì. Tài liệu lịch sử lệ thuộc nhau dưới nhiều hình thức, hoặc là sao lại một bản văn khác, hoặc là lời lẽ bị ảnh hưởng bởi mưu mô hay là sự dụ dỗ của kẻ khác, hoặc là do những người thuộc về cùng một môn phái, một đảng chính trị.... Phương pháp để phát giác sự lệ thuộc là phân tích. Nhờ công tác phân tích, sử gia sẽ nhận được những yếu tố vay mượn và sẽ tùy theo đó để xét về trình độ lệ thuộc. Có một nguyên tắc căn bản nên nhớ là chứng tích cốt ở sự quan trọng chứ không cốt nhiều (*testimonia non sunt numeranda sed ponderanda*). Ví dụ trường hợp rất nhiều tờ nhật báo đăng tải một biến cố, nhưng nếu tất cả đều dựa vào một bản thông cáo chung nào đó, thì dù nhiều cho đến chất đồng lên nữa cũng không thêm giá trị gì cho tính cách đáng tin của câu chuyện.

Thường thường, khi sử gia kết luận trên nguyên tắc các chứng tích đồng qui, sử gia dựa vào trên hai căn bản, căn bản tâm lý thực nghiệm và căn bản đủ lẽ. Kinh nghiệm về tâm lý cho chúng ta biết rằng hai hay nhiều cá nhân, khi tư-tưởng hoặc trước-thuật một cách biệt lập, sẽ không thể nào bịa ra được một câu chuyện giống nhau. Căn bản đủ lẽ có giá trị vì nó dựa trên luận lý là các chứng nhân biệt lập, vì có một nền giáo dục khác nhau có những quan điểm khác nhau, những quyền lợi khác nhau, lại ở trong những

hoàn cảnh khác nhau, nên không lẽ nào tình cờ mà giống nhau được khi họ phúc trình về một biến cố, nếu biến cố đó không có thật.

Theo những nguyên tắc vừa trình bày, sử gia có thể kết luận như sau :

— Những tài liệu mặc dầu không được hoàn toàn bảo đảm, nhưng nếu nó gặp nhau trong một câu chuyện nào đó, sử gia cũng có thể cho là đáng tin, cả về những chuyện truyền khẩu cũng vậy, tuy nhiên không bao giờ được quên rằng những tài liệu nói đây phải hoàn toàn biệt lập, vì chính sự biệt lập này là nền tảng làm cho sự đồng qui có giá trị.

— Trong trường hợp người chứng thuật lại là người chứng độc nhất, nhưng nếu người này đã lược lặt do nhiều nguồn tin biệt lập và có bảo đảm, thì chứng tích của người đó vẫn có thể kể là chắc chắn.

— Nếu giữa hai hay nhiều sử liệu biệt lập, có sự đồng qui về bản chất của một câu chuyện, nhưng lại có sự dị biệt về một số chi tiết phụ, sự dị biệt này không làm mất giá trị của câu chuyện, bởi vì sự dị biệt trong những chỗ không cốt yếu giữa nhiều người chứng là một điều không sao tránh được, do ở chỗ các người chứng có những cách quan sát, những trình độ giáo dục, hay những thói quen truyền chuyển khác nhau mà ra.

— Những người chứng biệt lập như vừa nói, nếu càng nhiều người thuật về cùng một chuyện ; thì chuyện đó càng có tính cách đáng tin hơn,

vì sự đồng qui của càng nhiều người càng làm cho phần sai lạc bớt xuống.

Trường hợp đồng qui giữa chứng tích và di tích. Trong vấn đề này, có hai việc phải xét, khi chứng tích được di tích xác nhận, và khi di tích được chứng tích làm tỏ rõ.

— Khi một chứng tích được một di tích xác nhận, thì bấy giờ sử gia không nên nghi ngờ gì nữa. Những chuyện rất khả nghi gặp trường hợp này cũng thành ra đáng tin hơn. Khi chứng tích là do một người chứng độc nhất để lại, hay khi câu chuyện chỉ có tính cách truyền khẩu, thì sự tăng bổ của di tích càng trở nên quý giá. Chuyện truyền khẩu mang dấu vết hoang đường, mà được một mẫu văn bia, hay một lâu đài cổ chứng xác, thì bấy giờ mẫu chuyện đó có thể tin được, ít ra ở những chỗ đã được chứng xác như vậy.

— Di tích được chứng tích tăng bổ, đó là trường hợp người ta gặp những ngôi mộ, những lâu đài cổ mất hẳn hộ tịch, rồi sau, trong một dịp may mắn nào đó, người ta khám phá ra hay khai quật được những văn liệu giấu ẩn hay chôn vùi lâu đời về trước. Điển hình hơn cả về vấn đề này là những điều người ta biết được về nền văn minh Ai-Cập. Thấy những di tích nhan nhản về nền văn minh này, các nhà cổ học đã phỏng đoán được nhiều điều về tính cách cổ kính và trình độ khá cao của nó, từ thế kỷ 19 mà đi, khi các nhà ngữ học, theo sự chỉ dẫn của Champollion, đã đọc được thứ chữ xưa của Ai-Cập, người ta có thể thấy chắc rằng nhiều điều đoán phỏng trước

kia là có căn cứ. Về di tích của nền văn minh Babylon, Assyria, cũng vậy, người ta đã biết rõ hơn sau khi khám phá được tử sách bằng chữ đinh (cunéiforme) của Assurbanipal ở Ninive.

Vấn đề các địa danh cổ cũng thuộc về mục này. Các địa danh như thế thường có giá trị lịch sử, nhưng không có một luật chung nào có thể dựa vào để nói được là nó đáng tin đến đâu, và sử gia phải khảo xét riêng biệt mỗi lần gặp nó. Những danh từ như: Nga tư Bà Queo, Trường súng, Cầu Kho, hay Sinh Sĩa, v.v... đều là những di tích mà muốn hiểu rõ nguồn gốc sử gia cần phải có sự đồng qui của sử liệu.

Trường hợp chứng tích tương phản. Trước đây đã nói đến hiện tượng có những sử liệu trái ngược, phủ nhận nhau, nay xin trình bày một ít cách giải quyết.

— Nếu là trường hợp sử liệu tương phản nhau thực sự, nghĩa là không phải ở những nét phụ thuộc, mà ngay ở trong bản chất, thì bước đầu tiên của sử gia là xét riêng giá-trị của từng người chứng, xem chứng tích của họ chắc chắn đến độ nào, sau đó sẽ đem so sánh lại với nhau. Bấy giờ nếu mỗi người chứng thuộc về một bên tỏ ra có đủ lẽ để được tin tưởng không kém gì mỗi người chứng của bên kia, và nếu đảng khác không sao giải quyết được sự tương phản, thì sử gia chỉ còn một đường phải đi là kết luận rằng các chứng nhân không đồng ý với nhau và ngưng phán đoán về tính cách lịch sử của sự việc cho đến khi có những nguồn ánh sáng mới. Trong những trường hợp như

vậy, nếu sử gia, vì tiếc công trình đã bỏ ra, muốn vội vàng đi đến một phán đoán nào đó, thì phán đoán này chẳng những là ép uống, không ích lợi gì cho lịch sử, mà còn làm lu mờ thêm sự thật là đang khác.

— Trong trường hợp trên đây, nếu xét ra một bên mang rõ dấu vết khả nghi thì sử gia loại bên đó đi mà theo bên có đủ lẽ để tin.

— Nếu một chứng tích chắc chắn chạm trán với một chứng tích chỉ có thể tin được mà thôi, thì chứng tích trước có giá trị hơn.

— Nếu một chứng tích có lý lắm tương phản với một chứng tích chỉ có lý vừa vừa, thì sử gia phải xét lại chứng tích trước và phải dò xem có phải chứng tích sau lệ thuộc cái trước không. Những dịp như vừa nói phần nhiều dẫn đến kết luận là hai sử liệu lệ thuộc nhau. Sở dĩ phải nhấn mạnh ở điểm này là bởi có nhiều sử gia, vì thiếu óc khảo chứng, đã có khuynh hướng lựa chọn tài liệu nào mới hơn thì dùng, mặc dầu tài liệu đó không đáng tin bằng những tài liệu cũ hơn và đang khác còn lệ thuộc những tài liệu cũ đó.

— Sau khi khảo xét, nếu thấy rằng sự tương phản do óc đảng phái mà ra, thì sử gia phải tìm sự thật ở chỗ chiết trung, ví dụ khi cả hai bên đều tuyên bố là mình thắng, sử gia phải cho rằng thế là không bên nào toàn thắng hết.

— Lại có những lúc, cũng một nhân chứng đó, mà khi nói thế này khi nói thế khác, trái ngược nhau. Bấy giờ việc sử gia phải làm là xét trường hợp chứng tích ra đời, vì trường hợp này có thể cho sử gia biết tâm lý của người chứng.

Ví dụ Napoléon có ba lối giải thích về cái chết của Công tước d'Enghien: khi nói chuyện riêng thì vị hoàng đế tỏ ra hối hận, với các bạn thân thì tìm cách chữa mình, và nói công khai thì ông lại bênh vực việc hành hình. Trong ba lúc này, có lẽ trường hợp thứ nhất là phản chiếu thực trạng của tâm hồn Napoléon hơn cả.

— Khi những tài liệu đáng tin tương phản về những điểm phụ thuộc, thì sử gia có thể giữ lấy căn bản của câu chuyện, vì căn bản này không bị trái ngược, như đã nói ở đầu mục này. Nhưng còn có một chỗ đáng chú ý là nếu sự đồng qui ở chỗ cốt yếu là của những nhân chứng không đáng tin cậy, và các nhân chứng đó lại tương phản ở chỗ phụ thuộc, thì sử gia có thể nhân phần tương phản ở chỗ phụ thuộc mà phát giác tính cách giả dối của chính chỗ cốt yếu nữa. Lối xử sự này đã được Tiên tri Daniel dùng trong Thánh Kinh về chuyện người ta vu khống cho bà Susanna.

b) Đánh giá một số chứng tích.

Sau đây chúng tôi xin nêu lên những sử liệu thường gặp nhất và vạch ra một số nhận xét để sinh viên sử học có thể theo đó mà đánh giá sử liệu mình dùng.

Sử biên niên. Biên niên là cách chép sử của các thời trước. Trong loại này, sử gia lấy thời gian làm bố cục, thuật hết chuyện ngày này mới qua chuyện ngày khác, hết tháng này rồi mới qua tháng khác, v.v... Lấy thời gian làm đơn vị căn bản như thế, một chuyện xảy ra bên Tây có thể nằm cạnh một chuyện xảy ra bên Đông, nếu cả hai xảy ra trong cùng một ngày. Vì thế đặc điểm của loại sử biên niên là thiếu tính cách tổng

hợp. Ngoài ra, những sử gia chép loại sử biên niên, như các tác giả của *Đại Việt Sử ký Toàn thư* và *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* thường ít có óc khảo chứng nên sự kiện có nhiều chỗ phi phỏng. Về quyển trước, nên xem bài « phương pháp sử của Lê-văn-Hưu và Ngô-sĩ-Liên » trong Tạp chí *Đại học*, số 30.

Tiểu sử. Thường thường, người chép tiểu sử cũng có bốn phần khảo sử liệu kỹ lưỡng như người chép sử, nhưng có điều này nên lưu ý là người chép tiểu sử phần nhiều có khuynh hướng tô điểm cho vị anh hùng của mình thành xuất chúng và cố gắng đeo gót cho câu văn được hấp dẫn. Vì thế, đôi khi sự kiện lịch sử bị uốn nắn ít nhiều, và có khi bị xuyên tạc nữa là khác. Thêm nữa người chép tiểu sử hay rút tài liệu ở các nguồn như thư tín, hồi ký, nhật ký, mà các nguồn đó không phải bao giờ cũng đúng sự thật. Vậy, sử gia khi dùng tiểu sử làm tài liệu, phải lưu ý án khảo : tiểu sử càng được chép với một phương pháp chặt chẽ bao nhiêu, càng đáng tin bấy nhiêu. Những tập tiểu sử như *Lê Thánh Tôn* của Chu-Thiên hay *Quang Trung* của Hoa-Bằng là những tác phẩm chứa nhiều công trình án khảo.

Hồi ký. Đó là một nguồn sử liệu quý, chép bởi chính những người đóng vai trong những biến cố được thuật lại. Dầu vậy sử gia cũng nên nhớ rằng nó vẫn có thể chứa đựng sai lạc vì những lý do này : Trước hết, hồi ký thường dựa vào ký ức để viết, mà ký ức đâu phải luôn luôn trung thành ? Bởi vậy, một việc xảy ra càng cách xa lúc viết càng có thể bị sai lạc hơn.

Nếu người chép hồi ký có được thư tín, hoặc nhật ký nâng đỡ, thì công việc sẽ được chắc chắn. Lý do nữa khiến cho hồi ký có thể bị sai lạc, là thường người ta chép hồi ký với tiền ý bênh vực sự nghiệp của mình. Vì lo lắng tự biện chính như vậy mà nhiều khi tác giả phóng đại sự thật, hay che giấu đi những chỗ không được mấy tốt đẹp. Về tập hồi ký của J. Lanier, nhan đề là *Le Drame Indo-chinois (de Điện Biên phủ au « Pari » de Genève)* xuất bản năm 1957, chẳng hạn, tướng Henri Navarre đã viết : « Không ai sẽ lấy gì làm lạ nếu sách đó, như chính tác giả đã nói, là một « tài liệu » chép ra « chỉ vì lòng ưu ái đối với sự thật ». Chẳng may xem ra vị cựu thủ tướng đã cố tìm cách đem những trách nhiệm, chính ra là của ông, trút đổ một phần cho các vị chỉ huy quân sự, một phần cho kẻ kẻ vị ông. Sách ông đầy dẫy những chỗ bỏ sót, sai lạc, mâu thuẫn, ẩn ý, và có khi xuyên tạc sự thật nữa ».

Nhật ký. Theo nghĩa của tên nó, thì nhật ký là loại sử liệu được ghi lại mọi ngày, ngay sau khi việc vừa xảy ra. Như thế, xét về mặt đúng đắn và đáng tin, hồi còn gì giá trị cho bằng. Dầu vậy, sử gia cũng vẫn còn phải cẩn thận, vì người ta cũng lạm dụng tiếng nhật ký như nhiều tiếng khác, và biết đâu đang khi đặt tên cho công việc mình là nhật ký, người ta vẫn chỉ chép lại công việc thật lâu sau khi nó xảy ra ? Trong trường hợp danh chính ngôn thuận, nhật ký rất có ích lợi trong việc nghiên cứu thời gian xảy ra biến cố, và thiết định tính cách lịch sử của những sự việc bị hoài nghi.

Chính nhật ký là loại tài liệu cung cấp cho sử gia nhiều chi tiết sống động để có thể tái tạo quá khứ một cách cụ thể và giàu màu sắc. Muốn chắc chắn về trình độ đáng tin của một tập nhật ký, sử gia nên lấy ra một ít sự kiện để khảo sát đem nó so sánh với các nguồn sử liệu đồng thời có thể có được. Nếu những sự kiện lấy ra làm ví dụ đó có tính cách xác quả, thì tập nhật ký có thể coi được là có giá trị. Nếu khi khảo sát mà thấy sai lạc xen vào, đó là dấu buộc sử gia hề mỗi lần dùng đến là phải xem xét kỹ.

Thư tín.— Thư từ thường là thuật chuyện xảy ra cho người vắng mặt biết, vì vậy nó rất có thể dùng làm tài liệu lịch sử. Giá trị lịch sử của thư tín thường rất cao, vì nó cho sử gia biết các biến cố đồng thời, dư luận công chúng, phong tục, v.v... Bao giờ dùng đến, sử gia phải án khảo theo các nguyên tắc chung về người viết, về trường hợp, về tính cách đáng tin... Nhưng có một vài loại thư thường ít bảo đảm hơn, ví dụ thư giới thiệu, thư ngoại giao. Những lá thư riêng đi theo một việc công cũng ít khi đáng tin, vì tác giả của thư bởi muốn cho được việc công, nên có thể nói không thật.

Tập truyền. Tập truyền là lời truyền khẩu về một câu chuyện xảy ra lâu về trước và có tính cách quan trọng, trao lại từ thế hệ này đến thế hệ khác. Xét về phương diện hình thành, người ta nhận được ba đợt. Trước hết nó là một mẫu chuyện truyền đi và vẫn giữ được tính cách lịch sử của nó. Rồi đến lúc câu chuyện vì phổ biến và in sâu vào tâm trí được diễn ra thành phong tục hay là thành những tổ chức dân sự,

tôn giáo, nghi lễ. Sau cùng câu chuyện được ghi lại hoặc bằng văn tự hoặc bằng tranh ảnh.

Theo đó, tập truyền về những biến cố lịch sử, muốn cho được đáng tin, sử gia cần phải đòi một số điều kiện. Phải có những điều kiện chung như tập truyền chuyển đi không bị đứt đoạn và phải có nhiều mẫu chuyện song song không tương phản về một biến cố. Và phải có những điều kiện riêng nữa, như phải là một biến cố quan trọng, phải thuộc về một thời kỳ nào đó chứ không phải bông lông, trong thời kỳ đó phải không bị ai phản đối, thời gian truyền xuống cho đến khi được chép lại không được lâu quá, trong thời gian đó phải trải qua những thời đại biết suy xét và tìm tòi, và cuối cùng không bị những kẻ có óc phán đoán phi bác.

Sử Việt-nam, nhất là trong buổi đầu, chứa đầy những tập truyền sai lạc, bởi vậy người học sử nên biết qua một ít nguyên tắc trong việc phê bình tập truyền.

— Đối với sử gia, tập truyền có quan hệ một cách chính thức hoặc không chính thức. Nó có quan hệ chính thức khi trong nó sử gia có thể nhận được những lảng động của những sự kiện lịch sử. Nó sẽ có quan hệ không chính thức khi nó chỉ là những luồng ánh sáng khi tỏ khi mờ giọi vào tình trạng chung của xã hội trong đó tập truyền phát sinh và trưởng thành.

— Khi tập truyền được một sử gia có phương pháp chặt chẽ và có lương tâm chép lại, tập truyền đó có thể đáng tin hơn.

— Để chứng minh một tập truyền là vô căn cứ, sử gia không cần thiết phải biết rõ do lai, vì nhiều tập truyền chắc chắn là sai lạc mà không ai biết được do lai nó từ đâu.

— Một tập truyền xuất hiện trong một xã hội thiếu óc khảo chứng và bị nhiều sử gia bác bỏ, nhưng lại gặp được trong nhiều nơi biệt lập và trong cùng một thời, thì nó vẫn có thể chứa ít nhiều sự thật.

— Tập truyền lưu hành giữa một xã hội mù chữ thường có một đôi chỗ ích lợi cho sử gia hơn những tập truyền lưu hành trong xã hội trí thức. Như thế là vì trong xã hội mù chữ, tập truyền được truyền chuyển nhờ sức của những trí nhớ mạnh mẽ và vì nó được giới hạn trong một hình thức ngôn ngữ nhất định.

— Tập truyền thường sai lạc bằng những cách sau đây :

- hoặc là vì phóng đại, tô điểm một nhân vật cho thành một người siêu phàm, hay là vẽ vờ một sự việc cho có màu sắc huyền bí ;

- hoặc là vì tập trung những nét tiêu thập được ở nhiều người để dồn vào trên một người, hay là ở nhiều chuyện để đúc lại thành một chuyện ;

- hoặc là vì lẫn lộn, đem những nét của đời sống người này ghép vào đời sống người khác, hay là những chi tiết của chuyện này đặt vào nội dung của chuyện khác ;

- hoặc là vì trước không có mà sau thêm vào, như khi đã cho một người là anh hùng thì bất cứ việc gì cũng nghĩ

rằng vị anh hùng đó có thể làm được cả ;

- hoặc là vì giải thích cho có lý, như khi cắt nghĩa tên của chính vị anh hùng hay là các địa danh khó hiểu.

Nhật báo. Thiết tưởng nên nói đến vài điều về giá trị của nhật báo, tức là một loại sử liệu rất thông dụng ngày nay. Chúng tôi đã bàn về vấn đề này ở mục xếp loại sử liệu, đây xin bổ túc cho rõ hơn về tính cách hữu dụng của nó.

Phần nhiều, ký giả khi lược tin tức để đăng trên báo, cũng làm việc theo những nguyên tắc như sử gia khi lược lặt và án khảo sử liệu. Họ cũng dò xét tư cách của người chứng, cũng cân nhắc tính cách đáng tin của chứng tích. Nhưng một điều sử gia không nên quên là ký giả làm việc trong những điều kiện phầu nhiều bất lợi cho việc suy xét chặt chẽ, vì họ phải tranh thủ thời gian để cho tin tức của họ mang tính cách sốt dẻo, giật gân, như người ta thường nói. Bởi đó, không lạ gì nếu sử gia nhận thấy trong câu chuyện họ thuật xen lẫn những thiếu sót về chi tiết, những hấp tấp trong phán đoán, những sai lạc trong kết luận. Khi dùng đến nhật báo, sử gia cố nhiên phải cân nhắc, so sánh, để loại trừ những sơ hở rất thường gặp đó.

Sử gia nên nhớ thêm rằng giá trị của một tờ báo thường lệ thuộc bầu không khí chính trị trong đó tờ báo ra đời. Nếu đó là một chính thể tôn trọng tự do tư tưởng, thì tờ báo sẽ có nhiều bảo đảm về phần tin tức và bình luận. Nhưng nếu chính phủ thi hành chính

sách độc tài, thì báo chí tất cả chỉ là những phương tiện tuyên truyền đường lối riêng của chính phủ, và bây giờ sử gia phải phê bình báo chí như phê bình những tờ truyền đơn.

Rồi, báo còn có thể là cơ quan ngôn luận của một phe phái, một đảng chính trị, nên dầu là tờ báo ở trong một nước mà tự do được tôn trọng vẫn có thể bị óc đảng phái làm cho thiên lệch. Cả những tờ báo không có màu sắc chính trị cũng có thể bị ảnh hưởng khi ít khi nhiều bởi những thành kiến về kinh tế, xã hội hoặc tôn giáo, mà nhiều khi uốn nắn tin tức hay dư luận theo chiều hướng của mình.

Sau hết, chỗ nên chú ý nữa là trình độ của những người viết báo, trình độ kiến thức, trình độ kỹ thuật hành nghề. Những câu tục ngữ như « làm báo, nói láo ăn tiền », tất nhiên là có vẻ quá hàm hồ, nhưng sử gia không nên không lưu tâm đến.

Đến đây, sử gia có thể dừng lại một

lúc để nhìn về những công việc đã làm xong. Nay, chẳng những sử gia đã có sử liệu đúng như của tác giả viết ra, chẳng những hiểu sử liệu như chính tác giả hiểu, chẳng những đã có những chứng tích cần thiết về thời sự quá khứ liên quan đến vấn đề mình đang nghiên cứu, mà sử gia cũng đã có những chứng tích đúng đắn, và đáng tin, nghĩa là những chứng tích trong đó phần tương đối và chủ quan, đã bị thu hẹp lại cho đến mức tối thiểu, những chứng tích mà bản tính, nếu không giống hoàn toàn như sự kiện lịch sử tiên nguyên, thì cũng đã được đem đến gần hình ảnh tiên nguyên đó hết sức, được chừng nào đã cố gắng chừng ấy.

Nhưng đến đây, sử gia có những sự kiện chắc chắn, mà còn rời rạc. Bản phận của sử gia là còn phải tổng hợp các sự kiện này lại, chép nó ra thành sử, nghĩa là tái tạo lại cái mảnh quá khứ mà đề mục đã nêu lên, linh động và sắc sảo...

NGUYỄN PHƯƠNG

VĂN NGHỆ TIỀN PHONG

Xuân Giáp Thìn



- LỊCH VÀ BÌA BÁO ĐẸP HƠN NĂM NGOÀI
- BÀI VỞ HAY HƠN NĂM NGOÀI PHÁT HÀNH VÀO TRUNG TUẦN THÁNG CHẠP ÂM LỊCH

THE CHARTERED BANK

Anh-Quốc Ấn-Chiều Ngân-Hàng

(Thành-lập tại Anh-Quốc do Ấn-Chiều năm 1853)

SỐ VỐN : 6.600.000 Anh-kim

DỰ TRỮ : 7.150.000 Anh-kim

LUÂN - ĐÔN TỔNG - CỤC

38, Bishopsgate, London E. C. 2

SAIGON CHI - CỤC

CHI CỤC CHÍNH : 3, Đường Võ-Dĩ-Nguy

CHI - CỤC PHỤ : Đại - lộ Thống - Nhất

(Immeuble Esso Standard Eastern Inc.)

NAM - VANG CHI - CỤC

10, Phlaur Preah Kossamac

CHI-NHÁNH THÀNH-LẬP TẠI CÁC NƯỚC VIÊN-ĐÔNG

Phụ-trách tất cả các công việc ngân-hàng

Có Đại-diện khắp hoàn-cầu

THOMAS EDWARD LAWRENCE

(1838 — 1935)

Một ông vua không ngồi ở Ả-Rập tự đầy đọa thân để nhắc nhở các chính khách phải giữ chữ tín trước hết

Người hỏi, bao giờ người hiểu rằng sự thất bại làm cho người cao cả lên ? *Goethe*

« Ở một nơi nào đó có một cái tuyệt đối, chỉ có nó là quan trọng thôi, mà tôi klem nó không ra. Do đó tôi có cảm tưởng rằng tôi sống không có mục đích. » *T.E. Lawrence.*

• NGUYỄN-HIỆN-LÊ

(tiếp theo BK 169)



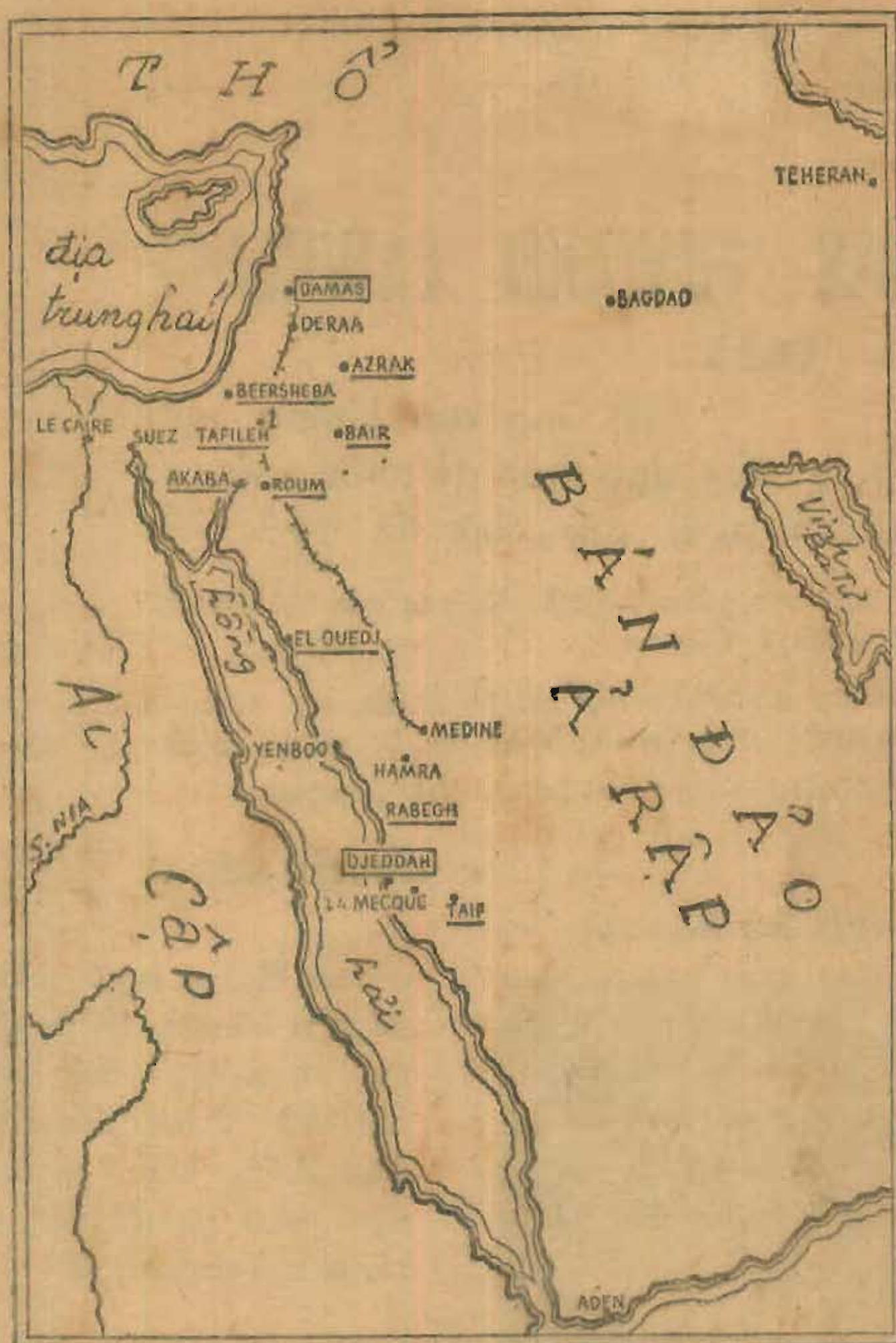
T.E. LAWRENCE

của xứ Hedjaz tuyên chiến với đồng minh vì Hussein có uy quyền trong các xứ Ả-Rập : ông có phận sự che chở thánh địa La Mecque. Ông không chịu, muốn đứng ở ngoài xem phần thắng về bên nào rồi sẽ ngã theo bên đó.

Anh cũng muốn kéo Ả-Rập vào phe Đồng-Minh, Lawrence đề nghị với nhà cầm quyền liên lạc với các quốc vương Ả-Rập, giúp đỡ họ đánh Thổ, Thổ sẽ thua vì lực lượng của Thổ không có gì mà người Thổ lại bị ghét ở khắp bán đảo Ả-Rập.

Hồi đó, ở Anh có hai cơ quan coi về những vấn đề phương Đông: cơ quan *Indian Office*, trụ sở ở Bombay, do St. John Philby chỉ huy, và trực thuộc chính quyền Anh ở Ấn Độ ; cơ quan *Arabia Office*, do

Đầu thế chiến Thổ đứng về phe Đức, muốn kéo khỏi Ả-Rập về với mình, buộc Thân vương Hussein



Allenby chỉ huy, trực thuộc bộ Ngoại giao ở Luân-Đôn. Hai cơ quan không tùy thuộc nhau, có chính sách riêng, mà chính sách đôi khi lại tương phản nhau.

Indian Office lo bảo vệ con đường bộ liên lạc Ấn-Độ với Châu-Âu, cho nên chú trọng tới miền Mésopotamie, và muốn che chở những quốc vương Ả-Rập ở phía Vịnh Ba-Tư, như Mubarrak, quốc vương xứ Koweit và Ibn Séoud, quốc

vương xứ Hasa và xứ Nedjd.

Arabia Office trái lại, lo bảo vệ kinh Suez, tức con đường biển từ Ấn-Độ về Anh, nên tìm cách liên lạc với các quốc-vương Ả-Rập ở bên bờ Hồng-Hải, mà trong số những quốc-vương đó, Lawrence đề ý nhất tới Hussein. Hussein vô tài mà lại tham bi; nhưng hai người con trai của ông Abdallah và Fayçal, có nhiều khả năng.

Khoảng giữa năm 1915, bộ Ngoại

giao Anh lựa Hussein, hứa với Hussein rằng nếu đuổi được Thổ ra khỏi bán đảo Ả-Rập thì Anh sẽ vận động với các cường quốc cho Ả-Rập độc lập.

Hussein tin lời, kêu gọi nghĩa quân chống lại Thổ, bắt một số quân nhân Thổ ở thánh địa La Mecque làm tù binh. Anh giúp 4 chiếc tiểu liên và 3.000 súng trường, nhờ vậy Ả-Rập thắng Thổ ở Rabegh, Yanbo và Taif; chỉ trong có vài tháng bắt được 5.000 lính Thổ. Nhưng Hussein không thành công thêm được nữa, không chiếm nổi Médine. Lúc đó Đồng minh tưởng con bệnh Thổ đã quá suy nhược chỉ cần đánh một đòn mạnh là hạ được, nên một mặt liên quân Anh, Pháp tấn công Dardanelles để mở đường vào Constantinople; đồng thời một mặt khác đội quân Ấn-Độ do tướng Townshend chỉ huy vượt vịnh Ba Tư, đổ bộ lên Bassorah; tiến tới Ctésiphon ở phía nam Bagdad, hy vọng đè bẹp Thổ trong một thời gian ngắn mà rảnh tay đánh Đức (coi bản đồ).

Không ngờ lính Thổ vốn can đảm lại được Đức giúp khi giới, chống cự lại mãnh liệt, Đồng-minh thua cả ở hai mặt trận. Tại Dardanelles, liên quân hao tổn mấy ngàn sĩ tốt rồi phải rút lui. Tại Ctésiphon, tướng Townshend bị Thổ chặn đứng, cũng phải rút lui nữa, rồi bị vây ở Kut-el-Amara, gần Bassorah. Anh không làm sao phá vòng vây được vì đội quân Anatolie của Thổ rất thiện chiến, Anh chỉ còn có hai cách một là đấu hàng, một là bị

tiêu diệt.

Thấy tình hình nguy quá, bộ Tham-mưu ở Caire mới nghĩ tới Lawrence và Lawrence lúc này có cơ hội để hoạt động.

Ông tới Bassorah, thấy cái bộ máy chiến tranh của Anh nặng nề quá, không hợp với hoàn cảnh. Các sĩ quan Anh trong đội quân Ấn, nhiệm cái thói quan liêu, hành quân ở sa mạc mà mang theo cả những đồ để chơi golf và vợt để đánh ten-nít! Vì vậy mà họ tiến thối rất chậm chạp, bị Thổ đuổi kịp mà bủa vây. Ông chỉ trích họ, bảo họ rằng chiến thuật ở sa mạc thì cần nhất là uyển chuyển, lưu động. Họ bất bình, chỉ muốn tổng cô ông đi.

Sứ mạng của ông là thương thuyết với tướng Thổ, xin nộp một số tiền để Thổ giải vây cho Townshend. Việc đó thất bại. Ông nghĩ cách hô hào dân Ả-Rập khởi nghĩa để phá Thổ ở hậu tuyến, như vậy Thổ phải rút binh ở Kut-el-Amara mà chống cự lại với Ả-Rập. Nhưng muốn hô hào Ả-Rập khởi nghĩa thì phải hứa với họ rằng nếu chiến tranh kết liễu, Ả-Rập sẽ được độc lập. Cơ quan Indian Office không chịu, vì nếu cho Ả-Rập độc lập thì Ấn cũng sẽ vịn vào đó mà đòi độc lập nữa mà đế quốc Anh sẽ mất một viên ngọc quý. Rút cục Townshend đành phải đấu hàng và chuyển đi đó, Lawrence chẳng làm được việc gì cả.

Tuy nhiên ông được thêm nhiều kinh nghiệm và quyết tin rằng Ấn-

Châu không thể diệt Thổ được nếu không có Ả-Rập giúp sức. Ông trở về Caire làm ở cơ quan tình báo, rón thuyết phục bộ tham mưu Anh theo chính sách của ông : phải để cho Ả-Rập khởi nghĩa chiếm Médine rồi tiến thẳng lên Damas mà giải thoát Syrie. Anh chỉ giúp khí giới, quân nhu, và một số cỗ vắn, chứ đừng đem quân vô. Phải kích thích tinh thần quốc gia của họ ; nếu kích thích tinh thần tôn giáo thì sẽ thất bại vì về phương diện tôn giáo, Ả-Rập thân với Thổ mà chống Âu. Nhất là Anh đừng nên để cho Pháp xen vô rồi sau này Pháp sẽ đòi chia phần. Một mình Anh giúp Ả-Rập cũng đủ rồi. Khi đã thắng trận, Anh sẽ cho Ả-Rập độc lập. Ả-Rập tất mang ơn Anh mà liên kết với Anh, vì Ả-Rập không có kỹ nghệ, không có khí giới, không thể tự lực hùng cường lên được. Vậy là mục đích ông đã vạch rõ : ông muốn công việc giải thoát Ả-Rập là của riêng Anh, nghĩa là của riêng ông.

Chính phủ Anh mới đầu còn do dự, sau phải nhận rằng ông có lý. Ông đề nghị không dùng Hussein nữa mà suy tôn Fayçal — một người con của Hussein — làm thủ lĩnh phong trào giải phóng, và ông được phái đi tiếp xúc với Fayçal ở Hamra, gần Médine.

Ông đi gặp trong ba ngày, chịu đói chịu khát, đêm ngủ trên đất, ngày chịu ánh nắng như thiêu của sa mạc, vào khoảng cuối tháng mười năm 1916 tới Hamra, nơi đội quân của Fayçal đóng trại.

Lần đầu mới thoáng trông thấy

Fayçal — một người thẳng như một cây cột, rất cao, rất mảnh khảnh, vẻ mặt lạnh lùng, trầm ngâm — Lawrence tin rằng ông đã gặp được người mà ông tìm kiếm mấy năm nay ở Ả-Rập, gặp được vị thủ lĩnh tương lai của phong trào giải phóng Ả-Rập. Như một thuyết khách phương Đông, ông nói khích ngay Fayçal.

Hai bên chào nhau xong, Fayçal hỏi ông đi đường có mệt lắm không, mệt mấy ngày. Ông đáp. Fayçal khen là đi mau lắm, rồi lại hỏi :

— Ông thầy trại của chúng tôi ra sao ?

Lawrence đáp :

— Đẹp lắm, nhưng khi xa Damas!

« Lời đó rớt xuống như một lưỡi kiếm giữa đám người ngồi trong phòng. Mọi đầu mọi người xao động rồi ai nấy tự chủ được, nín thở trong một phút. Có lẽ có vài người mơ mộng những chiến thắng sau này ; có kẻ lại cho rằng Lawrence ám chỉ sự bại trận mới rồi của họ vì Fayçal được lệnh của thân phụ là Hussein, tấn công Médine mà thất bại.

Sau cùng Fayçal ngược mắt lên, ngó Lawrence, mỉm cười đáp :

— Nhờ Trời, quân Thổ ở gần hơn !

Mọi người đều mỉm cười. Lawrence đứng dậy cáo từ về phòng riêng để nghỉ.

Buổi sơ kiến đó để lại cho ông một cảm tưởng đẹp đẽ. Ông thầy Fayçal là một người đáng tin cậy hoàn toàn, một vị thủ lĩnh được dân chúng ngưỡng mộ. Và ông vui lòng làm quân sư cho Fayçal. Ít lâu sau Tổng Tư lệnh quân đội Anh thay đổi tất cả các tướng lãnh ở Ả-Rập, và ông được trực thuộc Allenby, một vị tướng sáng suốt và hiểu ông.

Cái mộng giúp người Ả Rập giành lại độc lập, mộng mà ông hoài bão đã từ lâu, nay có thể thực hiện được rồi. Ông hăng hái, tận lực hy sinh cho chánh nghĩa Ả Rập vì ông không biết chút gì về những hoạt động của *Indian Office* (như tôi đã nói *Indian Office* muốn giúp đỡ Ibn Séoud chứ không chịu giúp dòng Husein) và tin rằng một khi Ả Rập đã đuổi được Thổ thì Anh sẽ thừa nhận sự độc lập của họ.

Trong hai năm ông cải trang làm Ả Rập — có hồi lại cải trang làm phụ nữ Ả Rập nữa — sống chung với người Ả Rập, suốt ngày ở trên lưng lạc đà, đi khắp các nơi trong sa mạc, tiếp xúc với các vị thủ lĩnh Ả-Rập, khuyến khích họ, hô hào họ, chỉ huy họ, do thám cho họ, lập kế hoạch cho họ.

Ông không có vẻ bề-vệ như các « quan lớn cổ văn » khác, trái lại sống rất bình dân và giản dị : sẵn sàng tiếp đón mọi người Ả-Rập, chăm chú nghe mọi ý kiến của họ ; mà họ vì tin cậy ông nên ai cũng muốn mỗi ngày nói chuyện với ông một lần.

Ông ngồi trong lều hay dưới những gốc chà là mà tiếp họ y như tiếp người thân, tự tay pha cà-phê cho họ, tuyệt nhiên không dùng bồi bếp kẻ hầu người hạ gì cả. Không những vậy ông còn lột bỏ được cái cá tính Anh của ông nữa, mà suy nghĩ như người Ả-Rập, tin tưởng như người Ả Rập, nhất là chỉ mưu tính cái lợi cho người Ả-Rập, và khi người Ả-rập thắng một trận nào thì ông sung sướng y như họ, bị một thất bại nào thì ông cũng đau khổ y như họ.

Bí quyết thành công của ông ở đó : chưa bao giờ một người ngoại quốc được thổ dân trọng và mến như vậy. Ông đã thành vị thủ lĩnh của họ, ông không còn là người Anh nữa mà thành người Ả Rập.

Ông rất có biệt tài về chiến thuật du-kích, làm cho tại Thổ điều đứng, chông đỡ hoài ở mọi phía trên những khu mênh mông, chỉ còn bảo vệ đường giao thông và quân nhu chứ không còn đủ sức tấn công Ả-Rập nữa.

Ông chỉ có 3.000 quân mà đánh tan được 12.000 quân Thổ, lập được một chiến công oanh liệt nhất trong lịch sử hiện đại.

Cuộc mạo hiểm của ông gồm bốn giai đoạn quyết định : giai đoạn thứ nhất ở Abou Markha ; giai đoạn thứ nhì ở Akaba ; giai đoạn thứ ba ở Deraa ; và giai đoạn thứ tư ở Damas.

Hồi đầu thế chiến, quân đội Thổ đóng rải rác trên con đường xe lửa từ Damas tới Médine (coi bản

đó), có thể uy hiếp kinh Suez mà làm cho quân Anh lâm nguy. Bộ tư lệnh Anh ở Caire khẩn cấp yêu cầu Fayçal tấn công Médine. Quân của Fayçal do một người con là Abdallah chỉ huy đóng ở Abou Markha mà không chịu nhúc nhích. Ông được phái tới để xem xét tình hình và thúc Abdallah chiếm Médine.

Mặt trời ở Sa mạc nóng ghê gớm. Hễ có một cơn gió nổi lên là mặt rất như phải bỏng. Họng ông khô lại, sưng lên, nói không được, nuốt nước cũng thấy đau. Ông gắng sức mới tới được Abou Markha, đưa tài liệu cho Abadallah, bàn cách tấn công Médine. Nhưng Abdallah không háng hái tiền quân chút nào cả.

Kể đó, ông nằm mê man luôn 10 ngày, vừa nóng lạnh, vừa bị bệnh kiết. Lúc nào tỉnh táo được một chút, ông uống vài muống sữa lạc đà và nghĩ về chiến thuật. Ông ôn lại những chiến thuật của cổ nhân, tìm cách áp dụng vào trường hợp Médine. Nhưng chỉ suy nghĩ được một lát rồi cơn sốt lại lên, ý tưởng quay cuồng ở trong óc, rồi như bong bong. Médine ! Làm sao chiếm được Médine ? Nếu không chiếm được thì không còn ai tin ở cuộc khởi nghĩa của Ả-Rập nữa, chính phủ Anh sẽ bỏ rơi Ả-Rập mất.

Rồi thỉnh linh một hôm ông tìm ra được giải pháp. Cần gì phải chiếm Mé ine ? Nó gần như bị chiếm rồi mà ! Các sĩ quan Anh đã lắm. Tấn công Médine là thật sách,

Chính sa mạc là đồng minh mạnh nhất của Ả-Rập, cũng như hồi xưa, cánh đồng tuyết là đồng minh mạnh nhất của Nga. Vậy thì đừng dàn mặt trận nữa, phải dùng chiến thuật du kích.

Nghĩ ra được điều đó ông mừng quá, ít bữa sau hết bệnh, rồi một mặt ông viết thư lên thượng cấp, một mặt ông đem hai ngàn quân Ả-Rập, tiến như bão về phía Akaba. Ba trăm lính Thổ ở Akaba thấy ông tới thỉnh linh, hoảng hốt không kịp để phòng và chỉ chống cự yếu ớt có một ngày rồi đầu hàng (6-7-1917).

Vậy là chiến thuật của ông có hiệu quả. Ông cấp tốc về Caire báo tin cho thượng cấp, rồi đề nghị : rút hết quân đội Anh và Ả-Rập ở El Ouedj, ở Abou Markha về Akaba, mà giao cho Fayçal chỉ huy ; để ông được toàn quyền hành động, chỉ trực thuộc bộ Tư lệnh ở Caire thôi.

Cuộc thắng trận ở Akaba chẳng những làm tăng uy tín của ông đối với các tướng Anh, mà còn làm cho dân Ả-Rập coi ông như một vị lãnh tụ của họ, coi ông là một người Ả - Rập chứ không phải là một người Anh nữa, vì chính ông đã chỉ huy trận đó, chứ không phải Fayçal hay Abdallah.

Akaba đã mất rồi, Médine hóa ra cô lập, chẳng cần phải chiến nữa. Bây giờ cần phải tiến lên Damas. Lúc đó tinh thần của Thổ đã xuống ; ông tấn công một hơi

Roum, Azfrak, Tafilá, Beersheba, cũng bằng một cách chớp nhoáng, rồi tới Deraa ở phía Nam Damas, cách Damas khoảng 100 cây sô. Deraa là một yếu điểm, được quân Thổ phòng thủ rất kỹ. Mấy lần định phá mà không được, ông nảy ra một ý táo bạo lạ lùng: Cải trang làm một tên Ả-Rập nghèo khổ, ông một mình lẻn vào Deraa để dò xét nhà ga và trại lính, chẳng may bị lính Thổ bắt.

Chúng không nhận ra ông, ngờ ông là một tên do thám Ả-Rập, tra tấn ông rất dã man: đập lên đầu, giẫm lên người, banh tứ chi ra như muốn phanh thây, rồi quật túi bụi, mới đầu ông muốn tự chủ, dè dặt từng hèo một, tới hèo thứ hai mươi thì ông bất tỉnh nhưng trước sau nhất định không chịu khai. Có lẽ chúng không cho ông là một nhân vật quan trọng nên không canh giữ cẩn thận, và hôm sau ông hồi tỉnh tròn thoát được trở về Azraz, tự lấy làm vinh hãnh rằng đã hy sinh tất cả cho sự độc lập của Ả-Rập, mà dân tộc Ả-Rập quả thực quý trọng ông hơn cả những lãnh tụ của họ nữa, ông tới đâu cũng được hoan nghênh như điên như cuồng.

Qua đầu năm 1918, thế của Đức và Thổ đã núng lăm, và đầu tháng 10, đội kỵ binh Ả-Rập đánh bại đội binh thứ tư của Thổ mà chiếm Damas. Lawrence, Choukri và Ayoubi — một nhà ái quốc Syrie — dẫn quân vào thành. Dân chúng đứng sau các cửa sổ có chần song

sắt liệng hoa và tưới dầu thơm vào các vị anh hùng giải phóng cho họ. Lawrence mừng quá mà rơi lệ.

Ông được Façyal cử làm Thống Đốc thay mình mà cai trị thành Damas trong ba ngày ba đêm Người khác chắc đã cho đó là một vinh dự cực lớn mà có lẽ còn tìm cách củng cố địa vị nữa: được Façyal và quân đội cùng dân chúng Ả-Rập kính trọng thì muốn gì mà không được? Nhưng ông chỉ mong mau hết ba ngày để giao lại quyền cho Façyal vì ông sợ bị cái quyền thế làm hư hỏng cái thiên lương. Ông nghĩ: không bao giờ nên kéo dài những lúc vui nhất ở trong đời.

Không những vậy, qua phút vui đầu tiên rồi, ông chỉ thấy buồn vì ba lẽ.

Lẽ thứ nhất là lẽ chung về tâm lý của những chiến sĩ thành công. Đối với hạng người đó, chỉ lúc chiến đấu là đời có ý nghĩa, một khi kết quả đã đạt được thì đời hóa ra vô vị; nếu không tiếp tục chiến đấu nữa để dẹp những nỗi khó-khăn mới do kết quả đó gây ra. Mà mục đích của ông là giúp dân tộc Ả-Rập giành lại độc lập chứ không muốn ảnh hưởng tới chính trị của họ.

Lẽ thứ nhì là ông sắp phải xa những bạn thân Ả-Rập của ông, vì ông ở lại thì thế nào cũng sẽ có một số người Ả-Rập hiểu lầm ông hoặc ganh tị với ông mà thêm rắc rối cho Façyal. Ông xin Allenby cho ông ra khỏi *Arabia Office* để tị hiềm; Allenby muốn giữ ông lại

làm cò vắn trong những vắn đề Ả-Rập, ông nhất định không chịu, bảo : « Nhiệm vụ của tôi xong rồi ; đi tôi cũng buồn lắm nhưng ở lại thì tuyệt nhiên không nên ». Như vậy mà có người cho ông là một nhà chinh phục của thế kỷ này thì thực là không hiểu ông chút nào cả.

Nhưng lẽ thứ ba mới là lẽ quan trọng nhất, làm cho ông đau khổ nhất : ông đã nghe tin rằng chính phủ Anh sẽ nuốt lời hứa với Ả-Rập.

Tháng năm năm 1916, Anh, Pháp và Nga ký một mật ước với nhau, mật ước Sykes-Picot, tính chuyện chiến tranh kết liễu là chia phần ở Ả-Rập. Đuôi được Thổ đi thì đại gì mà không chiếm chỗ của Thổ để bù vào những thiệt hại vì chiến tranh ? Họ định chia Syrie cho Pháp, Mésopotanie cho Anh, còn những xứ khác trên bán đảo Ả - Rập thì chịu ảnh hưởng của Anh hoặc của Pháp, của Nga.

Sau cuộc Cách mạng năm 1917 chính phủ Xô - Việt Nga tuyên bố mật ước đó ra chủ ý để bôi nhọ Hoàng-gia Nga, Anh và Pháp ; và lúc đó Lawrence mới biết rằng mình bị chính phủ lợi dụng thành thử ông vô tình mà mang tiếng lừa gạt những bạn thân Ả-Rập của ông.

Có lẽ ông được biết tin đó từ cuối năm 1917 mà không dám cho ai hay, chỉ đau khổ một mình. Lúc đó nếu ông xin từ chức thì Ả-Rập sẽ chông lại Anh liền (vì họ chỉ tin ông chứ không tin chính phủ Anh, mà chắc họ cũng nghe nói về mật ước đó

rồi) và ông mang tiếng là không trung thành với tổ quốc. Mà nếu không từ chức thì lại mang tiếng là dùng bánh vẽ để như Ả-Rập chông Thổ. Thực khó nghĩ. Sau này ông chép lại trong cuốn *Les Sept piliers de la Sagesse* rằng lễ sinh nhật của ông năm 1918, ông viết thư cho bạn thân, có câu :

« Anh nói giùm với má tôi rằng họ (tức thượng cấp của ông) đã xin cho tôi cái đồ chơi hai xu của con nít đó (tức huy chương Victoria Cross, một thứ huy chương để thưởng những quân công lớn lao), nhưng may thay, họ xin mà không được ».

Bốn năm trước, ông tự hẹn rằng tới ba chục tuổi thì phải được thăng cấp tướng và ban tước, ngày nay sắp được những vinh dự đó (ông đã lên chức đại tá) thì ông lại đứng đưng, không những không thêm hưởng mà còn muốn hành hạ tâm thân một cách ê chề nữa.

Trong cuốn *Les Sept piliers de la Sagesse* ông nhắc đi nhắc lại vụ lừa gạt các dân tại Ả-Rập mà ông đã vô tình nhúng tay vào đó.

Ông thăm oán các nhà cầm-quyển Anh. Ông chê bọn chính khách đó là cái gì cũng đem bôi nhọ được, cả cái thiêng liêng nhất ; là thiên cận, không biết trông xa, chỉ nhắm cái thực tề, dùng những phương tiện xảo trá. Ông tóm họ. Rồi ông lại tự trách mình. Ông viết :

« Tôi không phải là thằng ngu, lúc đó tôi đã đoán được rằng hễ thắng trận rồi thì những lời hứa

với dân tộc Ả-Rập sẽ chỉ là những miếng giấy lộn. Nếu tôi là một người cò vắn lương thiện thì tôi đã bảo các người Ả-Rập đừng hy sinh tính mạng vì những chuyện mơ hồ đó nữa. Nhưng nếu họ không hăng hái chiến đấu thì người Anh làm sao thắng được ở Tây-Á? Cho nên tôi bảo họ rằng chính phủ Anh sẽ giữ đúng lời hứa. Họ vững bụng, can đảm chiến đấu. Còn tôi, đã chẳng kiêu hãnh chút nào về công việc chúng tôi làm chung, mà chỉ chua chát, và xấu hổ.

Chỗ khác ông lại viết :

« Đúng là tôi có cái xu hướng, lương gặt. Nếu không thì làm sao tôi đã lương gặt người Ả-Rập khéo léo như vậy trong hai năm liền. Đứng vào lúc nào thì cái tội của tôi bắt đầu thành một trọng tội? Và người ta phải xử tội tôi ra sao? »

Luôn luôn cái ý đã phạm tội đó ám ảnh ông, và ông tự hỏi hoài : « Tôi mắc tội tới cái mức nào? Thượng cấp của tôi đã lợi dụng tôi tới cái mức nào để lương gặt những người Ả-Rập? Và tôi đã sẵn lòng che giấu sự lương gặt đó tới cái mức nào? »

Chính cái tâm trạng hồi hận đó đã làm cho ông thốt ra câu đau xót này : « trong mỗi người có một cuộc nổi loạn ! »

Tuy vậy, ông chưa tuyệt vọng hẳn, còn mong bệnh vực được Ả-Rập, sau khi chiến tranh kết liễu, vì tháng sáu 1918, viên Khâm sai Anh ở Caire còn long trọng tuyên bố rằng những miền do người Ả-

Rập giải phóng sẽ được độc lập.

*
* *

Ngày 11-11-1918, Llyod George báo cáo với dân chúng Anh rằng 11 giờ sáng hôm đó chiến tranh sẽ chấm dứt.

Cũng hôm đó Lawrence về tới Luân Đôn và ngay hôm sau ông bắt đầu cuộc chiến đấu thứ nhì để bênh vực Ả-Rập. Ông vui vẻ, tin tưởng : Tổng Thống Mỹ Wilson chẳng tuyên bố rằng các dân tộc có quyền tự quyết ư? Và mới hai ngày trước, ngày 9-11, hai chính phủ Anh Pháp chẳng hứa với dân Syrie và Mésopotamie là sẽ giúp họ lập những chính phủ bản xứ ư? Ông đề nghị với chính phủ lập ba quốc gia ở Ả-Rập : Syrie sẽ thuộc quyền Fayçal, Thượng Mésopotamie về Zeid và Hạ Mésopotamie về Abdullah. Ba quốc gia đó hợp thành một liên bang dưới quyền điều khiển của Hussein, vua xứ Hedjaz.

Hai tháng sau, Fayçal tới Anh, được Lawrence tiếp rước và giới thiệu với thủ tướng và các bộ trưởng.

Lúc đó là lúc mà danh ông vang dậy ở Anh. Các bà quý phái ở West-End, ở Mayfair niềm nở tiếp đón vị hiệp sĩ của thế kỷ XX còn độc thân đó. Họ ngây người ra nghe Lowell Thomas kể những cuộc mạo hiểm gan dạ của ông, những sự cải trang tài tình của ông, nhất là sự hiểu biết kinh dị của ông về những dân tộc phương Đông, Người ta ví ông với những vị anh

hùng thời cổ như Ulysse, như vua Arthur, như Richard Coeur de Lion, với cả Marco Polo nữa. Người ta tặng ông huy hiệu : « Ông vua không ngôi của Ả Rập ». Bernard Shaw được ông đưa coi vài chương bản thảo trong tập *Les sept piliers de la Sagesse*. Không do dự gì, tuyên bố rằng văn xuôi của ông đẹp đẽ lạ, từ xưa tới nay chưa có tác-phẩm Anh nào sánh kịp, làm cho Churchill cũng phải ghen với ông, vì thấy ánh sáng của ngôi sao Lawrence làm cho danh vọng của mình lu mờ.

Ông bận những y phục Ả Rập mà đi chơi và đi thăm các ông bộ trưởng. Các lính thị vệ ở điện Buckingham trở mặt ra ngó vị hoàng thân Ả-Rập nào mà kỳ cục như vậy : mắt thì xanh, ngực đeo đầy những huy chương của Anh-Hoàng, lại nói tiếng Anh đúng giọng Oxford.

Nhưng càng tiếp xúc với chính quyền, lòng ông càng hoang mang. Ông thấy rằng mặc dầu người ta vị nể ông, mặc dầu dân chúng tôn sùng ông mà những đề nghị của ông không được ai coi trọng cả. Ngoài cái tin về mật ước ký giữa Anh, Pháp, Nga năm 1916, mà người Ả-Rập nào cũng đã biết cả rồi, ông còn hay rằng St. John Philby ở *Indian Office* cũng đương vận động với chính quyền để gạt Hussein ra mà đưa Ibn Séoud lên. Như vậy thì cuộc chiến đầu thứ nhì này của ông sẽ gay go mà phần thắng rất ít. Các bạn Ả-Rập của ông sẽ trách ông là ừa gạt họ, cho họ ăn bánh vẽ. Làm

sao gột được tiếng oan đó. Họ có tiếp xúc gì chặt chẽ với bộ Ngoại-giao của Anh đâu. Họ chỉ biết có ông, chỉ tin có một mình ông. Ông hứa với họ rằng hễ đuổi được Thổ đi thì họ sẽ độc lập. Chính vì có lời hứa đó mà họ hăng hái giúp cho đồng minh thắng trận mà không phải hao quân ở trên bán đảo Ả-Rập. Và bây giờ đây, đồng minh trả công cho họ như vậy đó : trước kia làm đầy tớ cho một nước là Thổ, bây giờ làm đầy tớ cho hai nước là Anh và Pháp ; trước kia còn có sự đoàn kết, bây giờ phải chịu chia rẽ làm hai khu vực ảnh hưởng : Anh và Pháp. Tình cảnh còn nhục hơn nữa.

Nghĩ vậy, ông cho rằng vinh dự của ông — chứ không phải của chính phủ Anh — là phải bên vực Hussein, Fayçal đến cùng, nếu thất bại thì bao nhiêu thắng lợi của ông thời trước chỉ làm cho ông thêm xấu xa thôi. Một mặt ông nhắc nhở bộ ngoại về lời hứa với Hussein năm 1915 ; một mặt ông đã kích St John Philby, cho sự lựa chọn Ibn Séoud là mù quáng. Chính Hussein mới có uy thế trong giới Ả - Rập, chính Hussein được quyền cai quản thánh đường La Mecque ; còn Ibn Séoud chỉ là một tên xảo quyết, không có tư cách mà cũng chẳng được ai theo, sống trong một xó xỉnh giữa sa mạc, tóm lại là « không đáng ngồi cùng bàn với các Quốc vương Ả-Rập ».

Tháng giêng năm sau, (1919) Anh, Pháp, Mỹ họp hội nghị ở Paris. Các chính khách đua nhau

khoe tài và tranh địa vị. Lawrence cũng qua Paris để chồng đỡ Fayçal, làm thông ngôn cho Fayçal, mà tấn công cả chính phủ Pháp lẫn chính phủ Anh. Nhiều lần ông đấu khẩu với con cọp già Clémenceau, thực là kỳ phùng địch thủ, cả hai cùng cương quyết tàn nhẫn, chua chát. Clémenceau nhận ông có tài, trong thâm tâm trọng ông nhưng không chịu nhường một chút quyền lợi nào của Pháp cho bất kỳ ai, dù người đó là ông vua không ngôi hay có ngôi của Ả-Rập.

Pháp viện lẽ rằng đã chịu hao tổn sinh mạng, tài sản nhiều nhất trong bốn năm chiến đấu để bênh vực những tự do dân chủ — một triệu người Pháp hy sinh tánh mạng, ấy là chưa kể bao nhiêu châu thành bị tàn phá, bao nhiêu tỉ quan dùng để đúc khí giới và nuôi quân sĩ — thì bây giờ đồng minh phải cho Pháp « gỡ gạc » mà làm chủ Syrie và Liban.

Anh tất nhiên là bênh vực Pháp vì chính Anh cũng đòi chia phần, cái phần lớn nhất kia mà : Mésopotamie, Palestine. Thành thử khi Pháp tuyên bố rằng không hề biết Fayçal là ai, không cho Fayçal dự cuộc hội họp, Anh làm thỉnh; và sau này khi Pháp đem quân lại chiếm đóng Damas, Fayçal cùng với một số nghĩa quân chồng cự lại, và thua, thì Anh cũng tiếp tục làm ngơ nữa. Thực là chua xót cho Fayçal : chiếm lại được Damas của Thổ, mới cai trị được khoảng một năm đã bị

kẻ khác giành mất ; mãi sau thế chiến thứ nhì (1945) Syrie và Liban mới được trả lại độc lập.

Để vượt ve Lawrence, Pháp tặng ông huy chương *Croix de guerre*. Người ta kể chuyện rằng có lần ông cột huy chương đó vào cổ một con chó, và sau cùng ông trả lại chính phủ Pháp. Hành động đó không đáng khen. Giá ông từ chối ngay từ trước thì hơn.

Ông thất vọng trở về Anh, viết một loạt bài tố cáo chính phủ Anh trong tờ *Times* và viết bộ *Les sept piliers la sagesse* để kể cuộc khởi nghĩa chồng Thổ của Ả Rập, để tự thú mà cũng để giải được phần nào nỗi ân hận rằng đã hành động, đã vô tình lừa gạt các người Ả Rập. Ông say sưa viết, có khi viết luôn một hơi hai mươi bốn giờ mà không nghỉ, không ăn, được 30.000 tiếng, mỗi giờ có thể viết được từ 1000 tới 1500 tiếng. Mới đầu, nhớ điều gì ông chép lại điều ấy, rồi mới coi lại nhật ký của ông về chiến tranh mà thêm bớt ; sau cùng gọt đẽo lại ; thì giờ gọt đẽo cũng bằng thì giờ viết.

Đầu tháng chín 1919 ông giải ngũ. Số tiền dành dụm được từ trước, ông tặng thân mẫu một phần, còn bao nhiêu giúp các cơ quan Ả Rập vì ông cho rằng tiền lương sĩ quan của ông bị ô uế rồi, ông không muốn mó tới nữa. Ông nhất định sống nghèo. Tháng 11, ông đã viết được tám phần mười cuốn *Les sept piliers de la Sagesse* rồi vô ý để bản thảo thất lạc trong

một nhà ga. phải viết lại.

Năm sau, Anh Hoàng thưởng ông huy chương *Commander of the Baths*, cùng với một số công thần khác. Khi tới phiên ông, ông tiến lại, nhà vua sửa soạn gắn huy chương cho ông thì ông thưa bằng một giọng rất tôn kính và nhỏ, chỉ đủ cho nhà vua nghe, rằng ông không thể nhận một huy chương nào của Hoàng gia được vì nước Anh đã không giữ lời hứa với bạn đồng

minh rất can đảm của Anh là Ả-Rập. Thưa xong, Lawrence cúi đầu chào rồi đi ra. (1)

(Còn tiếp)

NGUYỄN HIỂN LÊ

(1) Theo Churchill thì việc xảy ra như vậy; nhưng có bản lại chép rằng Anh hoàng với riêng Lawrence và một mình trong điện để gắn huy chương chứ không phải là ở giữa triều đình.

● Thật quả tôi không hiểu tại sao dội bom đạn vào một thị trấn bị vây lại danh tiếng hơn là ám sát một người nào bằng búa.

Fedor Dostoievski

● Về chiến tranh cũng như về tình ái, muốn chấm dứt phải đến gần mà nhìn.

Napoléon Bonaparte

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tổ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél : 23.741 — 23.742

★

Fabrication : Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique.

Vente : Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane
Protoxyde d'Azote — Argon etc...

Matériel pour soudures oxy-acétylénique et électrique.

Installations de gazothérapie.

Note service technique d'application est à la disposition de la clientèle pour toutes études et installations.

TRÀ

lược sử và ý nghĩa

(xin coi từ B.K. số 169 : trà ở Trung Quốc)

TRÀ Ở NHẬT BẢN.

Theo bộ Đại Tự Điển Larousse thế kỷ XX, quyển 6, trang 665 (ấn hành năm 1933), trà vào Nhật Bản khoảng thế kỷ thứ XIII.

Thật ra nước Nhật nhập cảng trà Tàu từ đời Đường. Sử Nhật chép : năm 729 hoàng đế Shomu ban trà cho 100 sư tăng ở điện Nara. Năm 801 nhà sư Sai-Cho sang thăm Trung-Quốc mang về một số hạt giống trà và trồng ở núi Yết-Sơn (Yeisan). Năm 805 nhà sư Dengyo lại từ Trung-Quốc mang về nhiều hạt giống trà khác. Năm 815 Hoàng đế Saga hạ lệnh trồng trà trong 5 tỉnh gần kinh đô. Chúng ta thấy rằng khi mới du nhập vào Nhật-Bản, trà được các sư tăng dùng trước hết ở trong các chùa. Sang các đời sau trà thành ra một đồ giải khát rất được

giới tu hành và quý tộc ưa chuộng. Đời Tống, năm 1191, nhà sư Yeisai-zengi sang Tàu học đạo Thiền bởi hương, mang được những giống trà quý về trồng ở nhiều nơi, nhất là ở quận Vũ-Trị (Uji) gần Kyoto. Trà Vũ-Trị hiện nay nổi tiếng là một trong những trà ngon nhất thế giới. Sự thưởng thức trà phát triển với óc thẩm mỹ đặc biệt của dân tộc Nhật, dần dần trở nên một lễ nghi, một triết lý, một tín ngưỡng. Nhờ Thiền-tông Phật-giáo truyền bá nhanh chóng và sâu rộng, các sư tăng Thiền-tông thiết lập cả một nghi lễ uống trà trước tượng đức Bồ - Đề Đạt - Ma : đó là nguồn gốc của trà đạo. Trà đạo còn tồn tại đến tận ngày nay và có ảnh hưởng lớn lao đối với văn hóa và nghệ thuật Nhật-Bản.

Đặc tính tôn giáo rõ rệt của trà được phát biểu trong tục rước trà hàng năm. Tục này khởi đầu từ năm 1623, cốt để chở những lá trà đầu tiên của mỗi mùa trà mới từ Vũ-Trị đến dinh Tướng Quân ở Yeddo, nay là Đông-Kinh, hành trình dài trên 450 cây số. Trong dinh Tướng Quân ở Yeddo có 9 bình trà lớn, đặc phẩm đồ sứ của đảo Lữ-Tổng. Hàng năm, trước tiết hạ chí 50 ngày, người ta rước ba bình đến Vũ-Trị, một cách rất trọng thể có pháp sư chỉ huy, có kèn trống, cờ quạt và quân sĩ tiền hô hậu ứng. Đám rước đi qua quận nào cũng được đón tiếp, đãi đọa linh đình. Đến Vũ-Trị, người ta đổ đầy trà mới vào bình rồi rước đến Kyoto để 100 ngày. Sau đó mới rước về Yeddo. Bất cứ người nào gặp đám rước, kể cả những nhà quý tộc bậc nhất, cũng phải quì lạy. Vì mỗi cuộc rước trà tốn phí rất nhiều nên sang thế kỷ XVIII Tướng Quân Yoshimune (1710-1744) ra lệnh bãi bỏ.

TRÀ TRUYỀN SANG TÂY PHƯƠNG

Khoảng năm 850 (đời Đường ở Trung-Quốc) Soliman phát hành « Câu chuyện về trà của hai nhà du lịch Ả-Rập » viết bằng tiếng Ả-Rập. Kể từ đó người Tây Phương mới bắt đầu nghe nói đến trà. Sau đó lại có tập ký sự của một người Ả-Rập khác viết năm 879 thuật rằng năm ấy thuế trà và thuế muối là nguồn lợi chính của tỉnh Quảng Đông. Bốn thế kỷ sau, nhà thám hiểm Ý Đại Lợi, Marco Polo, trong tập du ký của ông, kể chuyện một vị thượng thư Trung Quốc năm 1285 (đời Nguyên) bị cách chức chỉ vì tăng thuế

trà một cách độc đoán.

Những người Âu châu đầu tiên được thưởng thức hương vị của trà chính là các nhà truyền giáo ở Tàu và Nhật, trong khoảng thế kỷ XVI. Một phần nhờ những thư từ, du ký cũng như những mẫu truyện của họ, phần khác nhờ việc thương mại Đông Tây đã bắt đầu phát triển, mà ngay trong thế kỷ này người Hòa Lan đã truyền tụng rằng ở Đông Phương có một thứ nước giải khát tuyệt diệu làm bằng lá của một loại cây nhỏ. Nhưng phải chờ mãi đến cuối năm 1610 thương thuyền thuộc công ty Đông Ấn Độ của Hòa Lan mới mang về chính quốc những gói trà đầu tiên. Hai mươi bảy năm sau trà trở nên thông dụng trong dân chúng Hòa Lan.

Vấn do sự trung gian của công ty hàng hải Đông Ấn Độ trà vào Đức năm 1635, vào Pháp năm 1636, sang Nga năm 1638. Tuy nhiên các vua chúa Nga biết trà Tàu trước đó khá lâu, bởi vì năm 1618 đã có một sứ bộ Trung Quốc mang nhiều gói danh trà sang tặng Nga-Hoàng.

Ở Anh, ngay từ năm 1598 đã ấn hành bản dịch cuốn du ký nguyên-tác bằng tiếng La Tinh của Jan-Hugô - Van - Linschooten nhan đề là « Voyages and Travels » trong có nói khá nhiều đến trà. Nhưng mãi đến năm 1650 trà mới vào Anh quốc. Lập tức trà được giới thượng lưu trí thức hoan nghênh nhiệt liệt. Người ta bảo : « Đó là một đồ giải khát thật đặc biệt, được tất cả y sĩ Trung-Hoa ca tụng, người Trung-Hoa gọi là Trà, người các nước khác

gọi là Tê hay Ti ». Tê hay Ti chính là phiên âm của tiếng Trà, do đó mới có chữ « Thé » của Pháp và chữ « Tea » của Anh. Năm 1662 xuất hiện bài thơ ca tụng trà đầu tiên viết bằng Anh văn của thi sĩ Waller. Đầu thế kỷ thứ XVIII, các tiệm giải khát ở kinh thành Luân-Đôn đều trở thành trà thất, nổi tiếng nhất là hai tiệm Garway's Coffee House và Golden Lion. Các tài-tử danh nhân như Joseph Addison và Richard Steele thường gặp nhau bên bình trà để hàn huyên hoặc trầm tư mặc tưởng. Phê bình gia Samuel Johnson tự nhận là một kẻ nghiện trà đến không còn biết ngược. Ông bảo : « Suốt 20 năm trời tôi chỉ uống trà trong bữa ăn ; buổi chiều chỉ có trà mới làm cho tươi tỉnh ; ban đêm chỉ có trà mới làm cho tôi khuấy khỏa và sáng dậy bao giờ tôi cũng chào đón ánh bình minh bằng một bình trà ». Từ năm 1753 trở đi trà phổ cập tới tận các tầng lớp dân quê Anh-quốc, và uống trà trở thành một phong tục quốc-gia không khác gì ở Trung-Hoa và Nhật-Bản.

Trà được phổ biến sang Mỹ-Châu bởi những người Anh và người Đức di cư qua lập nghiệp. Để tưởng nhớ nước cũ, họ đem tới phần đất mới này nhiều tập tục riêng của xứ họ, trong số có tục uống trà. Các thương gia Hoa-Lan mang những gói trà đầu tiên đến bán ở Nữu-Uớc năm 1650. Đặc biệt ở Hoa-Kỳ trà giữ một vai trò quan trọng trong lịch sử cận đại. Bắc-Mỹ chịu đựng ách thống trị của Anh Quốc cho tới khi xảy ra vụ tranh chấp về thuế trà. Năm 1767, nghị viện Anh

biểu quyết đạo luật đánh thuế đoan trên một số hàng hóa nhập cảng vào Bắc-Mỹ như chì, giấy, thủy tinh và trà. Người Mỹ phản đối bằng cách bảo nhau không mua những thứ hàng bị đánh thuế. Kết quả là nền ngoại thương của Anh Quốc bị suy giảm hẳn 1/3 so với ngày trước. Ba năm sau (1770) Chính phủ Anh phải nhượng bộ và miễn thuế đoan cho chì, giấy, thủy tinh ngoại trừ trà. Người Mỹ bèn mua lậu trà của các tàu buôn thuộc Công-ty Ấn-Độ của Hòa-Lan. Năm 1773, Công ty Ấn-Độ của Anh-Quốc được Chính phủ Anh dành cho độc quyền bán trà tại các thuộc địa. Người Mỹ phản đối rất mãnh liệt. Tháng 12 năm 1773, ba tàu buôn thuộc Công ty Ấn-Độ của Anh mang 340 kiện trà tới hải cảng Boston, bị người Mỹ giả làm quân Da Đỏ tấn công và mang đổ hết xuống biển. Nền độc lập của Hoa-Kỳ khởi đầu từ đó.

Tính ra chỉ trong khoảng gần hai thế kỷ, trà đã chinh phục được Tây-phương. Và nếu Đông là Đông, Tây là Tây, thì từ thế kỷ XVIII, Đông Tây đã từng gặp nhau chung quanh bình trà. Đông phương chúng ta nhận của Tây phương nhiều nhưng trả lại ít. Chính nhờ trà mà chúng ta khởi mang tiếng là chỉ biết nhận, không biết trả. Bởi vì nghi thức uống trà là nghi thức duy nhất của Á-Đông được Tây phương chấp nhận hoàn toàn. Tây phương có thể bài bác tôn giáo và đạo đức của Đông-phương nhưng lại hưởng ứng trà một cách chân thành. Nhìn những người Tây-phương hiếu đông và tiếc thời giờ, tỷ mỷ sửa soạn bộ đồ trà hay ngồi trầm ngâm bên bình trà, ta mới thấy

Đông phương cảm hóa Tây phương đến bậc nào.

TRÀ Ở VIỆT-NAM

Trong khi thư tịch cổ đại Trung-Quốc và Nhật-Bản có ghi chép rõ ràng các niên hiệu và sự việc quan yếu đến vấn đề trà thì ở Việt-Nam, chúng tôi đã cố công tìm kiếm mà chưa thấy được một tài liệu nào nói tới trà trước đời Lý 1010-1225. Chắc chắn không phải là vì từ đời Lý trà mới du nhập Việt-Nam, nhưng chính vì, như lời nhà văn Giản-Chi : « thư tịch Việt - Nam tuy không bị cái họa lửa Tần nhưng đã trải biết bao nhiêu lần lửa trận. Mỗi lần thử lửa lại một lần tiêu hao ». Nhất là trong thời nội thuộc nhà Minh (1414-1427) bọn quan cai trị nhà Minh thâm hiểm, như Hoàng-Phúc, thu nhặt hết sách vở cũ của ta mang về Tàu, khiến cho người đời sau muốn nghiên cứu về cách sinh hoạt của tổ tiên không còn tìm thấy một vết tích chính xác nào nữa.

Thiếu tài liệu chính xác, chúng ta chỉ còn cách đặt giả thuyết. Ta có thể nghĩ rằng trà Tàu du nhập vào Việt-Nam kể từ đời Đường (618-907) Giả thuyết này căn cứ trên 3 lý do. Lý do thứ nhất, như chúng ta đã thấy các sư tăng Phật giáo đóng vai trò tiên phong trong công cuộc phổ biến trà. Đời Đường, Phật giáo không những đã thịnh hành ở Trung-Quốc mà ở Giao-Châu cũng bắt đầu phát triển. Sử sách còn ghi chép ít nhiều cuộc trao đổi sư tăng giữa hai nước. Năm 820, đại sư Vô Ngôn Thông từ Trung-quốc qua Giao-Châu truyền pháp, lập nên phái Thiền-Tông thứ hai. Ở Giao-Châu có Phụng-Đình pháp sư và Duy-Giám pháp sư

sang Trung-Quốc được vua Đường mời vào giảng đạo trong cung, lúc về lại được các thi hào Dương-Cự-Nguyên và Giả-Đạo làm thơ tiễn biệt. Rất có thể một người trong các vị sư tăng đó đã đưa trà vào Giao-Châu. Lý do thứ hai, nền ngoại thương đời Đường rất phát đạt. Các lái buôn Trung-Quốc về đời Đường đã đi tới Ấn-Độ, Ba-Tư, A-Lập-Bá và Nam-Dương Quần đảo. Trong các phẩm vật xuất cảng, trà và tơ lụa đứng vào hàng nhất. Giao-Châu lại ở ngay sát cạnh Hoa-Nam là miền chuyên sản xuất trà, tất nhiên trà phải là một trong những phẩm vật thông thường dùng để trao đổi với Giao-Châu. Lý do thứ ba, suốt 10 thế kỷ Việt - Nam nội thuộc Trung - Quốc (III trước Tây Lịch - 939 sau Tây lịch), nhà Đường áp dụng một chính sách thực dân khắc nghiệt hơn cả. Các quan lại cai trị nhà Đường chắc hẳn phải cố gắng khuếch trương việc tiêu thụ trà ở Giao Châu để làm giàu cho chính quốc. Qua các đời Ngô, Đinh và Tiền Lê, sang đến đời Lý, trà đã thành một thứ giải khát tao-nhã của giới tăng lữ, sĩ phu và quý tộc. Đời Lý-Nhân-Tông (1072-1127) ngài Viên-Chiếu thiền sư, là con của anh bà Linh-Cảm Thái-Hậu (vợ vua Lý-Thái-Tông) có 2 câu thơ :

Tặng quán thiền lý viên

Tiểu bà nhất bình trà

dịch :

Tiền chân ai bước đường xa

*Miệng cười dâng một bình trà tặng
nhau.*

Sách Truyền kỳ mạn lục của Nguyễn

Dữ (1) chép : Về đời Lý-Huệ-Tông (1211-1225) có một vị tiên nghiện trà giáng sinh làm con Dương-Tạc, một viên quan nhỏ ở phủ Thường-Tín, trấn Sơn-Nam (tỉnh Hà-Đông ngày nay). Tạc đặt tên con là Thiên-Tích. Thiên-Tích lớn lên thích uống trà thường tự ví mình với Lư-Đổng, Lục Vũ, sau làm quan đến chức Đề-hình, nổi tiếng là trung hiếu và liêm chính.

Đời Trần (1225-1400) thấy xuất hiện những tác phẩm văn chương tán tụng trà như bài Phúc Hươg Viên (Vườn Phúc Hươg) của Thượng-Tướng quân Trần Quang - Khải, bài Tặng sĩ đồ tử đệ (tặng tử đệ đi làm quan) của Huyền - Quang hòa thượng, bài Xuân đán (Ngày xuân) của Chu-Văn-An, bài Cửu nguyệt tam thập dạ hữu cảm (Đêm ba mươi tháng 9, cảm tác) của Trần-Nguyên-Đán, bài Tống-Bác-Sứ Ngưu Lượng (Tiễn sứ Tàu là Ngưu Lượng) của Trần-Nghệ-Tông.

Nhờ ảnh hưởng của văn chương mà sang đời Lê (1428-1788) trà càng phổ biến. Trong số các danh nhân ưa thích trà đời Lê chúng ta phải kể Nguyễn-Trãi, Nguyễn-Bỉnh-Khiêm và Nguyễn-Khản. Nguyễn-Trãi sau khi giúp Lê-Thái-Tổ bình định giặc Minh, chức làm đến Nhập nội Hành khiển (2), tước phong đến Tể-Văn-Hầu, thế mà trong bài thơ « Loạn hậu đảo Côn-sơn cảm tác » (sau lúc loạn, đến Côn-Sơn, cảm tác) ông vẫn mơ màng đến cái thú uống trà pha bằng nước suối :

*Nhất biệt gia sơn cấp thập niên,
Quy lai từng cúc bôn tiên-nhiên.*

*Lâm tuyền hieu ước na kham phụ,
Trần thổ để đầu chi tự liên.
Hương-lý tài qua như mộng ảo,
Can-qua vị tất hạnh thân tuyền.
Hà thời kết ốc vân phong hạ,
Cấp giản phanh trà, trẩm thạch miên ?*
dịch :

*Xa quê thoát đã mười năm,
Trở về từng cúc nửa phần sắc-sor.
Núi rừng trôi hện khôn ngờ,
Những thương giữa đám bùn như cái đần !
Làng xưa thoảng mộng về đần,
Can-qua chưa dứt, mây râu vẫn lành.
Bao giờ mây quện mái tranh,
Trà pha nước suối, đá xanh gối nằm ?*

Trạng-Nguyên Nguyễn-Bỉnh-Khiêm có thể ví với Lục-Vũ, Lư-Đổng. Ông từ chối quan tước để được tự do.

*Khát uống trà mai hương ngọt-ngọt
Giấc nằm hiền nguyệt gió hiu-hiu.*

Còn Nguyễn-Khản đỗ Tiến-sĩ đời vua Lê-Hiến-Tông (1740 - 1786) làm quan trong phủ Chúa Trịnh, được Trịnh-Sâm rất quý mến, phong tước Kiêu-Nhạc-Hầu. Khản bản tính phong lưu, thích hát ả đào và nghiện trà. Có lần ở nhà hết trà, ông viết vào giấy mấy chữ : « Thần Khản khát trà nhất lạng » nghĩa là : Thần là Khản xin một lạng trà, rồi cho người đưa dâng chúa. Trịnh-Sâm liền sai thị thần mang đến ban cho một thùng trà hảo hạng.

Nhưng đời Lê, trà không còn chỉ quanh quẩn trong triều đình, trong giới

(1) Nguyễn-Dữ đỗ tiến sĩ đời Hồng-Đức (1470-1497)

(2) Ngang với chức Thủ-Tướng ngày nay.

tăng lữ và sĩ phu. Tục uống trà đã lan rộng khắp trong dân chúng và trà trở nên một thương phẩm quan trọng. Nghề trồng trà và chế tạo trà ở nước ta xuất hiện từ bao giờ, điều ấy thật khó mà biết được. Nhưng chắc chắn đến cuối đời Lê trà nghiệp đã phát đạt lắm. Theo sách Lê quý kỷ sự và Đăng khoa lục cầu giảng, đời Vua Lê-Hiến-Tông trong nước nhiều giặc giã, quân đội phải đi đánh dẹp không ngừng, lại gặp chúa Trịnh-Sâm hay xây dựng cung điện lâu đài rất tráng lệ, thành ra công khổ hao hụt. Thấy trà và muối là hai thứ sản xuất trong nước mà mọi người đều thiết dụng, Trịnh-Sâm bắt chức vua Đường - Đức - Tông muốn đánh thuế trà và muối để làm giàu cho công quỹ.

Chúa sai quan lại một mặt điều tra số lượng trà và muối sản xuất hàng năm trong nước, mặt khác làm sổ hộ khẩu để biết số lượng tiêu thụ hầu có đủ tài liệu đánh thuế. Lệnh ấy truyền ra, nhiều ruộng muối bị bỏ hoang, nhiều vườn trà bị phá hủy vì chủ đất sợ không đủ tiền nộp thuế sẽ bị tù tội. Trà và muối tự nhiên khan hiếm, giá cao vọt lên, dân tình huyên náo. Chúa Trịnh muốn thăm dò dư luận, nhân gặp khoa thi Hương, mới ra đề thi bàn về việc triều đình dự tính đánh thuế trà và muối để gia tăng công quỹ. Kết quả là hết thấy sĩ tử đều phản đối thuế trà. Có một bài nghị luận danh thép, trong có mấy câu đến nay còn truyền tụng :

*« Trà thuế chính hĩ, nhi trà bà chi
diện thanh thanh,*

*Diêm thuế xác hĩ, nhi diêm ông chi
đầu bạch bạch».*

nghĩa là : Nghe thấy lệnh đánh thuế trà, mặt mũi hàng trà xanh lợt ; nghe thấy lệnh đánh thuế muối, đầu ông bán muối bạc phơ.

Đời Nguyễn các thi hào như Nguyễn Du, Nguyễn Công Trứ, Cao Bá Quát, Nguyễn Khuyến, Trần Tế Xương đều có thơ tán tụng trà. Trà cùng với Truyện Kiều và tổ tôm trở thành ba thứ quốc túy mà người nam nhi nước Việt không thể không biết :

Làm trai biết đánh tổ tôm,

*Uống trà Mạn Hảo (1), ngâm nôm
Thúy-Kiều.*

Từ thành thị tới thôn quê, người ta dùng trà trong mọi trường hợp : Dùng trà để giải khát hàng ngày trong gia đình, dùng trà để đãi khách, dùng trà để cúng giỗ, biếu xén, cưới hỏi. Trà nghiệp càng ngày càng phát đạt. Người Việt biết chế biến nhiều loại trà, làm cho trà thích hợp với mọi giai cấp về phương diện hương vị cũng như về phương diện tài chính. Giai cấp thượng lưu dùng trà tầu và trà mạn sen, cách chế tạo cầu kỳ, hương thơm đài các, giá tiền rất đắt. Sau đây là một vài thí dụ về giá cả loại trà dành cho quý tộc. Đời Minh Mạng, Tự Đức, một lạng bạc định giá 7 quan 5 tiền. Lương bổng đồng-niên các quan văn-võ chánh-nhất-phẩm (Thượng-Thư, Đề-đốc) gồm có 600 quan tiền, 600 phương gạo (mỗi phương trị giá 1 quan 5 tiền) và 70 quan tiền để may quần áo. Thế mà

(1) Trà Mạn Hảo : Tương truyền loại trà này phát nguyên từ miền Mạn Hảo, tỉnh Hà Giang (Bắc Việt).

năm Minh-Mạng thứ 8 (1827), các quan ở Bắc-Thành mua để dâng Vua trà Châu-Lan mỗi cân giá 1 lạng bạc và 1 tiền, và trà Liên-tâm mỗi cân giá 2 lạng bạc. Năm Tự-Đức nguyên niên (1848), các quan tỉnh Hà-Nội mua tiến kinh trà Bích-lục Châu-lan mỗi cân giá 2 lạng bạc và 8 tiền, và trà Vũ-tiền Liên-tử-tâm mỗi cân giá 3 lạng bạc.

Giai cấp bình dân dùng trà nụ, trà khô và tươi, cách chế tạo giản dị, hương thơm thanh đậm, giá tiền rẻ hơn. Chính nhờ những ưu điểm này mà trà phổ biến được đến những thôn xóm xa xôi hẻo lánh. Mỗi bến đò hay quán chợ, mỗi gốc đa trên bờ đê hay ở đầu đình đều có một hàng nước trà tươi mà các nông-dân chất phác và ngbèo túng nhất, sau những giờ đổ mồ hôi dưới ánh nắng mặt trời gay gắt, cũng có thể vào nghỉ ngơi để

*Vất chân chữ ngũ,
Đánh củ khoai lang
Bờ mụ nhà hàng
Cho tôi bát nước (1)*

Người Việt-Nam thời xưa thường uống trà vào buổi sớm và buổi trưa. Sáng sớm tinh thần thanh sảng, muôn vật đều hoạt động, người ta pha trà uống để hưởng cái không khí trong sạch lúc bình minh. Và lại đêm ngủ cơ thể được nghỉ ngơi, sáng dậy uống trà để thúc đẩy huyết mạch tuần hoàn và tăng-cường hô hấp. Vì thế có bài thơ tán thưởng :

*Bán dạ tam bôi tửu
Bình minh sở tràn trà*

*Mỗi nhật cứ như thử
Lương y bất đáo gia.*

nghĩa là :

*Nửa đêm uống ba chén rượu,
Sáng sớm uống vài chén trà;
Ngày nào cũng cứ như thế
Thầy thuốc không bao giờ tới nhà.*

Buổi trưa, sau khi làm lụng nhiều hoặc bằng chân tay hoặc bằng trí óc, tinh thần và cơ thể mỗi mệt, lại ăn các thứ thịt cá lâu tiêu, uống trà vào có hương thơm làm cho người ta thấy tỉnh táo, lại có chất giúp đỡ ăn chóng tiêu hóa. Truyện Kiều có câu :

*Khi hương sớm, lúc trà trưa,
Bàn lan điểm nước, đường tơ họa đàn*
liệt việc uống trà buổi trưa vào một trong bốn cái thú phong lưu của người đời.

Trà còn dùng để cúng Phật và cúng gia tiên. Tục nhà chùa, khi tiến lục cúng lên Tam-Bảo, lần thứ tư có dâng cúng nước trà ; ở các từ đường của tư nhân người ta cúng nước trà trong những ngày giỗ tổ tiên, lấy ý trà hương thanh vị mỹ, là một thứ trân quý, đem cúng gia tiên để tỏ lòng thành kính và mong mỗi con cháu được hưởng chút hương thừa.

Gặp ngày lễ, tết, nhất là tết Nguyên Đán người ta dùng trà để biếu thầy học và các bậc tôn trưởng lấy ý trà có hương vị ngọt ngào, lại trồng ở chỗ đất cao nên đem biếu người trên để tỏ lòng ngưỡng vọng. Cũng trong dịp tết Nguyên-đán, trà,

(1) Bát nước đây là nước trà tươi.

còn dùng biểu bạn bè, lấy ý hương trà thanh khiết sẽ làm cho tình bạn vững bền thanh cao không vụ lợi. Cho nên gói trà đầu xuân là một trong những tặng phẩm quý giá và thông dụng bậc nhất của người Việt-Nam thời xưa

Trong những dịp cưới hỏi, trà dùng làm đồ sính lễ, lấy ý trà có hương vị khả kính khả ái, đem tặng để mong cho vợ chồng lúc nào cũng yêu kính nhau. Hoa trà màu trắng biểu hiệu cho sự trinh tiết của người con gái, lá trà xanh tươi biểu hiệu cho sự thịnh vượng của gia đình, là một hạt trà có thể nảy ra cả một rừng trà là điểm báo hiệu con đàn cháu đống.

Từ thời Pháp thuộc, tục uống trà có phần suy bại cùng với những giá trị tinh thần cổ truyền của dân Việt. Trà bị các đồ giải khát của Tây-phương như cà-phê, nước ngọt, rượu bia, rượu vang cạnh tranh ráo riết. Tuy nhiên, cũng như nhà Nguyên bên Trung-Quốc, chính phủ thực dân vẫn chú trọng tới phương diện kinh tế

của trà vì trà là một nguồn lợi nông nghiệp cần khuyến khích dân chúng trồng trọt để đánh thuế và đem xuất cảng. Nhờ vậy mà nghề trồng trà tăng tiến hơn trước. Những miền sản xuất trà ở Bắc có Phú-Thọ, Thái-Nguyên, Hà-Đông ; ở Trung có Quảng-Trị, Thừa-Thiên ; ở Nam có Bình-Dương, Long-Khánh, Lâm-Đồng, Đà-lạt, Dar-lac. Năm 1900 trà Việt-Nam bắt đầu xuất cảng ra ngoại quốc (1). Bề ngoài thì huy hoàng như vậy, nhưng bề trong cái tinh thần cũ của tục uống trà tàn lụi dần. Nó rút lui về các miền quê, và chỉ còn phảng phất trong mái tranh của những người cựu học. Năm 1940 Nguyễn-Tuân, trong cuốn « Vang bóng một thời », mô tả thú uống trà như một cái gì đã thuộc về dĩ vãng.

ĐỖ-TRỌNG-HUỆ

Kỳ tới : Ý nghĩa của Trà.

(1) Theo tài liệu thống kê, năm 1962 trà đứng hàng thứ ba trong các phẩm vật xuất cảng của Việt-Nam sau cao su và gạo.

Kính Chúc Tân Xuân

Café TÙNG

CHUYÊN MÔN CAFÉ « PHIN »



6, Khu Hòa-Bình

DALAT

MÙA XUÂN TRƯỚC MẶT

Tuổi trẻ tôi màu xanh chàm tuổi lá
Kết mền thương vào với núi sông này
Cha mẹ tôi đã cứng chân mềm đá
Núi lớn tôi trong năm tháng lưu đầy

Cho tôi bảo : hãy đi cày lầy sông
Vì tổ tiên tôi đã chọn nghề nông
Cây nhân ái đơm chồi xanh tuổi mộng
Mớm cho tôi dòng máu nóng tim hồng

Mẹ tôi dạy : Nhen lửa cảnh chân thật
Chia yêu thương cho đồng bọn tôi cầm
Cha ông đã nuôi tâm hồn chất phác
Nên tôi chừ khôn lớn chút từ tâm

Anh trai cũng làm gương bằng cái chết
Để giữ màu da, tuổi bươm, hoa vàng
Tôi thăm hiểu đất đai này chưa hết
Những con người biết sông, biết hiền ngang

Kể từ đây tôi sông bằng tuổi trẻ
Với bè bạn thân, nòi giống chung tình
Lầy đoàn kết đánh tan niềm chia rẽ
Giữ quê hương như chính bản thân mình

Tôi khôn lớn với mùa xuân trước mặt
Với hoa mền thương với trái nhân từ
Cây đạo đức đơm chồi xanh tuổi đất
Như núi sông đơm hơi thở sa mù

Ơi thiết tha màu xanh chàm của lá
Màu da vàng, nắng lụa, sắc cây rừng
Tuổi mùa xuân chung tình như tuổi đá
Phân hương đồng hoa cỏ nội rừng rưng

THÀNH-TÔN

thư xuân

phát thạch

Lại một mùa xuân nữa, chúng ta
Ngồi thương nhớ mây nẻo quê nhà
Biết rằng thiên hạ đâu vui tết
Nhưng cõi lòng riêng vẫn xót xa

Anh ở cao nguyên chắc cũng buồn
Chiều nhìn chim gửi cánh qua trướng
Con đường Gia nghĩa nhiều cô quạnh
Khỏi xám tìm ai quyến dưới buồn ?

Tôi mãi nằm đây xơ xác thân
Nghèo khổ nên nói chuyện « thanh bản »
Lá bùa danh vọng không mang nổi
Quay mla « mình ta được chức... Dân »

Thình thoảng đôi người quen ghé ngang
Có cho tôi biết chút tin làng
Vân-hòa của chúng mình — anh ạ
Thôn xóm ngày nay : những đồng than

Ngay chỗ nhà tôi — anh nhớ không ?
Sân xưa mát rượi bóng vông đồng
Bây giờ lũ nhím đào hang ngủ
Lau lách ùn lên đã trở bông

Giữa cỏ um tùm mây gốc cau
Như tên tử tội sợ rơi đầu
Gương tròn đôi mắt rêu loang lổ
Ngơ ngác nhìn : hiu quạnh trước sau

Quanh Chợ Đồn thôi chẳng lời mòn
Vườn thơm trái ngầy chín màu son
Ruộng Cầu bò, lác lên dày đặc
Giếng trạm đầy hung nhúc rần con

Cô bác từ khi sản nghiệp thiên
Làm tôi hai Chúa cực trăm điều
Sau đồn ra dưới chân hòn Lúp
Bát cháo nôi khoai tạm chắt chiu

Nghe nước ngoài kia độc lắm anh
Hàng trăm chứng bệnh lạ tung hoành
Số người chết bỗng tăng nhanh quá
Kẻ sông : gậy nhom, mặt búng xanh

Xuân đến, ai say khướt rượu trà
Mừng năm mới tới, tiễn năm qua ?
Tôi nhìn xem tết trên tờ lịch
Giả giọng làm ngơ « tết đây a ? »

Anh hẹn về chơi tết với tôi
Lại thêm một chuyện hẹn suông rồi
Mấy dòng tin xừ trao anh đó
Muôn viết dài hơn, chợt nghĩ..., thôi,

bài ca quê hương

● thay K.T. đề tặng chị ĐỨC VINH Saigon

Em chồi bở phở phường về đất Quảng
Quê hương này rơm rạ vốn thương nhau
Nồi thân phận cỏ bèo nhưng âm cúng
Nghe trong hồn nhiều mật ngọt tre cau

Chim chóc lớn lên bốn mùa khăng khít
Thở hơi người chia sẻ những buồn vui
Và ca hát lời trẻ thơ riu rít
Xóm làng im, âm hưởng tiếng em cười

Nụ hoa trắng đơn sơ mời cuộc sống
Chịu âm thầm nhưng chẳng bị ai quên
Vườn địa đàng ở đây không trái cấm
Những trăng, mây ban lời ngọt ân tình

Những nhánh sông chờ từng dòng thương nhớ
Nghe ruộng đồng mùi thôn bản xa xôi
Niềm thông cảm đôi bờ theo mỗi gió
Mảng đỏ trời chờ mộng nối hai đầu

Tre từng lũy nhưng không thành giới tuyến
Mát hơi nồm trong những buổi hè oi
Đôi mái tóc kề nhau lòng như biển
Kể chuyện mình và ôn chuyện xưa sau

Người con gái với tay hiền móm mọ
Thăm vô vàn âu yếm lửa «nên khôn»
Câu hò ngát trong chiều như lời mẹ
Tiếng ca nào hay bằng tiếng quê hương



Đền bao giờ núi sông dừng chia cách
Người gặp người bằng thông cảm sơ nguyên
Giữa cánh hương hôm nay còn bi đát
Em quay về xin cuộc sống bình yên

UIÊN HÀ

NGÀY XUÂN ĐÊM XUÂN

N HƯNG nàng tiên trong cung cấm trải rộng mùa xuân trên năm sắc áo, màu lục già của chị Như Hoa tuy thanh bai nhưng trông đượm buồn bên cạnh màu hoàng yền sống sánh hào quang của tôi. Ba mùa tám tiết, điện Thái hòa vẫn còn vài người con gái bỏ quên cuộc đời để chơi bài, chơi bạc và mùa Xuân thì tam cung lục viện đều họp mặt vầy sông. Bảy thê nữ dâng hương, xông trầm ngào ngạt, hơi ngút vấn quanh cung cấm. Trong điện Thái hòa âm áp như có một mùa hạ và ngoài nắng mới, ngày trường xuân lạnh lẽo hơn những ngày chót của tháng chạp vừa mất. Hoàng-Thái-Hậu ngự sang cung Thanh hư để mạch vui của bảy công nữ chúng tôi không bị vướng víu.

Xuân trong cung cấm là xuân đen đỏ ; các công chúa nghĩ được gì rộng hơn những lá bài. Đàn ông

là thứ đồ không bao giờ chúng tôi tưởng tới. Ngày Tết, gái cấm cung thức dậy vái chào nhau, nhìn nhau trang điểm, trao đổi vài câu chửi tụng rồi hết. Trong cung lạnh không có người khác phái. Các hoàng tử, Vương tôn chiếm cứ giang sơn bên tả, có bao giờ hội diện với chúng tôi. Các ông là trời, chúng tôi là trăng. Chỉ ngày Nguyên đán, hai nhánh Nguyễn Uông và Nguyễn Hoàng mới họp mặt đông đủ ở cung Từ-dạ để lạy mừng Thái hậu cùng Thánh thượng muôn muôn tuổi. Chôn thâm cung đào tạo nên những con bạc cự phách, già dặn, tuy nhiên, những nàng công nữ trẻ như chúng tôi thường mơ ông Phò ông hơn thần đen đỏ.

Cả họ Nguyễn đông gần chật làng nước đều thất nghiệp, nhàn rồi sông bám vào một người làm việc là vua.

— May mà tôi sinh ra làm công chúa, nếu là bách tính và với tầm sắc đẹp này, có thể tôi sẽ bị gọi làm vợ Tôn Thất. Có ông Hoàng hư sự đến nỗi không buồn cạo hai hàm râu để lấy rất nhiều vợ. Có ông Hoàng suốt đời cam phận nữ nhi đánh đôi má trắng, điểm đôi chút gò hồng và rồi hàm răng đen bóng hạt huyền. Họ ngồi khom lưng đánh bạc thâu đêm dai dẳng hơn sức tướng phá thành. Tôi sợ cái vô dụng của đàn ông lắm. Nghĩ mà ồ ồ đột dùm cho những cậu Tôn đó !

Mấy bà công chúa già, lưng người nào cũng cong vòng vì ngồi quá, đánh bạc dừ quá. Đó là đời họ. Tôi ngồi chen vào một sòng bạc, tay trái vẫn thủ cuốn binh thư. Đây là một vòng tam hường ồn ào. Mắt tôi muốn nhìn hoa. Sáu hạt tam hường chồm lên tung hô, âm thanh cười dòn, dậy khắp cung nhỏ. Quân bài bằng ngà nằm san hô, thỉnh thoảng chạy vài đường vàng điệp. Hạt tào cáo màu ngọc tía, điểm vân son, khoáy tròn trong lòng chén kiêu, la hét nổ đũa từng hồi, từng chuỗi. Hạt bằng ngọc, lên nước bóng ngời vì ử hơi tay của những con người vương giả.

Tam hường điển hình mọi ham muốn trưởng giả, phong kiến, mọi ý nghĩ phân chia giai cấp trong xã hội của một thời không giặc giã. Người ta đã đem từng bằng cấp để đặt tên cho mỗi quân bài. Cầm đầu xã hội trí thức là một vị trạng nguyên mi mạo, mũ cao áo dài và thấp nhất trong thành phần

là anh tư tài thắt nghiệp, áo chúc bầu quần vải cộc. Những thứ bài bạc khác có vẻ một tổ chức quốc gia lành mạnh vì kẻ chỉ đạo bao giờ cũng là những vị tướng lãnh tài ba trong quân đội, tướng thì đỏ, tướng thì trắng, hai bên là sĩ tượng tháp tùng. Ngoài hội đồng nghĩa quân cách mạng còn có ngựa xe, pháo bốn chen rầm rộ. Trên đất, người ta thấy nàng Bạch Tuyết đỏ mỏ cặp tay chú Đội Đầu ngủ trưa ở cỗ bài tới bình dân ai đi chợ cũng được; và dưới nước, tôm cua rùa ếch cứu cái biểu diễn vũ khúc thủy đình. Tôi quên nhắc là hai năm nay Thái-hậu ngăn cấm không cho chúng tôi đánh thẻ. Thái hậu bảo rằng trong Đại nội Công chúa đánh thẻ thì ngoài thứ dân gạo thua, đong không đầy lon. Vua cha sắm cho các Công chúa bộ thẻ hai mươi bốn chiếc bằng pha lê dòn tan và trong suốt; còn hòn để gieo là một cái trứng vịt sòng. Như-Bảo tay chân nặng nề chỉ chơi được thẻ sáu, nhưng chưa qua canh năm thì hòn đã vỡ văng tròn, và thẻ cũng gãy làm đôi. Tôi chấp Như-Phiên ba lần, cho đi trước bằng trứng vịt luộc chín mà ván nào cũng nẽ được chân chị. « Sang cái tay, trở cái chân bắt con một mà ăn », nẽ đất, nẽ chân thì gãy thẻ, rớt thẻ. Rớt thẻ nẽ đau, rớt hòn dòn nẽ, thẻ nào chân chị Như-Phiên cũng phải u lên mới được.

Trong cỗ tam hường là cả một dân trí kiêu hãnh vì theo Nguyễn-Công-Trứ thì phải có chi chi đó

mới đáng sống trong trời đất. Tú tài là Út. Đồ tam hường người ta thường nóng mặt vì không phải ai ai cũng ủ mộng lấy được trạng nguyên mà trạng ta thì vô tình như bướm nên hay bị « cướp » tay trên. Nếu gieo tứ-hường thì trạng hai tuổi còn bú mẹ phải chui vào tay áo trạng ba. Đó là những ông trạng còn non xèo, chưa sạch máu đầu, công-nương hãy khoan cắt vào tim. Ấp trạng là hai ông trạng em tuổi vừa đôi tám; bước công danh của trạng em thường là một bước đường thông « suốt » nhưng đôi khi cũng phải « phân song » vì cuộc thế nổi chìm « lúc lên lúc xuống ngựa ». Bồn vị tam nguyên đeo bồn túi thơ, bồn bầu rượu, với « ba » cái « hường » lơ triu nặng trên nếp áo sa đen, tuy mắc vòng công danh nhưng thiệt là những tâm chống trung thành. Họ rất yêu vợ, ngày đêm gọi vợ bằng em; mận nghĩa tao khang nên không ai có thể « cướp » tam hường trên tay hiến thể của chàng cả. Kén vợ đệ nhất là tám ông Tân-sĩ hàm tứ tự, mỗi ông có một chòm râu để vuốt. Ông Nghè oai to, lính ông Nghè oai nhỏ, luôn luôn đe dọa những cô bán rượu đồng trình. Nếu mộng tam nguyên không thành, chỉ hai lần ra mặt tứ đồ, thì « nhị hường » đành nhận cử nhân. Có đến mười sáu cử nhân và ba mươi hai tú tài. Những anh tú gầy chỉ còn xương, ngày ngày nằm kềnh ra ăn bằm nách vợ, nói xỏ xiên cuộc đời cho đã giận. Người ta gọi tên Tú tài là ông « hường nhất ».

Thời thế tạo anh hùng, tú tài sẽ lên mặt ngồi vống điều với Tân-sĩ ! Tứ tự nhất hường mà em ruột của trạng nguyên tìm đến kết nghĩa đồng sanh tử với người chăm chỉ ba khoa ba lần đậu đầu : Phân song tam hường...

Mất các công chúa long lanh, kiểm soát những quân bài chặt chẽ một con kiền cũng không ăn gian được trong khi miệng vẫn cười to thả cửa, tay cút kít nhau, bóp cổ, điểm huyết. Tôi mỗi lưng quá, dơ nắm tay đầm nhẹ không hết liền đứng dậy. Chị Như-Ngọc lắc lắc chén vài cái theo nhịp nụ cười sún răng trên miệng rồi nói :

—Như Mai chạy đi mô, mới ngồi được một chập... Lúc nào trông em cũng hấp tấp như cóc bỏ đĩa... cũng lạnh chanh như hành không muối.

Tôi bước nhẹ đèn lầu thường nguyệt ; Trời đất cùng lạnh, miệng người sưởi hơi khi cười nói. Lầu Vọng nguyệt có chiếc thang nhỏ bắc lên Trời theo hình mảnh trăng ôm. Ở nấc thang thấp, một con bộ ngựa, con ngựa nhà trời xanh màu đọt chuối, mang hai thanh kiếm xuống trần xin vôi ăn trấu. Tôi quay vào mang cả bình vôi ra, lấy chìa quẹt lên cặp kiếm rằng cưa để ngựa bay về dăng Trời. Còn nhớ lúc nhỏ thường bắt bộ ngựa để cướp hai cây gươm bén khiến bộ ngựa hiền lành như châu châu bị bẻ càng.

Trong cung chỉ mình tôi hiểu.

động ham đọc binh thư, anh hùng liệt nữ truyện và thường trộm phép Từ-dụ Thái-hậu tập tành võ nghệ với bảy cung nữ. Có một đêm đoàn nữ binh cõm no, ngậm tằm, do tôi làm đầu, kéo vào phòng các Công Chúa nhét dẻ vào miệng, trói gô tay chân lại đem đặt ở lầu phần cung. Đạo nữ binh dẫm lên bốn hoa của Thái-hậu và đập chết con Bạch - thừ của Anh-Hoàng đề Tự-Đức.

Tôi bảo chị Như-Hoa :

— Đời Mãn - Thanh, vua Càn-Long chỉ dùng một mẹo nhỏ mà làm cho tất cả các phái võ nghi kỵ nhau, nổi lên đánh giết nhau. Ông Vua chỉ đưa ra một chức quan, một miếng công danh mà làm đảo điên cả hệ thống các môn phái Thiệu-Lâm, Nga-My, Bạch-Hạc, Côn-Lôn, Võ-Đương, Tây - Khương, Hồng-Quang...

— Lúc nào trông em cũng như một hiệp nữ chưa ra khỏi nhà... Chị nghĩ rằng ái tình bao giờ cũng mạnh hơn công danh. Em Như Mai có nghe Phụ hoàng thường kể chuyện chi không?... Nhiều Công tử trong nước bỏ tước vị Công tử, bỏ đi xa làm thứ dân vì sợ phải lấy chị em ta.

Tôi đáp vội :

— Có chi mà chị buồn... rồi bọn cung nữ tưởng chúng ta thật tình vì họ... chị đừng buồn, nếu như trên đời không có đàn ông thì chị còn buồn biết mấy.

Chị Như-Hoa thở dài :

— Chị nghĩ là danh dự chúng ta bị chạm nặng... nay mai em đã là

vợ Nguyễn - Lâm rồi... em không còn là người trong cung nữa...

Tôi đen ở đôi mắt, trắng ở màu da và lòng tay gót chân thì đỏ như nhuộm phẩm. Mắt tôi ừ sưng, trông đen như trôi giữa trông trắng.

Chị Như-Hoa thở dài tiếp :

— Chị muốn đi tu, đi tu không phải vì giận đàn ông, không phải rằng sau người đàn ông là ngôi chùa...

Tôi sắp chân chị Như - Hoa, bỏ đi nơi khác thì chị thở dài tiếp :

— Nhưng chị vẫn còn nh ều dục... Sao đức Thê-tổ Cao hoàng chỉ phong cho một vị Hòa-thượng đền hàm lục phẩm mà thôi ?

— Mày ông Thấy nước mình dờ ờm không biết một chút quyền thuật, võ nghệ hay mưu lược gì cả. Đạt-Ma Sư-tổ người Tây Tạng đạo hạnh, kiên thức, võ thuật đều tuyệt luân... đủ cả ba phương diện, trong khi truyền đạo ngài đã sáng chế ra môn võ Thiệu-Lâm... dễ sợ thật. Rồi đến Hồng-Mi Lão-tổ, Ngũ-Mai Lão-ni, Chi-Thiện thiên-sư, Bạch-Mi đạo-nhân, vị nào cũng siêu quần, bạt chúng... khiếp quá... tu thân truyền bá đạo Phật, thu nhận đệ tử để dạy võ nghệ... Em phục ghê, đi tu như thế mới xứng đáng... Mỗi nhà Sư cắm đầu một ngọn núi, lập Chùa... Chị thầy không ? võ nghệ, hay nói rộng ra các thứ khí giới võ biến đều là con đẻ của cửa Thiền, đều do sư đặt ra cả... Võ thuật, nguồn gốc là một bộ môn cứu người, bộ môn từ bi... nhưng ngày nay võ thuật bành trướng trên mọi lãnh vực, người

ta giết chóc nhau... Khi em đi một thê vô..., em nghĩ rằng mình đang làm một cử động Từ bi...

Chị Như-Hoa bực tức :

— Đầu óc em lúc nào cũng đầy âm ập những trang kiêu hiệp, phi hành đại đạo... Chị không nói chuyện với em nữa.

Một Cung-nữ áo xanh đến vòng tay cung kính :

— Hoàng Thái - hậu truyền đòi Như-Mai Công chúa đến chầu.

Tôi bước bả đến Cung Từ-dụ, nghe như mình đang dùng phép thần hành lướt trên mặt đất bỏ xa con thanh nữ một đoạn đường dài.

Vào Chánh-điện, tôi chầm mười gót chân xuống đất, nhắc cao hai bàn chân lên, rón rén đi nhẹ như một chiếc bóng nhưng Thái - hậu cũng nghiêm trách :

— Như - Mai không được dùng phép khinh công để đi trên mặt đất... Sao con không tỏ ra bình thường như những Công-chúa khác. Con hãy trở ra lại cửa điện, đi bằng cả hai bàn chân rồi vào quỳ lạy trước mặt ta... Khi đi phải đặt cả hai bàn chân xuống đất không được lúm chúm ở mười đầu ngón. Lòng chân của con rất dày dặn, sò con tốt hơn những công chúa khác.

Tôi bước lui trở ra, rồi đi bằng hai gót chân đến quỳ lạy tung hô, Thái-hậu không bằng lòng :

— Như Mai phải đi bằng cả hai bàn chân... cốt cách của một Công chúa đi đâu?... Con đi bằng mũi chân thì toàn thân nhún nhảy, lúc

lắc có thể rung rinh đến thành trì, Con đi bằng gót chân thì người con cứng nhắc nhưng lại thiếu thăng bằng dễ ngã, có thể trút đồ cơ nghiệp. Phải đi bằng cả hai bàn chân như muôn người, vững chắc, lâu bền,.. Hãy lui ra một lần nữa rồi đi vào quỳ lạy bả nội.

Hai mắt chong thẳng, tôi khép vạt áo lui dần đến cửa chính ; rồi cúi nhìn đất tôi uyển chuyển đi vào uồn mình lạy Thái-hậu. Tổ mẫu vẫn còn chau mày :

— Như Mai, bước chân của con vẫn còn nặng nề, một người con gái đứng đắn không bao giờ kéo guốc, một tiểu thư khuê các không lẽ mạnh đôi hài, một Công chúa khi bước, tuyệt nhiên không để cho người ta nghe tiếng gót sen, cũng không nên để lại một làn hương khi mình đã đi qua.

Rồi Thái hậu chiều mắt khám tôi. Ngài nhìn chăm vào xâu chuỗi minh châu nằm dài trên ngực tôi :

— Như Mai, con đeo xâu chuỗi ngọc trai quá dài mất thời, con không biết giá trị, ý nghĩa của sự đeo ngọc vào cổ. Phải đeo cao, thật xa bộ ngực, ngực để dư cái nhìn của kẻ khác, đeo chuỗi ngọc để thiên hạ mãi nhìn ngắm ngọc quý mà quên đưa mắt hạ thấp xuống, quên nhìn qua hai bên đeo chuỗi ngọc để tránh bệnh tật, rãnh ma quỷ ám hại và nhất là dư cho người ta quên nhìn xoi mói trên thân thể mình. Người con gái phải xem chuỗi ngọc như một lá bùa bảo vệ cốt cách trong trắng của mình.

Tôi nhìn cô trăng hạt trên tay Thái hậu nháy mắt mấy cái, Thái hậu tươi mặt nói tiếp :

— Ngày xưa có anh chàng cưới được cô vợ rất xinh đẹp nhưng phải cái tật trác nết lẳng lơ, thường hay dong chơi cùng xóm để khoe sắc khoe màu. Bọn trai làng hùa nhau tán tỉnh, anh chồng cá ghen mới rèn một cái kiếng bằng sắt xiềng cổ vợ lại. Chồng tưởng đó là một cách đánh dấu và vợ sẽ xấu hổ mà không dám chường mặt ra ngoài, Ai ngờ vợ cứ vác mặt đi rao... và từ khi mang kiếng sắt mù vợ trông lại mặn mòi có duyên thêm... Những người đàn ông khác liền bắt chước trông kiếng vào cổ vợ, cái trông lại tăng giá trị cho con heo, những đứa con gái chưa chồng cũng bắt chước đeo kiếng làm đẹp... Người giàu thì kiếng vàng, kiếng bạc, cái kiếng đã biến thành đồ trang sức, thành thủ tục nữa, người ta nhìn vào đó để phân biệt gia đình, giai cấp. Rồi dần dần người ta nẩy ra sáng kiến, tưởng tượng chề ra chuỗi ngọc, dây chuyền cho lạ mắt... Ngày nay, công chúa nào đeo chuỗi hạt dài là có tà ý hướng dẫn tầm mắt người nhìn mình xuống thấp.

Rồi Thái hậu truyền cung nữ lấy dây gấc, xâu ngấn chuỗi minh châu lại. Những viên ngọc dư, ngài cẩn thận cất vào tráp bạc để sau này ban thưởng cho cung nhân, thái giám. Ra khỏi cung Từ-dự ngang qua lầu Hường dương tôi dừng chân lại bên nhà nuôi chim của vua cha. Những con chim đẹp trên trời

đều bay về lồng vàng của Phụ-Vương : Sẻ Cao-ly mình hạt dẻ, sáo Mông-Cổ màu rêu lục và những con chim Không-lỗ của người da trắng hiền dăng. Tôi vốc nắm hạt kê tung lên cho những con chim tài tử hát thuộc lòng mọi bài hát của suối, của rừng mà không cần cầm bản nhạc. Lũ vẹt phượng chèo thì hát không sôi, ngọng lên ngọng xuống, có lẽ lưỡi ngắn ; lũ chim Ca kỹ ngâm mãi một điệp khúc :

— Như Mai, sắc nước hương trời. Như-Mai sắc nước hương trời.

Thái hậu bao phen truyền chỉ giam đối loài chim nhin đó và đây chúng xuống ở trong những chiếc lồng tre hẹp và thấp gần đụng đất.

* *

...Tiếng anh hùng của Nguyễn-Lâm rền vang trên trời dưới đất, chàng còn là một đồ vật hạng nhất, những công tử trong nước không ai chịu nổi cánh tay còi đá của chàng, cánh tay Huỳnh-Cân lực sĩ, vật ngã ai nhất định phải vỗ vào bụng người đó được đủ bảy cái. Phụ-Vương dạy rằng Nguyễn-Lâm là Khương Duy tái thế không sợ chết và biết trọng dụng sự sống của mình. Nhân một buổi thao diễn ở Cầm thành, sát cửa Ngọ môn, có ngài ngự duyệt lãm, bỗng khẩu súng thần nông trục trục bắn hoài không nổ, Phụ-Vương tức tốc truyền cận vệ binh lấy nước sâm Cao-ly đổ vào miệng súng. Thay vì đổ dành súng thần uồng thuộc bộ, Nguyễn-Lâm định đặc cầm bát sâm nuốt ực rồi quỳ

xuông chịu tội khi quân. Hoàng-thượng phán rằng nội cả triều tài văn võ không ai bằng chàng.

Chị Như-Phiến thường hay nói nhỏ vào tai các chị khác những điều chi đó về Nguyễn-Lâm trước mặt tôi. Các chị khôn lắm, muốn tôi lấy chồng xấu cho các chị cười. Các công chúa bị giam lỏng trong nhà vàng, họ là một thứ tù nhân vô tội, làm mãi con gái để giữ-gìn của hồi môn không có dịp đem về nhà chồng. Có đến vài chục công-chúa già, già vì không có chồng để thành đàn bà trẻ, họ lỡ mất mấy dịp hạ giá vì năm sáu cái đại tang liên tiếp của hoàng tộc. Hồi môn của các công nữ rất to, cất giữ ở cung Từ-dự nhưng túi họ không sẵn tiền nhiều. Hoàng gia chỉ bán ra cho bách tính thứ phần nọ đánh mất rẻ tiền bán chạy. Công chúa nào siêng việc nhối nặn phần thì có vốn riêng. Xay bột gạo, nướng thạch cao đã có cung nữ, các công chúa chỉ cần chút hoa tay ngồi lọc bột và nhào nặn bột phần thành viên nhỏ đem ủ nắng sương. Như-Phiến đồn được một sớ tiền mặt vì ngoài thời gian làm phần, chị còn biết thêu những bức tranh Tàu mũi chỉ sắc sảo như nét vẽ. Các công chúa già ngày đêm sáu muện liên tâu xin Thái hậu lập một cảnh Chùa trong hoàng cung cho cầu kinh, tiếng kệ xua tan niềm tục của lòng. Có nhiều buổi chiều sấm đậm, những hàng con gái cầm cung ngồi nhìn nhau ủ rũ. Thái-hậu ngó cháu mà lòng se se. Có nàng Công nữ buồn vào chiều muện

vì ngày đã sắp chết, chỉ còn một chút hoàng hôn nữa thôi. Có nàng Công tôn buồn vào khuya lạnh vì chợt thức giấc lạnh nghe da thịt thờ dài . . .

* *

Ngày Tết Đoan Dương, ông Cả xách giỏ Hoa-lam đi hái lá non làm thuốc rồi trở về nhà đứng ngo tìm bắt thần lẩn. Ông tin rằng giữa trưa đứng bóng ngày mồng năm tháng năm tất cả thần lẩn đều vắng mặt ở cõi dương.

Ông Cả le te, tay đánh đàn xa vừa đi ra ngõ vừa hát :

— Ta là Tiên đồng phạm lỗi bị Trời đày xuống trần gian làm đàn ông, ta đây ở ngoài vòng Càn khôn, trên chầng châu thiên tử, dưới không màng công danh, mặc áo rách xem đời. Hãy theo ta vào non hái thuốc trị bệnh cứu người đời thác làm sông. Đạo sĩ áo xanh hái hoa tươi làm nón đội ông Trời, gặt cỏ nội kê nệm gối êm ả... Đúng mười năm sau, có tiếng sét nổ, con rồng đá chề hai ta sẽ cỡi loan xanh bay lên phủ tía, giục hạt trắng đạo khắp cung tiên... hư..hư.. hư..

Đi nửa ngày trời, ông mới hái được một nắm lá non đem về dâng mẹ :

— Bẩm mẫu thân, con vào tận rừng sâu đầu tri với rắn thần, tát tai hai con mãnh hổ, xé xác một con trăn mới hái được cành lộc này đem về sắc uống với rượu huỳnh hoàng cho hết bệnh nan y.

Nguyễn phu nhân nâng cành lộc

ngắm ngía một hồi đoạn sai nữ tỳ cho vào siêu thuốc. Ông Cả chợt ôm mặt khóc nức nở :

— Em ơi, những con vẹt thất tình trên dương thế không lấy được nhau, chúng có thể cầm tay nhau mà hẹn rằng xin cùng chết ngày mồng năm tháng năm để gặp nhau dưới suối vàng... Còn ta với em...

Phu nhân toan gọi tên gia bộc kéo ông về tư thất thì ông nhìn tôi rồi cười khanh khách :

— Như Mai, em bỏ quên một chiếc hoa tai trong phòng ta...

Mắt tôi nổi hoa choáng váng, tôi tức giận cuống cuống quay nhìn phu nhân nghiêm khắc :

— Một là tôi thôi làm dâu nhà này, trở về cung hai là bà phải trông chó đên lại... Bà phải tránh cho tên điên đừng xúc phạm đến một vị công chúa. Phu nhân sợ hãi gọi tên quản gia kéo người con cả đi chỗ khác rồi ngồi xuống nhìn tôi rơm rớm nước mắt :

— Mẹ muốn rằng chiếc miệng hồng kia gọi mẹ bằng mẹ như Nguyễn Lâm.

Phu nhân từng than rằng dòng họ Nguyễn Tri đời nào cũng có một người điên cuống mất trí. Hễ trong họ hàng có người làm tới đại thần thì phải có người sa đọa nói năng nhảm nhí. Nhánh con thứ bao giờ cũng trở phát hơn nhánh con trưởng. Những người con của dòng cả thì ngờ ngờ dật dật và hay bỏ nhà ra đi. Nguyễn Lâm là nhị gia kém ông Cả tám tuổi.

Phu nhân phàn nàn :

— Ngày nào cũng lên cơn say cuống... điên mà điên hiền lành... không đập không phá...

Tôi bịu dài môi dưới :

— Bà phải biết rằng người điên là người đã biến thành ma, phải khử ma, trừ ma, xua ra khỏi nhà...

Phu nhân khóc oà :

— Xua đi đâu... Mẹ sẽ cho nhốt nó lại như lời bà chúa bảo.

Con Hương Lan vào thưa với tôi :

— Tâu Công chúa, tốp lính cận vệ bỏ bê công việc đang giỡn hớt với mây cô ở trong dinh.

Tôi quát mắt nhìn con Hương-Lan:

— Ra truyền cho bọn lính ôn dịch bà chúa sẽ giết hết ba họ nhà chúng.

Cậm mảy mấu đất mà hơn hai tháng nay trồng trọt chưa xong, tôi muốn biến khu vườn riêng này thành một thứ vườn Thượng-uyển trồng đủ mọi thứ cây quý lạ như của Phụ vương. Tôi sai lính tráng đi khắp nơi mua cây giống và chim chóc về làm cảnh. Vườn tược hoàn thành, mới qua phần nuôi gia súc, phải có bách thú về đây, công lao đã có lính nhà nước chăm lo cắt cỏ. Một cận tướng của Nguyễn-Lâm cung cấp cho tôi tốp lính mà Phò mã không hề hay biết. Buổi sáng, lính chui nhà, quét nhà xong xá mới quay ra vườn tưới cây, xúc đất, việc gì cũng chu đáo sạch sẽ cả; phiền một nỗi từ khi có lính về nhà mấy con a hoàn lại hay khúc khích cười cợt phá người phá việc. Bọn lính ngoác mồm lên, chúng coi dinh thự này là nơi hò hẹn, hò qua hò lại, đôi đáp ví von, dơ bông cán mai.

lên rồi thả xuống. Tôi thường buông lời biếu thị nhưng đôi lúc cũng phải điên tiết :

— Mày thắng lính, nội ngày phải làm cò cho xong, mày con a hoàn mau lui ra chùi mày món binh khí.. Đứa nào chọc gái bà Chúa sẽ dùng quân luật... không áp dụng quân luật với tụi này không xong. Bầy khò phải đi đánh giặc, đèn đây với bà có cơm ăn, có lương tiền nhà nước chứ đâu phải công không, bà đem bầy về đây để cho bầy khò chết trận.

Đôi với Nguyễn Lâm, thẻ thủ của tôi rất chặt chẽ, một con muỗi cũng không qua lọt. Đội nữ binh thay phiên nhau canh gác trước phòng ngủ. Làm nữ binh thì tiền công cao hơn thị tỳ, kể ra tất cả thị tỳ nhà bà chúa đều có học võ-ngệ. Đội nữ binh đóng sát phòng ngủ của tôi, chia phiên đứng bồng gươm canh gác cửa phòng suốt ngày đêm. Thỉnh thoảng tôi đi tuần phòng bắt gặp chị nào ngủ gật thì ngày mai phải phạt nhện dơi uống nước muối. Nguyễn-Lâm dù có phá tan vòng vây cũng không thẻ đảo phòng nếu tôi không gật dấu cho phép. Đêm nào thầy cần chàng tôi mới cho nữ binh cầm đèn qua triệu. Tôi đợi cho chàng sáu héo cực khô lắm mới cho đảo vào phòng. Đội nữ binh phòng thủ không phải làm việc nhà, ban ngày tập luyện võ bị, ban đêm canh gác. Chúng mặc đồng phục màu lệ thủy, áo xuống tròn, quần xà cạp dây đai màu thiên thanh.

Đầu giường ngủ của tôi treo lưng

lăng thanh kiếm Ngươn-trường và mười món ám khí. Trên tường, hoa và tranh ảnh được thay bằng giáo mác, gậy tầm vông. Trước án thư, một con dao nhọn, hai mũi tên lửa và mây quyền đồ trận của Tôn-Ngô...

Nguyễn-Lâm bảo :

— Thật là lạnh mình khi thấy một nhan sắc được trang điểm bằng vũ khí... Đôi mắt Như-Mai đã là khí giới rồi mà... Sao Như-Mai không biến đây thành động Tiên. Anh không sợ gươm giáo ngoài trận tiền, nhưng anh rùng mình khi những thứ đó nằm trong phòng, trong tay một người đẹp. Hãy cho đẹp tất cả đi, em Mai.

Tôi lạnh lùng :

— Em không phải là Tôn phu-nhân và Phò mã không là Huyền-Đức.

Tôi không muốn thấy trước mặt mình có người sung sướng dù người ấy là chồng, tôi sống thanh thản, thoát vòng bó buộc chồng con, bắt Nguyễn-Lâm chịu lạnh lùng. Tôi muốn rằng trong tình yêu cũng cần có mệnh lệnh, tôi không cho chồng vào phòng, đợi cho chàng khao khát đã dục mới kêu vào ban thưởng hạnh phúc. Phòng tôi chần nệm ướp hương, nhưng trên đầu giường treo một chiếc gối thêu bức tranh Tứ-Mỹ. Đêm nào có mặt Phò-mã thị nữ mới sẽ sàng kê thêm chiếc gối da hổ và gối của Phò-mã bao giờ cũng đặt thấp hơn gối Công-chúa.

Phò-mã thốt vào tai tôi :

— Như Mai, khi em sống anh không có quyền làm chồng,.. Nếu em chết, chắc hẳn anh sẽ đào má em lên, đập nát quan tài, lôi xác em ra ân ái.

Buổi sáng thức giấc, Phò-mã đều đặn vắn an tôi, thị-nữ pha nước trà để chàng mời tôi nhấp trước. Bỗng dưng tôi ăn nói thật dịu dàng, thật lễ phép cho lọt nghĩa vợ chồng.

Tôi nuốt một ngụm nước :

— Toán linh ươn quá chỉ ham giỡn gái thôi, Phò-mã hãy đem linh khác về thay linh này đi.

— Công chúa đem linh về làm việc nhà ? ư hừ...

Chàng vùng đứng lên quắc mắt nhìn tôi rồi hoa tay :

— Nếu Công chúa biết tôi thương yêu quân-sĩ như thế nào, một đời Nguyễn-Lâm để hết vào đó, gia tài của đất nước, tôi đặt họ ngang bàn thờ đất nước, họ chỉ ở dưới lá cờ vàng thôi Công-chúa ạ.. Những thương yêu, vỗ về, khuyến khích, nâng đỡ của kẻ làm tướng đối với anh em binh-sĩ có nghĩa là lay họ, đổ họ đi ra chỗ chết, hy-sinh... Công-chúa phá hư tiếng tăm của tôi.

Chàng ngồi xuống rồi đứng lên :

— Hoàng đế không ham việc chinh chiến quá, trọng thi văn bỏ quên cây súng... Ngài thái bất linh, cho về quê làm ruộng, ngài dùng linh để xúc đất cát để xây Vạn-niên-cơ. Tôi rất đau lòng khi thấy đó không phải là công việc của

những đứa con tôi. Hoàng đế đang xây mã để chôn ngài vàng đỏ Công-chúa ạ. Vạn-niên-cơ... dùng công quỹ, tăng thuế dân, nhà giàu thì chuộc công sưu, nhà nghèo thì bị cướp xâu. Kho nhà nước cạn tiền, bổ thứ-nhơn với lúa. Dân miền Bắc đói nằm phơi bụng. Loạn hơn nửa phần thiên hạ, loạn ở lòng dân, hơi oán bay tới chòm sao Ngưu-Đầu... Công-chúng hay có tật truyền ngôn làm phản. Công-chúa hãy về cung tâu với Phụ-Vương rằng dân đưa lưng ồm ra xây mộ cho Phụ-vương đó.

Tôi giận phừng phừng :

— Phò mã nói xâu Thiên-tử, tội đáng chém đầu. Gia đình Phò-mã không nhờ vua mà có ngày nay sao ? Phò-mã đừng u mê..., vì chuyện xây Vạn-niên-cơ mà Thái-hậu tuyệt thực ba ngày để răn con, phụ-vương rập đầu khéc lóc, xin tội, dâng roi cho mẹ đánh đòn, phụ-vương còn phục thiện đến nỗi dâng ngọc-ân để tâu mẫu lập người khác lên trị vì Thiên-hạ... Có bà mẹ anh minh như vậy, ta dám chắc rằng phụ vương sẽ ngồi mãi trên ngôi báu trông coi Thiên hạ.

— Thái-hậu tuyệt thực Chi Vạn-Niên-Cơ đã hoàn thành... Người đàn bà chỉ biết để con thôi chứ không để được thời thế.. Ta tin rằng nếu nhà vua băng hà thì thế nào Thái-hậu cũng chuyên-quyền...

Tôi đáp án thư :

— Phò-mã loạn ngôn, đã nói xâu thánh thượng còn dám xúc phạm đến Thái-hậu.. Con người của Phò-mã làm sao thấu hiểu một người

mẹ như Thái-hậu... Tổ-mẫu sợ tiếng thị-phi, sợ phải nhúng tay vào lịch-sử để hậu thế nguyên rủa như Từ-Hi bên Tàu, phò-mã đừng gán người vào điều bất chính. Một dòng họ sắp tiệt, sắp mất mới xui nên có đàn bà tham dự chính quyền. Phò mã cứ tin là Nguyễn triều chưa đến nỗi diệt tộc đâu. Thái hậu không cai trị một vì Thiên-tử, ngài chỉ răn dạy đứa con trong cái lốt rỗng thôi. Phò-mã không biết đó.., Thái hậu thông suốt y lý, bàn tay thơm nhẹ hơn hết ngự y trong triều. Thái hậu là thần thánh...

Tôi cười nửa miệng tiếp :

— Phò-mã đừng vội kiêu hãnh, tôi sẽ hô hào phụ-nữ đứng lên, lập những đội quân đàn bà đi đánh giặc cho đàn ông xem... Tôi sẽ xung-phong đứng lên, thổi sức mạnh vào phái yếu. Đàn bà không còn ở nề chịu chống, chịu con, các công chúa già trong cung sẽ là những nữ-tướng anh-dũng cầm đầu những đạo quân má hồng... Đàn bà sẽ làm được tất cả... bẻ gãy chữ tòng...

— Như bẻ bánh tráng phải không Công-chúa ?...

Phò-mã nhìn quan gian phòng rồi nghiêm mặt :

— Làm gái Công-chúa, lấy chồng đại tướng, công-chúa chỉ biết đàn ông qua ba thứ đàn ông : toán lính nô lệ, anh cả diên tàng và Nguyễn-Lâm khí-đoan. Đàn ông đã cử những đại diện thấp hèn đến ra mắt công chúa nên công chúa mới khinh

nhờn, miệt thị tất cả... Công-chúa nên nhớ cho rằng nước nhà đang cơn biến nhưng không phải nghịch thường... Hoàn cảnh nghịch thường mới xui đàn bà làm giặc, tác quái để thỏa mãn thú tính ưa giết chóc. Đàn bà nên trang điểm bằng sự dịu dàng, khả ái cũng đủ tỏ lòng yêu nước rồi... Đạo quân má hồng... đem thân gái ra để chuốc lấy tiếng cười. Quân sự đâu phải là ruốc mằm để đàn bà vạy đũa... Vừa vừa thôi, tham quyền hành, diên vì quyền hành, Công-chúa tính dữ lắm, tham, sân, si... chỉ chực đàn-áp kẻ khác... chính trị, quân sự đâu phải vòng tay đa tình để ôm công chúa. Đàn bà mà đòi khai tên vào lịch sử thì chết cả ba họ... Sao Công-chúa không chịu làm một cánh hoa nở bên cạnh chồng...

Tôi nóng phừng hai gò má, hắt chén nước trà vào áo Phò-mã.

..

Tôi không dám vào chầu Thái-hậu khi ngài đang muốn nổi lôi đình. Một ngày nay, ngài thiếu an thần vì một biến cố tày trời xảy ra ở một tỉnh nhỏ miền Bắc xa xôi : Học trò nổi dậy đánh đập thầy giáo ; họ kẻ tội thấy, buộc tội và hỏi cung thấy. Họ trói gô sư phụ vào gốc cây rồi anh này bịt mắt anh kia cầm roi mây quất tới tấp vào cây, vào thầy dạy chữ. Ác trả, ác báo, roi mây xưa kia thấy để đánh trò, giờ đây trò dùng quất lại cho biết tay nhau... Nước nào rửa sạch nhục lỗi đạo đó...

Thái-hậu rên rĩ !

— Tự cổ chí kim, dưới thời những ông vua khác không bao giờ có cảnh ấy...sao chuyện dữ lại xảy ra trong thời con ta trị-vì... Như thế thì chỉ có Trời mới còn thiêng liêng.

Tôi chép miệng :

— Có lẽ, bọn học trò tưởng lầm thấy giáo cô hại mình... Bao giờ thấy cũng thương trò hơn trò thương thầy cả... Ngày xưa, các vị lão tổ, tinh quân, thiền sư... xuống núi đánh bầy với nhau, dùng phép lay đầu nhau, phạm điều sát sinh cũng chỉ vì bệnh học trò.

Chị Như-Hoa lắc đầu :

— Em Như-Mai, vẫn còn hăng như hồi con gái... lấy chồng rồi mà lòng vẫn chưa lắng dịu xuống, vẫn đầy óc tranh đấu, võ nghệ, kiếm pháp.

Tôi đi nhẹ vào lầu Phần cung thăm mặt tưng công chúa. Chị Như Phiêu nhấp nháy đôi mắt bảo tôi :

— Nghe tin Nguyễn Phu Nhân bệnh tình trầm trọng, sao chưa thấy Như Mai về săn sóc.

Như Hoa nói theo :

— Phải tỏ cử chỉ ái tình cho người ngoài thấy.

Tôi đáp :

— Để chết về khóc luôn thế...

Từ khi ông Cả đột nhập phòng tôi xin tiền đi đánh bạc, tôi nhất định phải sống ngăn cách với nhà chồng. Ban ngày tôi cũng sai thị tỳ mang gương, mặc áo vô sinh canh gác quanh dinh thự không cho người bách tính lai vãng. Tôi

định giới hạn để chia đôi giang sơn, cai trị một quãng... Ai muốn vào thăm viếng, văn an, khiêu nại, hoặc cầu cạnh ơn huệ gì thì phải đền trình mặt theo ngày giờ đã chỉ định dán trước cổng lớn. Ngày đầu tháng trẻ con đi chầu bà chúa đều được ban thưởng trư tiền. Thỉnh thoảng tôi quên hẳn công việc sai thị nữ sang mời Nguyễn Lâm đến chầu đêm.

Tôi đang mơ mộng bỗng giật mình vì chị Bảo-Ngọc kêu to :

— Nguyễn Phu nhân mất rồi, Như Mai mau về khóc mẹ chồng.

Tôi không khóc được nhiều như tôi định, giữa sự chứng kiến của các đại thần.

Đám tang Nguyễn-Tri-Phương phu nhân ra đi theo con nước trong một sớm tinh sương mặt trời còn ham ngủ. Phu nhân được chôn ở làng chồng, đường về Chi Long khó khăn, đường bộ khắp khênh gai góc, và đường thủy thì trái đải như không bao giờ đến chôn. Biển động, sóng găm và mưa từ Trời xuống. Âm công ngao ngán, những tâm liên đôi chỉ còn trơ mặt lụa. Phò mã Nguyễn Lâm quỳ bên linh sàng mẹ như một hình nhân bất động, lòng chàng cũng nổi loạn như lòng Trời và gương mặt Như Mai giá lạnh hơn nổi hàn giữa biển cả. Âm công luân phiên đứng khiêng quan tài suốt ngày đêm cõng giữ cho ly nước lạnh trên áo quan đừng chao động. Nếu ly nước dãn xác từ mẫu trào ra thì chữ hiếu của con không còn nữa. Tang gia phải cúi

lay những người khiêng linh cữu xin họ giữ gìn ly nước thiêng. Nước sánh ra ngoài, tất nhiên xác chết nằm không yên, xác chết còn bị cuộc sống dằn vặt; người chết chỉ còn ở lại trên đất liền giờ phút trước khi chôn nữa thôi. Trong linh cữu, xác chết còn răn quở được con cháu, trút nốt sự bất mãn bằng cách tông nước hôi sinh ra ngoài áo quan. Hễ con cái bắt hòa, tranh dành quyền lợi thì quan tài cha mẹ rỉ ứa nước tanh rình đến mũi ba họ.

Biển chồm lên hung dữ và mưa cuồng quít rơi theo đà gió. Trời đất nổi lôi đình, hành hung nhau không tôn trọng người sắp đi vào lòng huyết. Thuyền chòng chành, trong quan tài xác ma có xao xuyến không? Nguyễn-Lâm đưa tay sửa lại vòng rơm thủ hiệu xốt da đầu và nhìn toán âm công bậm môi; kiên gan đứng tần khiêng mãi quan tài ngày đêm không hao một giọt nước. Nguyễn-Tri-Phương truyền lấy ba lượng vàng thưởng công. Thuyền bơi bảy ngày thì cập bến Tu, đám ma đi thẳng ra huyết đào sẵn. Đường đi lồm chồm và dốc ngược mãi lên, người cai giàng nháy lên trước quan tài, đứng xướng đọc mấy lời ma lệnh điều khiển phu đám.

Tôi núp trong chiếc mũ màn dài chằm gót che kín mặt đẹp, bộ đồ tang không nhàu nát. Khóc lóc liên hồi, dày vò áo quần là bốn phận của người dâu cả. Ông cả từ từ đến bên tôi ái ngại:

— Công chúa hãy vào lều nghỉ tạm.

— Phiến ông gọi con Lan đi với.

Mọi người dọn chỗ cho bà chúa ngồi, trong lều có vài khuôn mặt quan liêu cao cấp và ba vị Hòa-thượng hàm lục phẩm. Tôi kéo thấp khăn tang ngồi nghe mọi người hàn huyên:

— Tôn ông có họ thê nào với phu nhân?

— Tôi là cháu của Phu-nhân, ở Quảng-Trị, chẳng hay phu-nhân có thường nhắc đến ba anh em chúng tôi.

— Có phải Ngài là ông Cử Chi em trai cụ Cử Miềng và quan Tuần Tiềng.

— Thưa vâng,... phụ-thân tôi thật lộc từ lâu, chúng tôi sống thanh-bản bên từ-mẫu... Khi anh cả tôi phạm trường qui, anh hai chiếm bằng vàng thì phu-nhân gọi chúng tôi đến báo: Tiềng có Miềng không. Khi cả hai anh cùng đỗ, phu-nhân nhắn: Tiềng có Miềng có! Năm sau thì tôi chiếm thủ khoa, ba anh em đến viềng, phu-nhân ban khen; Tiềng có Miềng và Chi cũng có.

Phu-nhân thật là người hay chữ. Tôi vén vành khăn lên và thấy hai mắt Cử Chi xoáy lấy tôi, tôi lạng người, tưởng như mắt ai là rượu mạnh...

Phu-nhân về Trời được hai năm thì Phò-mã tử-trận và Tướng-Công Nguyễn-Tri-Phương bị bắt vì trúng thương; Ngài tuyệt thực, phun thuốc thang vào quân địch cho đến khi chết. Em ruột của Tướng

công là Nguyễn-Duy cũng chết theo thành trì. Một tên quân trốn thoát về bẩm với bà Chúa :

... « Phò mã bị vây ngặt nghèo ở đồn Kỳ-Hòa, trong ngoài đứt đường tiếp vận, quân sĩ nhin đói kêu tên cha mẹ mà khóc, mười người chết bảy, Nguyễn-Lâm nhìn xung quanh bốn bề tang tóc, không còn chi nữa, lòng son một tấm, Phò mã nghĩ đến cái chết cao đẹp của người anh hùng, chàng hướng về cung Kim-thượng quì lạy lượng muôn năm và thắm gọi mấy tiếng từ phụ, Phò mã tuốt gươm ra đưa mạnh lên cổ nhưng đường gươm vừa đi ngang ngực, chỗ của tim và phổi, Phò mã sức nghĩ đến Như-Mai ở nhà. Nước mắt anh hùng rơi lã chã, chàng gọi một tên quân đến gần dặn dò :

— Ta chết theo thành trì nhưng lòng còn nuôi bà Chúa ở nhà. Khi ta chết rồi con hãy lên cắt thủ cấp ta đem về nhà cho Công Chúa vuốt mặt ».

Tên quân khóc :

— Tâu Phò mã, con định chết dưới gót Phò mã nhưng vì lệnh trên, con sẽ đem thủ cấp người về dâng cho Chúa rồi sẽ chết sau ...

Nhưng khi thành vỡ, đầu Phò mã nát bấy, ruột gan đổ tung tóe trên cỏ máu ... »

Từ đó đêm đêm tôi mộng thấy hồn Phò mã hiện về trên gối lạnh; và hồn Phò mã cò bơ vơ, mồ Phò mã đất chưa se lại, Cử Chi tìm đến thăm viếng tôi ngày đêm ân cần ...

... Ông Cả lúc này thân xác võ vàng, mắt đỏ hoe vì miệng uồng rượu nhiều, ông khoe với cả xóm giếng :

— Bà con có nghe Như-Mai nói gì với Cử Chi không ? — « Đời em tưởng chỉ biết có hai người đàn ông : một tên điên với một tâm ái tình thô lỗ ... , nay biết thêm anh để khỏi âm ỉc ...

Tôi lên trốn ra Quảng-Trị, quê hương của Cử Chi, ở ẩn một nơi kín đáo, tôi bảo con Lan thưa với ông Cả rằng Công chúa về kinh châu Thái hậu ; nhưng mười ngày sau tôi phải trở lại Phú-Xuân vì Phụ vương gọi về. Một nhà Phò mã xẻ thịt nghiền xương dâng cho Nguyễn-Triều, mắt luôn ba tướng một loạt, Phụ vương quay quắt, ngài đồ dành tôi đi tu bên mộ chồng để lấy cái hình thức. Sợ tôi cô đơn, Hoàng thượng tuyển thêm vài con Xuân nô để nâng giắc cho người thù tiệt. Tôi bằng lòng đem đôi nữ binh phòng thủ đền đóng bên mộ chồng nhưng phản đối việc chạy tót. Thái hậu quá hiếu nên khuyên tôi túc trực bên mộ chồng quạt mát một thời gian ...

Ngày đại tướng Phò mã mất, Phụ - vương khóc nức lên. Phò mã chết đi chưa đầy một năm để kỷ giỗ mà tôi đã hai lần đi thăm xứ Quảng.

Không bao giờ tôi chỉ tay vào bụng tôi mà khai thật với Cử Chi cả ; và tôi bằng lòng lắm khi Cử Chi dúi vào tay tôi nắm cò khô, thứ cò Trảng-Thảo mọc rải rác ven núi Càng-Ngươn bên Tàu.

Tôi nói nhỏ :

— Có bảo nó giữ kín cho không?

— Phàm là thấy thuốc thì phải cắt thịt cho con bệnh hưởng chi lại không chịu ý người bệnh trong lúc này.

Năm cô sắc đi sắc lại chỉ còn mấy giọt nước nâu quánh, tôi uống vào và hai giờ sau thì lên cơn xuất-huyết. Mắt nổi tròn như hình ốc bắt động ruột gan thất riết, giằng co muốn kéo nhau ra ngoài bụng, tôi hét lên, răng trên cắn chảy máu môi dưới. Mày con thị tỷ hốt hoảng vồng tôi vào đại nội.

Cách từng chập, huyết tuôn ra lại tắng, từng bọt, đóng cục, Tôi nhắm mắt. Thái hậu giựt tóc mai lay gọi hỏi nguồn cơn bệnh hoạn. Tôi nghiêng răng nhắm mắt không nhìn không nói. Thị tỷ khai rằng tự-nhiên Công chúa lâm bệnh dữ rồi làm bằng từng lúc.

— Như Mai, mạch con yếu quá, con phải khai rõ để bà cứu con.

Tôi bắt động, nằm tréo hai chân và rút người ngán lại.

Thái hậu nói :

— Không phải xuất huyết tẩm thường đâu, máu ra như bị đuối. Trường hợp này không một linh-dược nào có thể cầm lại được.

Thị nữ cạy răng, đồ huyết sẫm vào miệng tôi. Máu rỉ ra từng giọt thấm mấy lần vải lót, mùi hương long não xoáy vào mũi. Máu trút ra ngoài cơ thể. Thái hậu lần dưới người tôi xem xét một lúc rồi hét lên :

— Hay là uống Trạng-Thảo . . . Trời ơi, Như-Mai mấy làm thê à ? Con tiện ti.

Tôi co rúm người, không mở mắt, cố giữ đều hơi thở trên mũi cho đừng chết.

Thái hậu đập bàn :

— Như-Mai, ta sẽ để mày chết như một con vật hôi tanh . . . , khiêng nó xuống lãnh cung.

Tôi nấc lên :

— Tồ mầu, đó là những lời của một người thấy thuốc nói với con bệnh sắp ngất ngư đó sao ?

— Tội mày để đó . . . dù sao ta cũng phải cứu một mạng người . . .

Trời ơi . . . mấy trục thai.

— Con chỉ bị xuất huyết trăm trọng như bao người đàn bà khác.

Thái hậu nói cứng :

— Chỉ còn một cách châm cứu, mày phải khai thật ta chữa mới trúng.

Máu ra nữa, vắt cho khô cơ thể tôi, tôi nghĩ thờ :

— Thê thì con chết cũng được.

Tôi cảm thấy năm sáu bàn tay đè ngực, cạy miệng tôi đồ thuốc vào. Lưỡi tôi như bị cháy và bị xé rách ; tôi ngất đi.

Khi tôi được cứu lành mạnh, tóc rụng gần nửa đầu, vua cha nhất-định trục xuất tôi ra khỏi Hoàng cung. Đêm mồng hai Tết ngải sai quân lính vồng tôi về làng Chí-Long, quê hương Phò mã, cho gia đình nhà chồng trị tội : Bắt đầu từ sáng mồng ba Tết năm Ất-Dậu, Công nữ Như-Mai bị lột chức bà Chúa và phải làm nô tỳ cho nhà Nguyễn-Tri ; nhưng ông Cả nhân danh tộc trưởng thả tôi về để cho bùng nổ may đi khắp xứ kiếm chồng.

Tôi trở lại Hoàng cung.

TÚY HỒNG

Lại xuân

Đón xuân trở lại vần thơ cũ
để nối tình xưa với nước mây
với cảnh trời sương lay gió bắc
cành mai rắc trắng, hạt mưa bay

Hai mươi năm lẻ, đường qua bão
Đi mãi, tìm phương thoát bóng đen
Chắc hẳn dài lưng nên mỗi gối
Đợi khi tóc bạc sẽ cầu yên

Tạm quên, rẽ bước sang ngày mới
Gió lộng hoa non sắp dậy màu
Chẳng kịp mùa tươi lên hương ngát
Đành theo ngõ mộng tới mai sau

Gọi nắng reo cây mừi g tuổi biếc
Lời chim xuống cỏ giục hòa tơ
Hôm nay trái đất đầy tha thứ
Rót chén vui chung, hãy một giờ

Vị trà chưa gọi câu như ý
Thử chúc bông lan nở mỗi chiều
Mỗi giấc mơ tiên đừng vội tỉnh
Mỗi bàn tay mở lặng thân yêu

Hai mươi năm nữa ta ngồi nhớ
giữa lúc giao - thừa dịu ánh sao
những nụ xinh thầm đương muốn mọc
đã mang duyên - dáng gửi anh - đào

ĐÀN ÔNG

● VÕ PHIÊN

HỒI Lê còn nhỏ, ở giữa gian nhà trên của nàng, phía trước các bàn thờ, có một cái bọc to tướng treo lủng lẳng từ cây đòn dông buông xuống. Tấm vải bọc ngoài kết bằng nhiều màu, (trong đó có màu đỏ sẫm, màu xanh thẫm, màu vàng) và vải thì đã cũ kỹ, còn rách. Nàng sợ cái bọc ấy lắm. Màu mè của nó, vị trí trọng vọng của nó ở giữa nhà khiến Lê nghĩ nó là đồ thờ phượng. Cái việc nó được gói kỹ từ năm này qua năm khác trao cho nó một bí mật. Rồi không biết tại sao — vì năm ba đứa nhỏ bàn tán suy diễn ra, hay là vì một người lớn nào đó đã tchuyện dọa nàng một lần nàng khóc dai—? Lê tin rằng cái bọc ấy gói thầy ma của một ông từ thừa. Các ông từ thừa giữ đình mỗi chạng vạng tối mỗi đi một mình lên đình thắp hương rồi đánh một hồi trống. Trẻ trong làng nghe trống ấy mà không thấy người, tha hồ tưởng tượng về những hoạt động ly kỳ mỗi chiều của các ông từ thừa vô

hình kia ở trong đình, bên cạnh các vị thần. Và một trong những ông từ thừa đó chết đi đã được bó xác treo trước bàn thờ nhà nàng.

Về sau thì Lê đã có dịp hiểu về cái bọc vải ấy : đó chỉ là những cờ phượng của làng và những tấm nghi tấm khậu của đình, mà làng tạm gửi nơi nhà Lê, khi nào có cúng tế đình đám mới lấy ra dùng. Vì sợ chuột cắn nát những thứ ấy, nên cha mẹ nàng đã phải treo nó toàng teng giữa nhà như thế. Tuy biết vậy rồi mà gói cờ cũ vẫn khiến Lê rờn rợn. Cho đến khi lớn, nàng vẫn không có thiện cảm với nghi khậu, với những món đồ thờ và cờ xí.

Trường hợp ấy không phải là độc nhất. Đối với một bà em con cô con cậu của bà nội Lê, đối với những đôi ủng bằng da, đối với thứ lục lạc bầu đeo vào cổ ngựa v.v... Lê cũng có những thành kiến tương tự

như vậy. Những điều nghe thấy hồi nhỏ, với những nhận xét suy đoán lệch lạc hồi đó đối với một số sự việc, người, hay đồ vật nào đó, đã gán cho chúng một tính cách huyền hoặc, sau này khó tẩy xóa.

Ông tú Từ lâm thuộc vào số người bị kỷ niệm ấu thời gán cho những nét kỳ quặc trong trí óc của Lê.

Ông ấy đậu tú tài vào khoa thi cuối cùng ở Huế, nghĩa là thuộc vào lớp nhà nho trẻ tuổi nhất. Thế nhưng trong kỷ niệm của nàng không hề có một ông tú Từ-lâm trai trẻ. Lúc nàng bắt đầu hiểu biết thì nàng đã liệt ông ấy vào hàng những người già.

Cha nàng có nhiều bạn, nhưng không có ai tới lui thăm viếng bất thường lạ lùng như ông tú Từ lâm. Có những đêm, tháng năm tháng sáu, vào giữa mùa gió nam, Lê đang ngủ bỗng một cơn gió mạnh quá hoặc bề gây một cành cây bàng ngoài vườn, làm ngã một cái tong, một cây cuốc dựng ngoài hè, hoặc xô một cánh cửa sổ đập vào khung..., nàng giật mình thức giấc. Và nàng chợt thấy có một lần ánh sáng chiếu lọt vào trong buồng. Nàng nhìn qua kẽ vách ván, trông thấy ở nhà trên có ngọn đèn thấp lên tự bao giờ để ở giữa bàn. Cha nàng ngồi ở một góc phần hút thuốc. Và một ông khách, tay cắp sau lưng, trên người mặc áo bành tô, dưới chân mang đôi guốc gỗ lóc cóc trên nền nhà, dạo qua dạo lại suốt bề dài của gian phòng. Ông khách có khi cứ lặng lẽ đi mãi như thế thật lâu, không nói gì. Có khi chợt cất tiếng ngâm thơ :

...*Thế sự mang mang nan tự liệu*

Xuân sầu âm âm độc thành miên...

...*Hà thời cộng tiễn tây song chúc*

Khước thoát Ba sơn dạ vũ thì...

Ông ta ngâm ứ ứ, nghe dở, không ra tiết điệu gì, nét mặt nhăn nhó, khó khăn. Đến chữ cuối cùng, Ông ta dừng chân lại, nhắm hai mắt, nghe răng cười vào chỗ hư không, mặt hếch lên như tiễn đưa dư âm của câu thơ về chỗ xa xôi nào. Ông ta cứ đứng lặng như thế giữa nhà, thân hình lỏng lẻo, thần trí mất hút vào cõi suy tưởng. Lê tò mò, lo lắng nhìn ông ta, rồi nhìn mấy con thằn lằn chạy trên bức vách phía sau chỗ cha nàng. Nàng e ngại, lạ lùng, vẫn vờ một lát; như thế rồi hoặc ông ta lại tiếp tục bước đi, khua lóc cóc đôi guốc, hoặc ông ta quay lại trao đổi với cha nàng mấy câu, hoặc là chính cha nàng bỗng bỏ chân xuống đất, quờ tìm chiếc guốc dưới phần, đứng lên, bước đến bên cạnh bàn, rót một tách nước. Nàng nhìn người này người kia, theo dõi những cử động ít ỏi chậm chạp, có vẻ rời rạc khó hiểu ấy một lúc, trong khi ngoài trời gió vẫn thổi ồ-ồ. Rồi mắt nàng trĩu nặng. Nàng không gắng gượng nổi nữa. Nàng trở lại thiếp vào giấc ngủ. Trong lúc mơ màng, tai nàng còn nghe mơ hồ như có tiếng vó ngựa đập đều đều đầu đó, đập dồn trong tiếng gió gấp rút nôn nao. Rồi tiếng vó ngựa mất đi, thay thế bằng tiếng mưa đổ xuống lộp độp...

Sáng ra, lắm khi không còn thấy người khách nào nữa. Như vậy là thế nào? Đêm qua có ông tú Từ-lâm hay không có ông tú Từ-lâm đến nhà? (Nhưng thắc mắc của nàng về ông tú thường được trả lời qua

quít cho xong chuyện, trả lời mập mờ. Mẹ nàng bảo :

— Ông tú Từ-lâm thì còn nói gì hay :

— Ông ấy muốn tới lúc nào thì tới, muốn đi lúc nào thì đi, ai mà biết được.

Mẹ nàng trả lời như là xua nàng đi. Như thế ông tú Từ-lâm là một cái gì không mong hiểu nổi, không nên mất nhiều thì giờ vô ích vì nó, là một cái gì mọi người đã chán chê rồi.)

Những khi khác, ông tú Từ-lâm đến lúc nào không hay, sáng ra thức dậy nàng đã thấy ông ta ngồi uống trà với cha nàng. Có chuyện ông ở lại chơi đôi ba ngày, có chuyện đến năm bảy ngày. Nếu cha nàng bận công việc, ông tú nằm một mình xem sách hay ngủ suốt buổi. Nhưng nếu cha nàng có thì giờ nhàn rỗi hoặc nếu có người khách nào khác đến, ông tú cũng có thể nói chuyện suốt buổi. Và ông ta nói rang rang, nồng nhiệt, có lúc đến thiếu cả sự lễ độ. Nhưng lúc đó trông ông ta thật trái nghịch với ông tú lặng lẽ trầm mặc của những đêm khuya đối diện với cha nàng.

Lời phát biểu nóng nảy, nhiệt liệt của ông tú rất hấp dẫn, có lẽ càng hấp dẫn đối với trẻ con. Nhiều lần Lê mon men đến, theo dõi các câu chuyện của ông. Ông tú thường nói về nước Tàu và đồ sứ, đến nỗi sau bao nhiêu năm tháng bây giờ Lê vẫn còn thuộc các đặc điểm của những món đồ từ khi xưa mà nàng chưa trông thấy đến bao giờ. Theo lời ông tú Từ-lâm chén đĩa ngày xưa của Tàu làm ra, nếu cùng một loại, một kiểu, thì giống nhau như đúc, cân lượng

như nhau : một trăm cái chén đem ra so sánh bằng cân tiểu ly cũng cứ thấy y nhau. Khu chén khu đĩa ấy đều là « khu măng », nghĩa là vành khu dày, mà ngoài cao trong thấp, cho nên khi đặt món đồ sứ xuống một mặt phẳng thì khu chỉ ăn xuống mặt phẳng ở vành ngoài. Các thứ men, từ men trắng, men xanh cho đến men vàng, men tía, thấy đều là đồ sau này cả, đời Đường đời Tống về sau cả. Ông tú quí nhất là thứ đồ màu đen mà ông cho là của Tần-Thủy-Hoàng, bị Hán Bái Công đốt cung điện nên cháy đen thành sành, gõ đến kêu lên keng keng. Đó mới là thứ tốt, vì cái gì thuộc về nước Tàu thì càng xưa cũ càng là tốt...

Một hôm Lê nghe ông tú Từ-lâm cãi nhau với một người trẻ tuổi về chuyện cái ấm Tàu. Ông ta bảo rằng ấm Tàu không tráng men mà vẫn láng, vẫn không thoát mất hơi thơm của trà, thế đủ biết đất của nó mịn nhuyễn đến bậc nào. Nhờ không tráng men cho nên tinh trà mới đóng lại ở da ấm, và ấm càng dùng lâu năm càng ngon trà. Nhân người đối thoại trẻ tuổi vụng về nói đến cái *tạp-mốt* của Tây, ông tú tấn công liền : ấm Tàu cũng giữ được hơi nóng rất lâu, mà lạ lùng là lúc chề nước sôi vào, sờ tay bên ngoài thấy da ấm vẫn cứ mát như thường. Đúng như thế mới thật là của Tàu, ngoài ra là của giả tất.

Ông tú cười ăm ăm, thắng lợi.

Cho đến một hôm khác, ông ta nài lại ở đâu đó được một chiếc ấm Thổ đức, đem đến khoe với cha nàng rằng ông đã chọn đích thứ ấm thật. Trong lúc hai người bạn ngồi uống trà, Lê mon men

đến bên cạnh đưa tay sờ thử vào da ấm. Và nàng hoảng hốt giật tay lại, thiếu chút nữa thì nàng bị bỏng. Nàng ngạc nhiên nhìn lên ông tú Từ lâm, đầy thắc mắc, nhưng ông ta mãi vui vẻ nói chuyện rang rang không mấy may chú ý đến nàng.

Những sự việc như thế làm cho Lê nghi ngại. Lối tới lui bất thường — có khi tháng trước vừa tới tháng sau lại thấy ông lù lù tới, có khi đôi ba năm liền không thấy bóng dáng ông tú ấy đâu cả tự dưng một đêm, giữa hai giấc ngủ, trông thấy ông ta ở giữa gian nhà, như từ trong chiêm bao bước ra, đứng lặng lờ hếch lên trời một khuôn mặt ốm teo, nhe răng cười vào chỗ hư không — lối tới lui như thế làm cho tung tích ông tú có vẻ gì hoang đường đối với nàng.

Sau này, khi nàng đã lớn, có những chuyến ông tú ở lại nhà quá lâu khiến mẹ nàng thì thăm cần nhần. Những chuyến đó, ông tú hoặc nhờ nàng giặt cho mấy bộ đồ, hoặc nhờ nàng đốt một nhánh gừng cháy thành than, sắc cho ông ta một chén nước dùng uống mấy hoàn thuốc, hoặc nhờ nàng mạng cho mấy lỗ rách trên một thân áo. Ông tú gọi nàng kín đáo, ôn tồn, sai bảo nhỏ nhẹ. Nhưng lúc ấy ông lại thành ra một con người khác hẳn khi ngâm thơ và khi đàm luận nhiệt liệt. Sự từng rai khiến ông ta đoán biết lúc nào và những ai trong gia đình chủ nhà không hài lòng về mình. Ông ta nhờ vả nàng với một thái độ như là gián tiếp xin lỗi, nài nỉ mẹ nàng.

Như vậy, lớn lên, Lê có dịp biết đến những sự lo lắng trong cuộc đời thân mật của ông tú — đến chiếc áo

đor, cái ví thuốc thủng rách v.v... —, nàng biết đến cả những cơn bệnh, đến chứng đau bụng, đến chứng đau xóc hông phía bên trái của ông ta nữa.

Tuy vậy, ông tú Từ-lâm đối với nàng vẫn có cái gì không giống hẳn như mọi người.

..

Cái gì đó là do nơi cuộc đời lang thang của ông ta chăng ?

Tình trạng lang thang ấy kéo dài ra nhiều năm, sau này nó gần trở nên khó hiểu, nó có nhuộm chút ít tính chất lãng mạn. Kỳ thực, khởi đầu, nó chỉ là một chuyện tự ái nhỏ nhặt. Ông tú Từ-lâm ham giao du, bị bạn bè lôi cuốn, đánh bạc thua khá nhiều. Khi ông ta cầm cổ ruộng đất để trả nợ thì bà Tú có thái độ phản kháng không khéo léo. Ông buồn giận, càng chơi liều, thua mãi, đến nỗi phải bán nhà. Phía gia đình bà tú sẵn sàng gỡ cho ông khỏi cơn quẩn bách đó, nhưng ông giận những lời dằn xóc khó chịu của bà nên nhất định gạt bỏ sự cứu trợ của nhạc gia. Ông tú bán hết ruộng đất nhà cửa rồi, bà tú trở về ở với cha mẹ. Ông tú đi như một tên dân Do-thái chối bỏ Chúa Cứu Thế.

Những chỗ quen biết thỉnh thoảng tiếp ông tú Từ-lâm trong một đôi ngày cũng được đền bù. Ông tú biết chẩn mạch cho toa thuốc, biết coi giò, coi ngày, phân kim đặt hướng nền nhà, lấy số tử vi, biết dò long mạch chọn huyết mã v.v...

Cũng có khi ông tú đến một gia đình hoàn toàn vô sự, không cần đến thầy thuốc, thầy bói, thầy địa gì cả ; khi ấy ông tú có thể cùng với chủ

nhân đánh cờ tướng hoặc đánh tài bàn. Nếu không, những câu chuyện của ông cũng đủ đem lại thích thú cho gia chủ. Ở nhiều gia đình ông tú còn được chờ đợi nữa là khác. Người ta chờ ông đến để hỏi cho tường tận xem đám cướp nhà ông chánh tổng Hoàn ở Hạ ninh xảy ra như thế nào, người con dâu ông huyện Trần-đình-Hạ đã thất cổ chết trong trường hợp bí ẩn ra sao, lễ các-to-duy-dê năm nay tổ chức ở tỉnh có gì lạ... Tất cả những gì quan trọng xảy ra trong huyện, trong tỉnh, rất có thể ông tú Từ Lâm được mục kích tại trận, hoặc đến tận nơi quan sát sau khi xảy ra sự việc. Ông tú nay đến chỗ này mai đến chỗ kia để xác nhận hoặc bác bỏ những lời đồn đại xung quanh những việc thời sự như thế. Trong mỗi gia đình, đối với cái tin ông lại mục té ngựa chẳng hạn, có nhiều nhận định khác nhau. Chồng đoán một cách, vợ đoán một cách, cha mẹ đoán một cách... Ông tú Từ lâm đến, họ mang quan điểm riêng của mình ra trình bày để ông tú vui vẻ phân xử.

Nhưng những gia đình thực là nghiêm chỉnh không thích đón tiếp ông tú Từ Lâm. Ông tú này không thêm gìn giữ tác phong của một nhà nho. Mọi người thường gặp ông tú ấy đi ngoài đường mà mặc áo bà-ba lụa, quần cụt rộng thồn-thếch, đội mũ tây trắng, đeo kính râm. (Chiếc quần dài có thể hoặc vắt trên một cánh tay hoặc quần quanh cổ, hoặc vắt ngang vai). Ngồi đàm đạo, đánh cờ tướng, hay nhăm rượu với bạn, gặp lúc trời nóng nực ông tú cũng cứ mặc quần cụt, Đêm khuya, khi trời hơi lạnh, ông khoác

vào cái áo tây ka-ki. Và y phục như thế không trở ngại gì đến cảm hứng khi ông muốn ngâm thơ Đường. Bản tính hơi phóng dăng, sống cốt thỏa thích, lại lang thang không có gì kiềm tỏa, dần dần ông không chịu nổi những ràng buộc vướng víu của lễ nghi, dù thứ ràng buộc đó chỉ là áo quần.

Như thế những người, không thích ông tú Từ-Lâm không phải họ không có lý. Nếu tình cờ gặp ông tú ấy đội mũ tây, đeo kính râm, quần cái quần lụa quanh cổ như quần phu-la, hoặc đi lơa tơn ngoài đường, hoặc đang đứng xem thầy bói bịt mắt bắt heo trong lễ các-to-duy-dê, hoặc ngồi bờ ruộng bàn về một cuộc đất tốt để táng một ngôi mộ v.v... thì ngay đến thầy Khổng chắc chắn cũng phải bối rối, không sao nhận ra được một kẻ môn sinh thành đạt của mình.

Trong khi trò chuyện, ông tú Từ lâm không hay giữ được nét na nghiêm chỉnh. Lúc cao hứng ông hoa tay múa chân. Lúc tức giận ông ta văng tục ầm ĩ và không ngại gây ra những cuộc xung đột. Ông tú thường để cho sự hăng hái lời cuốn kéo tuột ra ngoài cái đạo trung dung. Nhận xét, ý kiến, quan niệm của ông chạy từ chỗ cực đoan này đến chỗ cực đoan khác. Trong khi chạy ngược chạy xuôi trên sự lý luận như thế, rất có thể ông tú Từ lâm đụng nhằm vào chân lý nhiều phen, có điều ông không quan tâm mấy.

Nhưng mặc dù có xúc phạm đến thuyết trung dung của đạo nho, ông tú Từ lâm thiên lệch rõ rệt đối với quê hương của Khổng tử, đối với

nước Tàu cổ. Nước Tàu cổ là của ông và của thầy Khổng, thế giới còn lại là của chung. Thế giới có thể có cái tốt và cái xấu, ai muốn nói gì cũng được. Nhưng nước Tàu cổ thì xuất hiện trong lịch sử là chỉ để được sự khâm phục mà thôi.

Trong nước Tàu cổ cái gì còn lại có thể sờ mó được ấy là những đồ sứ. Cho nên ông tú Từ lâm bệnh vực đồ sứ. Nguyên một sự tồn tại của chúng nó, sự có mặt của chúng nó lẫn lộn với chúng ta ngày nay đã là một điều kỳ diệu rồi. A ! cái bình này là của đời Hán, cái chén kia là tự đời Đường, cái chén nọ là thuộc về đời Tống .. Hán Cao tổ rút kiếm chém rắn mà không thực ư ? Trương Lương thổi sáo mà không có thực ư ? Cái món đồ con con bằng đất thó này là chính tự thời đó lưu lại đây, người ta có thể cầm nó lên tay, gõ nó kêu canh canh đây này. Còn có giai thoại nào mà không thực nữa. Cái thời đại ấy có mơ hồ gì đâu, nó rõ ràng gần gũi thế này, làm sao không tin được ? Đường Minh-Hoàng lên trăng, Lý-Thái-Bạch gác chân lên Cao Lục-Sĩ đòi cỡi giày, những sự việc đó có những chén đất này làm chứng, không còn ai có thể phủ nhận được.

Những chứng nhân tí hon đó, chúng nó phiêu dạt từ cái thời hoàng kim toàn thiện toàn mỹ đó về đây. Sự lưu lạc của nó thực là cảm động.

Một câu thơ Đường, giọng lơ lửng của người mình đời nay đọc khác đi, lại căn cứ theo cái tâm trạng của người đời nay nên suy diễn cũng khác đi, cho đến chữ in cũng khác đi, thành ra hình dạng

của nó không giống câu thơ do tác giả nó hạ bút viết lên giấy mà cái chứa đựng của nó chưa chắc đầu óc mình ngày nay tiếp thu đúng cái chứa đựng mà tác giả nó đã gửi gắm. Nói về những lời lẽ của thánh hiền cũng đều thế cả. Duy có những đồ từ khí từ xưa lưu lạc lại, tản mác ở những làng mạc thôn xóm Việt-nam này, chúng nó vẫn mang nguyên dấu vết bàn tay của cổ nhân không có cách nào xuyên tạc được. Ông tú Từ-Lâm bền nhiệt liệt phát huy những cái quý của đồ đất Trung-hoa xưa. Ông nói về chuyện những thứ đĩa Tàu đựng thịt không thiu, cá không ươn, những chiếc bình cắm hoa không héo v.v... Ông tú tả kỹ về một loại chén Tàu để trống thì không có gì đặc sắc, nhưng đổ nước vào thì thấy có con rồng cựa mình múa men dờn dợn ở bên trong. Ông tú nói về những màu men nổi tiếng : màu gan dê, màu phổi ngựa, màu đỏ tía như hoa tường vi, màu đỏ tươi như hoa hải đường, màu đỏ củah oa yên chi, màu đỏ của chu sa, màu xanh của hạt đậu, màu xanh con tôm sống, màu vũ quá thiên thanh, xanh như là da trời mới vừa mưa xong... Dĩ nhiên tất cả đều không bằng một thứ màu đen, Bởi vì cái gì của Tàu thì càng xưa nó mới càng thiết là của Tàu, Cái chén màu đen đời Tần, cái ấy mới cảm động làm sao ! Cầm tới món chén đĩa ấy như chạm nhằm lịch sử Cổ Trung-hoa trên mười đầu ngón tay. Ba nghìn cung nữ của vua Tần, ngọn lửa cháy gái đẹp ba tháng ròng, chí lớn của vua Hán, những cái đó rõ ràng mà gần gũi quá. Và những cái đó là những cái thân yêu, là nguồn tin tưởng ; chúng

hộp lại thành ra xứ sở tinh thần của ông tú Từ lâm.

* *

Một hôm, lúc chạng vạng tối, một chiếc xích lô máy ngừng lại trước nhà nàng ở ngã ba ông Tạ. Chiếc xe ngừng mà vẫn nổ máy mãi thật lâu khiến Lê chú ý, vạch lá màn nhìn ra. Nàng trông thấy một ông già lóng nhóng tìm số nhà (Số nhà của nàng bất cứ nàng ở xóm nào, cũng khó tìm!). Nàng thả lá màn, không thể tưởng tượng rằng ông cụ già đó đi tìm nhà mình.

Một lát sau, khi chiếc xích lô máy đã quay trở ra, thì lá màn cửa nhà nàng lại bị một bàn tay rứt rề vệt lên. Nàng ngó mãi một lúc, chưa kịp nhận ra khuôn mặt hiện ra ở cửa sổ là của ai thì người kia đã kêu:

— Năm! Mấy ở đây đây à?

Ông tú Từ lâm! Nàng ngạc nhiên, mừng rỡ, vội vàng mở cửa. Ông ta vừa bước vào nhà, lại nói:

— Tao đã tính đi trở lộn ra. Nhà ở đường này đánh số lung tung quá.

Lê cười. Nhiều người nói với nàng câu ấy rồi. Nàng cười, đáp lại y như những lần khác:

— Dạ. Lung tung lắm. Họ đánh theo số liên gia. Ở ngoài kia có 30, 31, 32, rồi trong này lại số 30, 31, 32, nữa, nhưng thuộc về liên gia khác.

Ông tú Từ lâm bỏ xuống đi văng một chiếc các-táp to phồng, xung quanh nịt bằng một cái nịt da. Nàng đi lấy nước cho ông ta rửa mặt, rồi lấy ô,

định đi mua phở, nhưng ông ta ngăn lại, hỏi:

— Đi mua ở đâu?

— Dạ, tiệm gần đây.

— Phải cái tiệm ăn ở ngoài ngã tư đầu đường đó không?

— Dạ.

— Vậy thì gần gì? Ban đêm, bung đi xa như vậy, lỡ vấp chân một cái... Thôi chờ đó, rồi nghe người ta rao thứ gì thì kêu vô ăn cũng được... Tao thay đồ, cho nó mát.

Ông vẫn tự nhiên, coi nàng như hồi ngày nào, ở ngoài xứ quê. Nàng không e dè, ngược ngạo nữa. Ông ta không nói rõ ai đã cho ông biết địa chỉ của nàng, nhưng nguyên những cử chỉ của ông đã cho nàng thấy rằng ông hiểu cả; ông hiểu nàng đang sinh sống ra sao, đang làm nghề gì. Đồng thời, những cử chỉ ấy cũng bảo rằng ông sẽ làm lơ, không bao giờ phán xét gì, can thiệp gì vào cuộc đời riêng của nàng. Về phần ông, ông không bảo cho biết ông tìm đến nhà nàng để làm gì; và nàng cũng có một thái độ để tỏ cho ông ta thấy rằng nàng sẽ không bao giờ hỏi đến điều ấy, nàng cứ giúp đỡ ông đến mức nào có thể được.

Người đàn bà hiểu ông tú Từ-lâm, tin cậy ở ông. Ông vừa có cái kín đáo khôn ngoan của một người tuổi tác, lại vừa có cái độ lượng rộng rãi của một người từng trải nhiều, sống lòng tuồng phóng khoáng. Và lại ông trôi tấp tới nàng trong lúc thất thế, cùng đường, ông cũng có chỗ bẽ bàng hổ nhục của ông—nàng biết vậy cho nên gặp lại ông tú Từ-Lâm, nàng thấy ít lo lắng và còn

vui mừng hơn là hồi gặp Nguyên, cậu em nàng.

Dần dần, ông tú thuật cho nàng biết bà Tú đã chết về bệnh lao gần hai năm rồi, cô con gái độc nhất của ông cũng chết, chết ở dưới chân đèo Cù-mông trong một chuyến buôn gạo. Độ ấy gạo chở từ các tỉnh ngoài vào bị hạn chế, nên dân buôn thường đi đêm để tránh khám xét, và cô Thủy đã chết giữa những bao gạo vào lúc ba giờ sáng một ngày tháng chạp khi chiếc xe vận tải hạng nặng mà nàng thuê chở hàng thỉnh lình nổ lốp trước, nghiêng tuột xuống đèo.

Những việc đó xảy ra đã lâu rồi, ông tú Từ-Lâm không còn cảm xúc nữa. Ông kể thong thả, Lê hỏi thêm năm ba chi tiết. Có khi nàng vừa hỏi xong, ông tú ngừng một tí, há miệng cười một cái cười vu vơ e ngại, rồi tiếp tục nói, không trả lời vào câu hỏi. Mấy lần như thế, rồi nàng hiểu là ông ta bây giờ hơi lảng tai.

Một lát, Lê lảng tai nghe một tiếng rao, rồi hỏi :

— Không có phở. Vừa có tiếng rao cháo cá. Bác ăn được cháo cá ?

— Mày đừng cho người ta bỏ ớt vào nhiều quá. Cháo ở trong này có rau chuối, buồn cười...

— Bác cũng biết...

— Nửa tháng nay sáng nào cũng ăn thứ cháo ấy.

Ông tú bếch mặt lên, khuôn mặt càng choắt lại, ốm teo, nhe răng, hướng một cái cười hiền lành, ý nghĩa mơ hồ vu vơ, lên khoảng không. Ý như ngày nào ông ngâm thơ.

Thì ra ông vào Sài gòn đã lâu. Để làm gì ? Ông ta ở đâu trước khi đến đây ? Lê vội lấy tô mua cháo, không kịp hỏi.

Ăn xong, ông tú Từ-lâm định pha cà phê lấy. Ông mở các nắp lấy ra một gói cà phê *Meilleur gout* bọc trong một cái túi nhựa. Ông ta trút độ hai muỗng bột cà phê vào chiếc ly. Lê ngạc nhiên. Ông ta cắt nghĩa : như thế đổ nước sôi vào, lấy đĩa tách đầy kín, một lát, gạn chắt nước sang một ly khác... Lê cười ngất. Nàng lấy cái lọc cà phê của mình ra, và chạy sang nhà bên cạnh mượn chút nước sôi. Người đàn bà lảng giềng vừa trao cho nàng cái két một vừa hỏi :

— Tối nay cô Năm không đi làm. Có khách hả ?

Nàng phân trần :

— Bác tôi đó.

Nàng nhìn vào mắt người đàn bà, nhìn xiêng, chờ người đàn bà tin vào lời vừa nói. Cái việc có một ông bác đến nhà như bảo đảm một giá trị, khiến nàng tự thấy thêm chút uy thế.

Nàng vừa pha cà phê vừa vui vẻ hỏi.

— Tối bác uống thứ này không sợ mất ngủ sao ?

— Ấy ! tao có uống mới ngủ được, Đêm nào không có nó lại không ngủ !

Ông tú ngồi trông những giọt cà phê rớt xuống đáy ly. Dần dần, Lê có cảm tưởng ông ta tò mò nhìn cái phin, nảy ra những ý nghĩ xung quanh cái lọc cà phê cá nhân ở trong nhà một người đàn bà không chồng... Nhưng nàng tự thấy mình không có chút áy náy. Sự tò mò ấy hiền lành, độ lượng, bao dung.

sự tò mò của một người tuổi tác, nhiều kinh nghiệm.

Đã lâu, Lê không có dịp nói chuyện một cách dễ dàng, tự do, tin cậy như tối hôm ấy. Nàng nhảy từ chuyện này sang chuyện kia, lung tung... Nàng bảo cho ông tú Từ lâm biết căn nhà của mình biện ở thuê tám trăm một tháng, thật rẻ, chỉ có bức một cái là không có chỗ phơi đồ. Con chó Tô-tô rất ngoan, nhưng nó thềm bánh mì không thể tả : một hôm đang đi với nàng qua cầu Bông, nó trông thấy một khúc bánh mì trôi dưới sông, nhất định đứng lại, nhìn xuống cầu, lính quynh, sủa òm lên. Chắc chắn chủ cũ của nó hoặc làm bồi bếp cho Tây, hoặc làm công ở lò bánh mì. Nàng lại kể chuyện cách đẩy hai hôm, nhà phía bên trái, cách nhà nàng hai căn, bị ăn trộm vào hửng mất cái máy thu thanh và lấy ba bộ quần áo v.v...

Nửa đêm, ấy tú Từ lâm thức giấc, loay hoay mãi, không ngủ lại được. Ông ta đánh một cây diêm đốt thuốc. Một lát sau, lại đánh que diêm nữa, soi bắt muối trong mùng. Thấy thế, Lê cũng dậy, đưa cho ông một đoạn nến để ông ta soi muối. Nàng hện ngày mai sẽ vá lại mấy lỗ rách của chiếc mùng ông tú. Hai người nhắc đến bà giáo Kiên ở ngoài xứ quê ; ông tú bảo bà ta hái lá rươn cho heo bị ngã từ trên cây xuống, gây mất một cánh tay bên phải. Nói đến người con trai bà ta, thì ông lại bảo đã có đâu ba bốn đứa con gì đó, gia đình đi dinh điền làm ăn từ lâu. Hai người nói lần sang chuyện ăn uống, và ông tú Từ lâm cho rằng từ lâu nay vào ở Sài gòn ông chỉ ăn

có món thịt gà là ngon miệng. L đồng ý với ông tú là thịt heo ở những chợ nhỏ miền quê ngon hơn ở đô thị : chợ nhỏ, ít người tiêu thụ, mỗi phiên chợ người ta chỉ xẻ vài con heo choai cho vừa bán, còn ở thành phố lớn, các lò đều xẻ heo to, thịt dỏ lắm. Ông tú lại so sánh đến cá : lát cá ngừ mua ở các chợ ngoài « quê mình » trông thịt có sắc đen, đậm đà, còn cá ngừ cắt thành lát phơi trên thớt ở các chợ trong này to thì có to mà trông nó trắng bệch ra, như thế ăn vào miệng thấy nó lạt lẽo là phải v.v... Những nhận xét ấy có thiên kiến, nhưng nàng thấy thú : ít khi có người đàn ông tỉ mỉ một cách ngộ nghĩnh như vậy. Vả lại những thiên kiến về địa phương ấy tỏ rằng ông tú Từ lâm nhớ quê. Đây không phải là một nỗi nhớ trong lòng, mà là thứ nhớ nhung của vị giác, của chót lưỡi. Các giác quan, chúng cũng có cách nhớ nhung riêng của chúng. Trong trường hợp này, người đàn bà dễ dàng thông cảm.

Ông tú Từ-lâm đang nói, ngừng lại một chút, liền phát ra tiếng ngáy. Ông ta ngủ tỉnh. Mỗi người già có một tật nhỏ. Trong bóng tối, Lê mỉm cười. Đã lâu lắm, người đàn bà trẻ tuổi không có dịp bắt gặp nơi mình một tình cảm thương hại, dịu dàng như thế. Những tật lặt vặt, những dấu hiệu suy nhược của tuổi tác..., nàng thấy tội nghiệp, nàng nghĩ đến chúng một cách âu yếm. Chúng gọi cuộc sống đại gia đình, sum vầy, ấm cúng ..

Chỉ trải qua một đêm ấy, sáng dậy nàng đã có cảm tưởng đời sống của mình hóa trong lành, lương thiện ra. Nàng nghĩ việc một hôm. Hôm sau, nàng

đến phòng trà, chắc thế nào mấy đứa bạn cũng hỏi thăm. Nàng sẽ đáp : « Có ông bác đến chơi ».

Hôm sau thì Lê hiểu rằng ông tú Từ-lâm không đến chơi đôi ba ngày, năm bảy ngày. Ông ta như ngã bặt vào nhà nàng. Có thể nàng sẽ phải nuôi ông lâu dài, không biết đến bao giờ. Đó là điều làm cho ông ta e ngại, quanh co, không nói ngay từ lúc đầu việc ông vào Sài-gòn, mục đích cuộc đi, hoàn cảnh của ông lúc này v.v.. Thực ra, thì thoát tiên ông tú đi chữa bệnh, chữa chứng bệnh bạc tất, đầu gối sưng to. Một đứa cháu họ bỏ làng đi đã lâu, nghe tin ông đau, nhặn ông vào, ăn ở với nó, xin chữa bệnh tại bệnh viện công. Bệnh đã gần khỏi, nhưng thỉnh thoảng cháu bị nhà chức trách đến xét nhà, bắt đi. Rồi sự điều tra còn lòi ra cái tội anh ta trốn quân dịch. Ông tú Từ-lâm không có chỗ nương tựa, liền tìm đến Lê. Bây giờ đồng tiền kiếm được nàng phải chia ba, một phần cho mình, một phần cho đứa con thuê người ta nuôi, và một phần nữa... cho ông tú Từ-lâm ! Trước, có bao giờ nàng tưởng tượng được rằng lớn lên nàng lại có cái ngày sống không mong trông thấy mặt cha mẹ, mà chỉ có kiếm tiền để nuôi ông tú Từ-lâm, cái ông già có phần nào cổ quái ấy !

Mười mấy năm qua, Lê khôn lớn, nhiều sự việc bất lợi xảy ra đã xúc phạm nặng nề đến hình ảnh huyền hoặc của ông tú Từ-lâm trong trí nàng ngày nhỏ. Một hôm, ngồi nói lãng nhăng nhảm nhí với Tại, không biết nhân chuyện gì nàng buột miệng nói đến loại đồ sứ màu đen. Tại, một người tình nhân của nàng, cười ngất

chế giễu nàng về câu chuyện Bái-công đốt cháy đồ sứ vua Tần. Chàng tra hỏi xem ai đã biến thứ đồ sứ màu men hắc định đời Tống ấy thành ra đồ đời Tần, nhưng nàng giấu riết không chịu nói. Nàng giấu tên ông tú Từ-lâm, như giấu một sự lỗ bịch của riêng nàng.

Cứ thế, thỉnh thoảng, một phát giác tình cờ gico một ngờ vực vào sự hiểu biết và tính nết ngay thẳng của ông tú. Nàng phân vân. Một khi cái ăm ăm Thế đức không còn mát tay, đồ sứ hắc định không bị Hán-Bái-Công đốt cháy, thì con rồng có còn múa dờn dợn trong những thứ chén đĩa Tàu đựng thịt không thiu nữa chăng ? Phải chịu rằng ông tú Từ-lâm làm cho nền văn minh Tàu trở nên khó hiểu thêm rất nhiều.

Nhưng dù sao mặc, trong hoàn cảnh hiện nay, đối với nàng ông tú Từ-lâm lại là cái gì rất quý báu. Lê không về làng được nữa, không còn mặt mũi nào gặp lại bà con thân thuộc được nữa. Nàng đã đứt mất đường về. Ông tú Từ-lâm đem lại cho nàng cái không khí quê hương xóm làng cũ, gợi lại cuộc sống của cha mẹ nàng. Ông ta nhắc lại những ngày thơ ấu không nặng nề những lo nghĩ. Cũng như món đồ sứ làm sống lại lịch sử cổ Trung-hoa, ông tú Từ-lâm làm cho Lê nghĩ rằng : Có xa xôi gì đâu, nhưng ngày mình nhỏ dại có xa gì đâu tiếng gió nam hút mạnh ngoài trời, làm chuyển răng rắc mái nhà, tưởng như từng nuốt lạt trên mái tranh đều cựa quậy, tiếng dơi cấn rục rịch trái bàng sau vườn, có xa gì đâu tiếng mưa ngoi nửa đêm, nghe trong giấc mơ như tiếng vó

ngựa đập dồn, những ngày mùa dấy sớm nấu cơm từ lúc gà gáy lần thứ hai, những cuộc cãi nhau giữa mẹ mình với hàng xóm chỉ vì một chuyện chơi nghịch của mình v.v... Có xa gì đâu...

Có ông tú Từ-lâm bên cạnh, nhất là trong những ngày đầu ông ta mới đến, nhìn ông ta bùng tách cả phê đưa lên uống một hớp, bỏ tách xuống, hướng một cái cười ý nghĩa mơ hồ lên khoảng không trước mặt, Lê ngạc nhiên tự thấy mình gần đến tưởng suýt chạm vào dĩ vãng của mình.

**

Lê nghĩ có lẽ ông tú Từ-lâm còn ở với nàng lâu. Nàng chịu thiếu thốn thêm để nuôi ông ta.

Có ông tú ở trong nhà, những người đàn ông đêm khuya chịu khó đưa nàng về, những người ban ngày lần mò tìm đến tán chuyện, những người ấy không dám đi quá xa, không dám suồng sã.

Như thế được ba tháng.

Hôm ấy nàng gặp Nghia ở phòng-trà. Gần mười hai giờ nàng về, và nhận lời của Nghia muốn đưa nàng về. Người tình nhân lớn tuổi này, từ ngày thôi sống chung, đối với nàng vẫn tử tế, có một thái độ che chở. Trả lời câu hỏi han của chàng, Lê chỉ nói :

— Tự nhiên em thấy mệt.

Sự thực Lê có mệt. Nhưng nàng còn về sớm vì một lý do khác : nàng chợt nhớ là đã quên xích con chó Tô. Ban sáng nàng thấy nó run như người phát kinh phong, vội vàng mang đi chích thuốc. Suốt ngày nó vẫn chưa bớt run, và rúc vào dưới giường,

trong xó nhà, như sợ hãi. Có lúc nó lên trốn chạy thoát ra ngoài, bị chó lạ đuổi cắn. Buổi chiều lúc sắp ra đi, Lê đã nghĩ tới việc xích con chó lại ; nhưng hình như rồi nàng lại quên. Hình như lúc người phu xích lô đến gọi, nàng lật đật, quên mất con chó... Nếu nó chạy ra ngoài, ông tú đóng cửa lại, làm nó mất lối vào... Lê nghĩ ngợi, rồi muốn về ngay.

Lúc chiếc tắc xi rẽ vào ngõ hẻm của nàng, Lê mời Nghia :

— Còn sớm, anh vào nhà chơi một lát.

Nghia ngần ngại :

— Sớm với tui mình, chứ người ta ai dám cho là sớm. Mười hai giờ mười rồi. Thôi để bác tú bác ấy ngủ.

— Các ông già ngủ một đêm bốn năm giấc. Chừng này chắc bác ấy đã được một giấc ngon rồi, bây giờ thức dậy mở cửa, bác có thể ngồi nói chuyện một vài giờ không sao.

— Em đi nghỉ sớm.

— Không chắc gì ngủ được đâu. Thức quen mất rồi. Đi nằm sớm chỉ mất công trần trọc, khó chịu... Nói vậy chứ tùy anh, nếu anh thấy không muốn thức nữa thì thôi.

Lê cười. Người tình nhân đã hơi lớn tuổi của nàng nói :

— Vào quấy bác tú một chút cũng được. Bác ấy... buồn cười...

Nghia có lỗi nói vắn tắt, biếng nhác. Ông tú Từ-lâm buồn cười thế nào ? đó chỉ là một ý nghĩ chợt thoáng qua trí chàng, hay là chàng vẫn nhận xét như thế từ lâu ? không thể biết. Thỉnh thoảng chàng vẫn nói với Lê : thằng này buồn cười, lão kia buồn cười v.v..

Phê bình như vậy, dụng ngữ của chàng thực nghèo nàn. Cách nói có vẻ băng quơ uể oải. Ít lâu sau, có dịp biết kỹ những kẻ được phê bình, có khi Lê mới chợt thấy quả kẻ ấy có sự ngờ ngẩn, có một tính xấu, có một điểm gì «buồn cười» thật. Nhưng thường khi nàng không có dịp kiểm soát lại câu nhận xét ý nghĩa mông lung ấy.

Vào nhà, vừa gặp lúc ông tú Từ-lâm thức giấc, định uống một tách trà. Hai người đàn ông nói chuyện với nhau một lúc như quờ quạng mà chưa tìm được chỗ nào gặp nhau. Ông tú bảo vừa rồi có trận mưa nho nhỏ, Nghĩa và Lê nhìn nhau, bảo rằng thế mà họ mãi ở trong phòng có nhạc ồm ào không hay biết đến. Ông tú hỏi lý do về sớm, Lê bảo nàng thấy lạnh và khó chịu trong người, ông tú dặn nàng có sẵn gừng, khô ở nhà, mỗi lần đi về khuya nên ngâm một lát cho ấm; nàng lại đưa mắt tìm Nghĩa, hai người mỉm cười với nhau, Nghĩa cho tay vào túi lấy bao thuốc, sờ đụng một phong thư, và cười, kể rằng không biết tại sao người đưa thư lại quăng làm vào nhà chàng lá thư ấy, chàng vô ý xé ra đọc không hiểu gì cả. Ông tú nghe xong, ngẩng mặt lên, không nói gì. (Ông ta có nghe, hay là vì lảng tai không nghe rõ?)

Các câu chuyện cứ vật vờ, bị bỏ lửng, không đi đến đâu. Lê đã hối hận vì trót mời Nghĩa vào, để chịu một không khí chán nản vô vị. Thế nhưng cả hai người đàn ông đều không quan tâm. Họ có vẻ như quen «chịu đựng», thân nhiên, như không cần gì đến sự hào hứng. Rồi thỉnh thoảng họ có những thái độ đột ngột.

Ông tú Từ-lâm thỉnh thoảng hỏi Lê :

— Năm. Mày còn nhớ miếng đất trống có cây gạo ở chỗ bên cạnh bên đồ từ Ngân xá bước qua thôn Thanh liêm không?

— Thưa nhớ.

— Ở chỗ đó, sau này họ cất nhà họ sanh hương thôn.

Lê «dạ» một tiếng vô định, chờ đợi. Một lúc sau, ông tú mới kể tiếp :

— Nhiều người chê cái giếng nhà họ sanh nước uống không tốt, không hợp vệ sinh, vì gần đó có mả...

— Một cái mả vôi.

— Ừ, một cái mả vôi. Sự thật cũng chưa chắc là nước có gì không tốt, mà nếu có không tốt thì cũng chưa chắc do tận ngôi mộ đó. Nhưng người ta xúi bốc mộ là vì nhiều người tưởng dưới mộ đó có chôn của quý. Ai cũng biết đó là mộ một ông hiệp tán triều Nguyễn. Giòng dõi ông này chỉ còn vài đứa chất ngu đần, tàn tật. Trong làng, đồng bào xúm kéo ra thật đông đảo để phụ giúp cải táng. Họ tò mò, và tham; hy vọng may ra bắt được vàng bạc.

Ban đầu thử đục bể cái chóp mộ xây nhọn, như hình chóp nón, nhưng mãi không xong. Không ai ngờ ngày trước người ta trộn vôi chắc như thế. Sau, quay ra đào đất ở phía dưới chân mộ, rồi đục xiêng vào, như thế hang chuột. Khởi sự đào từ sáng, cho đến năm giờ chiều mới xong, nghĩa là trông thấy quan tài. Cái quan tài to lắm, bằng huỳnh đàn hương, còn tốt, rất nặng. Vì cái lỗ đục xiêng hẹp quá, không thể chen vào nhiều người được, mà một

đôi người thì lôi quan tài ra không nổi...

— Thứ gỗ tốt lạ. Ông hiệp tán... một chức quan võ xưa như thế, e chết chôn tới trăm năm rồi, phải ít sao...

— Trăm năm được à? Ông hiệp tán này ở đời Gia-Long, chết quá trăm rưỡi năm rồi chứ. Thầy không biết gỗ huỳnh đàn hương sao?

Ông tú Từ-lâm nhìn Nghĩa, Nghĩa ngồi yên lặng, không nói gì, thản nhiên chờ đợi. Và ông tú nói tiếp:

— Gỗ làm hòm, thứ xấu đem chôn chừng năm bảy năm đã mục nát: mả bị sập. Ở nhà quê người ta thả bò ăn cỏ trên các ngôi gò dùng làm nghĩa địa; cứ tới mùa thu, khi trời bắt đầu đổ mưa, thỉnh thoảng lại có một con bò giẫm lên ngôi mả như thế, sức nặng của nó làm mả sập xuống, và người ta phải cho đắp lại mộ. Thứ gỗ khá thì chịu được vài ba chục năm. Tôi biết có người mua được gỗ đổi hương về làm quan tài, chôn quá sáu mươi năm rồi mà chưa thấy sập. Đổi hương còn là thứ kém, chính là gỗ huỳnh đàn thì màu nó vàng, có mùi thơm, chịu đựng lâu lắm. Tôi không nghe nói rừng núi nào ở Việt-nam ta có thứ cây ấy. Có lẽ chở từ bên Tàu sang. Thứ tưởng tượng: ngày xưa phương tiện giao thông chuyển tải chậm chạp khó khăn như thế mà chuyển một nét gỗ từ bên Tàu qua để đóng cỗ quan tài! Mà vào tận trong miền nam này, hồi đó là đất mới khai phá đầy nhá!

Bằng tay, Nghĩa phát một cử chỉ, hưởng ứng thái độ ông tú. Ông này trở lại ngôi mộ ông hiệp-tán triều Gia-Long:

— Kéo nguyên cỗ quan tài ra thì

khó, nhưng nó đã long đinh, nên có thể gỡ từng tấm ván lôi ra. Ván mình thiên và mình địa, mỗi tấm dày hai tấc tây, phải bốn người mới khiêng nổi. Lấy búa tay đập nó không vỡ, kêu boong boong.

Trong quan tài còn y nguyên xương cốt vị quan võ. Thật là một người to lớn. Răng, sọ, xương đùi v. v... những cái đó đều to khác thường. Hôm đó tôi có được thấy tận mắt. Y phục, mũ hia, cân đai thì lại không còn gì. Những người xông vào trước đều thất vọng. Xung quanh quan tài chỉ có than rất nhiều, than đen. Tôi đoán là để hút cái khí ẩm ướt, giữ cho gỗ và hài cốt lâu mục.

Người ta vội vàng chôn gấp ông hiệp tán vào mộ mới trước khi trời tối. Rồi ai nấy tản mác ra về. Bất ngờ, sáng hôm sau, mới mờ sáng đã thấy có kẻ lại vãng đến chỗ ngôi mộ cũ. Nhiều người còn mơ tưởng viễn vông. Họ đào thêm xung quanh cái hầm chứa quan tài. Thình lình họ làm bật ra hai cái hầm nữa, cũng xây bằng vôi rất chắc chắn. Hai hầm này nhỏ hơn, kèm hai bên hầm của ông hiệp tán. Nhưng chỉ có một hầm có chứa hài cốt. Hầm kia trông không có gì cả.

Lê hỏi:

— Bộ xương thứ hai chắc là bà vợ ông hiệp tán?

— Có lẽ. Bộ xương nhỏ hơn, vóc xương đàn bà.

— Nhưng còn cái hầm không xương? Tại sao vậy?

Nghĩa ngẩng đầu ngó ông tú Từ

lâm, hưởng ứng câu hỏi của người con gái. Ông tú tránh không ngó đến một ai trong hai người. Con Tô tô vừa được Lê cho uống một viên thuốc, rút lui về nằm phía sau lá màn, tránh ánh sáng, thỉnh thoảng phát một tiếng kêu khổ sở, giống như tiếng tru ngắn.

Nghĩa suy đoán :

— Đó là cái hầm xây dành cho một người, mà rồi người đó sau này lúc chết không mang về chôn được tại chỗ dự định... Tôi chắc ông quan đó có hai vợ...

Ông tú Từ lâm nghe răng ra cười cười về phía trước mặt, lặng lẽ. Nghĩa tiếp tục sự suy đoán :

— Hoặc là sau khi ông ta chết, gia đình suy sụp, người vợ hầu vì sinh kế, phải phiêu bạt ; lúc gần chết bà ấy không trở về kịp, chết rồi, cũng không ai lo nổi để đưa di hài về. Võ quan ngày xưa trong thời chinh chiến, mãi lo xông pha trận mạc, không kịp ngó ngàng đến sự học hành của con cháu, lắm ông thuở sinh thời thì lừng lẫy, mà nhắm mắt nằm xuống rồi thì giòng họ không còn ai nổi nghiệp được, chẳng bao lâu suy tàn trông thấy...

Ông tú già gật gù tán thành. Người nói lại tiếp :

— Hoặc cũng có thể là người vợ hầu còn trẻ đẹp. Lúc chồng còn sống, họ bàn tính chuyện thủy chung, xây mộ bên nhau. Nhưng lúc chồng chết rồi bà ta lại bị lôi cuốn theo những cuộc ái ân mới. Vì thế khi bà ấy chết, không còn ý nghĩa gì để tìm về hầm mộ cũ.

Lê biết rằng Nghĩa đang quay đầu lại phía mình. Vì hảo ý, nàng đón tiếp mắt người đàn ông, mỉm cười. Nghĩa cười lâu hơn, mắt long lanh một dụng ý tinh nghịch, trêu chọc.

Ông tú Từ-lâm cất tiếng :

— O' Ngân xá Thanh - liêm mọi người bán tán mãi. Có lẽ rồi dò hỏi lẫn những ông già bà cả, người ta cũng sẽ biết được rõ về bà vợ lẽ, nếu cái hầm ấy là dành cho bà vợ lẽ... Câu chuyện có nhiều cách suy diễn...

Nghĩa hỏi người con gái :

— Lê nghĩ gì ?

— Dù bà bé có vì có gì mà chết không về được, thì cũng cứ tội nghiệp. Không ai muốn vậy.

— Tội nghiệp cho bà ấy ? (Chàng liếc mắt, chế giễu người tình nhân). Đáng lẽ nên nghĩ đến sự chờ đợi của ông hiệp tán dưới mồ. Sự chờ đợi bẽ bàng. Chờ đợi thất vọng như thế là một cái nhục mà chắc ông ta muốn giấu kín. Đó là tâm sự riêng tư giữa ông với người vợ hầu, giữa hai hồn ma với nhau. Không ngờ một trăm rưỡi năm sau có kẻ khai quật tâm sự ông ta ra.

Ông tú Từ-lâm lắng nghe, tò mò một cách rộng rãi. Nhưng ông nói :

— Theo tôi, cái đó không đáng nghĩ tới.

Lê nhìn hết người đàn ông này đến người đàn ông kia. Nàng vô gạt phải cái nắp lọ cà phê làm nó rơi xuống bàn, vang lên một tiếng kêu, nghiêng nghiêng chạy một vòng trước khi ngã

úp xuống và phát thêm một tiếng kêu nhỏ nữa. Nghĩa dúi một mẫu thuốc vào cái gạt tàn, chàng có thói dúi mạnh đến nỗi mẫu thuốc dùn lại, cong queo. Chàng hỏi:

— Bác cho cái đó không đáng nghĩ ?

— Cái bẽ bàng thầy nói đó bất quá là một chuyện tự ái, chưa chắc còn chuyện yêu thương trong đó đâu ! Tôi thì tôi nghĩ tới sự bứt rứt của người vợ hầu...

Ông tú Từ-lâm dừng lại, nở một nụ cười lặng lẽ.

— Tôi tưởng tượng — ông tiếp tục — khi chồng chết, bà ta còn trẻ... Người ta hỏi còn trẻ ấy mà... nghĩa là ý tôi muốn nói xác thật nó có thể xúi dục, xô đẩy ta vào những cuộc phiêu lưu say đắm. Nhưng đến khi bà ta về già, khi ốm đau bệnh hoạn, khi gần chết, hay sớm hơn thế nhiều, tôi chắc bà ta thành thực muốn trở về cái hăm mộ đó. Trở về vị trí của bà bên cạnh người chồng cũ, vị trí mà luân lý, phong tục, xếp đặt cho bà ta. Sự cưỡng lại, chống lại những cái đó. chà ! một mối lăm ! Bà ta sẽ đuối sức, không chịu đựng nổi đâu. Sự kêu gọi của cái hăm mộ ấy mạnh mẽ lắm. Tới phút cuối cùng, bà ta không ao ước gì hơn là trở về. Cái hăm mộ trống không đó là sự bứt rứt không nguôi, là cái ám ảnh, là hình phạt mà bà ta đang chịu ở dưới âm ty...

Ông tú Từ-lâm lại nói quá đáng, lại đuối ý nghĩ của mình tới chỗ cực đoan. Y như ngày nào, hồi trước kia... Lê thắm nghĩ vậy, trong khi theo dõi vẻ mỉa mai tinh nghịch trên nét mặt Nghĩa lúc chàng hỏi:

— Một mối lăm, hà bác ?

— Hừm...

— Phiêu lưu ấy mà... Đến một lúc nào đó, những kẻ phiêu lưu đều cảm thấy một mối, phải không bác ? Tính báo thặng bị kích thích gây xao động trên nét mặt ông cụ già. Ông ta có dáng như toan hùng hổ ; rồi bỗng dịu xuống, buồn bã, cố gắng thuyết phục ;

— Bất cứ ai, rồi thầy sẽ thấy, bất cứ ai cũng cần đến một dĩ vãng..., nghĩa là... đến một giai đoạn nào đó trong đời bỗng cần cảm thấy tự mình có dĩ vãng. Như thế có vẻ vô nghĩa, tôi nói chưa rành mạch... Nghĩa là ai cũng cần thấy mình từng có một đời sống, phải, từng có một đời sống để có thể tiếp tục. Không sao ? thầy không thấy chỗ đó sao ? Người ta không thể mỗi lúc mỗi tự hỏi: phải có thái độ ra sao ? phải làm thế nào ? phải phản ứng cách nào ? tự hỏi mãi như thế. Việc định hướng, việc chọn lấy một con đường, một thái độ sống..., công việc khai phá đó, lúc còn hăng hái người ta sốt sắng suy tìm: tìm lối này, không bằng lòng, bỏ đi, rồi tìm sang lối khác v.v... Nhưng sự suy tìm kéo dài mãi, xóa bỏ mãi, phát sinh ra tâm lý hoài nghi, làm cho cân não người ta suy nhược, người ta đâm ra ngờ vực, e ngại. Đến một giai đoạn, người ta muốn nghỉ tìm kiếm và muốn được tiếp tục một hướng đi, một thái độ. Nếu lúc đó, nhìn ngược lại, thấy mình từng có một cuộc đời có định hướng, người ta sẽ cảm thấy ấm áp, an lòng, biết sự chơi vơi lo hãi. Bấy giờ người ta có thể tự buông trôi, sống thuộc lòng, nhắm mắt sống thuộc lòng theo một đường hướng quen thuộc, và—

không cần thắc mắc phải trái quá đáng nữa—người ta sẵn lòng tin tưởng vào đường hướng ấy...

— Nghĩa là khi người ta già... « Giai đoạn nào đó », tức là tuổi già chứ gì? Tới lúc đó người ta đâm ra lười biếng, hết muốn tìm kiếm nữa, chỉ mong ngả lưng xuống nghỉ ngơi trên một mối tin tưởng đã có sẵn, nghỉ ngơi trên những thói quen, trong một bầu không khí quen thuộc...

— Bầu không khí tinh thần. Vâng mà cũng cần đến một khung cảnh cụ thể, vật chất nữa. Tôi nói thí dụ: đi đây đi đó lang thang hoài, ai cũng ước ao được, trở về sống trong ngôi nhà của mình, sáng dậy nghe những tiếng chim mình thường nghe hồi nhỏ, mắt trông ra cửa ngõ thấy cây gạo giữa đồng mà mình vẫn thấy hồi nhỏ, quay vào nhìn cái giá sách đóng từ thời ông nội để lại, ngồi lên một chiếc ghế do ông thân mình hoặc do chính mình mua được trong một dịp vui vẻ nào đó, ăn trái của một cây xoài do mẹ mình trồng, xin hột từ nhà bà ngoại đem về v.v... Những cái đó làm cho mình bớt bơ vơ, làm cho đời mình bớt thấy ngán ngùi, nó hóa ra có đầu có đuôi, có nhiều liên hệ ấm áp. Thầy coi, cần có một quá khứ lắm, không sao? Mà cái quá khứ đó... mình phiêu bạt hoài thì làm sao có được, nghĩa là có cái khung cảnh gợi lại quá khứ ấy? Người ta có thể chứa dĩ vãng của mình trong hai túi áo, hay đựng nó trong một chiếc các táp nhỏ mang theo được đâu! Thầy tưởng tượng sống gần trọn một cuộc đời mà luôn luôn mỗi sáng thức dậy thấy mình mở mắt trước một khung cảnh mới! mình bị bắt buộc phải bỏ ngõ đối diện

với cái mới mãi mãi, thấy mình không chàng, không rể, chơ vơ ra: nản lòng, kinh hãi lắm, chứ phải không sao?... Thầy bảo già hả? Không cần phải chờ tới già đâu! Không cần tới gần trọn một cuộc đời... Cần gì phải tới chừng ấy?

Tự dưng tắc một cái, ông tú Từ-lâm dừng lại. Hai người đàn ông ngồi yên lặng một lúc, không ai nhìn ai. Những ngón tay dài, xương xương, của Nghĩa sờ sẫm dưới cằm. Lê trông theo những ngón tay của chàng. Cử chỉ chậm chạp của mấy ngón tay ấy từ từ đưa nàng tới đời sống thân mật hơn với người đàn ông. Nàng nhớ đến những sợi tóc khô của chàng lay động nhẹ ở ngoài đầu chót, trong khi chàng ngủ... Bởi vì khi ngủ, Nghĩa có thói quen để quạt máy bên cạnh, một chiếc quạt máy nhỏ xíu, để quay úp mặt quạt vào vách tường: gió đập vào vách rồi dội ngược lại, yếu hản đi. Trong thời gian sống với chàng, mỗi lần thức giấc giữa đêm, nàng đều nghe tiếng quạt kêu rù rù, kêu nhỏ và rất đều, đêm nào như đêm ấy. (Chiếc quạt con chỉ có một tốc độ). Nghe tiếng quạt rù rù, và trước mắt nàng: vài sợi tóc của người đàn ông lay động ở ngoài chót. Đôi khi, đang ngủ, nàng mơ màng cảm thấy đuôi tóc quệt thật nhẹ, gây cảm giác buồn buồn trên gò má, hoặc trên mí mắt, hoặc trên một vành tai. Những hình ảnh ấy gần thành ra cần thiết đối với nàng, gần khiến cho Lê có cảm tưởng về một cuộc sống ổn định đều đặn, vững chãi, thì nàng vụt phải bỏ Nghĩa...

Lê nhìn theo những ngón tay gầy và dài của người đàn ông, tự thấy

mình lại mất cuộc sống tự chủ. . Trong cái nhìn ấy, người con gái bị khuất-phục, thu hút...

Ông tú Từ-lâm trở lại những ý-kiến của ông ta từ lúc nào, nàng không để ý.

— Đã có cái thời mà ai nấy đều dễ dàng thấy mình có quá khứ. Dân-tộc có một quá khứ; và từng người một, mỗi người đều không bị mất quá khứ của mình. Nhưng bây giờ thì không thể.

Chúng ta lấy một vài cái thí dụ : tôi, thầy và con Năm đây... Trong chúng ta ai có thể chắc chắn trở về chết ở chỗ làng xóm mình? Thầy ở ngoài Bắc vô đây, thầy không mong về được. Tôi với con Năm, từ thôn-quê ra đô thị, bây giờ cũng không có điều kiện an ninh để về. Nhưng giả sử có về được, thầy về chỗ quê thầy, tôi về chỗ quê tôi, thì khung cảnh cũ cũng không còn đâu. Nhu cầu chiến tranh, nhu cầu kiến thiết... Xóa bỏ khu vực này, di chuyển xóm nhà kia, dựng lên thêm cổng nọ v.v... Vả lại, cảnh xóm làng dù may ra có còn phảng phất giống như cũ, thì ta cũng gặp cái khung cảnh tâm lý khác : phong trào chính trị này kế tiếp phong trào chính trị kia, cuộc tàn sát này tiếp theo trận chiến nọ, tất nhiên có lỗi tai nghe lọt tiếng nói bên này, lỗi tai khác lại đón nhầm lời kêu gọi bên kia, có kẻ gặp viên đạn từ bên tả bắn qua, có kẻ nọ rủi ngã xuống vì quả tạc đạn bên hữu ném lại... thầy xem, những sự việc xảy ra như thế tạo ra những tình cảm nay thân mai thù, diễn biến bất ngờ và rắc rối biết bao

hiều. Người xung quanh ta không cùng ta tin tưởng ở một lý tưởng triết lý, chính trị, ở một nhân vật, ở một đường lối nào, nhưng kẻ tạm cùng đồng ý với ta hôm nay, ngày mai gặp một biến cố, chưa chắc đã còn cùng đồng ý nữa. Bao nhiêu là yếu tố có thể thành linh chia rẽ nhau... Có vẻ được cảnh cũ, ta cũng khó lòng gặp lại cái tình thân thuộc cũ, cái khung cảnh tâm lý cũ.

Ở một thời ổn định... (ông tú già chăm chú đốt điếu thuốc), mỗi một lý tưởng, mỗi một niềm tin ở nơi chúng ta có thể sống lâu dài hơn, có tuổi thọ cao hơn, mỗi một mối thân tình cũng lâu bền hơn... ta thấy đời sống của mình bền vững, dài ra, thấy mình có quá khứ. Còn như năm nay vừa mê say theo phong trào này băng hái theo đeo đuổi, năm ba năm sau ngã ra thất vọng, lại đuổi theo đường hướng khác, rồi lại thất vọng... các tin tưởng hy vọng lần lượt rơi rớt hết dọc đường, cuối cùng mình còn lại được gì đâu! trơ trụi một thân : những mùa may trước kia tự xóa đi hết, bay theo mây theo gió hết, rụng xuống thành tro thành bụi hết không còn lại chút gì để thành một dĩ vãng. Bây giờ... hừm ! bây giờ, tôi không còn hiểu ra sao nữa. Không phải tôi, thầy với con Năm đây là những trường hợp đặc biệt. Phần lớn mọi người đều như thế. Không ai dám chắc đến một tuổi nào đó mình còn nghỉ ngơi được giữa khung cảnh nhà cửa quen thuộc, được nếm lại trái khế ngọt sau vườn nhà mình ngày xưa, được yên ổn sống với mối tin tưởng từng hướng dẫn cuộc đời mình từ hồi trai trẻ...

Nghĩa hỏi :

— Bác lại nói « đến một tuổi nào đó »... Sao không nói thẳng là tuổi già ?

Ông tú nhìn nụ cười của Nghĩa, ngờ vực, rồi tự dưng như bị kích thích :

— Già hã ? Có cần gì đến già đâu... (ông tú nóng nảy, vội vã tìm lý lẽ)... Từng người, từng người, như thế. Mà cả một dân tộc cũng như thế. Nghĩa là một dân tộc cũng cần đến quá khứ, cái gọi là truyền thống của mình. Nhưng thành kiến, phong tục, tập quán, một nề luân lý ước định nào đó, một nề nếp sinh hoạt, vật chất và tinh thần... những thứ đó... cái quá khứ... một dân tộc cần đến nó. Không sao thấy ? Tôi nghe nói người Hòa-lan lập những hội bảo vệ các nhà máy xay gió..., họ luyện tiếc... Dân tộc nào, xã hội nào cũng gồm có những người muốn sống trong một khung cảnh quen thuộc, nhìn ra trời đất xung quanh thấy có ổn định thì mới vững tâm... Nếu xáo trộn, thay đổi quá... Thấy biết, tôi định nói những cuộc xáo trộn xảy ra ở xã hội ta trong mười mấy năm nay... nó đẩy xã hội này ra khỏi nếp sống cũ. Thế, xã hội này bị đẩy ra khỏi quá khứ, đẩy vào một cuộc phiêu lưu... Bây giờ những người còn nói tới chữ truyền thống, còn kêu gào truyền thống, lão đay. Danh từ suông. Những tiếng đó không có nghĩa nữa. Nói cho vui tai. Già hã ? Già mới thấy lo ngại sao ? Thấy nói một dân tộc có già rồi mới e ngại trước tình thế đó hã ? Hừm...

Ông tú già loay hoay, vất vả. Nghĩa nhú hai hàng chân mày. Rồi chợt chàng

nhỏn cười, nhìn xuống hai chiếc tách Lê vừa đặt trên bàn, nói :

— Bác. Ta uống, kéo nguội... Bác uống cả phê đặc thể ! Tôi pha thêm chút nước sôi... Vâng, tôi thích cho nó nóng hơn. Tôi thích uống thật nóng... Tôi cũng giống như bác, càng uống càng dễ ngủ ! Hì !

Hai người đàn ông yên lặng. Ông tú gần trở lại bình tĩnh, thoát khỏi sự xoay trở lúng túng. Vừa rồi, đó là chỗ « buồn cười » của ông tú già ? Lê nhìn Nghĩa, tìm hiểu. Bất gặp cái « buồn cười », tại sao chàng như nhường nhịn, như vờ vể, dỏ dánh ? Lê cảm thấy mình có liên quan đến những cái « buồn cười » của ông tú già, và cùng chia hưởng sự rộng lượng yên ủi của Nghĩa.

Có tiếng chách chách, ban đầu ngập ngừng, rồi sau tiếp tục nhanh, tiếng con chó liếm nước ở dưới bếp. Mọi người lắng tai nghe, khuây khỏa. Câu chuyện tưởng bị bỏ trôi, thì thành linh Nghĩa lại lên tiếng tiếp tục. Lê chán nản, đứng dậy xuống bếp tìm con chó.

— Bác tú có chắc ai nấy đều cần đến cảm tưởng ổn định ấy ? (Ông tú toan phản ứng, chàng nói chặn) Không chắc ! Tôi không được mục kích nhiều bằng bác ; nhưng cũng năm bảy lần trông thấy dân chúng nổi lên, ào ạt, lật đổ chế độ này lập lên chế độ kia, đánh gục nhân vật này tung hô nhân vật kia... Lòng họ lúc nào cũng say sưa những đổi thay sắp đến, không bao giờ luyện tiếc... Lớp người gây biến cố, đổi thay, lòng họ cũng hùng hổ, dữ dội, như là những phương tiện

họ dùng đến : bom, đạn. Quần chúng chưa có triệu chứng gì tỏ ra họ mệt mỏi cùng một lượt với bác.

Nghĩa cười yên lặng, trêu chọc. Ông tú già thoát bị kích động, rồi dịu dần xuống, không nói gì. Hai người cùng nghĩ đến « quần chúng » Không ai bảo ai, họ cùng nghĩ đến cái lực lượng cuồng nhiệt không biết mệt mỏi. Họ cũng có vẻ buồn rầu. Năm phen, mười phen, họ đã tham dự hoặc đã chứng kiến những cuộc nổi dậy của quần chúng, rồi bây giờ họ giạt ra, ngao ngán, mà cái lực lượng kia vẫn còn đó, bầu y nguyên. Một luồng gió nào đó thổi lên, nó sẵn sàng vùng dậy như sóng, tràn ngập, cuốn trôi hết. Nó vật mình vật mảy mà không tự biết đau đớn. Qua một đêm biển cổ, sáng dậy người ta nhặt chỗ này một khúc chân bên vệ đường, chỗ kia một cánh tay trên cành cây... Của ai ? Của ai đấy nhỉ ? Của ai vậy ? « Quần chúng » tự hỏi nhau. Của ai ? Không phải của « quần chúng », Quần chúng vẫn lạnh lặn. Lúc nào nó vẫn lạnh lặn như thường. Nó ngừng lại một chút, tò mò, xem xét khúc chân, khúc tay nọ. Rồi nó lại ồ ạt kéo đi. Nó còn bận hội họp, biểu tình... Nó vẫn khỏe. Càng khỏe, càng hăng vì những giọt máu vừa nhỏ xuống, những khúc tay khúc chân vừa rơi gãy. Thỉnh thoảng xảy ra một cái chết khiến quần chúng dừng phắt lại. Nó nâng thầy ma ấy lên. Chôn cất linh đình. Tự họp. Đưa đám. Tưởng niệm tập thể. Quần chúng hội nhau lại đông đảo như nước lũ tràn bờ ấy là để đau đớn đấy ư ? Coi chừng ! Đó là phần nọ là những toan tính dử dằn của nó đấy. Cái chết

kia, đừng tưởng làm nó buồn rầu xuống. Trái lại, khi nó kêu đau như thế là nó khỏe hơn bao giờ cả...

Hai người đàn ông lặng lẽ. Đột nhiên, họ có cảm tưởng mình đã trông thấy quá nhiều. Trót trông thấy quá nhiều. Nhiều hơn là một đời người được phép trông thấy. Trên ý nghĩ của họ, bao trùm một ngao ngán, có đượm vẻ dịu dàng xót thương.

Lẽ từ dưới bếp trở lên, nhìn người này và nhìn người kia. Nàng không tìm thấy nữa cái nét hùng hổ thường có trên vẻ mặt ông tú Từ lâm trong mỗi cuộc chuyện trò tranh luận. Bây giờ lại là cái hình dáng của ông tú già trong thời thơ ấu của nàng, nửa đêm gió mạnh, bắt thần hiện đến, ngấm thơi, rồi đứng lững khờ, lặng lẽ trước mặt cha nàng giờ lâu. Hai người bạn như không để ý tới nhau, không nói với nhau, tuy thế bình như vẫn cảm thấy một thú vị tương đắc gì trong sự hiện diện của nhau, cái thú vị khiến họ chịu đựng những giờ lặng lẽ bên nhau như thế. Mỗi giao tình kỳ lạ ấy, mẹ nàng dường như cũng không hiểu nổi. Nàng nhớ có những lần gia đình đang xúm xít xung quanh mâm cơm, cha nàng vừa ăn vừa ngó quanh quất ngoài trời như nhìn theo chim bay mây bay, chợt đặt chén xuống mâm, nói :

— Kia, ai như ông tú.

Mẹ nàng nhìn lên, rồi giận dỗi cúi xuống đáp ngay :

— Bạn hiền rồi đó chứ ai. Không làm đâu.

— Mẹ nàng không bao giờ mong đợi ông khách phóng đảng ấy. Các

cô của nàng tùm tùm cười đồng lõa. Cha nàng không chú ý ; ông bỏ đũa, ngồi chờ khách. Và ở đằng xa ông khách thất tha thất thểu, đầu đội nón tây trắng, quần lụa vắt trên cánh tay. Cả cha và mẹ nàng những lần ấy đều không lăm : quần dài cỗi ra vắt trên cánh tay chỉ có thể là ông tú Từ lâm. bạn hiền.

Lê nhìn người này, người kia...

— Xã hội trần trở, bất an. Nó vật vờ, nhưng nó vẫn tìm kiếm một thể ổn định đấy. Khổ, nó có muốn thế đâu, không có xã hội nào ham vật mình đổi chỗ luôn nếu nó không bị ép buộc phải làm thế. Chẳng qua tình cảnh nó tắc trở quá, không kham nổi. Khi nó tức giận vùng vẫy, chạy vung vút, nó không kịp cảm thấy. Lúc khác, nó tự nhiên thấy bơ vơ vì lạc mất nếp sống của mình...

— Ngay giữa « lúc này » mà thấy trước cảm tưởng của cái « lúc khác » ấy... Mình già rồi.

— Tôi từ lâu lắm, từ ngày nào đến giờ tôi vẫn...

— Bác vẫn phiêu lưu mà vẫn mơ đến một quê hương : nước Tàu cổ. Hơn mọi người, dù thế nào bác cũng còn có một cái quá khứ, vững chắc để tin... gần hai giờ. (Chàng ngó Lê) Tưởng về để nghỉ sớm, lại vẫn thức đến hai giờ sáng. (Cười). Thôi, để bác tự đi nghỉ. Xin phép bác.

Chàng đứng dậy. Lê theo chàng ra đến cửa. Khi người đàn ông vừa quay lại, nàng nói :

— Em mệt, trong người thấy khác khác mấy bữa nay... Không chừng...

Nghĩa nhìn nàng, và hiểu :

— Có chắc không ?

Lê bước luôn ra phía ngoài, không nói gì. Nghĩa ái ngại :

— Em có muốn... Như thật có vậy, em thấy có cần... phá ?

— Không được.

Người đàn ông nín một lúc, rồi ngẩng lên :

— Phiền... Rắc rối cho em. Nhưng chưa chắc chán gì chứ ?

— Chưa.

— Em để ý coi. Nay mai ta sẽ gặp lại. Coi ra sao, rồi sẽ tính.

Chàng nhìn xuống vai người đàn bà, chờ đợi một phản ứng Không thấy gì, chàng nhắc lại, để thúc dục :

— Nhé.

Lê bảo :

— Anh về.

— Tối mai anh ghé lại. Không phải ở đây, mà ở đằng ấy. Nhé.

Nghĩa nắm tay kéo Lê lại sát bên mình, quàng tay mặt ôm quanh người nàng, đứng im như thế một lát. Rồi bàn tay trái của chàng bóp chặt bàn tay của Lê một cái, đoạn buông ra. Chàng bước xuống sân.

Lê lấy chân đẩy tấm thảm chùi chân tránh sang một phía, kéo cánh cửa đóng lại. Vừa lắng nghe tiếng giày của Nghĩa vang xa ngoài đường, nàng vừa nghĩ : mình chưa bao giờ yêu người đàn ông đó, chưa yêu...

Nàng nghĩ, lật đi lật lại một ý tưởng, xem xét, cho được chắc chắn.

Người đàn bà kéo tấm ra mỏng lên đến ngực. Nàng nằm mở mắt trong bóng tối. Lo lắng ? Không hẳn. Chưa đến nỗi nàng phải quá lo lắng. Chưa chắc chắn, rõ rệt. Tuy nhiên, nàng nghĩ ngợi.

Nàng thấy hơi lạnh lạnh. Nàng nằm khum người lại, nằm nghiêng ; nàng chùi hai tay vào giữa hai đùi đùi mình, kẹp lại. Một cảm giác ấm áp, khoan khoái, làm rộn khắp người. Có thai thật sao ? Nàng có một sự ngạc nhiên. Gần như là thích thú. Thân thể của nàng mới vừa tỏ một « thái độ » khác thường ; và nàng lấy làm dễ chịu. Dĩ nhiên là phiền, là rắc rối ; nhưng hiện thời nàng xúc động một cách dễ chịu. Những cuộc chung chạ... chung chạ vô hiệu quả lặp lại mãi mãi, khiến nàng tự khinh mình coi thường xác thịt mình. Lần này, thể xác, da thịt nàng, nó lên tiếng. Nó tỏ rằng nó không quên bốn phận. Nó đáp lại, theo... truyền thống ! Y như là ở trường hợp một người đàn bà sống trong hoàn cảnh bình thường. Nàng thấy mình thực ra không khác người đàn bà như thế. Thể xác của nàng ! nó vẫn ngang nhiên nảy sinh ra. Nó vẫn phong phú, Sự hoạt động ấy của nó như sự thức dậy... Nàng kiêu hãnh.

Nàng mơ màng cái da thịt phong phú sức sống của mình. Nàng hướng về Nghĩa những ý nghĩ dịu dàng hơn hết, so với những người đàn ông khác nàng từng gặp lâu nay ? Mặc dù nàng chưa hề yêu Nghĩa, thật vậy, nàng chưa yêu người đàn ông ấy bao giờ... Nàng trở mình, rút hai bàn tay ra...

— Năm ! mấy có nhớ ông Tần — ông tú già đang chờ đợi từ bao giờ, vừa nghe tiếng cửa mình của nàng liền

lên tiếng ngay.

— Nhớ.

— Nhà ấy thế mà tiêu tan rồi đấy.

— Thiệt hả ?

— Tiêu !

Một lúc sau, ông lại nói :

— Thằng con trai đi lính. Ông già ở nhà, nhà bị cháy. Mấy tháng sau, thằng con về thăm, lại bị « tụi nó » giết.

— Trời !

— Hừm... muối-cấn, khó ngủ quá...

— Cái mùng lại rách nữa, hồi sáng có trông thấy mà quên vá. Bác để tôi thắp đèn lên nhíp tạm qua loa ..

— Thôi, để đến mai... Bà ba Tùng có cháu ngoại rồi đấy.

— Con Liên mà đã có chồng có con ? Tụi nhỏ mới đó mà lớn hồi nào không hay !

— Hừm... (có tiếng bàn tay chụp muối kêu bép). Con đó bây giờ thành phế nhân. .

— Con Liên ?

— Sinh nở rồi không chịu giữ gìn. Nó ham công chuyện quá, ra ngoài làm lụng nặng nhọc sớm quá. Bị đau, không biết đường chạy chữa... (chụp muối đánh bép). Sau rồi bển chứng thế nào mà hóa ra bán thân bất toại... Mày... Chưa buồn ngủ đấy à ?

— Chưa. Bác để tôi thắp đèn lên chữa lại lá mùng. Sao đêm nay tự nhiên khó ngủ.

— (Ngáp lớn) Ừ nhỉ, tự nhiên không ngủ được...

Trong khi Lê nhíp mừng, hai người tiếp tục nói từ chuyện nọ qua chuyện kia, rồi ông tú già ngừng lại lúc nào người đàn bà không để ý. Nàng nói, không nghe thấy đáp lại.

— Năm !

Nàng ngạc nhiên vì tiếng gọi khác thường. Ngước mặt lên, nàng trông thấy ông tú già cười gượng gạo, biết lỗi, nhưng van lơn, khẩn cầu, nài nỉ...

Mẹ nàng trước kia đã có linh tính không sai, bao giờ cũng nhất định rằng cái ông tú nói năng thiên lệch và ăn mặc quá tự do, ông tú ấy không thể tin cậy được về đức hạnh. Bà phản đối cha nàng về chuyện chọn bạn bè giao du, và nhiều khi không cần giấu mối ác cảm đối với ông tú. Nhưng còn Lê, thì nàng thường có dịp tự thấy mình thua hẳn mẹ ở cái bản năng tự vệ của riêng người đàn bà. Nàng hay xiêu lòng theo tình cảm, nghe theo « con tim ». Trong chuyện chồng con, nàng đã lầm. Nàng lại quá tin cậy, không đề phòng, đối với ông tú Từ lâm...

*
* *

Sự thao thức ấy do muỗi ? do tiếng con chó kêu như tru suốt đêm ? Không đúng đâu. Không phải thế. Hình như là không khí trong phòng đã căng thẳng vì một sự chờ đợi... Ông tú già chờ đợi. Nàng, nàng cũng nằm trong sự trần trọc chờ đợi. Tiếng trở mình của nàng thành ra một cơ hội... Nhưng vì sao có sự trần trọc ấy ? Không phải do muỗi đốt... Ông tú Từ lâm, ông ấy bao giờ cũng làm những điều bậy bạ, vô cùng tai hại. Bây giờ ông

ta đi đâu ? Ông ta phải đi chứ làm sao có thể tiếp tục ở lại đây được ?

Lê khoát nước rửa mặt. Gần chín giờ sáng rồi. Nàng vừa rửa mặt vừa nghĩ đến việc xảy ra trong đêm qua.

Không phải do muỗi, do tiếng con chó tru. Không phải. Ông tú Từ lâm có vẻ cần một sự gần gũi. Câu chuyện nói với Nghĩa xao động ông ta. Con người thỉnh thoảng bị khủng hoảng. Ông ta sợ thấy mình không còn gì cả, không có gì cả. Cả đến một chiếc ấm đất của nước Tàu để uống trà. Cả đến cái sở thích uống trà cũng mất đi thay thế bằng thói uống cà phê. Ông ta không còn được lấy một mái nhà, một người bà con, một người thỉnh thoảng dành cho ông ta một ý nghĩa nhỏ. Người ta có thể không có gì hết như thế sao ? trở trụi như thế sao ? Nàng hiểu ông tú già.

Nhưng thực là tai hại ! Bao giờ cũng thế, bao giờ sự xúc động của người đàn ông cũng đưa đến một cách biểu lộ như thế, một cách biểu lộ... đáng ghét. Họ chỉ có cách ấy. Nàng đã biết quá nhiều về họ. Và cuối cùng bao giờ họ cũng đi đến chuyện không đẹp, đáng giận. Những người đàn ông...

Lê lau hai cánh tay xong, ngồi xuống, khoát nước trong thau ra dầm dầm, kỳ cọ hai bàn chân. Bàn tay nàng thỉnh thoảng ngừng lại. Nàng ngạc nhiên : trên lưng bàn chân, phía, bên mặt, nàng chợt trông thấy một vết lấm. Người đàn bà đỏ mặt thẹn. Nàng biết đó là vết gì rồi. Nó là dấu của một ngón chân cái, một ngón chân bản... Ông cụ già quá rồi, ông ta không đi đến nơi đến chốn... Vì thế hình như ông ta xấu hổ ; mà

đến giờ này còn đắp mền, vờ ngủ. Tuy nhiên ông ta để lại dấu vết, một dấu vết buồn cười, trên da thịt nàng.

Lê đồ mặt; nhưng nàng không thể không nghĩ đến những cái ấy: hơi nóng dơ bẩn toát ra từ sự mệt mỏi của ông tú già, bàn tay, những ngón tay khô gầy của ông ta, sự tìm kiếm lấy bầy trong bóng tối... Ông ta bờ ngõ, mắt hướng, ông ta vụng về như một đứa con trai mới lớn. Ông đã xa lạc vị trí thân mật ấy từ bao lâu? Chắc hẳn là lâu lắm! Nhưng sự tham lam hăm hở của ông ta nữa chừng phải bỏ dở. Ông ta không còn sức lực nữa. Vô ích. Rốt cuộc ông ta vẫn không có gì cả, không có được chút gì... Sự cố gắng thất bại, cố gắng để tạo một mối liên quan gần gũi thực sự với kẻ khác.

Tại sao nàng lại bằng lòng, lúc ấy? Nàng trở nên dễ dãi quá! Nàng bằng lòng tất cả, đối với mọi người. Và một cách chua chát, nàng thấy rằng vì sự yếu đuối ấy nàng đã biết quá nhiều. Thật là quá nhiều, về « họ ». Họ gặp gỡ nhau. Mọi đau khổ, xúc cảm, rung động cao thượng hay ham

muốn yếu hèn, tuyệt vọng nào nề hay mừng rỡ hân hoan... đều đưa người đàn ông đến chỗ gặp gỡ ấy! Đó là điểm tập hợp để họ liên hoan khi thắng lợi, đó là chỗ họ quay về gục xuống nức nở sau mỗi thất bại... Nàng dính líu quá nhiều đến đàn ông. Thân thể nàng quan hệ đến quá nhiều cuộc đời, tâm sự, định mệnh của những người đàn ông. Nhưng người đàn ông! Nàng chán họ. Nhưng cũng như một đứa mực đồng tuy khổ sở vất vả vì đàn bò, nó vẫn thương mến con này vì cái sừng gãy con kia vì kém ăn, con nọ vì ngoan ngoãn, vì cả những tật xấu, khuyết điểm của chúng... Cũng như thế, Lê chán đàn ông.

Lê khoát nước lên chân. Trong khi bàn tay xoa qua xoa lại trên lưng bàn chân, mơn nhẹ, nàng nghe thấy một cảm giác êm dịu. Nàng nhẹ tay lần lần. Nàng nhẹ tay như là nâng niu âu yếm vết bẩn... Lê chợt bắt gặp cử chỉ của chính mình. Và nàng lại tự phàn nàn rằng lúc nào mình cũng dễ xiêu lòng.

VÕ-PHIÊN

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Hiệu THIÊN-THAI

MẠCH NHA, KẸO GƯƠNG, CÓ NHẬN GỬI RA NƯỚC NGOÀI

192, đại lộ Quang Trung



Quảng-Ngãi (Trung-Việt)

Chủ nhân: Bà NGUYỄN-ĐÌNH-QUANG

MẠN BÚT LIÊN CHÂU

I

Đã khép không gian mé vực đời,
Thời gian dần héo phút giây tươi
Chẳng tỏ non nước xanh muôn thuở
Mà đốt phong yên đỏ bốn trời
Chiến sĩ hãy gò cương ngựa sỏi
Sa trường đừng xéo cánh hoa rơi
Máu xương bán rẻ cho thiên hạ
Quăng chén hàm ca cất tiếng cười

II

Quăng chén hàm ca cất tiếng cười
Bình minh chỉ biết gió mưa rơi
Vườn thơ cỏ rắc hương đầy đất
Biển hận triều dâng sóng lụt trời
Quan tài chìm ngoài mây tím lặng
Lâu đài nổi giữa nắng hồng tươi
Ngày mai ngày một ngày kia nữa
Cũng một ngày nay cũng một đời

III

Cũng một ngày nay cũng một đời
Tiêu hoang cho hết phần sơn tươi
Mực bôi thanh sử loang màu máu
Mây ngả hoàng hôn nhạt bóng trời
Ánh nguyệt mài mòn thanh kiếm sắc
Cung đàn rung lạnh hạt châu rơi
Đêm đêm sách lệch nhàu trang chữ
Xáo trộn nghìn thu khóc lẫn cười

IV

Xáo trộn nghìn thu khóc lẫn cười
Vàng phai ngọc nát phần hương rơi
Chôn chưa hết kiếp hoa nghiêng nước
Luyện cũng hoài công đá vạ trời
Dòng nước trắng xưa gương chửa khuyết
Bài thơ trình trắng vụn còn tươi
Hỡi ơi sa mạc nên vương bá
Sơn sắt vèo tan cát bụi đời

Vòng tay

học trò



Truyện dài

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

(xin xem từ BK 169)

II

Bài Gia huấn ca ngắn có mấy chục hàng, Tuân học mãi gần một giờ rồi chưa thuộc. Mọi khi, mỗi bài học thuộc lòng nó chỉ đọc qua hai ba lần, gấp vở lại đã thầy nhớ nhớ và nhìn lại lần nữa, gấp vở lần thứ ba, là thuộc suốt bài. Thế mà đêm nay, tâm trí Tuân như đi vắng. Âm thanh mỗi chữ của nó đọc lên tan ngay không dừng lại một thoáng nào. Con mưa dữ dội kéo dài từ chiều đến tối đã làm Tuân hoang-mang, sợ hãi, chăm chú theo dõi từng tiếng động bên ngoài, dù nó đã bịt chặt hai tai, ngồi xây lưng về phía cửa sổ. Những cây thông sau đường rừng oằn oại chuyển mình rầm rức Gió chạy dài theo lòng thung lũng hẹp lún sâu giữa hai rặng đồi thấp, hú lên từng hồi như những

loạt còi ma quái dị. Nước chảy ồ ồ từ những bậc đá cao bên kia đường xuống công thấp lặn với tiếng phàn phật của cành thông sau nhà đập xuống mái. Tất cả tạo nên những tiếng động kinh dị như tiếng yêu ma đang đánh nhau dữ dội trong bóng tối một đêm mưa lớn đầu mùa.

Tuân xếp vở rồi rón rén đi qua phía lò sưởi nhìn lên lỗ hồng trên mái đầu hè. Nước mưa âm âm đổ xuống đó như một cái thác nhỏ. Nước mưa theo khung cửa trông lùa vào phòng khách từng loạt. Cả tòa lầu như muốn rung chuyển và sắp sửa sụp xuống trong cơn gió. « Ghê quá, phải gọi cô ». Nhưng qua gần đến cửa phòng Trâm nó đang đóng e ngại dừng lại, dựa

vào thành gỗ thang lầu lo lổn. Hôm ba dọn đồ đạc áo quần sách vở đưa Tuấn về đây một tuần trước trời còn nắng rực rỡ. Tuấn bằng lòng, với thích ngay khi thấy cô Trâm đã dọn sẵn cho mình một phòng riêng trên lầu. Thật đủ tiện nghi: kệ sách, bàn viết, giường ngủ, chỗ mặc áo, đèn bàn học, đèn giường... Chẳng bù cho ở nhà với ba má, cả mấy anh em chen chúc nhau trong một căn gác xép, bằng hộp diêm. Học, ăn, ngủ, đùa nghịch, đánh lộn cùng chỉ ở đó. Còn lại một phòng dưới thì ngăn làm đôi, nửa cho ba má và nôi em bé mới sinh, nửa tiếp khách. Về đây, với cô, rộng thênh thang, lại đi học gần trường, ăn uống theo « kiểu tây », ngồi bàn phủ khăn trắng, có tráng miệng, có ăn bữa chiều, bữa khuya. Cô lại không bao giờ bắt buộc gặt gồng về điều gì như ba. Thề mà về đây một tuần, Tuấn thấy tiền bộ hầu lên, bài vở đầy đủ, thuộc lầu, toán cũng làm mau ra lời giải. Ở nhà thì thằng Thiệu con An cứ kéo ra chơi, nửa chừng quảng bút theo chúng nó, tâm trí chia ba xẻ bảy không học hành gì được. Thảo nào trước khi lên đây, ba má đã dành là « lên ở với cô Trâm sướng như tiên ». Mười hai năm bé thơ gần ba má, nay phải đi ở trọ, lẽ ra Tuấn nhớ nhà, thề mà không ngờ đèn đây, Tuấn hợp thủy thổ, ăn no ngủ kỹ, học hành tăn tởn mau lẹ, lúc nào cũng cảm thấy sướng vui đầy đủ, nó không còn muốn về nhà nữa, trừ những ngày chủ nhật.

Thề mà chiều nay, vừa đi học về là trời mưa xuống như trút nước, mãi đến tám giờ hơn rồi vầu chưa ngớt. Đêm ở đây thường thì yên tĩnh êm đềm thề mà mưa xuống lại hải hùng quá chừng. Bao nhiêu sung sướng hăng hái một tuần nay tiêu tan trong lòng cậu bé.

Cánh cửa sổ bên thang lầu không có then cài, móc sắt, chỉ niu lại ở thành cửa bằng một sợi dây kẽm. Gió đập mạnh quá đèn nổi dây bung ra và hai cánh cửa mở toang đánh ầm ầm vào vách. Tuấn chạy vội lại cố kéo rì cánh cửa cho mưa khỏi ập vào nhà, nhưng tay ngăn quá, nó luồng cuồng một hồi, cả tóc tai mặt mũi ướt đầm mà không sao giữ được. Vừa lúc đó, có tiếng động ở cửa phòng Trâm. Cô giáo hiện ra ở khung cửa chói lòa ánh sáng.

— Thưa cô, ướt cả rồi.

— Em vào lấy cái ghế.

Trâm buông cái áo khoác trên người rồi trèo lên ghế, nhào một tay ra ngoài, mò mẫm mãi mới vớ được cánh cửa. Buộc xong cửa sổ, cả hai cô cháu đều ướt cả áo quần. Trâm buông xuôi hai cánh tay áo sưng nước, mỉm cười nghĩ thầm: đây là công việc đáng lẽ dành cho một đứa nào choai choai, thằng nhóc cháu này bé quá, không giúp gì mình được. Cũng may mà lúc này có nó.

— Thưa cô, bao giờ con Bé về.

— À, con quí ấy à. Chắc cô phải tìm thuê người khác giúp việc. Nó

về rồi cũng đi lại thôi. Hình như chú bác gì gọi nó về nấu cơm nhà. Cháu đi thay quần áo nhanh lên, ướt rồi lại ồm. Học với cô không được nghỉ đây nhé, tội tạn noi gương cháu cô mà nghỉ hoài thì phiền...

Tuân chạy vào trong phòng rồi khép cửa lại. Trâm sắp quay vào phòng bỗng đứng dừng lại, hồi hộp lắng nghe. Phía bên kia đối, khoảng con đường vòng sau trường có tiếng chó sủa ran từng hồi từ nhà này sang nhà khác. Rồi tiếng chó ầm ĩ mỗi lúc một gần lại đầu kia đường vào nhà Trâm.

— Tuân ơi.

Thằng bé vừa mới kịp thay cái quần hớt hải chạy ra.

— Tuân, cháu có nghe gì không.

— Chó sủa dữ quá, chuyện gì vậy cô, hay là cướp?

Cướp, cũng có thể. Nhưng lúc này Trâm không nghĩ thế. Nàng nhớ đến vẻ mặt kín đáo và giọng nói ngập ngừng của một người quen khi nàng hỏi đến an ninh vùng này, trước ngày đến thuê nhà. Ông ta chỉ nói mập mờ : người ta không đến thuê ở vùng đó, tuy giá rẻ, là vì vắng vẻ quá. Nàng hỏi : vắng thì vắng, càng yên tĩnh càng hay chứ sao? Ông ta cười «thời buổi này vắng đâu phải là yên. Ngại lắm ». Trâm lại hỏi dò: «sợ trộm cướp à?» Người kia lắc đầu: «Trộm cướp thì thời nào chẳng có, nhưng lúc này, sợ chuyện khác.» Thấy ông ta nói quanh quẩn, Trâm không hiểu nữa. Nhưng mãi sau mấy người bạn thân mới cho

biết vùng này, xa phố, gần rừng thông, dạo trước thỉnh thoảng «bên kia » lại về. Họ về thì không yên được. Như họ thả một lá cờ một tờ truyền đơn vào nhà, mình vô tình không biết, cũng bị tình nghi lỗi thôi rồi. Rắc rối nhất là có thể thấy nhà vắng vẻ, khuya họ kéo đến mượn tạm chỗ để hội họp... Thế là nguy to. Không thuận thì không yên với bên kia, thuận thì lụy với bên này. Muốn ở yên đâu phải dễ. Cho nên nhiều đêm đã khuya, nghe tiếng xe jeep chạy qua đường rừng, Trâm lại hồi hộp đợi chờ nghe ngóng. Có một lần, chiếc xe nào đó hư máy, đang chạy bỗng chậm lại và dừng hẳn trước nhà nàng. Lúc đó quá khuya. Tiếng sắt chạm nhau và trong khối óc giàu tưởng tượng của Trâm hiện lên những súng ống, đạn dược. Nhưng chỉ là chiếc xe hư và người ta tháo nắp xe, mở các bộ phận ra xem xét. Lâu rồi Trâm cũng quên đi, không phập phồng như những ngày mới đến. Nhưng rồi nàng lại lo lắng mỗi lần nghe tiếng chó sủa dồn, như đêm nay, vào lúc trời mưa gió. «Mình thật không sợ lắm, thích hồi hộp thế này có vẻ ly kỳ rừng rợn nữa là khác, nhưng lẽ ra có «bên kia » ập vào bất ngờ chẳng hạn, hoặc ăn cướp đưa dao súng ra, những trường hợp đó, liệu mình còn bình tĩnh không mà đương đầu, và đương đầu bằng cách này hai cánh tay yếu đuối này ; những điều xảy ra ngoài đời đâu có ly kỳ một cách yên ổn như trong xi-la-ma, và mình sẽ phải chịu trận thật chứ không phải đang

thủ một vai tiên bà bị bắt cóc, dọa nạt như trên màn ảnh...

Trong những lúc hoang mang thế này, Trâm lại ước ao có một người đàn ông hay con trai trong nhà, không kể kẻ đó là ai, loại người nào và thân hay sơ. Miễn là có sự hiện diện của nam giới cũng đủ yên tâm rồi. Đàn ông dù sao, bao giờ cũng có ưu thế hơn đàn bà. « Giá trời khi sinh ra con người, cho thêm phép lạ, đàn bà có thể biến thành đàn ông và đàn ông cũng có thể biến thành đàn bà những lúc cần thiết ». Trâm chợt nhớ thời còn đi học ở Huế. Đạo này, nàng ở trọ một người bà con, rất xa trường tận cuối thành nội. Con đường về nhà vắng vẻ, hai bên tre trúc um tùm, Trâm lại không có người bạn nào về cùng một xóm. Một mình trên quãng đường vắng vào lúc bóng tối đã bao trùm khắp nơi, không một ánh đèn, một đóm lửa nào, Trâm đi như chạy để thoát mau khỏi vùng bóng tối và lũ con trai đi theo phá phách chọc ghẹo. Có một lần nàng nghĩ ra cách để được yên thân và cảm thấy mạnh dạn hơn: giả làm con trai. Thế là chiếc áo mưa đen lưng thùng từ đầu xuống chân, hai cánh tay khuỳnh lại sau lưng kẹp cái cặp sách, guốc nện mạnh ròn rảng trên con đường lát sỏi, Trâm thông thả vừa đi vừa huýt sáo miệng. Lũ con trai đi theo hỏi nhau: « Thắng nào đi về một mình làm tàng quá ta! » Một thằng trong bọn hỏi Trâm: « Ê, mày ở đâu đó, đi một mình hoài vậy ». Trâm lễ tất

nhiên không trả lời. Đứa khác tức mình: « vừa làm tàng vừa cầm điếu hả? » thằng lúc nãy cười hăng hắc: cầm mà huýt sáo hay vậy lại chỉ huýt Serenade de Schubert và Tristesse de Chopin? Từ đó, chiều nào Trâm cũng yên thân về và cũng quen thói hở miệng là muốn huýt sáo.

Nghĩ đến đó, Trâm chợt bật lên một điệu sáo miệng, bài O'canga-ceiro của một bọn ăn cướp trong phim nào đó. Thấy Trâm này giờ đứng yên lặng, có vẻ dăm chiêu, Tuấn đinh ninh là cô đang nghĩ kẻ đôi phó nếu có việc gì sắp xảy ra. Đang hồi hộp lo âu chờ đợi bỗng nhiên nghe Trâm bật ra một điệu sáo vui vẻ, cậu bé đứng trở mặt nhìn cô giáo thường ngày vẫn hiền dịu đoan trang, lúc vào lớp cũng như khi về nhà.

Trâm vừa bắt đầu lại khúc nhạc, ngang đoạn « oh chante l'écho... » bỗng ngừng bật lại. Tuấn bám chặt lấy thang lầu, mặt nhợt ra. Tiếng gõ cửa mạnh và gấp vang lên một loạt dưới lầu. Trâm bình tĩnh nói nhỏ vào tai Tuấn:

— Gì mà sợ « chí làm trai » cháu cắt đầu? vào lò sưởi, dưới giá vẽ, lấy cho cô cái « chùy » mau.

Đang sợ muốn cồng cả tay chân, nghe thế Tuấn cũng mỉm cười đi sang phòng bên. Cậu lùi trở lại với một cái đùi sắt lớn, một đầu tròn và to bằng trái banh tennis. Trâm gọi là chùy ngay hôm tìm ra cục sắt này ở trong phòng tắm cũ. Không biết trước kia chùy này để làm gì, nhưng giờ thì là bừa bới của Trâm.

Ai tới Trâm cũng khoe thứ khí giới tồi tàn này và đùa : cướp vào, choảng một chùy này là sọ dừa móp xẹp đi ngay.

Trâm cầm cái « chùy » hoa lên một vòng, vớ lấy cái áo len khoác lên chiếc áo ướt không kịp thay rồi ra đầu cho Tuấn theo mình. Qua phòng khách, Trâm nhón lấy chiếc chìa khóa cửa dưới lầu rồi tắt luôn ngọn đèn chính. Hai cô cháu lần mò trong bóng tối rón rén xuống thang lầu.

Tiếng gõ cửa lại vang lên lần nữa. Trâm ra đầu cho Tuấn đứng lại dưới cầu thang rồi một mình men theo vách ra cửa. Tay cầm chùy giấu sau lưng, nàng nhìn qua mặt kính lò mờ lên tiếng :

— Ai đó.

Không tiếng trả lời.

Nàng hỏi như thét :

— Ai đó ?

Có tiếng nhiều bàn chân xê dịch chậm chạp bên ngoài. Rồi một đầu người tóc tai bồm xồm mặt mũi ướt đầm nhô lên in hình sau khung cửa kính. Trâm lỏng tay cầm chùy và quay vào gọi :

— Tuấn, bật đèn trước hiên lên.

Ánh sáng tỏa ra cùng một lúc với cánh cửa mở rộng. Trâm bước hẳn ra ngoài. Bốn thằng con trai ướt sũng từ đầu đèn chân, ôm cặp sách vào ngực, đầu co rút giữa hai vai, lồm lét nhìn lên. Trâm kêu lên :

— Các em làm sao thế này. Bãi học sáu giờ mà nửa đêm còn đây. Chuyện gì vậy. Chưa đứa nào kịp

trả lời, Trâm đã dịu dàng gọi tên từng thằng học trò của mình.

Phùng, Sinh, Quỳ, Trương, vào cả đây nào.

Bốn đứa đưa mắt nhìn nhau rồi ngập ngừng bước qua ngưỡng cửa. Nước mưa từ áo quần chúng rũ xuống thành từng vũng nước loang loáng giữa nền xi măng Thằng Trương, lớn nhất đặt cặp sách và mũ sũng nước lên bệ lò sưởi. Ba đứa kia bắt chước theo. Trâm đặt chùy lên bàn rồi ra khóa cửa. Lúc nàng quay vào, cả mấy đứa học trò đang nhìn chăm chú thanh sắt lớn Trâm vừa để xuống. Trâm cười :

— Lăn khác đèn các em nghe gọi phải thừa rồi vào ngay, nhé. Cứ thập thò bên ngoài tôi tưởng kẻ gian rồi cái chùy này lên đầu đó. Bọn nó cười, răng đánh nhau lập cập.

— Các em sao không về nhà.

Thằng Trương đưa tay khêu mái tóc ướt.

— Thừa cô, nhà tụi em xa lắm, tận Trại mát kia. Trời mưa to quá, không về được chờ hết mưa thì xe đồ đã hết. Tụi em qua xin cô... cho ở lại đèn sáng mai đi học luôn.

— Thế từ khi bãi học đến giờ, các em ở đâu.

— Dạ, bên trường. Trường tạnh mưa thì về, nhưng cơn mưa kéo dài.

— Các em có cho ở nhà biệt không về được chưa ?

Trâm hỏi và nghiêm trang nhìn vào mặt từng đứa.

— Thưa cô, đã có anh bạn cùng xóm về tin giùm rồi.

— Thật không.

— Dạ, tụi em không dám nói láo ạ.

— Sao các em không qua xin ở nhà ông tổng giám thị hay bên thầy Tri, thầy Chu, thầy Khoa?

Cả bốn đứa nhìn nhau lúng túng và vẫn thẳng Trương trả lời:

— Thưa, mấy chỗ đó em sợ lắm, thề nào cũng bị la, và lại mấy thầy tụi em không quen lắm.

— Sao vậy. Tôi cũng dạy các em như mấy thầy khác. Tôi lại mới dạy, lẽ ra các em đến mấy thầy phải hơn.

Bốn đứa học trò không biết trả lời ra sao hơn nữa, mà chính Trâm cũng bần khoản nghĩ ngợi. Có một lần thẳng học trò lớn nhất trong một lớp nàng bị té xe đạp xây sát cả đầu gối. Buổi chiều đó nàng không có giờ dạy, ở nhà chăm bải. Thầy hai ba đứa kéo đến, hỏi gì cũng không nói, lúng túng yên lặng một lúc lâu. Hỏi mãi thẳng đó mới khai bị thương và qua xin cô chút thuốc đỏ. Trâm hỏi: « Bên trường có phòng thuốc, sao em không tới y tá săn sóc? » Nó ngẫm nghĩ một lúc rồi nói: « Thưa cô, em xin cô hoặc không xức thuốc cho đến khi về nhà chứ không thích đến chầu chực ở nhà thuốc trường ». Sao vậy, sao lại mình mà không những giáo sư khác quanh trường? Sao

phòng thuốc trường chúng nó lại chê bai và có vẻ ác cảm với nhân viên ở đó. Mà phải trèo xuống hết ngọn đồi để xin mình tí thuốc đỏ. Giá là một đứa học trò lớn để nhất đệ nhị, đáng điều tình quái, ranh mãnh có lẽ Trâm đã ngờ nó tìm cách « phá » Trâm. Nhưng thẳng học trò bé này tính nết Trâm biết rõ, hiền lành và lễ phép nhất trong lớp. Thề nó xin mình thuốc có lẽ vì cảm tình, vì thầy mình thân thuộc hơn những người khác và có thể làm dịu cơn đau của nó. « Nó cầm chai thuốc và bông băng Trâm đưa định vào phòng thẳng Tuấn băng bó lấy một mình. Trâm thấy máu thấm ra ngoài vải quần áo ka ki màu xanh đã bạc của thẳng học trò, tự nhiên thấy thương xót thề nào. Nàng bảo: « Em xắn quần lên một tí, cô buộc thuốc cho ». Nó e dè nhìn Trâm: « thưa cô em làm lây được, phiền cô quá ». Trâm nghiêm giọng: « Không được, ngồi xuống ghế kia, đưa chân ra ». Rồi nàng ngồi cong gối xuống sàn nhà, lấy alcohol iodée chăm vết thương và xức thuốc, băng bó cho nó. Nó ra về, Trâm thấy vừa bần khoăn vừa lằng lằng sung sướng trong lòng. Dù việc vừa làm nhỏ nhặt không đáng kể, nhưng ý nghĩa nó lại đẹp. Trâm có cảm tưởng như không phải chút thuốc, miếng bông đó ngày kia sẽ làm lành vết thương đứa học trò tội nghiệp, nhưng chính là sự săn sóc ân cần và dịu dàng của mình làm lành những vết thương đau. Như thề đó nàng vẫn có ích, vẫn có thể sống cho, sống

vì kẻ khác và vẫn vui sướng được quên mình để đem cuộc sống còn góp vào đời. Ngày xưa thì không thể, Trâm ích kỷ, chỉ tận hưởng, chỉ cầu hạnh phúc cho mình, chỉ muốn chiêm cho bằng được những gì mê thích, muốn được mà chẳng hề cho đi. Những sự sung sướng được thỏa mãn đó mong manh và ngắn ngủi vô cùng. Và trong sự chiêm đoạt, không phải người khác mà chính mình là kẻ bị tàn phá. May mà đời Trâm chuyển về một nhịp khác, nàng đã sáng suốt nhận định sự việc ở đời để một mình tiến tới, tìm ra một thái độ hợp lý hơn để tồn tại trong tương quan cá nhân và quần chúng. Dù những cái vui do lòng hy sinh mang lại có khi biến thành tủi buồn xót xa : « vì kẻ khác, còn thân phận mình, ai thương ? » nhưng còn âm vang mãi mãi trong lòng như một nguồn an ủi lớn. Vậy mình tìm ra một con đường tốt, cứ việc đi, để ý làm gì những lời đàm tiếu quanh co của thiên hạ. Trâm đã thức mắc nhiều về việc nhỏ mọn là săn sóc đứa học trò bị thương. Dù sao mình cũng là con gái, nó là con trai, mình là cô giáo nó, hơn nó rất nhiều tuổi, nhưng mình cúi người xuống, lấy cái chân đau của nó, săn sóc thật âu yếm, thật dịu dàng, thật yêu thương. Sự đòi xử đó, cứ chỉ mình lúc đó có thể bị người ngoài xuyên tạc. Nhưng chỉ mình biết, đó là lòng thương giữa con người với con người. Nó hay mình hay kẻ khác, mang vết thương đều đau đớn như nhau. Kẻ lành phải san sẻ cái đau của người đau, bằng cách này hay cách khác. Mọi

sự xấu hay tốt, do ý nghĩ sâu kín của mình thôi, đâu phải trong hành vi.

Bây giờ đèn lướt bồn đĩa học trò trong đêm mưa gió đèn xin ở lại nhà một cô giáo trẻ độc thân. Bọn nó trẻ con, nhỏ tuổi. Trâm người lớn « già đời » rồi. Nhưng đôi bên khác phái. Ai biết đâu là đâu, một ngày nào đó, người ta sẽ đóng lên một tiếng chuông : « cô giáo đó à, ở một mình mà ban đêm để bọn học trò con trai đèn ở lại. » Phải cứ chịu theo thứ dư luận ngu xuẩn hẹp hòi như thế đó, rồi lắc đầu xua đuổi cả bồn đĩa học trò nghèo rách nát, xác xơ, đói khát ra ngoài đêm mưa gió này, để được tiếng là nề nếp, đứng đắn, khuôn khổ. Không thể có nhân đạo trong thứ luân lý giả tạo đó được...

— Các em ăn uống gì chưa

— Thưa cô rồi.

— Dồi nào, cơm nước đâu mà ăn. Giá các em qua sớm ăn cơm với tôi luôn. Bây giờ, để xem...

— Thưa cô thôi, tụi em ăn rồi ; không đói. Trâm quay lại bảo thằng Tuấn :

— Cháu đưa mấy anh bạn lên phòng cháu, lấy mấy khăn lớn của cô đưa các anh lau tóc tai khô đi, rồi xuống đây nhúm lửa giùm cô, nhanh lên.

Bồn đĩa theo thằng Tuấn lên lầu. Trâm vào bếp, mở tủ đồ ăn. Mai mới đến ngày đi chợ, hôm nay thức ăn chẳng còn gì. Nhưng còn lại một ít trứng, cà chua, khoai tây và lạp

xưởng. Thăng Tuân xuống, hai cô cháu cúi húi làm bếp.

Một giờ sau, khi Trâm bung cơm lên lấu, chúng nó đã sạch sẽ khô ráo ngồi co ro bên lò sưởi. Thầy Trâm bung ba bốn thứ một lúc trên tay, cả bốn đứa đứng bật dậy. Cả sáu người loay hoay dọn thức ăn lên chiếc bàn tròn. Xong xuôi, Trâm gọi mãi, mời mãi mà không đứa nào dám đến ngồi ghế. Trâm bảo :

— Tôi nấu nãy giờ rồi các em nhất định không ăn à. Vừa lạnh vừa đói, mai lại ốm nghỉ học cả cho xem. Nghỉ thì mỗi người hai cầm tức đây. Nào, ngồi xuống.

Nói đùa mà hiệu lực, mấy đứa riu riu vâng lời. Trâm bắt Thăng Tuân ăn với chúng nó rồi ngồi riêng ra một góc. Nàng mỉm cười mỗi lần dọa cầm tức là bất cứ bảo làm gì, chúng cũng tức khắc vâng theo. Làm như cầm tức là đẩy ra Côn đảo không bằng. Thức ăn chỉ vòn vẹn có hai đĩa trứng trắng, đĩa tôm khô nướng, lạp xưởng chiên ăn kèm tạm với cà chua nhưng chỉ một thoáng, cái thờ thủy tinh lớn đầy cơm cũng hết sạch.

Cơm nước xong đã gần mười một giờ khuya. Trời lạnh ngắt và cơn mưa còn dai dẳng bên ngoài. Trâm bảo Thăng Tuân đem tất cả củi để dành Noel chắt vào lò sưởi. Bên ánh lửa bập bùng soi sáng gian phòng rộng mênh mông, một cô giáo, năm học trò quây quần trò chuyện. Biên giới giữa hai phe dần dần hẹp lại. Trâm quên ngày mai sẽ dạy chúng hai giờ đầu giảng-văn. Chúng nó cũng quên bài gia

huân ca học thuộc lòng mai trả cho cô chưa chú nào thuộc. Nhưng một lúc, Trâm đứng lên đi lấy nệm, gọi mền cho quý khách rồi về phòng mình.

Nằm thao thức trong bóng tối lạnh lẽo, Trâm lắng nghe tiếng nói chuyện thì thầm và tiếng cười khúc khích từ phòng bên vọng qua bỗng nhiên mơ ước đến một cảnh gia đình ấm cúng không cần phải những người ruột thịt, mà xa lạ từ bốn phương về, liên kết nhau trong một tình thương rộng lớn. Lần đầu tiên, từ ngày dọn về đây ở, Trâm mới thấy trong lòng yên ổn giữa đêm khuya. Những giấc ngủ chập chờn hồi hộp những lo âu khoắc khoải đêm ngày, bây giờ tiêu tan hết, chỉ vì một lý do rất giản dị : có người cùng chia sẻ với mình cùng bóng tối của đêm khuya. Tiếng nói chuyện phòng bên nhỏ dần và im bật vào khoảng hai giờ sáng. Trâm trở dậy, khoác áo manteau, rồi đột một cây nến nhẹ nhàng đi qua phòng chúng nó. Trong lò sưởi lửa đã tắt, chỉ còn ánh sáng hồng yếu ớt của những vệt than cuối cùng. Trên tấm nệm lớn trước lò sưởi, lũ học trò nằm sát nhau đều đặn như mấy con cá đặt trong đĩa. Tiếng thờ đều đều phát ra từng những cái đầu lộ ra khỏi chiếu mền rộng. Những thân hình bé nhỏ co quắp nằm sát vào nhau tìm hơi ấm. Bên cạnh, gần lò sưởi, mấy quyển vở mở tung vạt bừa bãi. Trâm đoán là chúng đã cô chồng chọi với giấc ngủ để học bài học thuộc lòng

ngày mai trước khi chui vào mền. Những vẻ tinh quái nghịch ngợm hàng ngày làm giáo sư phải điên đầu, phút đó biến đâu mất. Trâm chỉ còn thấy, trước mắt mình lúc đó, hình ảnh đáng thương của những đứa trẻ lạc loài mồ côi, đói rét, cần yêu thương, che chở và tha thứ. Nàng chợt vui sướng bằng lòng đã nhận cho chúng nó ở lại đêm nay và nghĩ rằng giá vì dư luận mà từ chối, xua đuổi chúng ra ngoài mưa gió và bóng tối, ngày mai, ngày kia, mãi mãi nàng sẽ hối hận vô cùng. Trâm đặt cây nến lên bệ cao trên lò sưởi rồi cúi nhìn chúng nó mỉm cười. Tự nhiên, Trâm thấy mình như bà vợ của thằng « Yêu Râu Xanh », che chở cho bảy con nít khỏi bị chống ăn thịt. Nàng nghĩ thêm : « nhưng mình thích cô độc lang thang mãi trong đời, từ chối hết những người muốn làm bạn đồng hành, biết bao giờ trong nhà, trong đời, trong lòng mình mới có một ông Yêu Râu Xanh đây ? »

Trâm khép cửa phòng rồi trở về giường mình, thức luôn cho đèn sáng.

« Suốt đêm mình không ngủ, nhưng khỏi lo sợ vẫn vợ như những đêm khác ? Thề nào cũng phải chọn một đứa học trò cho ở trong nhà, à để điều tra xem thằng gì đến xin hôm trước ra sao xem có tuyền hấn được không ? Trâm nhăm tính như thế khi đi đến trường.

Vừa điểm danh xong thì văn

phòng đưa giấy lên xin phép cho ba tên Quý, Sinh, Phùng xuống gấp. Lý do : Người nhà đèn tìm. Lớp học nhao nhao bàn tán. Thằng Trương đứng dậy gãi đầu gãi tai.

— Thưa cô, hôm qua mấy anh ấy có nhắn xin phép ở nhà rồi mà.

« Biết mà, nhà chúng đi kiếm, không khéo mình làm ơn mắc oán đây, không oán gì nhưng cũng mang tiếng. » Trâm kéo dài giờ trả bài, và bắn khoản chờ bị đứa học trò trở lại. Thằng Trương nhấp nha nhấp nhòm ngó không yên. Trâm lơ mờ đoán chính nó và ba đứa kia ở lại. Một lúc lâu Phùng, Sinh, Quý, trở về, len lén đi vào lớp. Trâm gọi chúng nó lại trước bàn :

— Người nhà đi tìm vì đêm qua các em không về phải không.

Ba đứa cúi đầu yên lặng.

— Tôi đã hỏi, các em có tin cho ở nhà biết không. Sao các em nói dối, dối nhà, dối cả tôi nữa.

Thằng Sinh cò gở :

— Thưa cô, thật em có nhắn mà...

— Nhắn ai, trong lớp này hay lớp khác ?

— Dạ, lớp này, anh Trì đó.

— Trâm nhìn xuống bàn thứ ba tay phải.

— Trì, lên đây.

Thằng học trò bước không muốn nổi.

— Mấy người này có nhờ em về nhắn ở nhà không ?

— Dạ có.

— Em có đèn nói tường nhà không ?

— Dạ, có đèn nhưng... chớ sửa quá, em sợ không dám vào...

Trâm cô nhin cười làm nghiêm :

— Nhà nào cũng có chớ à ?

— Dạ.

— Lý do cũng khá đầy, nhưng không ai làm chứng là cả ba nhà đó đêm qua chớ sửa đủ cả. Có thể là em cũng làm chứng gian không đèn nhà nào mà bảo có, hoặc cả ba người kia không nhận nhe gì cả, rồi chỉ bậy một người là Trĩ...

Cả lớp ồ lên cười. Trâm gõ thước xuống mặt bàn :

— Thề người nhà bảo sao, thưa ba ngài ?

— Dạ, em nói ở lại nhà cô và... không đứa nào bị người nhà mắng cả.

Nỗi mừng của tụi nó, chính là của Trâm : « Người nhà chúng nó mà làm lời thề cũng rắc rối cho mình lắm. Mình chứa tụi nó có thể bị khép vào tội dụ dỗ con nít - mình giáo sư chứ có phải mẹ mìn đâu.

Thôi, lần sau chúng nó ướt, đói hay làm sao thầy kệ. Mình thì lúc nào cũng sống bằng tình cảm, thích lý tưởng hóa bất cứ việc gì. Có ngày mang họa vì cứ sống trên mây xanh đó. Thôi cho học trò ở lại... một lần tồn đèn già...

— Thôi, học thuộc lòng. Chuyện này để có thì giờ sẽ xét lại. Các em về chỗ.

Thật ra, Trâm chỉ dùng lời dọa suông đó để kết thúc câu chuyện chứ nàng biết không bao giờ mình còn nhắc đèn nữa.

« Cũng tại mình, ở một mình. Phải tìm gấp một người ở trọ mới được ». Trâm cô nhớ lại ; nét mặt thằng con trai đèn xin ở lần trước, nhưng không một hình ảnh nào về đó còn vọng lên trí nhớ.

Nghĩ vẩn vơ, Trâm cho trên điểm trung bình cả những đứa đọc không thuộc bài, như nàng đang cò sống vượt lên trên tầm thường của cuộc đời mà không nghĩ đến những tai hại sẽ đến trong ngày mai.

(còn tiếp)

HOÀNG ĐÔNG-PHƯƠNG

CUNG CHÚC TÂN XUÂN

Hiệu NGUYỄN-VĂN-TẬP

BAN KIỀNG, BÔNG, CÂY GHÉP

Chủ nhơn : Bà NGUYỄN-VĂN-ĐÓN



241, đường Nguyễn-Trãi

CHỢ LỚN

NGĂN CÁCH

I

khi đến đó tôi cúi đầu lặng lẽ
hai bàn chân tha thiết mộng sông hồ
nằm an phận trên bờ sông vắng vẻ
một đường ranh vô nghĩa vạch ngang qua
đã giam hãm nhịp cầu trong túi nhục
suốt ngàn sau mang chứng tích bị thương
những năm tháng sống trong niềm cô độc
có khi nào nhỏ lệ khóc quê hương ?
ai dám tưởng nhịp cầu gây chương ngại
còn ăn năn sám hối đến bao giờ.

II

khi đến đó tôi cúi đầu e ngại
nhìn giòng sông ngăn cách hững hờ trời
khi đến đó chất men sầu tê dại
bồng lên sâu vào mạch máu u hoài
đôi mắt đẹp bên kia bờ điện vơi
thoáng nhìn qua người khách lạ ưu tư
mà trái tim không thể làm phí khoản
xây nhịp cầu thông cảm với người mơ
đánh tô điểm âm thầm ngại ảo tưởng
thêm điểm kiêu an ủi khoảng cô liêu.

Định hoàng sa
(hành trình)

LỐI GIÓ

chiều ngập ngừng gió về qua lối ngõ
tôi ngồi đây nghe sâu động vào hồn
trời thì rộng gió theo đường lối gió
ngõ đứng buồn nhìn nắng những hoàng hôn

vọng khơi xa biển chiều lên tiếng thờ..
tôi cúi đầu đếm ngón nhỏ bàn chân
nghe rừng xanh cũng lời về nhẩn nhủ
chiều xuống đây, cây lá động bằng khuâng

Tình với đất bàn chân theo lối cỏ,
Nương nhau đi qua trọn cuộc đời.
Hồn thì mộng mơ theo đường lối gió
Dịu nhau đi qua những nẻo chơi vơi.

Vòng tay ôm những tháng ngày hoang dại
Tôi tựa hồn nhìn tuổi sống qua ngang.
Bên lẽ đời thương phận mình con gái
Hồn bơ vơ không náu được dung nhan.

Thôi cũng đành. Còn chi mình phải khóc !
Với chiều đời ảo tượng đẹp mà thôi !
Chân trên đất, hồn theo trời đuổi mộng
Gió trời cao xuống lay cỏ mộ đời.

Hoàng-thị-Bích Ni

Ôi ! Xuân Lạc-Hồng

Gởi đôi người Sông, Chết

Thuở ấy, mặt đất Bắc nặng dày Băng, Tuyết,
Sự Sống còn le lói như ma-chơi ;
Giống chim Hồng, chim Lạc khắp nơi nơi
Vội vỗ cánh xuôi phương Nam tìm nắng ấm.

Và tự hẹn, đến mùa hoa khoe thắm,
Người tung tăng và chim véo von ca,
Sẽ cùng nhau—ngược đường Nam tiến —
Trở về thăm nơi cũ đợi ai mà.

Xuân Trời Đất bao phen về trở lại
Nhưng Lạc, Hồng mãi lại mãi lìm dim.
Vì hoa nở mà cứng đờ như đá,
Người cúi đầu và chim ngẩn ngơ im.

Xuân Dân tộc, đợi chờ chờ đợi mãi,
Khi Thiêng xưa đang mòn mỏi hay đã tiêu ?
Nay Chim yếu vì đâu ai có hiểu
Nên khôn tung sức cánh lộn mây, trời...
Đề lớp lớp trào lên nguồn Sáng, Ấm
Làm băng tan, tuyết rã, sắc hoa cười.
Đề nói Việt đứng lên nhìn tám hướng,
Không « cưu mang » đá sạn của người, người...

Đề năm Thìn, Rồng không tù vực thẳm,
Tung không gian mà báo hiệu một điểm lành ?



Trời thanh thanh mà Biển vẫn xanh xanh.

Miền Nam nước Việt, sắp sang năm Thìn 64.

NGUYỄN-NGU.Í

(Có những bài thơ...)

BA NGƯỜI TRÊN MỘT CHIẾC BÈ

L.T.S. — Là một mùa thu là một quyển tiểu thuyết viết trong tù Côn-đảo. Tác giả lồng câu chuyện vào các cuộc vận động duy tân, chống sưu thuế, cách mạng (ở Bắc, Trung) và cướp bóc, đi điếm, cò bạc, (ở Nam) trong khoảng 1905-1909.

Chúng tôi xin phép tác giả trích một đoạn để làm món « quà đầu mùa » cho bạn đọc Bách-Khoa. Chúng tôi chọn đoạn này vì ba người tù nguy hiểm nhất của Côn-đảo cùng bị một kẻ thù hãm hại và tượng-trưng cho ba con đường : một văn nhân hoạt động trong phái Phan-Chu-Trinh, một tướng cướp vốn ở trong hàng ngũ giặc Cờ Đen của Lưu-Vĩnh-Phúc, một võ-tướng-con — nhà hành động theo nhóm quyết tiếp tục « mộng lớn » của người anh hùng áo vải ấp Tây-Sơn.

CŨNG vào khoảng những ngày ấy, ở Côn-đảo, sở chuồng bò, có ba người làm sở củ đang to nhỏ nhau để thử thời vận. Trong đám đó có một người chưa đầy ba mươi tuổi, bộ tịch thư sinh, tay chân mềm mại, một người ngoài ba mươi, dáng như một tay lao-động, và một người ngoài sáu mươi, tướng hung hăng, mạnh dạn. Người thứ nhất hỏi :

— Anh Năm, ba khúc cây anh đã dự bị xong chưa ?

Người có vẻ lao động đáp :

— Thợ mộc từ mười lăm tuổi, một tay cắt không biết bao nhiêu nhà, mà trong năm ngày làm không xong, sao được ? Tôi đã rập vô, lấy ra không biết bao nhiêu lần. Chỉ trong một khắc là rập cả được. Nêm, đòn gi đều có sẵn. Chỉ chờ có gió chánh bắc thật mạnh là mình đi.

— Còn chú Xinh ?

— Lương khô đã đầy hai ống tre. Ba người ăn được chín mười

ngày. Nhưng sao không lo nước uống ?

— Không cần ! — Còn việc để phòng bọn tập nã ?

— Khỏi lo ! Chỉ có cây cột buồm đây, tôi chấp hai chục người, tôi cho nằm bãi hết, mình đi thông thả mà. Huống chi, hai chòi canh đó cách xa nhau ba cây sò. Mình xuống ở giữa, chúng nó hay được, thì mình đã ra xa rồi ! Còn buồm lèo gì, thì tôi đã làm xong và giấu kĩ, không ai biết giấu đâu mà lấy. Nhưng chừng nào đi ?

— Hai bạn không cần biết. Cứ theo hiệu lệnh của tôi.

Đêm ấy, ở Côn-đảo, gió thổi ù ù, ngói khua rộp rộp, rồi gió gấm, hét, rít lên như một giàn nhạc đương thổi khúc thúc quân. Rồi mưa ào ào, nước chảy ngược dòng lên vì bị gió đuổi, nước len theo kẽ ngói rớt vào trong, làm cho cả phòng như ở ngoài sân. Từ mới hoảng hốt ngồi dậy, sợ sập nhà. Còn bọn cũ thì ngồi cuộn chiếu quanh người mà ngủ nử, không thèm nói năng gì. Đèn sáng ra, thì trời lú nắng, từ đêm từ tối mà kéo đi các sò. Bọn làm củi vừa vào đèn rừng, thì mưa lại ào ào, gió lại gấm hét như hồi khuya. Người thư sinh gọi bạn mà nói :

— Đi ! Đèn giờ ăn cơm trưa, thì mình đã thật xa rồi.

Ba người đi trong mưa mà đèn chỗ giấu đồ, còn bọn tù khác sợ lạnh, sợ mưa, tìm chỗ núp cả. Họ đến nơi. Xinh vác cây búng lớn,

tay cầm cột buồm, cây chèo và mây cây nôm, đòn. Hai người kia vác mỗi người một khúc búng nhỏ, và ôm một ôm các thứ lật vật. Đèn bãi, thì mưa càng đổ. Cách hai mươi thước không trông thấy nhau. Họ rập bè trong một khắc. Nôm chắc chắn, trái lên trên một cái sạp bện như chiếc đặng, ghệt dính cứng vào bè, dựng cột buồm, gay chèo lái, rồi đẩy xuống biển. Trên bờ không có bóng ai cả, ba người họ lên bè, giương buồm, bè phóng tới ngư tên bắn. Không đầy mười phút, họ không thấy bóng hòn đảo, và người trên đảo cũng không làm sao thấy chiếc bè đang rời đảo giữa ban ngày. Càng xa đảo sóng càng to. Chiếc bè dài hơn năm trước, hình tam-giác, cột buồm cao đến chín thước mà nhối lên hợp xuống không khác nào một lá tre trong ao nhỏ, với thứ sóng lẫn tăn do tay mình tát. Khi thì bè nằm tuốt xuống sâu, như con chuột nằm giữa hai giếng khoai. Khi thì bè trườn lên cao, như con mèo nằm trên nóc nhà. Khi thì bè đổ xuống giốc, như từ chót ngọn cây cao rơi xuống. Khi thì bè bò lên cao như bị liệng lên không trung. Nước tủa trắng xóa, tiếng sóng ào ào, giầy lèo thét như cung của các con diều giầy của con nít thả vào mùa gặt hái.

Ngày trôi ba lần, đêm trôi ba lần. Mỗi người được ngủ một giấc ngày và một giấc đêm. Người cầm lái luôn luôn bẻ cho mũi đâm qua trái một chút. Sau hai ngày một đêm, thì gió thầy bớt, mưa thầy

tạnh, rồi mặt trời chen mây mà hiện ở chánh tây, dọi ánh sáng vàng như rẽ quạt. Thợ mộc lúc ấy cầm tay lái, thấy ngay chánh bắc lơ dạng mây hôn núi nhưng mé biển còn ẩn dưới khối mù của mưa lâm râm còn phớt qua lỏi đó. Chàng nói :

— Tôi nhìn rõ rồi : núi ở Bà-Rịa. Không nên cặp bờ. Rồi chàng dẫn luôn luôn chạy càn, bẻ mũi sang mặt cho ngọn gió đánh ngang hông bên tay phải. Bây giờ bẻ tiến tới chầm chậm, nhưng chạy dọc theo bờ biển mà ở thật xa khơi. Một lát thấy xóm đánh cá ở Phước-Hải, rồi tiếp theo là rừng. Kề mặt trời lặn. Đêm ấy mưa tạnh, gió êm nhưng sóng vẫn ồn ào, nhối lên sụp xuống rất dữ. Tuy tới phiên đổi phiên, song thợ mộc không đi ngủ và nói :

— Đã đến nơi rồi. Chỉ có tôi biết dấu hiệu, nên tôi phải luôn luôn cầm lái.

Một lát, hần thấy ngọn đèn leo lét, rồi một chớp hai ngọn gần nhau, kế đến ba ngọn để theo hình tam giác. Hần ra lệnh :

— Thay đồ !

Mọi người đều lấy trong một ống tre cột sẵn ở cột buồm một bộ đồ đen thường, cởi bộ đồ từ nhét thay vào. Người thợ sanh móc giao cho chú Xinh một tấm giấy hai chục. Rồi dặn :

— Chúng tôi làm ơn đưa chú về đây. Cho chú đi không, không cần chi cả. Chỉ mong chú một việc

là chú khoan đi làm ăn xa. Mà chỉ đi bán đậu phộng ran ở Chợ-Lớn, ít lắm là rới Tết. Và nên khéo cái dạng để đừng bị bắt nghe ; Còn nếu chú ra khỏi Chợ-Lớn, thì sẽ bị bắt ngay !

“ “

Mấy hôm sau, một tin đồn làm sôi nổi dư luận cả nước. Họ đồn rằng thừa mưa to gió lớn, ba người tù nguy hiểm nhất ở Côn-đảo đã vượt ngục và thoát được, hiện ở bên Tàu. Ấy là Trần-Hoài-Đức, một quốc sự phạm trong đám thủ lãnh vụ xin thuê ở Trung-Kì. Ấy là tên Xinh, một tướng cướp của bọn giặc Cờ Đen. Ấy là Trần-Quang-Minh, một lãnh tụ của dư đảng Tây-Sơn, đã toan thừa vụ xin thuê mà âm mưu bạo động.

“ “

Khi bè trườn lên bãi, thì người thợ mộc nhảy lên, rồi dặn :

— Hai anh em đứng đây, và níu chặt cái bè để tôi lên coi có gì lạ. Vì đèn đáng lẽ treo ngang hàng, có sao lại treo hình tam giác ?

Rồi chàng lặn trong bóng tối, một chớp trở lại với ba người khác. Chàng nói :

— Đáng lẽ mình phải ra tới mũi Kê-Gà, rồi mới bỏ bè. Song hình như khi mình trốn rồi, thì ngoài đảo đã thông tin được vào đất liền. Nên họ có chuẩn bị đón bắt. Họ đón theo ngọn gió mà cho chặn từ La-Gi tuốt ra ngoài. Cũng may là mình lái bè mình được. Anh em có đặt sẵn ở đây ba người dắt đường.

Mỗi người dắt đi một ngà khác. Rồi sáng ra mạnh ai đi đường này. Bây giờ ta ráp nhau mà phá bè, rồi xô ra cho trôi, làm như bè bị tả ngoài khơi !

Sáu người ráp lại tháo mộng, tháo nệm, rồi chui ba khúc cây ra xa, bẻ chèo, xé buồm, bứt mây tan tành mà ném trôi giữa biển. Riêng có ông quân áo thì thợ mộc ôm lấy. Và nói :

— Anh Xinh ! Anh lên đường trước đi. Anh có đủ tiền sống ba tháng. Rán kéo dài cho tới Tết. Đừng làm bậy mà mang khốn đa ! Anh có nhớ hồi đánh trận ở Nhu-Gia, ai sử dụng sợi lòi tói để bắt sống anh chẳng ? Người đó bắt sống anh, rồi người đó cũng đem anh ra khỏi ngục. Lúc trước anh sống một đời lần núp. Bây giờ anh vẫn phải sống một đời lần núp, không khác bao nhiêu. Anh là người Tàu, biết giấc mộng hoàn lương là gì, thì hãy xem mấy năm tù tội chỉ là một giấc mộng. Bây giờ anh tỉnh mộng, rán mà xử sự để cho đời thầy rằng anh đã biết tỉnh mộng chưa ! Thôi, anh em tôi chúc anh đi mạnh giỏi !

Xinh đi theo người dắt đường mà len đi giữa rừng. Chàng vừa đi, vừa suy nghĩ. Thợ mộc này nói vậy, gây trong lòng chàng không biết bao nhiêu hồi ức. Chàng nhớ lúc nhỏ, chàng cũng con nhà khá giả ở Mai-Huyện, thuộc tỉnh Quảng-Đông, tức là người mà ta thường gọi là người nước Hẹ. Rồi hưởng ứng phong trào Phan Thanh Phúc Minh, chàng bỏ tiền ra học tập võ

nghe, qui tụ anh em. Nhon lúc ấy Thái-Bình thiên quốc tuy đã rã tan, song ảnh hưởng của Hồng - Tú-Toàn vẫn còn chói lọi, dư đảng còn nhiều, tàn quân cũng lắm, chàng được cử vào Nghĩa hội để chiêu tập đám tàn quân này. Nhưng quân lại nhiều mà nguồn lợi thì ít, nuôi không đủ, Nghĩa hội lại đưa tên Lưu Vĩnh-Phúc làm đầu đảng để cướp bóc của nhà giàu bạc đức, đem về phân nửa chia nhà nghèo, phân nửa nuôi quân. Cướp hết nhà giàu bạc đức, thì phải cướp đến nhà giàu trơ. Và chia cho nhà nghèo không đủ để nuôi quân, nên để quân ăn no trước, còn việc chia cho dân mặc kệ.

Nghĩa hội biến thành một đám lâu la khổng lồ, cướp bóc chẳng kể. Và cây cờ đen có thêu chữ «Nghĩa» trắng là tượng trưng cho sự khùng khiếp sợ hãi của dân nghèo. Đến khi triều đình nhà Nguyễn muốn chống giấc xâm lăng, nhưng không được sự ủng hộ của dân mình, mà mượn quân Cờ-Đen đánh thay, thì Xinh nhờ sự ngẫu nhiên mà có tham gia vào cuộc hành quân nọ...

Chàng đang miên - man trong những hồi ức xa xăm ấy, thì người dắt đường hỏi :

— Nghe nói anh võ nghệ khá lắm. Mà gặp cọp có sợ không ? Chớ rừng này cọp nhiều lắm !

— Chưa có đánh lần nào mà biết. Mà không có khí giới, thì hơi khó một chút.

— Nhưng anh có giỏi về quyền không ?

— Hồi nhỏ có học. Nhưng lớn lên không có rèn luyện.

— Học có khá không ?

— Biết chút đỉnh để tập gân cốt thôi. Rồi tôi chuyên qua học binh-khí để đánh trận.

— Tôi tưởng anh khá lắm nên không dấn trước. Thôi, kiếm bầy một cây vừa tay làm roi để hộ thân đi !

Hai người coi theo ánh lập lờ của trăng mà tìm một cây suông vừa cầm tay, rồi nhổ gốc. Người dắt biểu :

— Anh cầm hai tay cho chắc đi. để tôi chặt cho.

Rồi sè tay như lưỡi búa, hấn chặt mạnh, cây gãy tốt. Khi hấn chặt đầu kia xong, thì Xình hỏi :

— Anh không kiếm một cây sao ?

— Tôi không cần. Vả lại đánh giữa cây chen chúc, cầm khi giới không gọn bằng đánh quyền.

— Anh giỏi quyền không ?

— Tôi chưa từng ra trận mạc, hoặc thi cử chi. Nhưng có hai con cọp khá trọng một lượt đòn mà chụp, thì tôi đủ sức trừ cả hai.

— Vậy thì giỏi lắm !

Người dắt không đáp, lại hỏi :

— Nghe nói hồi đó anh có làm tướng của giặc Cờ - Đen. Phải không ?

— Lúc đó tôi còn nhỏ, vừa ra đời. Quyền hành gì đều thuộc về Lưu-Vĩnh-Phúc. Tôi chỉ dẫn quân đánh trận mà thôi. Cũng may là

tôi cũng gần trăm anh em, sau khi hòa ước Thiên-Tân kí kết, chúng tôi không chịu rút về Vân-Nam, lại rủ nhau trốn vào đây . . .

— Sao không lo làm ăn, mà tiếp tục ăn cướp làm chi để cho bị ở tù ?

— Tại thói quen của nhiều người. Rồi anh em người này kéo người kia.

— Uổng quá ! Quang - Trung hoàng đề xuất thân trong đám lục lâm, mà vươn mình lên nắm được cờ chánh nghĩa. Còn anh sao từ cầm cờ Phản Thanh Phục Minh lại lộn về đám lục lâm mà làm gì ? Anh có biết trong lúc anh bị vây, đã xảy ra những chuyện gì cho anh không ?

— Tôi không được thư từ chỉ từ khi lọt vào hầm xay lúa năm ngoái.

— Vợ anh bị ở tù. Điều đó không đáng kể. Vì về người vợ ấy, anh chỉ đem từ giới chơi bời để thỏa nhục dục. Nhưng con gái anh mất tích. Chắc đã bị giết và giấu xác rồi.

Nghe nói, lòng Xình se lại, phát nghi kẻ giết con mình và kẻ hại mình rơi vào hầm xay lúa để không làm sao vượt ngục được vào mùa chường, hai kẻ ấy cũng chỉ là một người. Nhưng mà ai đây ? Ai đã giết đứa con gái mười sáu mười bảy tuổi ấy và toan hại mình ở tù rục xương ở Côn-đảo ? Kẻ ấy có phải là kẻ bắt mình tại trận cướp ở Nhu-Gia không ? Nhất định là không ! Bởi vì lúc Xình bị lời tói quần mình, thì người ấy hạ thủ,

giết chết cũng không có tội, làm gì chịu khó khăn để tổ chức hại Xinh ngoài Côn-đảo ? Và lại, anh thợ mộc có nói lúc này : kẻ bắt chàng ở Nhu-Gia và kẻ cứu cho chàng thoát Côn-đảo, cũng là một kia mà !

Xinh hỏi :

— Còn thằng rề của tôi ?

— Bây giờ là một nhà giàu có lớn ở Hậu-Giang và cũng là ông vua cờ bạc.

— Tôi muốn tìm nó.

— Chi vậy ? Để xin tiền chăng ?

— Không ! Để hỏi nó đã làm gì để trả thù cho vợ nó !

— Không được ! Anh không nhớ hồi nãy người ta dặn anh nên sống một đời lẩn núp. Ít lắm là tới Tết. Có lần núp không nổi, thì chen vào đám khách trú đông đảo ở Chợ-Lớn mà bán đậu phộng ran. Chớ có xuất đầu lộ diện. Cớ sao anh muốn xuất đầu lộ diện sớm ? Anh có biết anh thợ mộc cùng vượt ngục với anh đó là ai không ?

— Không !

— Người ta đã nói mà. Đó là người đã bắt sống anh ở Nhu-Gia đó ! Nếu anh không nghe lời va, thì va sẽ bắt anh mà cho đem nạp. Chừng đó, đừng mong có một người thứ hai ra tận Côn-đảo để đem anh về đâu !

— Nhưng tại sao lại không muốn cho tôi xuất đầu lộ diện sớm ?

— Vì người ta phao tin rằng anh ở bên Tàu, rằng ba người thả bè trôi tấp bên Tàu. Bây giờ anh lộ ra, thì té ra anh hại hai anh kia sao ?

— Tôi hiểu. Hễ tôi ra mặt, thì nhà nước nghi rằng hai anh em kia cũng ở trong xứ mà ruồng bắt...

— Nhà nước nghi mà còn dễ. Còn kẻ thù chung của ba người nghi, thì ba người sẽ bị giết ngay. Bị giết như đứa con gái của anh đó !

— Hai người kia cũng bị người đó hại sao ?

— Một người bị nó rơi thơ làm

*Chẳng nghiệp không duyên cũng nợ nần
Gỡ hoài chưa khỏi lụy thì nhân
Bàn tay trượt nhúng chàm xanh ngắt
Hạt gạo đem vo nước trắng ngần
Đâu có nhà vàng treo giá ngọc
Chút còn lông phượng đổi sừng lân
Ơn ai nhớ đến mà thăm hỏi
Hương lạc đào nguyên nẻo tị lân.*

cho bị án chung thân khổ sai. Còn người kia, thì bị nó tổ chức cờ bạc, làm cho hỏng cả những cơ quan tài chánh của anh em giao phó, thành ra hư hại tất cả công việc lớn.

— Uổng quá !

— Uổng việc gì ?

— Phải lúc này, tôi biết rằng cả ba chúng tôi có một người thù chung thì chúng tôi hiệp sức nhau lại mà trừ nó. Bây giờ trở lại mà tìm có được không ?

Người dặt cười dài và nói :

— Có trở lại chỗ cũ, cũng không làm sao tìm được đầu chỗ ba anh đồ bộ, lựa là tìm được hai người kia ! Hối ba anh ghé lại, bẻ cây cát đi. Nhưng nãy giờ nước lớn lên, sóng đã đánh trôi, lập dầu. Anh đi vào rừng với tôi xong, thì hai người kia, kẻ trước người sau, mỗi người có một người dặt đi một ngả. Mà ba người dặt chúng tôi, mỗi ai có phận nầy, chỉ biết

việc của mình. Phỏng tôi dặt anh trở lại, thì tôi cũng không biết hai người kia đi hướng nào mà chỉ cho anh. Và lại, tôi không có phép chiều anh, mà chỉ có quyền làm theo lệnh đã dạy tôi... Anh không muốn theo tôi, chưa chắc với cây roi của anh, anh sẽ thắng tôi nổi. Mà anh có thắng tôi nổi, chưa chắc anh lọt ra khỏi khu rừng này mà tương giữ ải toàn là cộp và phục binh khắp nơi là sự đói khát.

Xình hơi lo, hỏi :

— Anh dặt tôi đi đâu ?

— Anh đừng lo. Anh sẽ gặp chỗ hiểm, chớ không gặp chỗ dữ đâu ! Anh nên an ủi lấy anh rằng án anh là chung thân khổ sai, nếu rủi bị bắt vì vượt ngục, thì không thể nào chống án thêm cho anh cái gì được nữa, chớ để cho anh giết người ta — người đáng tội tử hình kia — thì anh lại là kẻ mang án tử hình ! Vì vậy mà thấy tôi mới dặt tôi dặt anh đến chỗ nầy...

* * *

*Bén tiếng quen hơi phải nợ nần
Giầu nào độ với nghèo thì nhân ?
Mắt phường chạy kiệu từng xanh ngắt
Cái giá nhà thơ vẫn trắng ngần
Tờ giấy bền gan mưa với nắng
Trò đời sắp mặt sỏi hay l ân ?
Cân đai võng lọng nghìn thu nát
Bao độ lời thơ dập lửa Tần.*

XUÂN-HIỆN

Khi Xinh đi lâu rồi, thì Hoài-Đức nói với Quang-Minh :

— Vợ tôi gởi cho tôi mười tấm giấy lớn và ba chục đồng bạc nhỏ. Cụ bị làm bè và cho anh Xinh hết cái lẻ. Vậy anh em mình chia hai đi.

Một người dật nói :

— Anh không cần giữ đồng nào. Tùy lòng anh, anh muốn cho hết cho bạn anh cũng được.

— Vậy thì xin anh nhận hết. Và chúng ta chia tay nhau !

Chàng trao cả mười tấm giấy một trăm cho Quang-Minh, rồi theo người dật mà đi. Người dật trao cho một cây tấm vong vọt nhọn, dặn chàng vác đứng rồi nói :

— Vác thật đứng lên. Cọp thấy anh có vác mũi nhọn thì không phủ. Chúng ta đi chừng vài giờ đồng hồ, rồi tạm nghỉ. Mai sáng sẽ đến nhà quen. Tôi sẽ gởi anh ở đó ít lâu.

— Nhà quen của anh hay của tôi ?

— Quen của anh ! Anh có biết ai không ?

— Ở đây thuộc về vùng nào ?

— Cũng gần Tam-Tán.

— Có phải làng của thầy giáo Hoàn (1) đó không ?

— Nhưng không dám để ngủ nhà thầy Hoàn. Cách đây mấy ngày, có mấy người tu chánh trị thả bè, tính về miệt Cà-Mau, song họ thả trễ quá, trôi dạt dờ ngoài biển cả hai chục ngày. May gió đổi

ngọn, đưa họ bạt vào đây, bị làng bắt. Thấy Hoàn đứng ra xin cho, thành ra vụ rắc rối đến nay chưa biết thế nào. Nay anh lại nữa, thì không khác nào thọc đầu vào rọ. Đó là rủi cho anh. Bằng không, anh đến ở nhà thầy Hoàn uống rượu ngâm thơ cả tháng cũng không sao. Và cũng không mệt công đi thêm gần một giờ đồng hồ.

Hoài-Đức làm thình, len lỏi đi theo người dật ; một chặp, người này hỏi :

— Gần đây, anh có làm thơ không ?

— Không, Anh có thích thơ, thì tôi đọc cho anh một bài của người khác, mà tôi vừa nghe được ngoài đó. Bài này do ông Phạm-Chu-Trình làm, khi rời khám để xuống tàu ra Côn-đảo. Nó là bài thơ chữ. Tôi đọc anh nghe :

*Luy luy thiết tỏa xuất đồ môn,
Khảng khái bi ca thiết thượng tồn :
Quốc thổ trăm luân dân tộc luy,
Nam nhi hà sự phạ Côn-Lôn ? (1)*

— Bài thơ có khẩu khí chớ ! Chu-Trình bây giờ sanh sống làm sao ở ngoài ?

(1) Trong dịp vào Nam, bốn năm về trước, đi ngang Bình-Thuận, Hoài-Đức có ghé thăm hai đồng chí là kĩ Bang và giáo Hoàn.

(2) Phan-Khôi dịch :

*Mang xiềng nhẹ bước khỏi đồ môn
Hăng hái hò reo lướt cấn cùn
Đất nước hăm chìm dân tộc hẻo
Làm trai đâu sợ thứ Côn-Lôn !*

— Khi mới đưa ra, thì cũng bị đưa ở chỉ tồn, làm việc khổ sai như chúng tôi. Hiện nay, ông đương chồng với ban giám đốc khám đường, lấy lý rằng là quốc sự phạm, thì phải được biệt đãi..

— Anh em ở ngoài có rèn luyện thêm chăng ?

— Ai cũng nông chí học tập. Có một ông đồ nho, chỉ đọc được chữ quốc ngữ, mà bây giờ đọc được chữ Pháp và hiểu cả. Ông không có sách vở chỉ để học. Chỉ nhờ người ta cho một cuốn tự điển Petit Larousse, ông học thuộc lòng cả, nói chữ gì thì ông định nghĩa vanh vách như đồ sách trước mặt.

— Các ông học giỏi như vậy, mà còn nhớ sách *Đại-học* không ?

— Ý anh muốn nói gì ?

— Sách *Đại-học* có câu : « Vật hữu bốn mặt, sự hữu chung thủy, tri kì tiền hậu, tắc cận đạo hĩ » (3). Tôi e cái gốc, ở trước là vì dân vì nước, mà các ông không biết, chỉ lo hi sinh cho bọn công nhân về căn gác nhà, mà xa hẳn cái đạo của sách *Đại-học* của nhà nho !

— Có chuyện chi mà anh có giọng ấy ?

— Chưa có chuyện gì đáng lo, song sự thì đáng dè dặt. Chúng tôi dè dặt tất cả những cái gì ngoại lai, nhất là những thứ mà cái gốc lại người ta nắm. Chúng tôi dè dặt đạo Nho, mà hiện nay người Mãn-Thanh nắm cái gốc. Chúng tôi dè dặt đạo Da-Tô, mà người Âu-Châu đang nắm giềng mối. Thành ra, sau khi Phan-Chu-Trình bị đẩy ra Côn-đảo, thầy các đảng gọi là dân chủ ở bên

Pháp binh cho Chu-Trình, chúng đâm ra dè dặt vậy thôi.

— Nói vậy, chẳng hóa ra mình hẹp hoài mà từ chối không nhập vào những cái gì có lợi ích chung cho nhân loại, chớ chẳng riêng cho dân tộc nào sao ?

— Việc hiệp tác, đã đành. Nhưng đừng để cho nước lớn mạnh chỉ huy ; họ đã lớn và mạnh, thêm có quyền, có thế, thì hay động tâm mà dụng mưu để thôn tính kẻ yếu, nước nhỏ. Tôi nghe đồn anh em ngoài ấy ngưỡng mộ những học thuyết duy tân, phần đông là thuyết ngoại lai, tôi sanh ngại. Mình là nước nhỏ, đối với nước lớn, thì không khác chi nhà nghèo, hay tá điền đối với nhà giàu, với điền chủ. Tức nhiên phải sợ quyền, sợ thế, sợ kẻ, sợ mưu... à mà ta đã đến nơi.

Người dắt dừng chơn trước một hàng rào bằng cây sồng, ban đêm không rõ cây gì, thò tay mở cửa cổng bước vào. Một con chó chạy ra ngoắt đuôi. Hắn vuốt ve, nắm gáy nó lại và mời :

— Vô anh. Nhà nấy của tôi. Chỉ có hai vợ chồng tôi. Anh kêu nó bằng thím ba, kêu tôi bằng chú ba nghe !

Hắn vào, mở cửa đẩy lên trần rồi gọi vợ :

— Minh à ! Có bà con tới thăm. Dậy làm thịt gà nấu cháo ăn chơi.

Một người đàn bà thức dậy, đột đèn. Hoài-Đức trông thấy chừng

(3) Vật có gốc ngọn, việc có đầu đuôi, biết cái nào trước, cái nào sau, tức là gần . . . vậy

hai mươi tuổi, đáng không đến đôi quê mùa. Chàng chào :

— Chào thím ba !

Người đàn bà che mắt, để ánh sáng dừng chói và vừa nhìn vừa bước xuống đất và cúi đầu chào, nhưng không biết xưng hô làm sao. Chồng nàng giới thiệu :

— Anh sáu đây là bà con cô cậu. Hồi nhỏ tôi vô trong này, ở luôn đây. Anh nghe, tìm vào thăm.

Người đàn bà bước xuống bếp, nôi lửa, bắt nước rồi bả gà cắt cổ. Hoài-Đức nhìn, thấy rõ người dất mình là một thanh niên chừng hai mươi ngoài tuổi thôi. Chàng hỏi :

— Chú ba năm nay bao nhiêu rồi. Tôi quên phứt đi !

— Năm nay tôi hai mươi ba tuổi. Tôi mới cưới vợ mấy tháng nay.

Hoài-Đức khen thăm chàng thanh niên có ý thức khá giả dặn vừa nói chuyện với mình lúc nãy, nên gọi chuyện.

— Ở đây chú ba làm ăn nghề gì ?

— Tôi buôn bán gỗ. Lái ở các nơi đèn đây mua súc, thì tôi mua giùm để ăn hoa hồng. Ai có vốn muốn làm rừng thì tôi lãnh cho anh em thợ hạ cây mà kéo ra đường lớn.

— Chú có khá không ?

— Sống thì được. Khá thì không dám nói khá. Tôi có chút ít học thức, quen giao thiệp, thì anh em đưa tôi là làm việc đó, Song tôi cũng chia phần đồng đều như anh em thợ rừng mà thôi.

— Ở vùng này thợ rừng có đồng không ?

— Ở cả huyện Hàm-Tân này có đèn mây trăm thợ... Bây giờ còn sớm. Nhà tôi lại ở riêng một mình, xa xóm. Anh rán ngồi đây, để tôi đi mời thầy giáo Hoàn lại đây ăn cháo chơi.

Chàng đi độ một khắc rồi trở lại cùng với một người trọng tuổi hơn. Hoài-Đức chào :

— Anh giáo !

— Chú về tới rồi à. Cha ! tẹ làm chi quá vậy chú ?

— Tôi đã làm chi mà bảo rằng tẹ ?

— Đáng lẽ, hễ tới đây rồi thì anh em đưa chú sang Nhựt ngay mà tìm Bội-Châu.

« Chú các có làm một bài thơ, gởi cho vợ, hại anh em phải đổi cả chương trình. »

— Bài thơ nào ?

— Nghe nói bài thơ nào đó hồi chú còn ở khám Cán-Thơ (2). Chú bảo thím nên lấy chồng khác, mặc dù chú bị án gì, tử hình hay chung thân khổ sai. Thím vì cái lệnh của chú đó mà thím đau, gần chết. Anh thấy Quảng cứu kịp, nhưng chỉ là tạm mà thôi. Vì vậy mà anh nhầm

(1) Ra đi không hẹn được ngày về,
Kính hoặc quyền, cũng chỉ một bề :
Gặp tuyết giữa đông, đành phận nhận
Chờ sương đầu hạ, tội thân ve.
Nước non mong đợi người đôn đốc,
Dòng giống chờ trông kẻ giải mê
Đại nghĩa hẳn là trên tiền tiết :
Tạo thành cho trẻ : ấy lời thề.

phải đổi chương trình của chú, bảo phải đem chú về mà cho gặp thím, dặn chú rút bỏ cái lịch kỉ quái đó đi!

— Tôi bảo vợ tôi như vậy, có gì là kỉ quái. Bị tử hình, hành quyết ngay, hay bị chung thân khổ sai, tức là cũng bị tử hình mà giam đó, phó cho trời đất hành quyết, thì tôi còn hi vọng gì để nuôi vợ dạy con? Một người đàn ông bị án tử rồi, nào có phải riêng một mình bị án. Vợ còn bị cái án góa phụ. Con còn bị cái án cô nhi. Tòa đã tuyên án một lượt cả vợ con của người ấy rồi. Thì tôi phải lo liệu chi đường cho đứa góa phụ và bấy cô nhi của tôi chứ.

— Đã đành vậy! Song chú bảo vợ chú tái giá, ấy rõ là chú lẩn thẩn.

— Sao anh gọi là lẩn thẩn?

— Tái giá cũng không tái giá, là do bản tánh của người đàn bà. Đàn bà có trắc nết, đang nằm chung với chồng một mùng mà còn tìm thê ngoại dâm được. Đàn bà chánh nết, xa chồng bao nhiêu năm, hay đã góa phụ, vẫn giữ tiết, khỏi phải chồng cần dặn điều gì. Còn như thím, nếu chú đừng bảo thím tái giá, thím đủ can đảm để sống. Mà chú bảo việc nọ, thì thím khổ tâm đến gần chết. Chú nên gỡ trong lòng thím cái vết mà chú đã bôi đó.

— Anh nói, tôi đã hiểu. Nhưng việc anh em xếp đặt, tôi e là liệu lỉnh. Thề nào người ta cũng rình rập chung quanh nhà của vợ tôi. Tôi đến đó không được. Vợ tôi đi đâu, họ cũng theo dõi. Họ sẽ tóm tôi.

Té ra công khó tổ chức đem tôi về đã hóa ra công của đã trắng sao?

— Nhưng chúng ta hi vọng bắt tay với anh em còn trung thành với Nguyễn-Huệ, mà không cho chú gặp thím thì không được.

— Sao vậy?

— Anh thấy Quảng đang nuôi hi vọng làm cho một người nào đó ở gần nhà thím tin tưởng anh. Và cái hi vọng nầy là căn bản của mọi hành động của nhóm anh em đó. Anh đã hứa đem chú về được. Anh đã tổ chức lễ ăn mừng hoa mai trở hai lần. Nếu chú không cho thím gặp mặt, thím có thể đau trở lại. Và đồng thời anh thấy Quảng mất mặt đối với người nọ, anh thấy Quảng sẽ tuyệt đường giao thiệp với chúng ta, bởi cái lẽ chú đã làm hỏng một cái hi vọng lớn của anh.

Hoài-Đức làm thỉnh, suy nghĩ. Người đàn bà bùng mồm lên đặt trên ván, rồi trở xuống bùng nổi cháo. Bồn người ngồi ăn, mà trí Hoài-Đức đang mê mải về vấn đề của giáo Hoàn vừa đặt. Người nào mà thấy Quảng hi vọng quá vậy! Trong chỗ giao thiệp, chàng không thấy ai khác hơn là chú hương hội Mươi. Hương hội Mươi là người mà thấy Quảng tin cậy, bảo lãnh cho cầm sổ bạc không lỗi và luôn luôn nể. Nhưng hương hội Mươi chỉ là một nông dân quê mùa, thiếu học, chỉ học lóm với người chủ Nôm để đọc thơ và biên chép sổ sách chút đỉnh. Hương hội Mươi lại không giao thiệp rộng,

không có ý kiến gì xuất sắc. Nhưng sao thấy Quảng lại muốn cho người ấy tin tưởng ? Đề là gì ? Và nếu không phải là hương hội Mười, thì ai khác ? Hoài-Đức hỏi :

— Chú thấy Quảng hi vọng được sự tin tưởng của ai, anh có biết chẳng ?

— Tôi không rõ lắm. Nhưng nghe nói chú cũng quen mà !

— Có phải là một người làm ruộng mà vợ tôi nhờ coi điền chẳng ?

— Đâu đó thì phải !

Hoài-Đức càng lầy lăm lẹ sao thấy Quảng lại cho việc ấy quá quan trọng như vậy ? Chàng hỏi giáo Hoàn :

— Anh có hiểu rõ chú thấy Quảng chẳng ?

— Tôi cũng hiểu như vậy tất cả anh em biết. Anh là người thủ lãnh của tất cả ai còn trung thành với Quang-Trung và mong mỏi cho sống lại mộng của người anh hùng áo vải cò đào. Ngoài ra, về giá trị cá nhân của con người ấy, tôi thấy anh là người biết rộng, học sâu, đáng kể là bậc thượng thông thiên tượng, hạ đạt địa lý, trung quán nhơn sự. Nhưng anh khéo che giấu tài năng của anh trong việc say sưa quanh năm mẩn mứa, và trong sự mê tín của dân nơi tài làm bùa Lỗ Ban của anh. Chú có nhớ chuyện Không-Minh cầu gió đông để giúp Châu-Du thắng trận Xích-Bích chẳng ? Ngày đông chỉ ba ngày có gió đông, ai thông thiên tượng đều rõ cả. Thẻ mà Không-

Minh bày lập thất tinh đàn, bịp Châu Du, đề tròn... Thì anh thầy Quảng hiểu rõ ngày lập hạ, vùng này có ngày có gió nồm động về chánh bắc, đề đưa chú về cát. Anh lại bịp thiện hạ bằng lễ nhị độ mai, đúng những ngày đó, đề cho thiên hạ tin bùa Lỗ-Ban của anh..

— Anh giáo nhắc chuyện Không-Minh, mà anh có giống hần vậy chẳng.

Như đoán được cái ý của bạn, giáo Hoàn hỏi :

— Chú muốn nhắc chuyện Không-Minh mà lại không làm cho mình, lại đi phò Lưu-Bị à ?

— Anh đoán đúng ý của tôi đó.

— Chúng ta, nếu chỉ ngó vào sự hiện tại, thì thầy anh thấy Quảng hành động na ná như vậy. Nhưng có người hỏi anh, anh không đáp, lại nhắc chuyện Quí Cốc-Tử truyền bộ binh pháp của Tô-Võ cho Tôn-Tân, rồi hỏi vặn lại rằng về binh pháp, Quí Cốc-Tử giỏi hay Tôn-Tân giỏi ?

— Ý của chú thế nào, mà chú đặt vấn đề như vậy ?

— Anh nói : Họ Lưu lập nên nhà Hán không do tài mà do mưu. Bởi tài của Lưu-Bang không hơn Trương-Lương, Hàn-Tin, Tiểu-Hà, rồi truyền hai mươi bốn đời, dòng ấy đã cỗi. Lưu-Bị chẳng qua là cái phực sáng cuối cùng của ngọn đèn cạn dầu. Và Không-Minh thờ Lưu-Bị là làm một việc tuyệt vọng. Vì vậy mà Tư-Mã-Đức-Tháo thương hại, mới than giùm. Rõ ràng là khi Lưu-Bị thác rồi, Lưu-Thiện không nên

thân gì cả. Còn dòng của Quang-Trung hoàng đế là dòng tài. Ba trăm năm trước, Hồ-Quý-Li đã nuôi đại mộng mà không gặp thời. Đến phiên Quang-Trung mặc áo vải phất cờ đào, hiên ngang chứng tỏ rằng trong dòng máu ấy hãy còn nhiều sanh khí. Rủi cho họ ấy, cũng chưa gặp thời, nên Quang-Trung mất sớm, để lại lũ con còn nhỏ dại, bấy công thần i chức trọng quyền cao mà tranh nhau hại hư việc lớn, làm mất nghiệp nhà Tây-Sơn. Nhưng trong dòng máu ấy, sanh khí chưa đến thời lưu bại. Chỉ vì thời thế làm cho mai một. Nhưng tìm được giống ấy mà gây lại, ắt gặt được mùa tốt đẹp vô cùng.

— Chú ấy nói công việc của chú không phải là công việc của Không-Minh thờ Lưu-Bị phải vậy chăng ?

— Phải ! Ảnh ví công việc của ảnh là công việc của Quý-Cốc-Tử tìm Tôn-Tấn mà truyền binh pháp của Tôn-Võ. Rõ hơn nữa, là công việc của giáo Hiền đến Tây-Sơn ấp tìm đám con của Hồ-Phi-Phúc mà dạy cho chúng nó và vun quén cho mọc trong lòng của chúng nó đại mộng.

— Nhưng tôi thấy chú hương hội Mười chỉ là một dân làm ruộng quê mùa, thật học, không có gì là hiên ngang, chẳng có gì là chọc trời khuấy nước.

— Chú có biết họ của người đó không ?

— Họ Hồ, nhưng không biết dòng nào. Nhà không có gia phả. Đến mả của ông nội và của cha, ông cũng

lạc mất. Trong nước ta, biết bao nhiêu người họ Hồ, thì sao dám quả quyết rằng đó là dòng của Hồ-Quý-Li và Nguyễn-Huệ ?

— Còn anh em ?

— Nghe nói có một người anh trai, làm ruộng dâu tận bên Rạch-Giá, rất tầm thường. Một người khác thì hung dữ. Một đứa em trai hư hỏng. Mấy chị gái cũng nghèo khổ. Ngoài ra, có năm sáu người tử chiến trong những cuộc kháng cự lại cuộc đô hộ. Trội hơn hết chỉ có chú hương hội đó mà thôi. Nếu bảo chú ấy là một người ngay thẳng thì tôi chịu. Còn nếu theo sự điều khiển hướng dẫn của chú ấy trong cuộc giành lại chủ quyền của đất nước và xây dựng một cái gì về vang cho nòi giống, thì tôi xin chịu là không hiểu gì cả.

Người chủ nhà, nãy giờ không nói, xen vào một câu :

— Với luận điệu của anh, chắc giáo Hiền khi giao thiệp với Hồ-Phi-Phúc đã chán nản mà rời miền Nam để ra đầu chúa Trịnh, lúc đó đang trải qua mấy năm có vận vượng !

Hoài-Đức nghe nói, hiểu ngay chủ nhà là người theo ý kiến của thầy Quảng nên hỏi :

— Xưa, Đề-Thuần sanh con, để cháu, đến đời Hồ-Công-Mãn, thì họ Hồ mới lập. Dường đặc trong lịch sử dòng này có sanh được bậc vĩ nhân nào ở nước Tàu đâu ? Mãi đến đời Chiến-quốc, vua nước Ngụy tham ngựa tốt ngọc quý, mà đại đột, cho mượn đường, nên bị diệt quốc...

Đền đời Hồ-Quý-Li mới có một chổi mọc mạnh lên, nhưng bị đẵn ngay. Ba trăm năm sau, mới mọc được một Nguyễn-Huệ.

— Chỉ một họ đó mới có được ba chổi thấy đều tay trắng mà lập nên nghiệp lớn, xây mộng to. Cả lịch sử của Tàu và của ta, đã có được họ nào đem được nhiều chổi như vậy ? Tôi vẫn biết không thiếu chi vĩ nhân trong lịch sử. Nhưng họ thấy là kẻ xuất thân với một cái vốn tinh thần và chánh trị khá to. Ở nước ta, đền như Lê-Lợi kia, mà điển ập ở Lam-Sơn cả ngàn người, chớ chưa hẳn là người áo vải. Chớ nên nói tới chúa Nguyễn. Chúa Nguyễn thừa hưởng một cái gia tài khổng lồ, nhen nhúm từ Nguyễn-Phi-Khanh, Nguyễn-Trải, Nguyễn-Hoàng-Dụ, Nguyễn-Hoàng-Kim... Mỗi đời này đắp to thêm một chút. Riêng Hồ-Thơm xuất thân với cái áo vải, mang một món nợ chánh trị là lòng mê hoặc của dân, đời cái ý-thức cổ hủ rằng Lê-Quý-Li là một tay thoán đoạt, món nợ to cho đền đời ép buộc bà con của Hồ-Phúc đời họ đi, bỏ họ cha mà lấy họ mẹ. Tôi nói đây không phải để nhắc chuyện cũ và ca tụng anh-hùng nữa. Tôi nói đây để nói rằng trong các hội giống, thì hội giống ấy nhiều sanh lực hơn hết. Gặp thời gieo mạ, tại sao ta lại chọn thứ lúa lép, lúa rài, lúa non, lúa bọ mà gieo, và tại sao ta không chọn thứ giống đã chịu được ba lần thử thách ?

Hoài-Đức và giáo Hoàn không

đáp, chủ nhà nói thêm :

— Việc của chú thầy Quảng xem như là ảo mộng, song đi sát vào thực tế hơn là bao nhiêu người đua nhau đi xuống tàu vượt biển cả, mà không chọn trước người thuyền-trưởng của mình. Nếu chúng tôi biết chú thầy Quảng đủ sức mà gánh được gánh nặng, thì chúng tôi đã yêu cầu chú làm rồi. Song cái tài của chú chỉ là tài của người có học rồi mới biết. Mà đại cuộc lại đòi hỏi cái tài của người không học mà đã biết. Thề nên chú rất khiêm tốn. Chú chỉ tìm ở đâu có hội giống tốt và chọn, giữ, săn sóc, để ươn cho kịp dùng, không phải cho chú dùng, mà cho lịch sử dùng.

— Nhưng chú đã chọn được đúng thứ giống mà tất cả anh em đang hi vọng chăng ?

— Thật là một cuộc thí nghiệm lớn lao, mà anh em chúng tôi đang thử. Tạm thời, chúng tôi đang chọn chú thầy Quảng làm thuyền trưởng để đền một cái đảo nợ ; trên đảo ấy chúng tôi hi vọng tìm được người thuyền trưởng đặc biệt có thể dắt chúng tôi vượt biển cả. Chú có thể tìm không được hòn đảo đó, thì chúng tôi sẽ vỡ mộng cả. Nhưng chúng tôi không thể làm một cuộc đại phiêu lưu, là ủa nhau xuống một chiếc thuyền không có thuyền trưởng xứng đáng. Thề nên trong giai-đoạn này, chúng tôi tuyệt đối vâng mạng lệnh của chú là người chúng tôi tin cậy.

Hoài-Đức đáp :

— Nếu phải bị bắt gởi trở lại, tôi cũng vui lòng để giúp cho anh em thi hành một cuộc thí nghiệm lịch sử này.

..

Quang-Minh đưa cho Xình và Hoài-Đức đi rồi, thì hỏi bạn :

— Anh nói thoáng qua lúc nãy rằng chúng ta đã thất bại lớn lao lắm trong dịp Tết này, mà tôi chưa kịp hỏi. Vậy việc ấy như thế nào ?

— Muốn hiểu rõ việc ấy, cần phải nhắc lại dài dòng. Vậy chúng ta đi chỗ khác, rồi dọc đường, tôi kể lại cho anh nghe. Nên tránh chỗ này ngay.

— Chúng ta đi đâu bây giờ ?

— Riêng anh, anh không thể trở ra những tỉnh Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, Bình-Định, vùng ấy hãy còn lộn xộn, bất bớ. Chuyện này, nếu chúng nó bắt được anh, chúng nó sẽ thủ tiêu anh ngay. Anh phải đi vào Nam, mà chờ vận hội khác.

— Đi vào Nam để gặp anh thấy Quảng nữa, thì thẹn cho tôi lắm. Tôi đã cãi lệnh của anh, toan rẽ một con đường khác (4), bây giờ, riêng tôi bị vào tù, nói chung là những anh em muốn hiệp sức với tôi mà cãi lệnh anh thấy Quảng, anh em ấy đã thất bại lớn, chưa rõ là thất bại gì. Bây giờ, gặp anh ấy, té ra đến mà thú nhận sự sai lầm của mình sao ?

— Tôi để việc tự ái của anh vào khoản việc riêng của anh. Nhưng tôi thấy anh có bốn phận gặp anh

thấy Quảng để cảm ơn anh đưa anh về đây.

— Anh ấy đưa tôi về à ?

— Phải. Trong chuyến đi này, cả ba người đi cùng bè thấy là người không đồng ý với anh cả... Chúng ta đi, hãy đi lẫn vào đường rừng bên này. Qua khỏi dãy nhà này, tôi sẽ thuật tiếp cho anh nghe. Bây giờ ta nói việc khác đi.

Hai người nài nhau đi theo ánh sáng sao, của trăng vừa tỏ sau ba ngày đông gió. Hai ba con chó sủa. Tiếng trong nhà hỏi :

— Ai đó ?

— Tôi, từ Phiên đây.

— Làm gì mà đi chơi về trễ vậy ?

— Lỡ câu chuyện, thành hơi khuya...

Hai người đi một chặp nữa, hết xóm nhà, len vào ven rừng. Phiên nói :

— Trong ba người đi cùng bè, có lẽ anh là người gần tư tưởng của anh thấy Quảng hơn hết.

— Xình là một tướng cướp, mà mấy năm trước, anh em có nhờ tôi bắt sống nó ở trận đánh Nhu-Gia, thì tôi biết. Còn người kia, tôi chỉ biết tên, nhưng không rõ gốc gác...

— Là một đồ nho thuộc phái của Phan-Chu-Trinh, là phái mà anh em mình cho là phái có tư tưởng lù mù hơn cả thầy, và chính

(4) Đó là : thừa phoag trào xin sưu thuế ở miếu Trung âm mưu bạo động lật triều Nguyễn.

vì sự lù mù đó nên lời cuồn sồ đông trong dân gian hơn hết !

— Chớ không phải là người anh em của mình hay say sao ?

— Không. Thề mà, cái bông đồ đóng bè, bí mật gọi ra cho anh coi theo mà đóng, tiền bạc để cụ bị đi, chọn ngày nào đi, rồi về đây, giao cho anh cả ngàn đồng để anh làm lộ phí, tất cả việc ấy đều do sự xếp đặt của anh thấy Quảng.

— Anh không giận tôi đã không tuân mạng lệnh của anh sao ?

— Không lẽ đi giận anh, lại tha thứ cho tất cả ai quên công lao của trận Đồng - Đa mà theo phò nhà Nguyễn ?

Quang - Minh không đáp, lặng thinh mà đi theo Phiến trong một chập lâu, rồi hỏi :

— Từ hồi tôi bị bắt, đã xảy ra việc chi ?

— Từ anh bị bắt, thì phong trào xin bớt thuế lan rộng lắm, như chúng ta thấy hiệu trước.

Triều đình nhà Nguyễn ruộng bắt anh em mình, nhưng hầu hết vâng theo lệnh của anh thấy Quảng, đã lần đi. Còn những người không để phòng, thì họ bị cáo đủ thứ tội và bị đầy lưu khắp nơi.

— Dân chúng có bất bình mà theo ta không ?

— Dân chúng có bất bình, mà sồ người chống nhà Nguyễn để theo ta, tuy có đông, song không đủ để mưu đồ việc lớn. Té ra chưa làm gì được, mà sồ người phải nuôi ăn lại rất nhiều. Lúc nọ anh em chia

ra làm ba phái. Một sồ đông nhiều hơn hết, thì theo anh thấy Quảng, vẫn tiếp tục sống theo thường dân, mà chờ vận hội khác. Phái ít hơn nhất, muốn tái diễn việc xuất thân của Nguyễn-Nhạc, định tìm một khu rừng núi nào đó mà chiếm lấy để cướp của nhà giàu mà nuôi quân và khởi nghĩa. Nhưng ý muốn nầy không thành, vì bây giờ, làm như vậy chỉ lập một khu Yên-Thề thứ hai ; mà nếu Đê-Thám không thành ở Bắc thì chắc gì ta lại thành công ở Nam. Còn nhóm thứ ba thì mở những cơ quan kinh tài để lấy tiền lời mà nuôi đồng chí, một mặt khác huy động để đun sôi lòng dân hầu chuyển việc xin thuế thành một cuộc tranh đấu khởi nghĩa...

— Việc nhóm thứ ba này có mới hay hơn.

— Nhưng lại thất bại lớn. Ban đầu buôn bán khá, sau, khi gần Tết ghe buông đưa buôn quít lời nhiều, anh em cứ rất nhiều người thuê ghe cửa, mua đưa đèn Cái-Răng mà bán. Không dè bị bùa mê thuốc lú gì không rõ, mà họ kẹt vào những sòng bạc, sát phạt lẫn nhau, rồi cuộc không ai có ăn, mà tiền lọt vào chủ chứa lấy xấu cả. Tiền đã mất thành ra bao nhiêu mạng ăn hóa ra tro mỏ, và hờn giận nhau, trách cứ nhau, xuýt xâu xé lẫn nhau....., thương tâm hơn là sau khi thua một trận lớn. Do đó mà anh em có ai nghĩ đến việc cứu anh ra khỏi cảnh tù tội, vì trí họ mãi mê trong việc hờn giận, cãi vã nhau, có rảnh đâu mà nhớ đến anh.

— Chính anh cũng quên sao ?

— Thỉnh thoảng tôi cũng nhớ anh, nhớ là thương nhớ, mà mưu định việc đưa anh về, tôi nay thú thật với anh rằng tôi không có.

— Sao anh biết đột đèn mà làm dấu hiệu đúng như thơ đã gọi ra dặn, để cho tôi ghé ? Và khi cặp bè lại chỗ có có đèn, thì lại có anh ở sẵn đó ?

— Mới hồi chiều đây, có người đem thơ của anh thấy Quảng lại cho tôi, bảo tôi lại đó đón chờ anh mà dắt đi đâu tùy ý tôi. Tôi đèn, tôi gặp anh lên, trong lúc có hai người khác mà tôi không quen trước.

— Nhưng sao anh lại dám tin họ.

— Vì trong thơ anh thấy Quảng, có dặn trước tôi đừng lầy lầm lự.

— Bây giờ anh biết anh ở đâu không ?

Tôi không rõ lắm. Nhưng chắc hẳn quân ở Hậu-giang.

— Còn anh biết ai là chủ mưu việc tổ chức cờ bạc làm cho chúng ta phải thất bại lớn lao kia chẳng ?

— Tôi không rõ lắm, Hình như một người giàu có lớn lắm ở vùng đó.

— Có ai nghĩ cách nào để đòi phó lại thành đó không ?

— Chưa. Vì chúng tôi lo hàn vá lại những vết thương đau lòng giữa anh em, hơn là thù một tay cờ bạc điếm. Giết nó, thì một số anh em bị kết án tử hình. Cướp nó, chưa chắc lấy tiền lại được. Vì nó khôn, đâu còn để tiền nôi mà lấy.

(Quang-Minh được thầy Quảng bày mưu giúp sức bắt được kẻ thù chung của ba người là Mai-Hoàng-Mưu, vốn là anh ruột của Mai-Thoại-Dung, vợ Hoài-Đức và là rể của chú Xinh nhưng lại hãm hại chú, vợ chú và giết con gái chú. Quang-Minh đem giao kẻ lưu manh gian ác ấy cho thầy Quảng, sau khi lấy lại số bạc lớn mà các đồng chí đã bị Hoàng-Mưu cướp khéo bằng lối dụ họ gây cuộc đồ đến lúc gần Tết. Rồi cùng vợ chuyển trở).

— Mình à ! Hình như trước khi mình bị bắt, mình có chỗ nào không đồng ý với anh thấy chẳng ?

— Có. Anh thấy cho rằng việc anh mưu định là sớm quá, là thiếu chuẩn bị vì thiếu người cán đáng. Anh có liêu lĩnh, toan mượn cái đà của phong trào xin thuê mà đưa dân chúng đến cuộc bạo động lật đổ nhà Nguyễn.

— Sau đó, mình đã có dịp nào bàn lại với anh thấy không ?

— Có. Tôi gần gũi với anh thấy suốt mấy ngày để lo cho công việc này (5). Chúng tôi có nói chuyện nhiều...

— Ý kiến của mình ra sao ?

— Bây giờ tôi nhận là anh thấy có lí, và tôi đã lầm. Chúng ta là thế hệ giao thời. Chúng ta phải cam tâm lãnh vai trò của thế hệ giao thời, là nung nấu cho cái tinh thần Quang-Trung (6) đừng mất trong lòng dân gian, may ra tinh thần ấy hồi sinh, vượn lại. Ta lấy cái võ

(5) Việc tổ chức bắt Mai-Hoàng-Mưu. Anh thấy nói đây là thầy Quảng, linh hồn của đờ dang Tây-Son.

(6) Đó là tinh thần chống lại sự nô lệ Văn hóa Hán tộc và ngoại lai, phát huy Văn hóa Lạc-Việt để đem lại Trừng tồn và Vinh quang cho dân tộc. Quang-Minh là dòng dõi Trần-Quang-Diệm, một cận tướng của Quang-Trung

nghệ của ta mà chồng lại súng đại bác không được. Ta lấy cái tổ chức thô sơ của ta mà cự lại tổ chức kiên cố của họ không nổi. Nhứt là ta chưa có người nào là Quang-Trung của thế hệ này để lôi cuốn muôn người!

— Minh tính làm gì?

— Anh thấy khuyên tôi vào ở trong Nam, lánh mũi nhọn của nhà Nguyễn, rồi giao du cho rộng, tìm con cháu của Tây-Sơn mà vun quén cái nòi giống anh hùng. Không phải riêng của ta mà của tất cả. Con của mình cũng phải. Con của bạn thêm hay. Con của kẻ không quen càng tốt hơn nữa. Thì trong muôn triệu kẻ áo vải, ắt có cớ đào xuất hiện. Riêng anh thấy có hi vọng tìm được con cháu của Hồ-Thơm (7), thì mình cố gắng làm cho con cháu ấy đừng quên nguồn gốc của mình, đừng quên chí của ông cha, đừng mê mãi đâu đâu mà xao lãng với đại mộng... (8)

(Thế là Trần-Quang-Minh đã lên một chiếc bè mới để vượt trùng dương, còn lại Xình và Trần-Hoài-Đức).

Khi Xình theo người dắt đến Bà-Trao, thì xóm ấy đã lập được ba chục năm rồi và ông đạo Trần (9) đã già, song hãy còn quắc thước lắm. Ông tiếp người dắt và hỏi:

— Cháu đến đây có việc gì?

Người dắt thưa:

— Anh thấy Quảng dạy cháu đến đây, gọi găm người này cho bác. Người này vốn là một tên tù, can án ăn cướp, bị kêu chung thân khổ sai và đày ra Côn-Đảo. Nay nhờ

anh em mình đưa về, đền đây nhờ bác độ cho linh hồn của va. Bởi vì nếu va không cải tà qui chánh, trở về đường cũ, thế nào cũng bị bắt rồi sa vào ngục. Té ra công của mình cứu va là hoài sao?

Ông Trần đáp:

— Được! Nếu va chịu ở đây mà nghe, thì bác sẵn lòng dìu dắt. Nhược bằng lòng tà còn nhiều, mà trồn đi thì làm sao bác độ được.

Người dắt từ giã ông Trần và Xình mà đi. Ông Xình ở lại hầu hạ ông Trần, thấy ông sáng không dậy lạy Phật tụng kinh, mà cũng chẳng có chuông mõ, thì lầy lăm lạp lăm, nhưng chẳng dám hỏi. Ba ngày sau, ông gọi Xình lại mà hỏi:

— Hối thuở nhỏ, khi bắt đầu vào đời, người lập chí làm gì?

Xình tình thật tỏ hết dĩ vãng của mình để đáp lại những câu hỏi của ông Trần. Khi hẳn nói dứt thì ông Trần khuyên:

— Trước khi người bước vào một khúc đường mới của đời người, người hãy làm một công việc xét nét kĩ lưỡng. Việc thứ nhứt, người nên xem người còn trung thành với cái chí nguyện đầu tiên của người chẳng.

Xình thưa:

(7) Tên họ thật của vua Quang-Trung. Hồ là họ cha, Nguyễn là họ mẹ.

(8) Mộng đem lại độc lập tinh thần cho Dân tộc, đem lại phú cường và vinh quang cho Đất nước, góp phần vào việc đem lại Yếu vui cho loài người.

(9) Vì ông tu theo một lối riêng và ở trần.

— Tôi đã thừa cho thấy rõ. Chí nguyện của tôi vốn là phản Thanh phục Minh... Nay mấy chục năm qua, việc phục Minh có lẽ lộn lộn nhiều, mà lòng phản Thanh vẫn còn mạnh mẽ.

— Nhà Thanh hãy còn, chẳng ?

— Nhà Thanh hãy còn mà dân Hán hãy còn chịu sự đè nén của ách đô hộ của giòng Mãn.

— Người xét coi trong mấy năm qua, người đã hi sinh cho chí nguyện được bao nhiêu năm, đã mấy lần, thành bại mấy phe ?

Xình không đáp, nhìn vào nói tâm, mù mù mịt mịt, biết bao lần vào sanh ra tử, mà không lần nào đáng gọi là chí nguyện. Chàng tụ tập người có, đánh giặc có, làm ăn cướp có, rồi vào tù, bị đầy... một chuỗi cực khổ, toàn mồ hôi, toàn nước mắt, mà thật ra chẳng có hưởng thụ gì khác hơn là một đời sống trong bóng tối, trong lần núp và trong ở không nhưng cưỡng bách.

Ông Trần cười và nói :

— Không có gì là lạ. Đời người chỉ là diễn hình của muôn vạn ức triệu đời của những ai quên xét nét về ý chí mà mê mãi theo phương tiện. Con người ra đời không khác nào con thuyền băng ra khỏi mù mù mịt mịt, ý chí là địa đồ và chỉ nam châm, hay sao Bắc đẩu. Mỗi bước đi phải xét nét, xem đã lệch ra ngoài con đường thế nào và bao xa. Việc lệch ra khỏi đường là việc lắm lúc phải cần, không khác nào vượt biển gặp đá rạn phải lách vạy. Nhưng

lách đá rạn, là phương tiện. Còn đích vẫn là đích. Mỗi lần lách đá rạn, người phải chỉnh phương hướng sao cho đến đích mới được, thì phải có địa đồ và chỉ nam châm... Chớ muốn phản Thanh, người cần có tổ chức, muốn có tổ chức, người cần có tiền, muốn có tiền, người đi ăn cướp, cứ theo sợi dây nhân quả ấy mà quên việc phản Thanh, thì người hoàn toàn sai lạc...

Xình thưa :

— Thại tôi đã hoàn toàn xa mục đích.

— Bây giờ tới một cái trạm. Người được tạm dừng nghỉ chơn. Tốt hơn là người xét nét lại cái nghĩa lí của cuộc sống mai sau. Muốn vậy, phải bỏ hết quá khứ, xem tất cả việc đã qua chỉ là một cơn mộng, một cơn mộng để răn mình, để dạy mình. Và chẳng nên bám víu vào một điều hay, một việc dở, một ơn riêng, hay một thù oán, người phải xem người như là một thanh niên sắp bước vào đời, dùng cái quên lớn mà kéo tuổi người đi ngược dòng thời gian, trở về còn lỗi hai mươi thời, để người lập chí. Thôi, người hãy suy nghĩ đi... Nếu người nghe theo lời ta, thì ta còn có thể độ người được.

(Thầy Quảng đến, bàn đọc riêng với ông đạo Trần, rồi...)

Thầy Quảng gọi Xình ra ngồi dưới gốc cây cây mà nói chuyện. Thầy hỏi :

— Bây giờ, tôi thay chú tôi mà nói chuyện tiếp với chú.

Chú đã suy nghĩ chưa ? »

— Tôi đã suy nghĩ nhiều từ mấy ngày nay. Bản tánh của tôi không đền đoi hung dữ và xấu xa. Bởi công việc mà hóa con người tôi ra như vậy. Bây giờ tôi chỉ muốn lập đời lại, nói cho đúng hơn, là tiếp tục cái đại mộng mà tôi đã giác hồi chưa rời gia đình. Ấy là đeo đuổi được công việc giải phóng dân Trung - Hoa khỏi ách Mãn - Thanh.

— Chú có dám hi sinh như hồi đó chăng ?

— Vẫn còn máu hi sinh lắm.

— Có một điều quan trọng lắm, là mấy mươi năm trong giang hồ, chú quen không tuân kỉ luật. Điều ấy có thể gột chăng ?

— Tuy gọi rằng đám giang hồ đứng ngoài luật pháp, song cũng biết tuân kỉ luật. Không kỉ luật làm sao tổ chức được đảng cướp ?

— Nếu kỉ luật cần chú cướp giết, chú có tuân theo chăng ?

— Tôi tự nguyện không theo trộm cướp nữa.

— Chú có thể quên cái dĩ vãng của chú chăng ?

— Tôi sẵn lòng quên.

— Tôi nói rõ. Chú có thể bỏ vợ cũ chăng ?

— Vợ ấy là vợ qua đường, tôi có thể bỏ được.

— Chú có thể bỏ đứa con gái chú chăng ?

— Tôi cũng thương nó chút. Mà nó có chồng rồi, tôi không đòi hỏi phải ở bên cạnh nó được nữa.

— Chú nghĩ kĩ đi. Bây giờ chú đứng trước một ngã rẽ. Chú phải chọn. Bên này là sự quên đứa con này. Rồi đi vào con đường lập đời lại theo ý nguyện từ xưa, cái ý-nghuyện mà chú mấy mươi năm nay xao lãng. Còn ngã bên kia là chú không quên, chú đeo đuổi theo sự nhớ đó với tất cả cứu cánh của nó. Chú lựa bên nào ?

— Tôi chỉ nghi ngờ thôi, mà chưa thật hiểu.

— Đây tôi nói toạt ra cả. Con gái của chú đã bị người ta giết. Nếu chú còn nhớ nó, thì đi theo con đường thường, chú phải báo thù, thì có hai cách. Cách dễ dàng hơn hết là chú đứng đơn mà đấu cáo kẻ sát nhor. Kẻ sát nhor sẽ đến tội, mà đồng thời chú là nguyên cáo, chú lại tự nạp mình cho người ta bắt chú mà trả về Côn-Lôn để cho chú đến cái tội riêng của chú. Nếu chú muốn đi vào con đường này, thì tôi sẽ cho chú đủ bằng cớ, tang vật, lời khai của chứng, lời khai của kẻ sát nhor, tôi sẽ cho người dẫn chú mà chỉ cái mã của con chú. Tôi lại bắt sẵn tên sát nhor mà giao cho chú nữa... Còn cách thứ hai, là chú không đấu đơn mà tố cáo. Mà chú tự lập chú làm kẻ « thừa thiên hành đạo », chú lập kẻ mà giết kẻ sát nhor để trả thù. Trong trường hợp này, tôi không có lí do nào mà giúp cho chú giết người. Tôi sẽ không nói kẻ giết con chú là ai. Tự chú tìm lấy mà làm cho vừa lòng chú. Nhưng chú nên nhớ rằng kẻ ấy cũng có kẻ

thân yêu, họ sẽ báo thù, thì hoặc chú sẽ bị họ giết lại, hay là chú sẽ bị họ tố cáo, mà chú sẽ bị lên án tử hình vì tội giết người. Phải, chú sẽ bị tội giết người, vì tất cả bằng chứng rằng kẻ ấy đã giết con chú, tôi đã thủ tiêu hết, thì làm sao chú mượn được tiếng báo thù để hưởng trường hợp giảm-khinh ?

Xình không nói gì hết. Dáng đau khổ và suy nghĩ lắm. Thấy Quảng tiếp :

— Chú ở địa ngục, vừa thoát ra để đi đầu thai, trước mặt chú có ba cửa. Chú nên chọn lựa. Nếu chú chọn con đường sống, thì chú có thể có một tương lai rực rỡ. Tôi sẽ cho chú làm người hộ vệ cho một số người để chú mượn ngô ấy mà trở về với cái đại gia đình phàn Thanh phục Minh. Tôi thành thật mà mách cho chú biết.

Xình nín thính giây lâu, rồi hỏi :

— Còn kẻ sát nhơn kia sẽ ra sao?

— Hắn sẽ đến tội. Nhưng ai bắt hắn đến tội ? Thì hoặc là Trời, hoặc là kẻ vâng lệnh Trời. Còn nếu cả hai đều không làm xong nhiệm vụ của mình, thì chúng tôi sẽ mượn lương tâm của hắn, bắt hắn đến tội. Hiện nay chúng tôi chưa tin tưởng được Trời là công bằng, chúng tôi không nhìn nhận rằng triều Nguyễn hay người Pháp có thể hành đạo được, thì chúng tôi mượn lương tâm của hắn ngày ngày trừng phạt hắn.

— Nếu hắn bị trừng phạt, lòng căm thù của tôi được thoả bớt

một phần nào, tôi có thể dần cái còn sót lại mà không dần vào con đường cũ để quên đoạn đời giang hồ mà đeo đuổi theo chí nguyện.

— Vậy thì từ nay, chú phải vâng theo mạng lệnh tôi. Tôi sẽ lái chú đi vào con đường đó. Và tạm thời, chú ở đây mà chờ tôi ít ngày.

Rồi thấy Quảng từ giã ông đạo Trần mà đi sang Bền-Đá.

(Thế là Xình sắp có một cái bè để trở về mộng thuở xưa. Chỉ còn Hoài-Đức. Chàng nho sinh cấp tiến này gặp một trở ngại lớn, đó là người vợ yêu, quyết bỏ cha mẹ già, hai con dại cùng sản nghiệp to để chia gánh nặng cùng chồng).

*
* *

Thoại-Dung đi suốt hai ngày trên xe trâu, đôi mây lượt, mới đến huyện Hàm-Tân, tỉnh Bình-Thuận, mà gặp Hoài-Đức.

Khi xe trâu đến Phú-Mĩ, thì thấy Quảng đã có mặt tại đó. Thấy hỏi :

— Cháu đi có nói được gì với chồng chẳng ?

Thoại-Dung đáp :

— Cháu nói chưa hết lời.

— Vợ chồng mà làm sao hết lời được. Ở với nhau cả đời mà còn chưa cạn lời thay ! Thôi hai vợ chồng nường mây miềng khô nai, đem bình rượu và mấy cái li ra gốc cây cầy uông chơi, chú có mấy việc nói vợ chồng cháu.

Thoại-Dung vẫn còn giả trai, lật đặt dọn tiệc rượu nơi cây.

Thấy Quảng dắt Hoài-Đức ra, uông rượu ăn khô nai, và nói :

— Cháu không thể nào ở trong xứ được. Cháu đi đâu, người ta chỉ theo con vợ của cháu, là bắt được cháu ngay. Công mình tổ chức rất hoải, mà sau này, khó vượt ngục lần thứ hai được. Cháu chỉ còn có hai cách. Một là lên núi, mà đó là hạ sách, vì vợ cháu cũng theo lên núi... Hai là cháu đi xứ ngoài. Đi xứ ngoài, họa may thoát được, mà cháu còn lãnh được một vài nhiệm vụ.

— Cháu cũng muốn ra xứ ngoài. Bè bạn cháu cũng muốn cho cháu sang Tàu.

— Sang Tàu là phải. Trái chín là chê độ Mãi-Thanh đã mùi rục sắp rụng, nước Tàu sẽ được giải phóng. Cháu sẽ coi, ở thời này, một nước vừa độc lập, sẽ mắc lầy những biến cố gì. Cháu nghiên cứu việc ấy để rút kinh nghiệm cho nước nhà. Có lẽ cháu sẽ gặp nhiều hơn tài của nước Việt ta đang kiều cư ở hải ngoại. Lòng thành của họ rất nhiều, song họ cũng lù mù như cháu trước kia, là mới có ý niệm rõ rệt về sự giải phóng dân tộc; nhưng được giải phóng rồi, nước nhà tổ chức ra sao, do ai lãnh đạo, thì họ chẳng có ý kiến chi cả. Như ngọn đèn treo trước gió, họ sẽ xiêu bạt theo ngọn gió mà chẳng có định hướng nhứt định. Cháu phải cố gắng soi sáng họ về điểm này. Lại còn một việc chánh yếu là từ đời Quang-Trung, chúng ta luôn luôn đi theo một đường lối trong việc giao thiệp với dân tộc Tàu, ấy là phản Thanh phục Minh chống với bạo lực của phương Bắc

mà cũng cõ cái văn minh của phương Nam. Chú muốn cho cháu đi chuyến này để giúp cho cuộc cách mạng Tàu, Sẵn cháu Hán học uyên thâm, cháu học thêm cách nói, thì cháu sẽ là một nhơn vật quan trọng được.

— Cháu sẽ rón. Nhưng cháu có một trở lực to.

— Là gì?

— Là con vợ của cháu. Cháu nếu phải vì nghĩa vụ mà ra đi, thì nó gây cho cháu không biết bao trở lực.

Thoại-Dung thưa :

— Cháu xin lỗi chú mà đành chấp lời của chồng cháu. Cháu có gây trở lực nào đâu? Chồng cháu đi đâu, thì cháu theo đó. Cháu theo làm con nầu ăn cho chồng cháu, làm viên nữ thư kí cho chồng cháu không ăn lương, mà cháu còn cấp lương đầy đủ cho chồng cháu tiêu dùng. Cháu chỉ xin chồng trả cho cháu một món, là tình yêu mà thôi. Xin chú làm chứng cho cháu rằng đã dự bị sẵn món tiền để cho vợ chồng cháu lên đường.

Thấy Quảng cười nói với Hoài-Đức :

— Tục ngữ có câu : « vợ là oan gia » cháu quên sao?

Oan gia có bao giờ không theo mãi, cháu làm sao gỡ cho ra?

Hoài-Đức nói :

— Hồi trước nó hiền, sao bây giờ nó dữ quá.

Thoại-Dung đáp :

Bình Khương mà hùn cháu
chính bầy a cánh quàng mũ như hĩ
chỉ khi Tia Tã

— Hồi trước, em là con gái của ông cả Mai-Trọng-Lực, một điển chủ lo *tu thân tể gia*. Còn bây giờ em là con gái của ông thầy Quảng, người lập chí *trị quốc bình thiên hạ*. Khác nhau lắm. Em còn là đứa con gái của chú. Chú sẽ gả em cho anh, để cùng anh làm công việc của chú giao phó.

Thầy Quảng cười.

— Cháu muốn đi qua Tàu chăng? Thì phải cải trang làm xam đa!

— Cải trang làm đàn ông, cháu đã làm rồi, lựa là làm xam.

— Cháu qua bên phải học. Học nói tiếng, học thêm các khoa khác. Và sẵn bên Tàu có nhiều sách vở, cháu nghiên cứu tất cả cái chi về nước ta. Còn việc cha mẹ của cháu, việc hai con của cháu, chú lo cho. Sao, Hoài-Đức, cháu có bằng lòng

cho vợ theo không?

Hoài-Đức cười, nói:

— Con gái của chú dữ quá! Nó hăm hể cháu không dắt nó đi thì nó giết cháu. Ở trong rừng, nó bảo rằng cháu muốn đi một mình, thì hãy giết nó trước đã!

— Con gái của chú nó dữ lắm vậy, mà cháu dám cưới không? Có dám thì đợi ngày mừng năm tháng năm (10) mà tề cáo để làm lễ cưới.

Hoài-Đức lại cười:

— Không bằng lòng cũng không được với nó!

.

Côn-Sơn, ngày 15-VII-58.

HỒ-HỮU-TƯỜNG

(Lá một mùa thu)

(10) Là ngày Sinh-nhật Quang-Trung. Tất cả ghi chú trong truyện này đều do người trích.

NHÀ XUẤT BẢN

HUỆ-MINH

CHUYÊN XUẤT BẢN TÁC PHẨM CỦA HỒ-HỮU-TƯỜNG

Sẽ lần lượt tái bản

Muốn hiểu chánh trị
Vấn đề dân tộc
Xã hội học nhập môn
Kinh tế học nhập môn
Lịch sử văn chương Việt-Nam, I
Phi-Lạc sang Tàu Ngàn năm một thuở I
Thu-Hương Gái nước Nam làm gì? I
Chị Tập Gái nước Nam làm gì? II
Tam-Quốc chí, I (dịch)
Nỗi lòng thành Hiệp
Quả trưng thần
Tương lai kinh tế Việt-Nam
Tương lai Văn-hóa Việt-Nam

Và sẽ lần lượt xuất bản:

Muốn làm chánh trị
Đối tượng của xã hội học
Kế thế
Thuốc trường sanh
Lá một mùa thu
Quỳnh-Dao
Vũ-Luân-Lan, gái thời loạn
Nợ tình thần
Phi-Lạc bốn Nga (Ngàn năm một thuở, III)
Mùa xuân chim Lạc
Trăm tư một người tội tử hình.

mùa xuân trên tay

thêm có một người tới với tôi
một người và chỉ một người thôi
để tôi khỏi rớt hoài rớt hoài dĩ vãng
để tôi khỏi uống hoài uống hoài tương lai

●
để tôi khỏi mở tay ra nhìn
và tưởng đời như cuộc ú tím
để tôi khỏi nhắm mi nghe tiếng
mưa ào mưa ào trên mái tôn

●
để tôi khỏi đỡ ngọt lấy hồn
dừng quay về mảnh đất héo hon
mảnh đất tôi trồng đầy kỷ niệm
rồi đại khờ tự nhốt tôi ở trong

●
cần có một người đến với tôi
trao một nụ cười, một làn môi
để tôi kể tôi trong câu chuyện
cổ tích bây giờ rất thơ ngây

●
bây giờ ôi mở mắt nhìn đời
mới biết còn mùa xuân trên tay
bây giờ tôi mở mắt nhìn người
mới biết còn em giữa đời tôi.



SAO RỤNG

truyện dài của

● TRUNG DƯƠNG

SUỐT mấy ngày bị giam, không ngày nào là người ta không lôi tôi ra hỏi cung. Và những lần hỏi cung như vậy, những cái đấm, những cái đá và những cái bạt tai không vắng mặt. Thành thực mà nói tôi không có gì để khai cả. Nhưng họ không tin như thế. Thì ra họ muốn tôi nói dối. Tôi bịa ra một vài điều vu vơ, vì chưa chán hơn là vì sợ những trận đánh. Họ nhìn tôi nghi ngờ. Rút cục, tình trạng không sáng sủa hơn mà trái lại. Tôi biết trước như thế nhưng tôi cũng bất gặp một thú vị khi thấy họ tin những lời bịa đặt của tôi, bằng cớ là họ đánh tôi nhiều hơn nữa. Sau những lần hỏi cung như vậy, họ đưa tôi về phòng giam. Thân mình tôi ế ẩm. Khi cánh cửa phòng giam khép lại, những người cùng giam với tôi chạy đến bên tôi hỏi han, lo lắng cho chính họ. Tuy nhiên, tôi cũng cảm thấy ẩm cúng đôi chút vì dầu sao họ cũng cùng ở trong hoàn cảnh như tôi, cùng chung lo mối

lo như tôi. Một đôi khi giữa cơn đau đớn, nghĩ lại về ngờ nghệch tàn ác của bọn người vừa hành hạ mình, tôi bỗng phá lên cười, tiếng cười man rợ, đầy căm hờn. Một lần nữa tôi xin nói tôi không làm gì cả. Tôi chỉ là một kẻ đi dạy học tầm thường và còn đang đi học. Tôi cũng hoài nghi nhưng vẫn nghĩ rằng mình còn trẻ, chưa đủ chín chắn để có thể quyết định một cái gì. Vì thế, thái độ của tôi là đứng ngoài cuộc. Nhưng hôm nay đây, sau những trận đánh dã man, vô nhân đạo và tàn ác, lòng căm hờn đã thực sự có ở trong tôi. Không còn gì để phải lựa chọn nữa. Tôi hiểu rằng như vậy là tôi đã để cho tình cảm lấn át lý trí. Nhưng tôi không thể làm khác khi mà mắt tôi đã chứng kiến cái cảnh nhân vị con người bị chà đạp, coi khinh, và hơn thế nữa, tôi đã đóng vai nạn nhân. Họ không cần biết thái độ của tôi, của riêng tôi. Họ không cần biết gì. Họ chỉ thấy

tôi đang ở trong đám người bị bắt giam và họ đối với tôi như một kẻ có tội, có tội đối với họ cố nhiên. Lần đầu tiên tôi thấy rằng những tha thiết góp công vào việc vun sới cho đất nước tôi, cái đất nước vừa thoát ra khỏi vòng nô lệ ngoại bang, bị chà đạp, bị thui chột một cách không thương tiếc. Tôi nhìn những mảnh vụn của những ước vọng thanh niên đối với tiền đồ tổ quốc của tôi mà đau đớn. Bây giờ hơn bao giờ hết tôi mong muốn được là người dân Anh, hay Pháp, để được sống trong bầu không khí của một nền dân chủ cổ cự, lâu đời, để được thấy giá trị con người của mình không bị chà đạp ngay cả khi thực sự có tội. Trước khi bước chân vào nơi đây, tôi vẫn kiêu hãnh được làm dân của xứ tôi vì tôi biết rằng tôi có những ước vọng và xứ sở tôi đang cần đến tôi. Tôi vẫn ca tụng sự thiếu thốn. Tôi ghét sự đầy đủ. Nhưng bây giờ tôi hiểu rằng dân tôi chẳng những thiếu thốn về vật chất mà còn thiếu thốn cả về tinh thần : đó là một dân tộc quá quen với sự nô lệ, thiếu tự chủ và tự trọng. Nếu người ta nói rằng tuổi trẻ dễ hăng say, nhưng cũng dễ thất vọng, thì tôi xin thú thực, tôi đang ở trong tình trạng ấy. Nhưng có điều chắc chắn là lòng căm hờn những người đã đánh đập tôi vẫn sôi nổi ở trong tôi, mà tôi tin rằng nếu những người đã đánh tôi đọc được điều đó, họ sẽ giết tôi hơn là tha cho tôi về.

Một buổi chiều người ta đến căn phòng giam bọn chúng tôi, gọi tên tôi và dẫn tôi đi. Tôi ngạc nhiên không ít vì buổi hỏi cung bất tử này. Thường

họ hỏi cung tôi vào buổi sáng. Sáng nay tôi đã bị hỏi cung. Vậy thì bây giờ họ đưa tôi đi đâu? Tôi nghĩ đến cuộc hỏi cung thứ hai trong ngày mà rùng mình. Những người cùng giam nhìn tôi ái ngại. Điều này làm tôi cảm động không ít, mặc dù tính tôi vốn ít xúc động và rất ghét sự mủi lòng. Nhưng tôi cũng ném cho họ một cái nhìn biết ơn và như thầm nói với họ là tôi sẽ trở lại bằng an, nghĩa là không chết. Tôi không thể chết, tôi vẫn nghĩ thế. Khi đã đi xa rồi tôi vẫn còn cảm thấy những cặp mắt nhìn theo. Tôi vươn người lên để cho dáng đi đàng hoàng và thẳng thắn, tỏ ra bất khuất. Tôi có cái lợi điểm là cao và thẳng, tuy hơi gầy y.

Quả lần ấy tôi bằng an hơn tôi tưởng. Nhưng bù lại, tôi không còn trở lại phòng giam cũ nơi có những người không phải ruột thịt nhưng thành thực lo lắng cho tôi. Người ta không đưa tôi tới phòng hỏi cung mà đem giam vào một căn phòng riêng rẽ, khá sạch sẽ chứ không hơi hám bẩn thỉu như ở căn phòng giam cũ. Nơi đây chỉ có một mình tôi. Người ta cũng đối đãi với tôi tử tế hơn. Tôi ngờ rằng người ta đã gán cho tôi một tầm quan trọng nào đó và muốn khai thác thêm. Tôi chờ đợi cái giây phút đó, không mấy lo lắng bồn chồn. Lần đầu tiên tôi được nằm thoải mái, có thể dang rộng chân tay tùy thích từ ngày bị giam giữ ở đây. Tôi nằm bất động, nghe toàn thân ê ẩm, nhức nhối và một mối căm hờn như khóa động trong tôi. Tôi nghĩ đến bố tôi, mẹ tôi và các em tôi — nhất là mẹ và các em tôi. (Tôi vẫn cách biệt với bố tôi, mặc dù chính tôi lại chịu ảnh hưởng

của bố tôi nhiều hơn cả: đó là sự chua chát, cay đắng với cuộc đời). Tôi chỉ biết rằng tôi đã nghĩ nhiều lắm, nhưng những ý tưởng mông lung, không rõ rệt để tôi có thể gọi tên chúng ra. Rồi tôi thiếp đi.

Tôi tỉnh dậy vì tiếng gõ leng keng vào song sắt. Tôi nghiêng đầu nhìn ra phía cửa ra vào thấy một người lính đang chìa phần cơm tối vào cho tôi, hắt hàm nói:

— Dậy ăn đi chứ?

Tôi từ chối phần ăn, vì sự nhức nhối của cơ thể đã dán chặt tôi xuống mặt phản. Tôi có cảm tưởng mình có thể lên cơn sốt vì sự đau đớn. Nhưng đó chỉ là cảm tưởng. Tôi không lên cơn sốt dễ dàng như vậy. Nhưng đêm ấy tôi cũng trải qua một đêm khó ngủ. Hình như những trận đánh của cả mấy hôm trước dồn lại hành hạ tôi trong đêm hôm nay. Những đêm trước tôi có những người bạn — tôi có thể dùng chữ « bạn » cho những người cùng bị giam chung với tôi dù chúng tôi mới quen nhau được mấy ngày! Ở bên cạnh. Họ không an ủi tôi bằng lời nói nhưng sự hiện diện của họ đã giúp tôi quên đi nhiều. Tôi ôn lại từng nét mặt của những người bạn mới. Họ còn trẻ cả, cũng như tôi. Trong cái nhìn của họ ánh lên nét căm hờn, nhưng họ lại rất tốt. Cái đặc điểm của họ là lòng thương người và tính dễ xúc động. Họ hành động vì sự xúc động trước những bất công, vì thế thiếu sự suy tính kỹ càng và những cân nhắc hơn thiệt. Họ bộc lộ và cởi mở một cách dễ thương khiến tôi nghĩ nếu có những lần lăm, họ rất đáng được tha thứ. Tự nhiên tôi thấy

thương họ đậm đà.

..

Suốt ngày hôm sau không ai đã động đến tôi cả, trừ người lính hai lần đem cơm vào cho tôi. Mặc dù không muốn ăn tôi cũng cố gắng nuốt lấy chút ít để cầm hơi (Tôi nghĩ: để đủ sức đối phó với bọn người không tim. Tôi không muốn người ta thấy tôi lả đi).

Sáng hôm sau nữa, người ta tới dẫn tôi đi. Không phải là đi hỏi cung mà là đến phòng dành riêng cho các thân nhân và những người bị giam giữ gặp mặt nhau. Từ xa tôi đã nhận ra dáng người bé nhỏ của mẹ tôi. Trông bà tiêu tụy hẳn đi. Chúng tôi bà đã nhiều đêm thức trắng để lo lắng và tìm cách chạy chọt cho tôi khỏi vòng tù tội. Tôi đứng lặng nhìn bà rất lâu qua song cửa sắt của phòng gặp mặt. Nghĩ đến số kiếp vất vả của mẹ tôi, tôi thấy xót xa. Bất giác tôi nhìn xuống 2 bàn tay buông thõng, bỏ ngỏ của mình. Tôi chưa làm được cái gì cho mẹ tôi ngoài những lo lắng của bà vì tình trạng hiện tại của tôi, và trước đó nữa, những xung đột giữa tôi và bố tôi. Tôi đã trả ơn cho mẹ tôi bằng sự lo âu, buồn rầu. Tôi nghĩ mà muốn rơm rớm nước mắt nhưng đã từ lâu rồi tôi không biết nước mắt là gì. Dễ thường tôi cũng không còn nhớ vị mặn của nó như thế nào.

Người lính dẫn tôi đến gặp mẹ tôi, lên tiếng nói trong khi chỉ về phía mẹ tôi:

— Có người đến thăm chú. Bà ấy kia kia...

Tôi ngắt lời, không quay lại:

— Tôi biết rồi. Cám ơn anh.

Người lính không nói nữa, lẳng lặng bỏ đi.

Thấy tôi, mẹ tôi vội chạy đến bên tôi. Bà có vẻ muốn siết lấy tôi vào lòng như những ngày tôi còn nhỏ. Bà do dự, ngược cặp mắt ướt nước lên nhìn tôi. Tôi thấy bà có vẻ vui mừng, và niềm xúc động vì vui mừng đã khiến bà không cảm được nước mắt. Mẹ tôi khóc đã nhiều, nhưng nước mắt bà hình như chẳng bao giờ cạn. Bà khóc thương chồng thất bại, sinh ra quân tử. Bà khóc thương các con không được đầy đủ, đứa thì còn nhỏ, đứa thì gặp hoạn nạn. Dòng nước mắt tình thương vẫn chảy và chảy mãi. Tôi nhìn dáng dấp bé nhỏ của mẹ tôi, cái dáng dấp đầy chịu đựng. Tôi muốn ôm ghì lấy bà vào vòng tay như ôm một người yêu bé bỏng mà vô về. Nhưng tôi vẫn đứng im lặng nhìn mẹ tôi. Cuộc đời đã làm tôi trở nên trầm lặng, ít nói và ít cả bộc lộ ra ngoài những xúc động. Bố tôi vẫn bảo tôi là khô khan và sắt đá. Thực ra tôi cũng có những xúc động. Tôi chỉ muốn giữ lấy chúng cho riêng tôi, và lại, bản tính tôi vẫn khép kín. Sau mẹ tôi, chỉ có một người con gái duy nhất đã làm tôi cảm mến và nhớ mãi. Bây giờ nàng đã đi lấy chồng. Nàng hơn tôi 4, 5 tuổi. Tên nàng là Ngà. Ngà chỉ trở lại trong tôi bằng những bước chân thần tượng nhẹ nhàng. Bố tôi không thể hiểu được những điều tôi đã cảm nghĩ, bởi vì ông là bố tôi.

— Anh, con ! . . .

Mẹ tôi khẽ gọi tên tôi, hình như tôi bằng lòng về sự bộc lộ nhẹ nhàng và

kín đáo, khộng sôi nổi của mẹ tôi, một người đàn bà thuần túy Á-Đông. Một nụ cười ngượng ngập. Tôi muốn thấy mình trở nên thân mật hơn. Nhưng tôi lại lên tiếng khê trách mẹ tôi.

— Con đã nói với mẹ nhiều lần là đừng lo lắng cho con quá chỉ thêm hại sức khỏe. Thế nào rồi con cũng về. Người ta không thể giữ mãi. Con thấy mẹ đi lại mãi, con . . .

Tôi bỗng ngừng nói vì chợt nhận thấy sự vô lý của mình. Tôi nói nhanh :

— Con muốn mẹ không lo lắng. Mẹ có vẻ tiêu tụy lắm. Con vẫn mạnh và bằng an ở đây.

Tôi nhấn mạnh hai chữ cuối cùng bằng một giọng chua chát. Cùng lúc ấy, tôi nghĩ rất nhanh đến những người bạn mới và tự hỏi không biết bây giờ họ ra sao. Mẹ tôi nhìn tôi, vẻ hốt hoảng. Có lẽ mẹ cũng nhận ra vẻ tiêu tụy vì những trận đòn ốm tử của tôi nhận được ở đây. Tôi vội cười và nói đùa, vừa đủ cho mẹ tôi nghe thấy câu khôi hài của tôi :

— Thấy mẹ khóc khi trông thấy con, làm con có cảm tưởng con đã chết và hồn con đang đứng trước mặt mẹ... Mẹ thật lạ ! Mừng cũng khóc được !

Mẹ tôi đập nhẹ vào cánh tay tôi :

— Cái thằng này, chỉ nói đại thôi nào ! Mày còn lạ gì tính mẹ nữa...!

Mẹ tôi co vạt áo lên chấm những giọt nước mắt trên má. Cử chỉ đó làm tôi nhớ đến những buổi đi hàng về mệt nhọc, mồ hôi ướt đầm trên trán và khoảng giữa mũi và miệng, mẹ tôi đứng trước cửa nhà vừa dùng vạt áo lau đi những giọt mồ hôi, vừa nhìn

quanh nhà xem xét, cũng có thể bà đang tìm lại những hình ảnh thân yêu mà bà đã không được cái may mắn của những người đàn bà khác được nhìn ngắm và gần gũi suốt ngày để thu nấp. Nhưng lúc ấy tôi lại hồi tưởng đến mấy câu thơ của một bài học thuộc lòng mà tôi đã học từ năm lớp ba, lớp tư gì đó (tôi cũng không nhớ đầu đề và tác giả của bài thơ nữa) có lẽ vì cái hình ảnh người mẹ đem áo ra phơi trước dậu đã làm tôi xúc động không ít, tôi cũng không hiểu vì sao :

... Tôi nhớ mẹ tôi thuở thiếu thời

Lúc người còn sống tôi lên mười

Những lần nắng mới gieo ngoài nội

Áo đồ người đem trước dậu phơi

Hình bóng mẹ tôi chưa xóa nhòa

Hãy còn mừng tượng lúc vào ra

Nét cười đen nhánh sau tay áo

Trong nắng trưa hè trước dậu thưa.

Tôi đã yêu tha thiết cái hình ảnh gợi cảm đó. Càng đọc tôi càng thấy yêu hơn và thấm thía nỗi đau buồn của những người có một người mẹ để rồi mất đi và thấy rằng không gì có thể thay thế được chỗ trống đó. Nhiều khi tôi nghĩ ; một người đàn bà nom thật tầm thường giữa một đám đông không có gì là đặc sắc, đáng chú ý ; nhưng đối với đứa con đang mong mẹ nó về, là cả một sự quý báu và cần thiết. Tôi hiểu vì sao khi vừa trông thấy mẹ tôi đến thăm tôi, tôi cảm thấy mọi cảm hờn đều được xoa dịu. Lòng tôi ấm cúng hẳn lên và trở nên dịu dàng hơn.

— Mẹ... Mẹ vẫn mạnh chứ ạ ?

Mẹ tôi hơi ngạc nhiên, nhưng bà tỏ

ra rất hài lòng về thái độ thay đổi đột ngột của tôi. Mẹ đáp :

— Mạnh. Mẹ vẫn mạnh, con ạ.

Tôi không tin.

— Mẹ dối con. Mẹ thức đêm nhiều. Mắt mẹ có quầng thâm.

Mẹ tôi cười, vẻ cảm động, mắt chớp nhanh :

— Đồ chó ! sao bỗng nhiên hôm nay mày lại căn vặn lời thôi ? Mắt mẹ vẫn thế từ trước. Mày chẳng vẫn nói là mắt mẹ như vậy lại có vẻ đẹp của một... một gì nhỉ ? Mẹ lại quên rồi !

Tôi cười, nói tiếp :

— ...Của một mệnh phụ phu nhân !

— Ừ, của một mệnh phụ phu nhân, là gì !

Mẹ tôi tỏ ra thích thú vì sự khen ngợi của tôi. Tôi nghĩ rằng đối với một bà mẹ, lời khen của đứa con trai lớn có hiệu lực của lời khen của 1 người yêu — cũng như sự săn sóc, triu mến của người con ấy vậy.

— Các em nó nhắc đến con luôn.

Tôi hỏi về bố tôi :

— Ba ra sao mẹ ?

— Ông ấy vẫn thế. Tội nghiệp..

Tôi thấy thương xót bố tôi nhiều hơn là ghét. Mẹ tôi nắm lấy tay tôi. Tôi cúi xuống nhìn bà. Chúng tôi nhìn nhau im lặng như thế trong một lúc lâu. Tôi không hiểu được trong cái nhìn của bà có những ý nghĩ gì. Mỗi lần nói đến bố tôi, mẹ tôi, sau tiếng chép miệng, đều giữ im lặng vẻ xa vắng. Tôi nghĩ rằng mẹ tôi đang nhớ lại thời hai người mới gặp nhau, 1 sự gặp gỡ khá tho-

mộng, và chính vì thơ mộng nên chẳng bao lâu họ phải đối diện với một thực tế khá phũ phàng. Tôi nghĩ rằng đừng lấy mẹ tôi, bố tôi sẽ khá hơn và bây giờ ông đã có thể kiêu hãnh về sự nghiệp của ông : sự nghiệp của một họa sĩ.

Mẹ tôi chợt hỏi tôi :

— Người ta đối đãi với con khá hơn không ?

Tôi đáp :

— Người ta mới giam con ở một căn phòng đang hoàng tử tế hơn. Cả ngày hôm qua con không còn bị hỏi cung nữa. Con ngờ rằng...

Tôi định nói với mẹ tôi về điều tôi nghĩ khi được đem giam ở một nơi tử tế hơn và riêng biệt. Nhưng tôi sợ tôi sẽ làm mẹ tôi lo lắng hơn, điều mà tôi không muốn. Nhưng mẹ tôi không gặng hỏi, mà cười nói :

— Nhờ ông Duy đấy !

Tôi ngạc nhiên nhìn mẹ tôi :

— Mẹ nói gì ?

Mẹ tôi cười, kéo tôi ngồi xuống một chiếc ghế dài ở cạnh tường, nói khẽ vào tai tôi :

— Mẹ nói là nhờ có ông Duy can thiệp nên họ biệt đãi con. Mẹ mừng là họ đã không tra khảo con nữa. Như vậy lời can thiệp của ông Duy có hiệu quả. Thế nào rồi con cũng được thả ra...

— Sao mẹ biết chắc như vậy ? Mẹ đã nói gì với ông Duy ? Mà ông Duy nào vậy ?

— Ông Duy, chồng cô Ngà ở gần nhà mình trước ấy mà. Tuần rồi hai cụ, ông bà thân sinh cô Ngà, được biết con bị bắt mà không hề nhúng tay vào việc lộn xộn vừa qua, hai cụ có hứa sẽ nhờ con rể là ông Duy can thiệp



cho con được thả về. Họ đưa mẹ đến gặp ông Duy. Mới nghe mẹ kể sự tình, ông Duy đã tỏ ra sẵn sàng giúp đỡ. Mẹ không ngờ cô Ngà lại kiếm được người chồng vừa có thể lực, lại vừa tốt bụng đến thế. Chắc con còn nhớ cô Ngà chứ? Cũng nhờ cô ấy nói nữa. Ông Duy thương và chiều vợ ghê lắm. Cô Ngà lấy được ông Duy đúng là trời không phụ lòng người hiền...

Mẹ tôi còn nói nhiều nữa, nói bằng một giọng tràn đầy sung sướng, hơi kể lể. Tôi không nhớ những lời về sau của mẹ tôi. Tôi nghĩ đến Ngà, đến người con gái có một vẻ đẹp dịu dàng — vẻ đẹp thần tượng — và một tình thương cao cả, khoan dung. Ngà, vị thiên thần của tôi, người con gái lần đầu tiên tôi gặp và yêu bằng một tình yêu câm nín, vô vọng, tình yêu của một thằng con trai mới lớn với hai bàn tay còn trắng nguyên. Không ai biết là tôi yêu nàng, ngay cả nàng. Tôi không ngờ rằng có một ngày hôm nay nàng trở thành ân nhân của tôi, điều mà tôi không muốn vì muốn giữ mãi trong tôi một sự trong sạch, cao đẹp, vô-vị-lợi. Tôi càng khó chịu hơn nữa khi chính người đàn ông mà đã hơn một lần tôi nhìn bằng cặp mắt với ít nhiều ác cảm, lại trở thành kẻ làm ơn cho tôi.

Tiếng mẹ tôi kết thúc một cuộc kể lể:

— Có lẽ chỉ nay mai con sẽ được tha về l...

Tôi đáp lơ đãng:

— Thế à?...

Mẹ tôi về, sau khi dặn dò tôi một vài câu săn sóc thông thường. Tôi nhìn theo dáng dấp nhỏ bé và vội vã

của bà. Tôi thấy đó là dáng dấp của Ngà. Tôi cũng đã nhìn theo bóng Ngà như thế khi nàng cắp tay người chồng lớn tuổi ra chiếc xe kết hoa đậu ở đầu ngõ. Khác với mọi đám cưới khác ồn ào, đám cưới của Ngà thâm trầm, quý phái. Hay tâm hồn tôi lúc đó đang dự buổi tiễn đưa mối tình thầm kín của tôi đi vào nơi ngàn thu, chốn vĩnh cửu nên không tham dự vào cái vui vẻ, ồn ào phải có của đám cưới Ngà? Tôi không còn nhớ rõ nữa. Tự nhiên nổi khổ tâm mà tôi đã quên từ mấy năm nay lại trở lại trong tôi...

Đêm hôm ấy, nằm trong phòng giam, tôi nghĩ nhiều về Ngà, nghĩ nhiều như chưa từng bao giờ nghĩ nhiều như thế. Tôi thầm gọi tên Ngà. Tôi thấy hình ảnh Ngà ở khắp nơi, trên trần nhà, trên tường, dưới sàn nhà, trên khung cửa sổ có trần song sắt. Tôi thấy cả Ngà ngồi ở đầu giường tôi, nhưng tôi cố gắng một cách vô ích để với tới nàng, để ghi lấy nàng vào vòng tay vừa đủ tuổi trưởng thành của tôi. Tôi gục mặt vào cánh tay rong một niềm đau khổ tưởng có thể khóc lên được. Nhưng tôi vẫn thấy mắt mình ráo hoảnh, cổ họng khô khan và toàn thân nhức mỏi. Tôi nhìn trừng trừng vào bóng tối bao quanh gian phòng như muốn thấy cho được những hình bóng siêu hình. Xung quanh tôi bóng tối bao phủ dày đặc, im lìm. Tôi cảm thấy cô đơn, cô đơn như chưa từng bao giờ thấy cô đơn như thế.

Tôi đứng dậy, đi lại trong căn phòng giam nhỏ hẹp, day dứt. Tôi đến gục mặt vào bức tường, khẽ gọi tên

Ngà. Tôi đứng như thế một lúc lâu, rồi cuối cùng đến ngồi xuống chiếc phản tựa lưng vào tường. Tôi thấy thêm một điều thuốc. Nhưng lúc cô đơn tôi muốn được làm bạn với khói thuốc. Miệng tôi nhạt nhẽo và vô vị. Tôi nhìn ánh sáng màu ngà của con trăng rằm len lỏi qua song cửa sổ chiếu trên mặt chiếu, ngay cạnh chỗ tôi ngồi. Tôi đặt bàn tay vào giữa vùng ánh sáng đó, quờ quạng như một người mù vì hy vọng bàn tay mình có thể cảm được ánh sáng ngà ngà, cảm được Ngà, Ngà của tôi, của tình yêu vô vọng, không, Ngà của người đàn ông có thể ực và giàu sang và hiện là ân nhân của tôi. Nhưng tôi thất vọng và chua chát. Tôi thầm nghĩ nếu tôi biết làm thơ thì niềm đau khổ đối với tôi sẽ chỉ là một dịp gọi hứng, tôi có thể sung sướng với sự đau khổ, sung sướng vì được đau khổ. Nhưng tôi không biết làm thơ. Tôi cúi nhìn bàn tay đen đui nằm ngửa dưới ánh trăng, bàn tay không được đón nhận vì đã không dám đưa ra, và vì biết có đưa ra cũng chẳng hy vọng được gì. Tôi cảm thấy niềm tủi thân của một đứa trẻ mồ côi đứng nhìn hạnh phúc của những đứa trẻ có cha mẹ và được nuông chiều, sung sướng. Tôi co bàn tay lại từ từ và nắm chặt trong khi chăm chú theo dõi cử chỉ đó như theo dõi một con vật xa lạ đang chuyển mình. Tôi muốn được đập phá một cái gì — cái gì đó, tôi nghĩ sẽ là tượng trưng cho niềm cô đơn của tôi. Tôi thấy thương cho tôi. Tôi muốn khóc được để thương cho mình. Nếu khóc được tôi chắc tôi sẽ bớt đau khổ và cô đơn hơn nhiều. Cũng lúc ấy tôi nghĩ đến bố mẹ và các em tôi.

Con trăng lên cao dần, cao dần. Ngà rút ra khỏi căn phòng giam chật hẹp để chỉ còn là một khoảng sáng trong trẻo và tươi mát ở bên ngoài khung cửa sổ có chấn song sắt. Ngà đã xa hẳn tầm tay với của tôi. Nàng đang ngự ở trên cao trong vẻ đẹp thần tượng. Tôi chưa xót ngược nhìn, để thấy sự vô vọng của mình càng lúc càng lớn rộng, tưởng vô tận... Cùng với nỗi thất vọng trước những đổ vỡ của hiện tại, tôi càng cảm thấy chán nản hơn bao giờ hết.

Trong lúc chán nản, người ta không còn tin tưởng vào ngày mai và cũng không muốn có ngày mai vì sợ lại phải đối diện với sự chán nản. Mới đây tôi sung sướng vì đã được ở một mình để nghĩ đến Ngà. Nhưng lúc này tôi mong mỗi được ở trong căn phòng giam chật chội và hơi hám với những người bạn trẻ ở bên kia để cùng chia sẻ với họ những mẫu chuyện vui buồn. Tôi nhớ đến tâm sự nhớ người yêu của một vài anh mà tính tình quá cởi mở. Tôi nghĩ đến những hè phố vàng ngát của đêm khuya. Nếu bây giờ không ở đây, tôi đã đi lang thang qua các phố vắng để thấy niềm cô đơn của mình với bớt đi theo khói thuốc tan dần trong không gian êm lặng..

..

Năm tôi 16 tuổi, bố tôi thôi làm việc để về hưu. Tuy bố tôi đã ngoài 50, nhưng mẹ tôi còn trẻ; chưa đến 40 tuổi. Tôi được kể lại rằng khi còn trẻ, bố tôi là một họa sĩ có tài. Ông tự nguyện sẽ sống độc thân để chỉ phụng sự chợ Nghệ Thuật. Nhưng khi ông sắp đi được đến nửa đời

người, thì gặp mẹ tôi lúc ấy còn là một thiếu nữ 18. Bố tôi yêu mẹ tôi và nhất quyết cưới người làm vợ, dù gặp sự phản kháng mãnh liệt của gia đình mẹ tôi. Mẹ tôi cũng yêu bố tôi tha thiết. Tình yêu càng gặp trở ngại, càng trở nên mãnh liệt. Họ đã sống những ngày tháng hạnh phúc trước khi sinh tôi. Rồi chiến tranh tràn ngập đất nước. Không ai còn để tâm đến Nghệ Thuật và người họa sĩ cũng không dành tâm gác bỏ ngoài tai tiếng gọi lên đường thiết tha của xứ sở? Bố tôi tham gia kháng chiến. Rồi bố tôi trở về giữa khi chiến cuộc đang tiếp diễn và sắp kết thúc. Ngày ấy tôi còn nhỏ quá để có thể hiểu những chịu đựng và đau đớn của bố tôi khi khám phá ra cái lực lượng kháng chiến mà mình tham gia chỉ là một trò bịp bợm của Cộng-sản. Tôi chỉ còn nhớ ngày đầu tiên gặp lại bố tôi, sau 3, 4 năm xa cách, bố tôi gầy hơn, đen hơn và tóc đã bắt đầu lốm đốm bạc. Bố tôi ít nói đến độ lầm lì, hay trầm ngâm, trái ngược với bản tính ham hoạt-động trước kia của ông.

Khi chúng tôi di cư vào Nam, cuộc sống càng lúc càng trở nên chật vật. Bố tôi về trở lại. Triền lãm. Thất bại. Từ con người lầm lì với vẻ mặt khắc khổ, bố tôi dần dần trở nên chua chát, cay đắng và hay gắt gỏng. Mẹ tôi lại tiếp tục có mang, sinh nở, bệnh tật. Theo cái vòng luẩn quẩn của sự nghèo túng, đời sống chúng tôi càng trở nên đen tối. Một lần, quá tức giận, bố tôi bẻ hết bút vẽ, bỏ đi biệt mất mấy ngày. Về sau chúng tôi được biết ông đã xin vào làm cho một công sở với với chân thư ký hạng bét. Ông

bắt đầu một cuộc sống công chức ngày 2 buổi đi làm và cuối tháng lãnh lương cho mẹ con chúng tôi.

Bây giờ ông về hưu, không biết làm gì hơn, lại cầm bút vẽ lại. Mẹ tôi thay bố tôi gánh vác việc gia đình. Tuy thế bà buôn bán cũng không tệ lắm và đủ sức nuôi bọn 8 anh em chúng tôi, mà đứa lớn nhất là tôi mới 16 tuổi, và đứa bé nhất mới lên 2.

Bố tôi tiếp tục cay đắng, chua chát và hằn học. Không những thế, ông còn mắc thêm chứng nghiện. Hình như những người thuộc thế hệ của ba tôi ít ai tránh được tình trạng này. Mẹ tôi kiên nhẫn một cách kỳ lạ mỗi khi đưa tiền cho bố tôi đi hút, mặc dù những sự túng thiếu trong gia-đình. Mẹ tôi nói với tôi, như là một giải thích, phân trần hộ bố tôi :

— Nếu con biết suy nghĩ, con sẽ thương ba con thay vì khinh ghét. Và nếu ba con đáng khinh thì chính mẹ là người khinh ba trước hết. Nhưng con ạ, nếu có sống ở thế hệ ba con, trải qua cái thất bại cay đắng đã giết mất nguồn sinh lực trẻ trung của mình như ba con và những người ở lứa tuổi ông, con sẽ hiểu và thấy cảm thương là đằng khác. Không ai muốn như thế cả. Chẳng qua là vì hoàn cảnh nó đun đẩy. Con cũng thế. Sau này con cũng bị hoàn cảnh nhào nặn thành một người khác dù con không muốn thế đi chăng nữa ! Chúng ta đều thụ động và bắt buộc phải chịu đựng !

Thực ra, chính tôi cũng không ngờ, cộng với cái ảnh hưởng của thời đại tôi, cái thời đại đầy hoài nghi và cuồng

loạn, tôi cũng còn chịu ảnh hưởng của thái độ cay đắng, chua chát của bố tôi. Tôi trở nên chua chát hẳn học với cuộc đời và với cả bố tôi ! Không ai có thể tưởng tượng thằng bé con như tôi, mà nói ra toàn lời bi quan, yếm thế và gàn dở.

Sau khi bố tôi nghỉ làm việc, gia đình tôi rời xóm lao động vẫn ở từ trước về căn nhà của một người chú độc thân đi ngoại quốc, luôn thể trông nom nhà cho ông trong khi ông đi vắng. Căn nhà ở trong cùng một xóm với nhà Ngà.

Tuy căn nhà hơi chật chội, song được cái khu chúng tôi ở toàn là nhà của những người thuộc giai cấp trung lưu và trí thức nên yên tĩnh và trẻ con không hỗn xược như ở xóm cũ. Đó là một điều may mắn cho chúng tôi vì bọn trẻ con nhà tôi sẽ không bị nhiễm thói mất dạy vô lễ phép, như dạo còn ở xóm cũ.

Tôi quen với gia đình Ngà từ ngày gia đình tôi dọn về căn nhà của chú tôi. Nhà Ngà ở ngay bên cạnh nhà tôi, cách nhau bằng 1 hàng rào thấp ngăn 2 khoảng sân xi-măng hẹp.

Hôm ấy tôi đang phụ lực với người phu xe ba bánh khiêng những đồ đạc vào trong nhà. Một người con gái tuổi chừng 24, 25 thân hình hơi lớn nhưng đều đặn, gọn gàng trong bộ quần áo mặc ở nhà màu hồng, đứng tì tay lên hàng rào ở nhà bên cạnh nhìn chúng tôi. Tôi nhìn nàng và bất gặp đôi mắt nàng nhìn tôi. Tôi thấy nàng có vẻ đẹp quyến rũ của cô đào Ava Gardner nhất là đôi gò má hơi cao. Nàng có nước da bánh mật đậm đà. Nàng cười khi thấy tôi nhìn nàng, nụ cười thật tươi, phô bày 2 hàm răng trắng đều.

— Mới dọn nhà đến phải «hông» em?

Nàng nói giọng Saigon chính cống nên nghe nhẹ và dịu dàng. Tôi cười đáp lại :

— Vâng.

Nàng thôi nhìn tôi, đảo mắt nhìn những đồ đạc trên xe. Tự nhiên tôi khó chịu về cái nhìn soi mói ấy. Tôi khiêng chiếc bàn học vào nhà, rồi lại quay trở ra khiêng tiếp những đồ vật khác. Nàng vẫn đứng đấy.

— Ba má em mới mua cái nhà này sao?

Tôi không biết có nên xưng « em » như người con gái gọi tôi ? Tôi ít xưng em với ai. Tuy nhiên, để nàng khỏi ngượng, tôi cũng xưng em luôn. Và thấy mình xưng em không mấy ngượng ngập khó chịu như tôi vẫn nghĩ.

— Không, nhà này của ông chú em đi ngoại quốc nhờ trông hộ.

— A, ông Hải đi ngoại quốc rồi sao em ?

— Vâng.

— Ông Hải là chú em ?

— Vâng.

— Hèn chỉ nom em quen quen. Tôi muốn nói hình như em có đến đây chơi vài lần ?

— Vâng.

Nàng không hỏi nữa. Tôi thấy giọng nói miền Nam của nàng nghe cũng dễ chịu. Không thấy nàng nói gì, tôi lại tiếp tục khiêng những đồ đạc vào nhà. Lúc tôi quay trở ra, nàng đang đứng gần chiếc xe ba bánh, lật lật những bức tranh của ba tôi.

— Ai vẽ vậy em ?

— Ba em.

Tôi đáp cộc lốc, sau một giây ngập ngừng. Nàng nhìn tôi rất nhanh, dò hỏi. Có lẽ nàng nghĩ rằng tôi nên trả lời bằng một giọng hãnh diện. Tôi khẽ nhún vai bỏ vào nhà với chiếc vali trên tay. Khi tôi trở ra nàng lại hỏi :

— Ba em là họa sĩ ?

Tôi cảm thấy khó chịu. Tôi đáp nhạt gừng :

— Trước kia thì có...

— Còn bây giờ ?

— Bây giờ, bây giờ... — tôi khẽ nhún vai — là họa sĩ tài tử.

— Vậy hả ? Chắc ông cụ bạn đi làm ?

— Không. Xin phép chị...

Nàng đứng lui sang 1 bên :

— Em cho phép chị xem những bức tranh nhé ? Ông cụ em vẽ đẹp.

Tôi đáp sau cái nhếch mép :

— Vâng, đẹp !

Nàng nghiêng đầu ngắm những bức tranh xếp trên xe. Tôi nhìn những lọn tóc dài ôm lấy chiếc cổ để hở. Tôi tưởng tượng đến cái cảm giác nhột nhột thích thú của sự cọ sát đó. Nàng bỗng ngẩng lên nhìn tôi rất nhanh. Vừa lúc ấy tôi nghe tiếng mấy thằng em tôi reo hò từ đầu ngõ. Tôi quay ra và thấy chúng ngồi nghêu nghe trên chiếc xe ba bánh ngất ngư những đồ đạc. Tiếng ồn ào của chúng có vẻ không thích hợp với bầu không khí tĩnh mịch ở đây. Tôi không biết phải bảo sao với chính nó. Thằng An kể tôi, chạy đến bên tôi, vừa thở vừa nói :

— Mẹ dặn anh coi cẩn thận mấy bức vẽ của ba !

Tôi phát cáu :

— Tao bỏ ở dọc đường rồi !

Thằng An đáp, tỉnh khô :

— Mặc anh ! Mẹ bảo em thế nào thì em dặn lại như thế ấy !

Rồi nó bỏ chạy vào trong nhà với cái háo hức của một đứa trẻ khi dọn đến nhà mới, và không quên nói vọng ra :

— Ba mẹ sắp đến rồi đấy !

Vừa lúc ấy, một chiếc xe ba bánh khác tiến vào ngõ, trên chở chiếc tủ gương lớn nhất trong những đồ đạc của gia đình tôi. Mẹ tôi tất tả đi bên cạnh. Bà lúc nào cũng có vẻ vội vã, toàn là những vội vã vì kẻ khác. Tự nhiên tôi thấy sự cẩu kính vừa qua của mình có vẻ tàn nhẫn. Dầu sao bà cũng hơn tôi là bà còn biết yêu những bức tranh của ba tôi. Tôi tự thấy mình thiếu chịu đựng và cộc cằn. Mẹ tôi nói với người phu xe :

— Đây... đây rồi... bác ngừng ở đây cho... cẩn thận, khéo không đổ ! Thôi, thế được rồi !...

Mẹ tôi bước vào bên trong hàng rào trong khi bọn em tôi đang thi nhau hò hét ở trong nhà. Bà nói :

— Gớm, gớm, lũ trời đánh ! Làm cái gì mà hét dữ vậy hở lũ giặc nhãi !

Quát xong, bà chợt nhìn thấy người con gái ở bên cạnh đang đứng xem những bức tranh của ba tôi. Nàng khẽ gật đầu chào mẹ tôi kèm theo nụ cười thiện cảm. Mẹ tôi cười gật đầu chào lại, rồi phân trần :

— Chúng nó phá lắm cơ, cô ạ !

Nàng khẽ « dạ » một tiếng. Mẹ tôi co vạt áo lên lau những giọt mồ hôi trên

trán. Tôi nhìn kỹ sợi tóc đen mượt đâm mồ hôi bị ép sát trên vầng trán mịn của bà: Tôi muốn được tư tay vén những sợi tóc đó lên chobà bằng một cử chỉ âu yếm! Nhưng tôi cũng thích ngắm chúng nằm yên như thế trên trán mẹ tôi hơn. Mẹ tôi trẻ. Tôi thấy sung sướng có một người mẹ trẻ.

— Cô cũng ở ngõ này?

— Dạ, cháu ở bên kia...

Nàng chỉ sang nhà nàng. Mẹ tôi cười, bắt chuyện:

Thế là chúng mình trở thành hàng xóm đấy nhỉ?

— Dạ.

Thấy nàng ngắm nghía những bức tranh, mẹ tôi nói bằng một giọng hân hoan:

— Chắc cô thích xem tranh? Để dọn dẹp xong, mời cô sang ngắm tranh của nhà tôi vẽ?

Mẹ tôi nói câu sau với một vẻ hãnh diện. Tôi nhìn vẻ mặt hớn hờ tuy một nhọc của mẹ tôi. Tôi thấy vẻ mặt nhọc đó làm mẹ tôi đẹp thêm.

— Dạ cháu cũng đang định «dậy».

Mẹ tôi nói:

— Xin phép cô... Gồm dọn nhà bận bận là! Được cái ngõ này có vẻ tĩnh.

— Dạ.

Mẹ tôi quay sang tôi:

— Nào, Anh ra giúp mẹ, tay với bác phu xe để khiêng chiếc tủ kia vào. Để những đồ đạc nhỏ cho các em nó khiêng vào. Mau lên còn có cơm nước chứ?

Tôi không đáp, lẳng lặng theo mẹ tôi ra khiêng chiếc tủ vào. Người con gái hàng xóm trở vào bên trong hàng rào của nhà nàng, ở đó có thêm mấy đứa em của nàng đang đứng nhìn chúng tôi khiêng đồ đạc vào trong nhà.

Đến tối, mọi việc đã thu xếp xong. Mẹ tôi sang thăm những nhà bên cạnh để gây tình hàng xóm. Mẹ tôi vẫn có tính niềm nở như vậy với mọi người. Mẹ tôi nói khi thấy tôi nhìn bà và tỏ vẻ hơi khó chịu về sự xã giao này:

— Cần phải làm như thế vì mỗi ngày mình mỗi đụng mặt với họ. Chả lẽ cứ tỏ ra mỗi nhà gặp nhau? Có lẽ đến thời chúng mày lớn lên và có gia đình thì ở thế giới này mỗi người, mỗi gia đình là một hòn đảo riêng biệt mất!

Khi mẹ tôi ở nhà bên cạnh về thì Thoa, tên người con gái hàng xóm, cũng sang nhà tôi chơi, lấy cớ là sang xem tranh, cùng với một người em trai. Nàng nói chuyện và hỏi han thật khéo léo. Tôi không ưa người đàn bà quá khéo miệng. Mẹ tôi đem những bức tranh của ba tôi ra khoe. Nàng xem không phê bình. Gặp bức nào đẹp chỉ suýt soa. Phải nói là Thoa không có một cái nhìn sâu sắc cho cái đẹp. Tôi đoán nàng cũng chỉ là một người con gái một tâm hồn giản dị, hồn nhiên đến hơi hợt.

Nàng về. Tôi thấy mình nghĩ hơi nhiều về nàng. Có lẽ vì vẻ đẹp của nàng. Tôi nhớ đến đôi mắt nhìn như có một cái gì mơ hồ, đến đôi gò má cao, đến miệng cười. Điều đó cũng không lạ vì bình thường tôi vẫn mê say vẻ đẹp quyến rũ của Ava Gardner. Tôi nghĩ có lẽ tôi, ngoài những ảnh hưởng

về cách nhìn đời nhận được của bố tôi còn được thừa hưởng một cái nhìn cho những vẻ đẹp của ngoại vật của ông (Tôi chỉ không chấp nhận cái nghề bạc bẽo của bố tôi đấy thôi).

..

Ngày hôm sau tôi khám phá ra Thoa còn có một người bạn gái kém nàng hai tuổi : Ngà. Thoa làm tôi lúng túng về vẻ đẹp quá lộ của nàng. Trái lại Ngà làm tôi lặng đi mà chiêm ngưỡng nàng như chiêm ngưỡng một bức tượng giai nhân.

Ngà đẹp một vẻ đẹp thiên thần. Dáng người nàng nhỏ bé, mảnh mai và đầy vẻ dịu dàng. Tóc nàng cắt ngắn, lòa xòa phủ xuống vầng trán mịn, nhưng không che mất đôi mắt một mí đen và sáng long lanh như hai vì sao. Lần đầu tiên tôi gặp nàng, tôi đã bị cái nhìn của nàng thu hút vào lòng sâu thẳm của 2 vì sao đó. Nhìn tóc nàng, nhìn làn da nàng, tôi không khỏi liên tưởng đến bốn câu thơ của Nguyên Sa — và tôi nghĩ chỉ có bốn câu thơ này có thể làm tôi mãn nguyện khi nói đến vẻ đẹp của Ngà của tôi :

*Da em trắng anh không còn ánh sáng
Tóc em mềm anh chẳng tiếc mùa xuân
Và trên đời sẽ chẳng có giai nhân
Vì anh gọi tên em là Nhan sắc*

Phải, Ngà là tượng trưng của Nhan sắc, là nữ thần của Nhan sắc. Một vẻ đẹp chỉ có thể khiến người ta lặng đi mà chiêm ngưỡng một cách trong sạch. « Một vẻ đẹp cứu rỗi », tôi nhớ đến câu văn của một nhà văn nào đã viết.

Khuôn mặt Ngà là cả một sự tề

nhị và đầy chăm sóc của tạo-hóa khi tạo nên nó : những đường nét vừa đủ để làm nổi những góc cạnh, nhưng vẫn không kém vẻ dịu dàng : chiếc mũi nhỏ, cao và gọn, hơi trác xuống vừa phải trên cặp môi đỏ tuy không thoa son với môi dưới hơi thiếu một cách đáng yêu và quyến rũ lạ thường. Nàng cười, để lộ hai hàm răng, mọc không đều nhau, nhưng chính vì tính chất khềnh đó đã làm nàng trở thành duyên dáng, dễ thương. Nhiều khi tôi nghĩ, tất cả những nét đặc biệt ở nàng nếu chỉ cần một sự quá đáng của nhà điêu khắc, sẽ trở thành thô-kịch và xấu hằn đi — « sự quá tay » ở đây, tôi muốn nói nếu nhà điêu-khắc vì quá say sưa, với công trình của mình vừa tạo được, lại đang đà hứng, nấn thêm một chút chiếc mũi dài ra, hay cặp môi trên dày thêm, toàn thể bức tượng sẽ xấu không thể tưởng được ! Chính ở Ngà tôi đã khám phá ra công trình nghệ thuật của một nhà điêu khắc đại tài, biết ngừng lại ở điểm nào để tác phẩm của mình không đi ngược với điều mình mong muốn.

Ngà nói ít, khác hẳn với Thoa, nhưng hay cười mỉm, thật lặng lẽ và gợi cảm. Đó là những bông hoa hàm tiếu mà đã nhiều lần tôi muốn ngắt lấy để đem về cắm trên bàn học. Ngà đẹp dịu dàng và trong sáng quá khiến tâm hồn tâm tôi nặng nề của tôi như được xoa dịu, giống như một đứa trẻ đang khổ sở và khóc nức nở được bàn tay êm ái của người mẹ vỗ về và ru ngủ. Tôi thấy lòng mình nghiêng hẳn về Ngà. Sự êm ái tôi cảm thấy mỗi khi đối diện với Ngà thật thần diệu. Nhưng

sau những lúc đó tôi bắt gặp một sự day dứt trong tôi, cái day dứt khi chiêm ngưỡng một vẻ đẹp mà mình biết không bao giờ có thể nắm được nó ở trong tay vì sợ rằng sẽ vỡ tan như những chiếc bong bóng nhiều màu sắc, trong như pha lê, làm bằng bột sà phòng. Sau những lần nói chuyện với Ngà — (Ngà nói chuyện rất tế nhị: nàng nói ít, nhưng lúc nói chuyện với nàng, tôi có cảm tưởng như đang dự một cuộc chơi đoán nghĩa của chữ rất thú vị) — Tôi trở về, lòng day dứt và rung rung. Tôi tự hỏi, với tất cả cái bùng khuâng của một thằng con trai đang tuổi lớn: không biết có phải đó là tình yêu? Có thể nào tôi đã yêu Ngà à

Tôi không bức tức khi Ngà coi tôi như em nàng, như tôi vẫn cảm thấy đối với Thoa. Hình như chính tôi cũng sung sướng được nàng đối xử như vậy. Tôi không hiểu vì sao tôi lại sung sướng như thế, trong khi có những đêm tôi đã thao thức với niềm day dứt trên. Tôi quý mến Ngà. Có những thằng con trai gán cho người mình yêu quý hình ảnh một người mẹ, một người chị vì cần một nguồn an ủi, một nơi nương tựa cho tâm hồn trống trải của nó. Có lẽ tôi ở trong trường hợp đó. Tôi ngạc nhiên một cách dễ chịu khi thấy hình ảnh nàng đã chiếm trọn vẹn trong tôi, đẩy lui tất cả những hình ảnh khác, ngay cả mẹ tôi. Tâm hồn tôi êm ả như một buổi chiều nơi đồng ruộng.

* *

Năm ấy tôi vừa thi xong Trung-Học Đệ Nhất Cấp, nhận được chân kèm bọn em của Ngà đang học tiểu học. Với

số lương vài trăm bạc, tôi đủ tiêu vặt và có thể trả học phí cho một cours sinh ngữ học thêm, và một đôi lần trong tháng bao mấy đưa em đi ciné ở một rạp hát bóng rổ tiền gần nhà. Mẹ tôi, đôi khi nhìn tôi ứa nước mắt và nói những câu đáng lẽ không nên nói:

— Tội nghiệp con tôi. Bằng ấy tuổi đầu mà đã phải vất vả. Nếu mẹ có tiền...

Tôi ngắt lời mẹ tôi, giọng cáu kỉnh:

— Mẹ tưởng con còn bé bỏng lắm sao? Sang năm con đã mười sáu tuổi rồi. Nhiều người còn nhỏ hơn con mà đã làm lấy nuôi thân được rồi. Mẹ không biết...

Mẹ tôi gật đầu, giọng buồn:

— Mẹ biết...

Những câu nói bình như chẳng liên quan gì đến nhau. Thấy mẹ buồn tôi không nỡ gay gắt, dù là để mẹ tôi đừng nói những câu trên. Tôi ghét sự mũi lòng. Tôi cười cho mẹ tôi vui.

Bố tôi vẫn vậy. Ông không còn thấy hăng say, nhưng ít ra ông cũng quên được sự bất lực của mình một phần nào — cái bất lực đã trở nên một mặc cảm đè nặng trong ông, giết chết mọi năng lực sáng tạo nơi ông. Đối với cuộc đời biến đổi, bố tôi đã chết thật rồi. Nhiều khi tôi nghĩ mỉa mai một cách tàn nhẫn, rồi vẫn dành cho bố tôi một điều may mắn là ông đã cưới mẹ tôi. Mẹ tôi trẻ và kính yêu bố tôi tha thiết. Những người mẹ, người vợ có một cái tháo vát kỳ lạ lắm. Khi nào người chồng còn có thể gánh vác việc gia đình, họ rút vào lãnh vực hoạt động âm thầm trong phạm vi gia đình. Nhưng khi cò đến tay, họ cũng tỏ ra tháo vát và quán

xuýt. Đó cũng là trường hợp của mẹ tôi.

Bố tôi yêu mẹ tôi và cho đến bây giờ thêm vào tình yêu đó là sự mến phục dành cho bà. Nhưng ông vẫn không thể không bất mãn, hằn học với mình, với mọi người và với tất cả cuộc đời. Ông đúng là một họa sĩ bỏ cuộc, đến khi quay lại nhập cuộc thì chợt thấy đời đã bỏ quên mình, nên sinh ra quản trí, thay vì kiên nhẫn đuổi theo để bắt kịp mọi người. Bố tôi lộ vẻ mệt mỏi của một kẻ thất trận phải đầu hàng, cũng như những người bạn ở lứa tuổi ông vẫn thường lui tới chơi với ông. Những mẩu chuyện họ nói với nhau còn đáng nản hơn nữa. Tôi đã chán ngấy chúng rồi. Đó là những kỷ niệm ngày còn trẻ không biết đã được họ kể đi kể lại tới bao nhiêu lần. Họ là những người của một thế hệ đã bị bỏ quên, đang cố tạo cho mình một thế giới trong đó là những buổi ngồi ôn lại những kỷ niệm xưa. Họ như đứng hẳn lại trong cuộc biến chuyển đầy tính chất xô bồ của thời đại trong đó họ đang sống nốt số tuổi đời. Một lần khi nghe tin một nhà cách mạng lão thành của thời kháng Pháp xưa và cũng là một nhà văn được phái trẻ cấp tiến ngày xưa hăm mộ đã từ trần, tôi nói với mẹ tôi :

— Đáng lẽ ba nên đến thăm ông ta và nói với ông ta cho quá giang với, mới phải !

Mẹ tôi, tuy đã quá quen với những luận điệu và những hằn học của cha con chúng tôi, nhưng cũng trợn mắt nhìn tôi như thể là bà phải làm cái điều đó vì bà là mẹ tôi :

— Thằng này ! Ăn với lại chả nói. Nghe hay nhỉ ?

Tôi cười gượng gạo và chán chường, không tỏ một sự ân hận nào vì đã thốt lên những lời trên. Mẹ tôi cũng không nói gì nữa. Tôi chỉ tỏ ra hồn xược đối với ba tôi khi nói chuyện với mẹ tôi. Còn trước mặt bọn em tôi, tôi lại giữ một thái độ khác hẳn. Vì thế mẹ tôi cũng như đồng ý và coi lối cư xử của tôi là hợp lý. Luôn luôn bà coi tôi như một người lớn, vì chỉ có tôi ở trong nhà là đôi khi bà còn đem việc buồn bán làm ăn ra bàn với.

Những buổi tối thứ bảy, chủ nhật và ngày nghỉ vẫn là những buổi tối lý tưởng cho các cuộc họp mặt của ba tôi và các bạn của ông ở nhà tôi. Nhìn vẻ mệt mỏi của họ, nhìn những nếp nhăn khắc khổ trên mặt họ, và lúc họ ngồi nói chuyện hoặc im lặng bên nhau, tôi thấy một bầu không khí u uất nặng nề thế nào. Tôi thường trốn khỏi gia đình để cùng lũ bạn quấy phá tại những phòng trà, những vũ trường. Mới 16, 17 tuổi, tôi đã nếm mùi đàn bà và rượu. Tôi sống bừa bãi, nhưng chỉ ở ngoài giờ học. Tiếp xúc với những sự phũ phàng, tàn bạo quá sớm, tôi có thái độ coi thường tất cả. Tôi tưởng rằng mình sẽ không thể yêu tha thiết được ai. Tuy thế tôi biết là mình vẫn còn trẻ và hay thay đổi. Và vì còn trẻ nên cuộc sống túng thiếu về vật chất khiến tôi không thể không cảm thấy, một đôi khi, khinh bỏ tôi đã tỏ ra bất lực và đã không thể đem lại cho chúng tôi một cuộc sống đỡ chật vật hơn, cho mẹ tôi đỡ vất vả hơn. Và cho những thời giờ gần gũi các con và tự tay chăm sóc nhà cửa

của bà — một cái thú mà bất cứ người đàn bà nào có gia đình cũng muốn được hưởng — không chỉ còn là một giấc mộng đối với những ngày đi hàng quá bận rộn của bà. Những ý nghĩ ấy thường đến trong tôi vào những đêm thật sâu sau khi đi nhảy với lũ tặn về — trong một sự trống rỗng chán chường mệnh mông.

Một đôi khi tôi nghĩ đến việc bỏ học để đi làm giúp gia đình. Nhưng mẹ tôi nhất định không bằng lòng. Bà nói với tôi :

— Hiện giờ con chỉ có một cách duy nhất để giúp mẹ là khuyên răn, dạy bảo cho các em những gì con đã học được. Mẹ chưa cần con đi làm vội.

Nghe mẹ nói tôi cũng chợt nhận ra mình chỉ có mỗi mảnh bằng Trung Học, cái mảnh bằng đối với thời đại của tôi chỉ là bèo bọt, vô giá trị. Với ý nghĩ ấy, tôi lại dốc tâm học hành.

Có lẽ tôi thù ghét những nghề có tính cách nghệ sĩ cũng vì đã thấy bố tôi. Mẹ tôi vì yêu bố tôi và yêu cả tài vẽ của ông, nên bà muốn cho các con bà cũng yêu và phục bố tôi như bà. Nhưng khổ nỗi, riêng đối với tôi, thành kiến để ăn sâu vào tâm hồn trẻ thơ của tôi đối với nghề vẽ và đối với bố tôi — cái thành kiến phát sinh từ sự túng thiếu, những lúc đục trong gia đình mà tôi không bao giờ có thể quên được.

(Còn tiếp)

TRÙNG-DƯƠNG

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÀM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY ◊ LOẠI ĐỂ BÀN GIẤY →



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1. Đường Nguyễn-Sieu — Téléphone 1 20.821 — SAIGON

BÁCH-KHOA

những bài trong số tới

<i>Việt-Nam tham-dự hội-nghị quốc tế</i>	PHẠM-LƯƠNG-GIANG
<i>Rostow và Marx trong thuyết Tiến-Hóa xã hội</i>	ĐÀO QUANG HUY
<i>Nhiệm-sắc-thề và di-truyền tính</i>	VÕ QUANG YẾN
<i>Lược-khảo về tiểu-thuyết trinh-thám Anh</i>	NGUYỄN-TRẦN-HUÂN
<i>Giao diềm sinh-vật điện-tử</i>	CÔ LIÊU
<i>Đàn hỏa và Xá-Lợi</i>	NGUYỄN VĂN THƯ
<i>Đại-Học Huế với cuộc đấu tranh Phật giáo qua hai giờ phỏng vấn giáo sư Lê-Tuyên</i>	NGUYỄN-NGU-Í
<i>Một ngày của Ivan (Dịch A. Soljénit-syne)</i>	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
<i>Đi vào « Sốc »</i>	SƠN NAM
<i>Vì lá cờ Phật</i>	TÚY HỒNG
<i>Người thứ Ba (truyện ngắn)</i>	VÕ HỒNG
<i>Đám cưới (truyện ngắn)</i>	Y-UYÊN
<i>Những người chết chưa chôn (truyện ngắn)</i>	YÊN-HY-BA
<i>Một phần sáu mươi (truyện ngắn)</i>	LÊ-TÁT-ĐIỀU

Sách Báo Mới

Bách-Khoa đã nhận được :

— **Tuyên-ngôn của Lực-lượng cách-mạng thống-nhất** : của Nguyễn-Văn-Lực, do tác giả gửi tặng. Sách dày 142 trang, gồm ba phần chính về Kiểm điểm hàng ngũ quốc-gia trong 20 năm qua, Lực-lượng cách - mạng thống nhất, Quan-niệm về nhiệm-vụ của chánh quyền cách-mạng và một phần phụ ục về chương trình kiến-thiết quốc-gia giá 30đ.

— **The universal philosophy** : tác giả Trang-Khanh-Thanh nhà xuất-bản : Thiên Hong, do tác giả gửi tặng. Sách dày trên 30 trang, giá 20đ.

— **Tự-lập** : nội san của nhóm sinh-viên tương thân ở Paris, số 1

ngày 1-1-1964. Hộp thư : gửi ông Hoàng - Văn - Liêm, 22 rue Pierre Curie Paris (5^e).

— **Lá vắn xanh** : tập truyện của Võ-Hồng, do Thời Mới xuất-bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 175 trang, gồm 6 truyện ngắn. Bản đặc-biệt không đề giá.

— **Hình bóng cũ** : Truyện dài của Sơn-Nam, do Phù-Sa xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày hơn 100 trang, giá 24đ.

— **Đem tâm tình viết lịch sử** của Nguyễn-Mạnh-Côn, do Giao Điểm tái bản và xuất-bản gửi tặng. Sách dày 200 trang, được giải thưởng văn chương toàn quốc năm 1957. In lần thứ hai, giá 50đ.

Trân trọng cảm-ơn các tác giả, nhà xuất-bản trên đây và xin ân-cần giới thiệu cùng bạn đọc Bách-Khoa.

BẠN YÊU VĂN KHÔNG THỂ THIẾU

VĂN

Giai phẩm xuân Giáp Thìn

- Tuyển tập thơ văn của hơn bốn chục tác giả, đại diện cho ba thế hệ văn học : tiền chiến, gạch nối, và hôm nay.
- Một giai phẩm để đọc suốt một mùa Xuân và để giữ mãi mãi.

ĐÃ CÓ BÁN TẠI CÁC HIỆU SÁCH

LÁ VẮN XANH

TUYỂN TẬP TRUYỆN NGẮN
của **VÕ-HỒNG**

Thời Mới xuất bản

Giá 42\$

HỘP THƯ

Sách Khoa đã nhận được

Xuân độc thoại (Hoài-vọng) Mẹ và con (Âu Chương) Hoài hoài (Tâm Gia Khánh) Lời cuối (Trần Quang Long) Trái ngược (Hoài Vọng) Chim hót mùa xuân (Lam Hồng) Thư biên cương (Đỗ-Bình-Minh) Hòa điệu buồn đau — Ý-Hồng (Bùi Quang) Ký ức của con (Phạm Thị Mỹ Khánh) Tiềm ẩn... (Trình Quân) Buổi sáng mùa xuân (Mây Hải Đảo) Nỗi buồn thế kỷ (Phạm Hữu Quang) Tình yêu soái cánh bay... (Y Sa Mặc Cẩm Phô) Buồn hôm nay — Bài hồn ca mùa xuân... (Hoài Huyền Thi) Xuân quê hương (Như Nguyệt Sa) Ca khúc — bài sầu thảng giêng (Triều Uyên Phương) Cầu xin (Mặc Thi Hoài) Nỗi buồn mùa xuân... (Ai Đình) Lòng sầu — Mưa cao nguyên (Vũ Nam) Năm chờ chiêm bao (Nguyễn Ngọc Kỳ) Giữa chiều (Yên Xuyên Phương) Lời của mùa xuân thần thoại (Huyền Mộng Trâm) Hạnh ngộ xuân sương (Thế-Hương) Xuân và cuộc đời cay cực... (Mặc Tường) Lời tình ca... (Nguyễn) 3 khúc hùng ca của người dân Việt (Mây Hải Đảo) Vọng nhớ... (W. S. Khắc Minh)

Giấc ngủ lo âu... (Đỗ Bình Minh) Trống hoang... (Triều Cung Tĩnh) Lần cuối (Nguyễn Trinh) Ưng thư (Hoàng Ngọc Hiền) Hoài Cảm... (Yên Xuyên Phương) Cung thương ngày cũ (Nguyễn Anh Hưng) Nhìn xuống (Hạnh Minh) Vào mộng. (Liên Thao) Trả về cô đơn (Nguyễn Văn Đài) Đêm Thành Phố (Niub-Thuận) Mâu trắng năm xưa. Mùa xuân thoáng qua (Lê Trâm Mi) Buồn hôm nay... (Sao Băng) Giấc ngủ lo âu... (Đỗ Bình Minh) Giáo dục y tế học sinh — Sứa lạnh (Đình Nguyên) Ô. Nguyễn Hào Sự (Nguyễn Đình Tư). Đọc Incognito (Nguyễn Huy Lục) Cô giáo trời bắt xấu (Chiều Thiên Phương) Thu Thủy (Ngọc Quang).

Bạn Tân - Khánh - Phương, Thương-Hoài, Ngọc-Liêu, Nguyễn Ngọc-Lê, Trâm-Mi, Hoài-Vọng. Đã chuyển truyện và thơ các bạn cho người phụ trách.

Bạn Lê-Tiến-Dũng, Hội-An. Tôi soạn có chuyển thư bạn cho tôi. Tôi đã xem và chuyển đến người có trách nhiệm việc này. Bạn cho địa chỉ rõ ràng để tôi có thư riêng

NGUYỄN NGU-Í

Sách đại Nam Văn Hiến • Đường Sáng phát hành :

- Một trong những cuốn sách truyền tay gây dư luận sôi nổi trong văn giới, trí thức Thủ đô của chính phủ trước cầm lưu hành.

NHẬN DIỆN VÓC DÁNG NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

Truyện ký của THẾ PHONG

Bìa 3 màu, in đẹp trang nhã • Giá 25 \$

- Và trong tháng 1 và 2 / 1964 Loại Sách Bản Thảo ĐNVH sẽ ra mắt :
- PHÙ SINH thơ LÝ DŨNG TÂM
- TRUYỆN NGƯỜI của TÌNH PHỤ của THẾ PHONG sẽ gửi tới bạn văn, bạn đọc đầu tháng 2 / 64.

QUÀ-TẾT

Không gì trang nhã và lợi ích bằng
một bộ :

BÁCH KHOA ĐÔNG TẬP

- Một tập tài liệu phong phú về mọi mặt : chính trị, kinh tế, văn học, nghệ thuật, giáo dục, quân sự v.v...
- Một tập tác-phẩm đã in và sẽ in thành sách : Xây dựng tác phẩm tiểu thuyết, Lược khảo văn học, Tiểu thuyết hiện đại, Tìm hiểu Hội Họa, Vườn Mây, Hòa Âm, Cái bong bóng lợn, Vượt thác, Mùa xuân trên đỉnh non cao, Mưa đêm cuối năm, Đêm xuân trắng sáng, Giã từ, Thư nhà, Lá vẫn xanh v.v...

BÁCH KHOA ĐÔNG TẬP

- Mỗi năm : 4 tập 24 số : 260 \$
- 7 năm : 20 tập 168 số gồm có :
- 8 tập (1957-60) mỗi tập 12 số (giá 1 tập 110 \$)
- 12 tập (1961-63) mỗi tập 6 số (giá 1 tập 65 \$)

BÁCH KHOA ĐÔNG TẬP

*Có bán tại các hiệu sách và tại tòa soạn Bách Khoa
160, Phan-Dinh-Phung Sài Gòn*

Nhà xuất bản SÁNG TẠO

Đã cho phát hành

TRÁI CÂY ĐAU KHỔ

Tập kịch của DOÃN-QUỐC-SỸ

- Bản đặc-biệt giá 100 đồng. Các bạn yêu sách quý xin gửi bưu phiếu theo địa chỉ : Doãn-Quốc-Sỹ 338/60^B Thành-Thái Chợ Lớn

ĐÃ CÓ BÁN

HẸM BỐN GIỜ TRONG ĐỜI MỘT NGƯỜI ĐÀN BÀ

của STÉFAN ZWEIG do TRẦN THIÊN dịch

Thời Mới tái bản

giá 28 \$

ĐÃ PHÁT HÀNH

Sứ Mệnh Văn Nghệ Hiện Đại

- Tiểu Luận Văn học của A. Camus
- Bản dịch của Trần-Phong-Giao

GIAO-ĐIỂM XUẤT-BÁN

in lần thứ hai

ĐỌC VÀ CỐ ĐỘNG:

Tự Do

Nhật báo tranh đấu dành tự do cho dân tộc, xây dựng dân chủ cho quốc gia và cải tiến xã hội.

Chủ-nhiệm : PHẠM-VIỆT-TUYẾN — Chủ bút : NG-DUY-CÂN
Thư-ký Tòa-soạn : NGUYỄN-TRỌNG — Quản-lý : TRỰC-NGÔN
Báo quán : 25-27-29 Võ Tánh — Saigon. H.T. số 653. Đ.T. 25.521

Sổ Xuân

NGƯỜI VIỆT TỰ DO

MỘT SỐ BÁO GỒM 80 TRANG BÀI VỞ HÌNH ẢNH



- Những cây bút đặc sắc nhất của làng văn làng báo đều tập trung trong *XUÂN NGƯỜI VIỆT TỰ DO* : Mặc Đỗ, Đinh Hùng, Thạch Lê, Tham Nam, Hoàng Anh Tuấn, Văn Quang, Song Hồ, Tường Linh, Trần Lê Nguyễn, Cẩm Thi, Nguyễn Đạt Thịnh, Mai Thảo, Mặc Thu, Tô Kiều Ngân, Kiên Giang, Xuân Phụng
- Minh họa trình bày của các họa sĩ Ngọc-Dũng, Hiếu-Đệ, Ngân-Hà

TÌM ĐỌC

MÙA XUÂN TRÊN ĐỈNH NON CAO



của VŨ HẠNH

Bìa của THÁI TUẦN

Minh họa của PHẠM TĂNG

NHÀ CỎ THƠM ấn hành

Cần gấp

Có người cần mua lại hoặc xin sao lại 3 tác phẩm này của **Hồ-Hữu-Tường** : *Kinh tế học nhập môn*, *Xã hội học nhập môn* (Tân-Việt, Hà-Nội, 1946) và *Vấn đề Dân tộc* (Minh-Đức, Hà-Nội, 1946) xin liên lạc với : NGUYỄN-NGU-Í.

VIỆT-NAM CÔNG-THƯƠNG NGÂN-HÀNG

(BANQUE COMMERCIALE & INDUSTRIELLE du VIET-NAM)

Số vốn : V.N \$ 50.000.000

TỔNG CUỘC SAIGON :

93 - 95, Đại-lộ Hàm - Nghi

Điện thoại : 21.558 - 21.559

Điện tín : VIETNAMBANK

CHI NGÀNH :

- SAIGON, 209-213 đại-lộ Trần-Hưng-Đạo
 - ĐÀ-NẰNG (Tourane), 59 đường Độc-Lập
-

ĐẢM-NHIỆM tất cả **NGHIỆP-VỤ NGÂN-HÀNG**
— **CÓ ĐẠI-DIỆN KHẮP HOÀN-CẦU** —

CÁC TRẺ SƠ SINH

VÀ TRẺ EM

NUÔI BẰNG

SỮA BỘT



Guigoz

— Mau mạp

— Ít đau

— Chóng lớn

— Khoẻ mạnh

Tổng phát hành : TRUNG VIỆT DƯỢC PHẨM CUỘC

66, GIA-LONG — SAIGON

BÁCH - KHOA

Bán nguyệt-san

Biên Khảo, Nghị Luận, Văn Nghệ

160, Phan-Đình-Phùng

Đ. T. 25.539 — H. T. 339

SAIGON

PHIẾU MUA BÁCH-KHOA

DÀI HẠN

Phương danh độc giả _____

Địa chỉ _____

Thời hạn mua (1) _____ bắt đầu từ _____

Thẻ thức trả tiền _____

_____ ngày _____ tháng _____ 1962

Ký tên,

Giá báo dài hạn :

Một năm : 200 \$

6 tháng : 100 \$

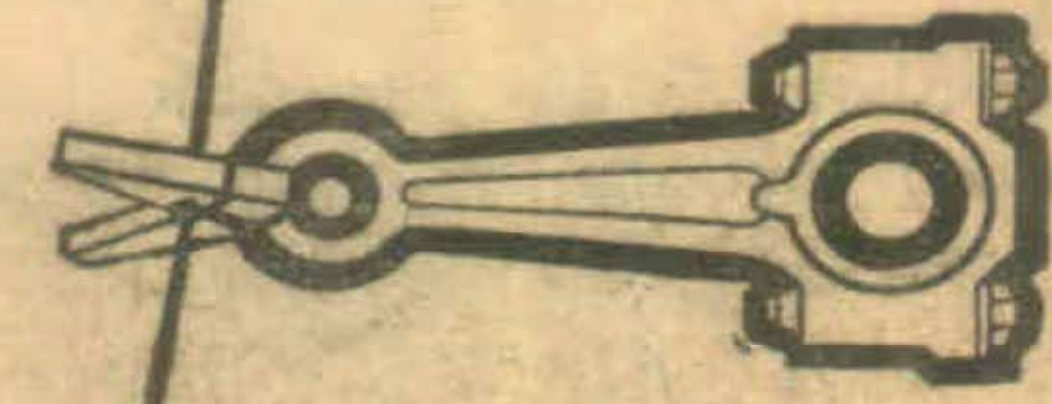
- Mua dài hạn Bách-Khoa
- Các bạn ở Saigon sẽ có người giao báo tận nhà.
- Các bạn ở xa sẽ được gửi đến chỗ ở, thất lạc số nào nhà báo sẽ gửi lại số đó.

— rả trước 200 \$, các bạn sẽ tiết kiệm được mỗi năm 60 \$ (22 số thường 220 \$ + 2 số đặc biệt và số Tết 40 \$ = 260 \$)

● Mua dài hạn Bách Khoa đề gửi tặng các bạn quen là một món quà trang nhã trong mọi dịp kỷ niệm mà người nhận sẽ vui thích và lưu giữ mãi mãi.

(1) Một năm hoặc 6 tháng.

(2) Trả tiền mặt, hay bằng chi phiếu hoặc gửi bưu phiếu.



hơn 50 năm tại Việt - Nam

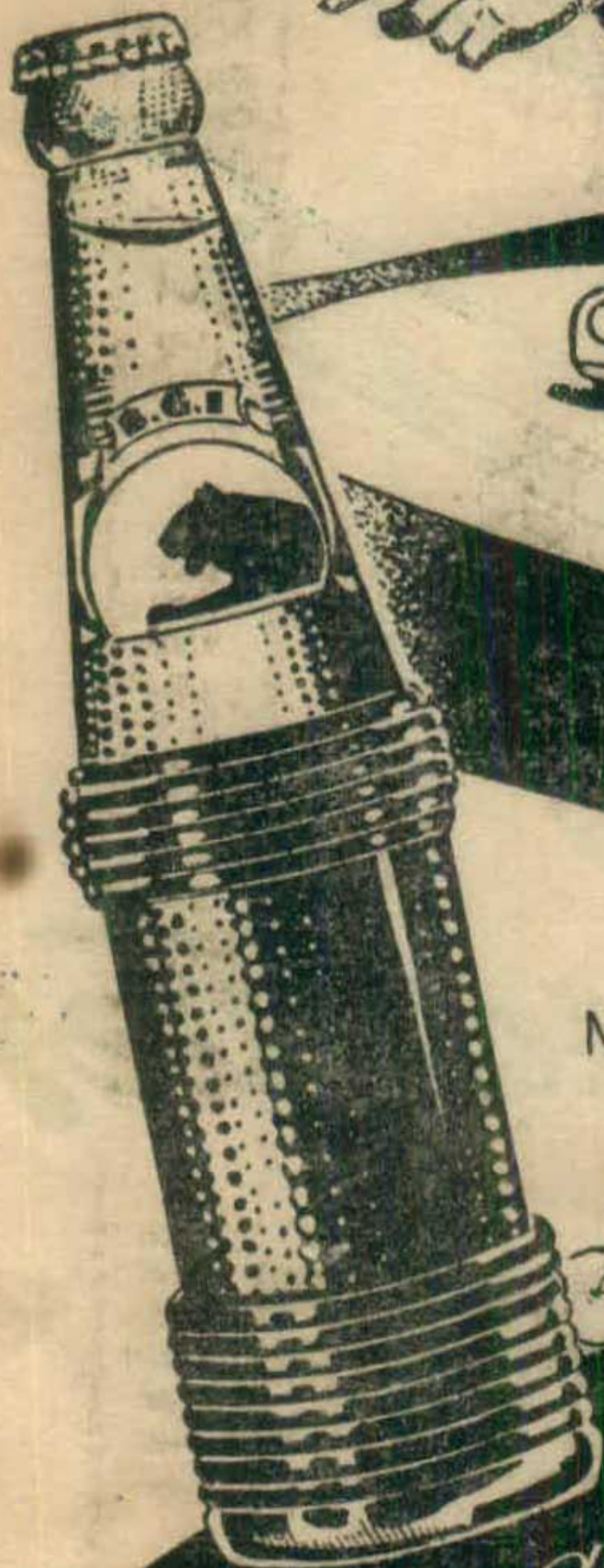


TRONG GIA-ĐÌNH ÊM-ÀM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT

Chỉ có

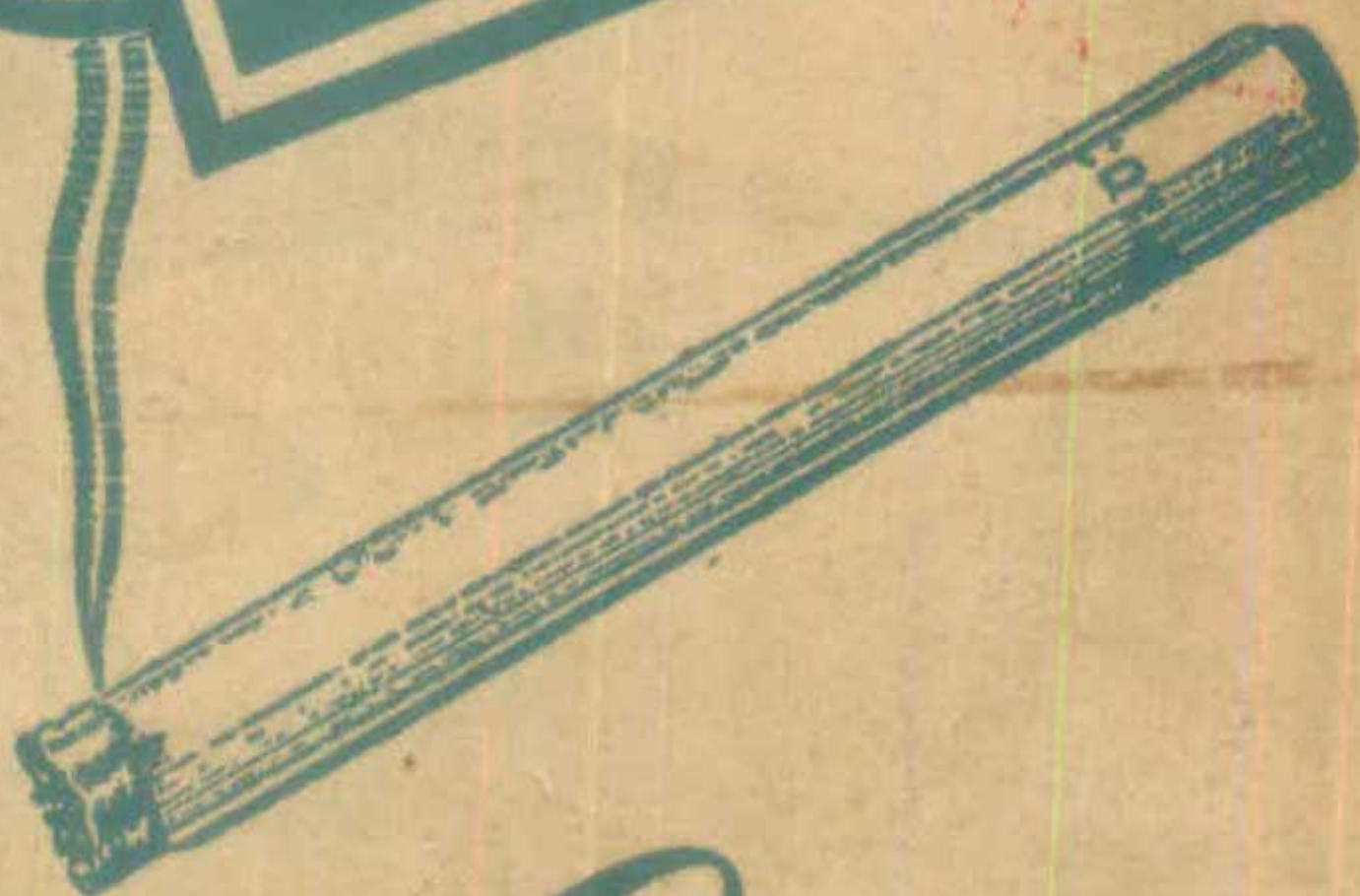


NUỐC-NGỌT "CON-CỌP"



Chai **"HÒA TIÊN"!**

COTAB



Cigarettes

VIRGINIE